GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

LUẬT XUẤT GIA TÓM TẮT

(PABBAJITA VINAYA SAṄKHEPA)

SOẠN GIẢ
TỲ KHƯU HỘ TÔNG
VAṄSARAKKHITA BHIKKHU

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2537 – 1993



CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG

BẬC SƠ TỔ KHAI SÁNG

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM

(1893 - 1981)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY



LUẬT XUẤT-GIA

TÓM TẮT

(PABBAJITA VINAYA SAṄKHEPA)

SOẠN GIẢ:

VAṄSARAKKHITA BHIḲKHU

TỲ KHƯU HỘ-TÔNG

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2536 - 1993

Tăng tựu thành hoàng Phật-Tổ ha,
Tiên hiền đô-thị ẩn nham a,
Sơn tiền thủy xuất nhơn-gian khứ,
Thanh-thủy y-nhiên thành trược ba,

TIỂU TỰA

Khi Phật sắp nhập Niết-bàn ông " ANANDA " và ông "UPÀLI" có đến hỏi Phật : Bạch Đức Thế-Tôn sau khi Phật diệt độ, chúng tôi phải tôn ai làm thầy ?

Phật dạy " Phải tôn giới Ba-la-đề mọc-xa " làm thầy.

" Ba-la-đề mọc-xa " (Patimokkha) tàu dịch là: " Biệt-biệt giải-thoát ", nghĩa là giữ được một giới-luật thì thoát khỏi được một tội lỗi.

Phật lại nói: Như-Lai chế ra điều-học có mười điều lợi-ích là:

1)— *Cho có điều tuyệt hảo đến Tăng.*

2)— *Cho có sự an-lạc đến Tăng.*

3)— *Để khiển trách những người bướng bỉnh phá giới.*

4)— *Cho có sự ở an đến tỳ-khưu trì-giới trong sạch, đáng kính mến.*

5)— *Để ngăn ngừa các lậu-phiền-não trong đời hiện tại.*

6)— *Để đẩy lui các lậu-phiền-não trong đời vị-lai.*

7)— *Cho những người chưa tin, phát tâm tín-ngưỡng.*

8)— *Cho những người đã tin, càng thêm tin.*

9)— *Cho Phật-Pháp được kiên cố lâu dài.*

10)— *Để hổ-trợ Tạng-luật.*

Chư tỳ-khưu vui thích trong sự xuất gia, nên ghi nhớ cho rõ các quả vui đều phát sanh do sự thông hiểu "Giới-luật " trước, cho có đức tín bền chắc trong giới-luật và cần phải thật hành theo cho thuần thục.

Người thông hiểu giới-luật ví như cha mẹ, như nơi nương nhờ của tất cả hạng người tín-ngưỡng Phật-Pháp. Những người đã thọ Sadi hoặc Tỳ-khưu giới thực hành theo điều trọng và điều khinh và biết rõ nơi nào nên tới lui, hoặc không nên tới lui(1) cũng đều nương theo người thông hiểu " giới-luật " ấy.

Người mà giữ giới trong sạch, đáng làm nơi nương nhờ cho hàng Phật-tử mong tìm sự an vui, thì hằng được tươi-tĩnh, nói năng trong khi hội họp, không chút chi e ngại. Người trì-giới có thể cảm hóa kẻ nghịch trở thuận, làm cho Phật-Pháp được hưng thạnh lâu dài.

Lại nữa giới-luật có lợi-ích phát sanh "sự thu thúc" (Saṃvara).

Thu-thúc có lợi ích phát sanh " sự không bất bình " (Vipatisâra).

Không bất-bình có lợi ích phát sanh " sự thỏa thích" Pâmojja) :

Thỏa-thích có lợi ích hát sanh " sự no-lòng " (2) (pīti)

No lòng có lợi ích phát sanh " tâm yên lặng " (passaddhi):

Yên-lặng có lợi ích phát sanh " điều an-lạc " (Sukha)

An-lạc có lợi ích phát sanh " thiền định " (Samâdhi) :

Thiền định có lợi ích phát sanh " sự hiểu biết rõ cả pháp theo chơn lý " (Yathâbhūtannânadassana).

Hiểu biết rõ các pháp theo chơn-lý có lợi-ích phát sanh " sự chán-nản đối với chúng sanh và vật (nibbidâ) :"

---

(1) Không nên đi đến nhà điếm, nhà đàn bà góa, nhà gái lỗi thời, bộ-nấp, chỗ tỳ khưu-ni, chỗ bán rượu.

(2) Thỏa thích rồi không biết đói gọi là no lòng.

Chán-nản trong chúng sanh và vật có lợi ích phát sanh "sự xa lìa tình-dục " (Virâga) :

Xa lìa tình-dục có lợi-ích phát sanh " sự giải thoát khỏi phiền não " (Vimutti) :

Giải thoát khỏi phiền não có lợi-ích phát sanh " sự hiểu biết rõ rằng được giải-thoát " **(Vimuttiñânadassana);**

Hiểu biết rõ rằng được giải-thoát có lợi-ích phát sanh "sự dứt khổ vì hết cố chấp" (anupâdâparinibbâna).

Quả báo mà phải được theo thứ tự ấy, đều do sự trì-giới-luật cả.

Cớ ấy, hành giả muốn được sự an-vui tuyệt đối ở cảnh Niết-bàn, chỉ nên tinh tấn vâng giữ giới-luật và hết lòng thực hành theo cho chín-chắn ắt được như nguyện chẳng sai.

Mong sao cho tất cả thân quyến chúng ta trong vũ-trụ đều được an vui lâu dài, sớm mau hồi đầu hướng-thiện qui-y Tam-bảo, thọ-trì giới luật, một lòng bất-thối, để tiến bộ trên đường giải thoát, đạt đến Niết-bàn ngỏ hưởng điều an-vui bất-diệt.

Mong thay

BHIKKHU VAṆSARAKKHITA (Hộ-Tông)

✺

DẪN-TÍCH

Giãi về : Nhân quả của sự Trì-giới

Từ xưa đến nay, các bậc trí-tuệ hằng thỏa-thích trong sự tiếp dẫn người đời, lánh dữ làm lành, hầu thọ hưởng những hạnh phúc lớn-lao và làm cho sự sống của mình được điều lợi ích. Hạng người như thế, đều là bậc cao đẳng, thường dứt bỏ gia-tài, danh-vọng và sự vui sướng trong ngủ-trần, xuất gia tu-hành để dạy bảo người đời noi theo chánh pháp mà tự mình đã giác ngộ. Đến khi có nhiều người sùng bái qui-y, thì được tôn làm "giáo chủ". Lời dạy bảo của bậc " giáo-chủ " ấy mà thiên hạ tôn ngưỡng thực hành theo, gọi là " tôn-giáo ".

Tôn-giáo của Đức chánh-biến-trí mà được thạnh-hành đến ngày nay là vì ngài giáng sanh nơi nhà vua, dòng Thích-ca tại xứ Trung-Ấn Độ, tên ngài là " Sĩ-đạt-Ta " (**Siddhattha**), phụ vương ngài là vua "Tịnh-phạn-Vương " (**Suddhodana**) trị vì trong xứ"Catỹlavệ " (Kapilavatthu), mẫu hậu ngài là bà "Mada hoàng-hậu " (Mahâmayâdevi). Khi mới sanh ngài ra, có thầy xem tướng tiên đoán rằng : " Nếu ngài ở thế thì sẽ được làm Chuyển-luân-Vương bằng đi tu ắt làm một vị giáo-chủ trong thế gian. Khi ngài được 16 tuổi, phụ-vương ngài truyền ngôi cho làm chúa trong nước, hoàng-hậu của ngài là bà Bambã. Làm vua 13 năm, được 29 tuổi ngài bỏ ngôi, xuất-gia đi ẩn tu nơi rừng núi, nhằm ngày mà thái-tử (Rahulã)

là con ngài mới ra đời. Xuất-gia rồi, Ngài hằng tinh-tấn tu khổ-hạnh, tìm đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh giác, hết 6 năm mới được giác-ngộ, rồi ngài ngự đến các nơi để tùy duyên hóa-độ chúng-sanh thoát khỏi vòng khổ hải đến 80 hạ rồi nhập Niết-bàn.

Pháp và Luật mà ngài đã giảng giải gọi là "Phật-giáo " những người tu theo " Phật giáo " gọi là " Phật-tử ".

Các Phật-Tử ấy chia ra làm 4 hạng người là : Tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, thiện-nam, tín nữ. Trong 4 hạng người ấy, các vị tỳ-khưu mà được thọ cụ-túc-giới đầu tiên hết là nhóm 5 tỳ-khưu " phe A-Nhã-Kiều Trần Như " **(Aññakoṇḍaññа).**

Đầu tiên, Phật-Pháp còn mới, có ít tỳ-khưu, giới-luật là điều nâng-đỡ Chư-Tăng không cần phải có nhiều. Các vị Thinh-văn ấy đều là bực A-la-hán tâm-tánh trong sạch, các ngài thấu rõ Phật-Pháp đều đủ và tôn-ngưỡng thật hành theo lý trung đạo mà Đức Giáo-chủ đã giãi bày.

Đến khi Phật-giáo ngày càng thạnh-hành dần dần, số tỳ-khưu càng tăng trưởng, rồi ở riêng theo phe, theo đảng. Có hạng tỳ-khưu không được trong sạch tu hành không đúng đắn, cho nên đức Phật mới chế ra điều học.

LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ-LUẬT

Lẽ thường, loài người trong thế-gian, ở theo phe, theo đảng, không sao ở cho vừa ý nhau được, vì nhơn tâm mỗi người mỗi khác, sức không đồng nhau :

người có sức-lực, cộc-cằn thì hà-hiếp kẻ yếu-đuối nhu nhược phải chịu khổ không được an-vui.

Các đức vua trong nước hằng ngự chế hình-luật để ngăn-cấm, quốc-dân không cho làm điều hung dữ. Nếu có kẻ phạm nhằm quốc-cấm, sẽ bị nhà vua trừng phạt. Đức vua cũng có ra lịnh khuyên làm những việc lành cho chúng dân được an cư lạc-nghiệp. Cho đến quân-lính cũng có pháp-luật dạy răn mới có trật-tự nghiêm trang được.

Dầu trong mỗi gia-tộc, cũng có phương pháp riêng để cho thân quyến hành theo mới có thể ở yên dễ dàng được.

Về phần người xuất-gia trong Phật-Pháp cũng phải có phép để ngăn ngừa thân khẩu không cho làm dữ, cho tâm được trong sạch. Đức Thích-ca-mâu-ni là giáo-chủ của chúng ta, Ngài là bậc pháp-vương tiếp độ các hàng Phật-Tử và là cha lành của Chư-Tăng, Ngài hằng giáo-dục và chăm-nom sự quấy phải của Giáo hội.

Ngài làm hướng đạo cho 2 điều :

1° — Ngài chế điều-học để ngăn-ngừa, không cho hàng " Phật tử " làm quấy. Nếu tỳ-khưu làm sái phép, Ngài ra lịnh rằng : " phạm tội nặng, hoặc tội nhẹ để răn mình chừa cải, luôn đến Chư-Tăng cũng vậy ".

2° — Ngài dạy làm sự phải, cho chư tỳ-khưu trau dồi thân khẩu được trang nghiêm, theo các bậc hiền-triết, Như các vị đế-vương trong nước, ngự chế răn cấm quốc-dân không cho làm dữ, dạy phải

làm lành, hoặc như cha lành làm chủ trong gia-tộc, chỉ dẫn con cháu ăn ngay ở thật, theo thứ tự trong họ-hàng.

Pháp mà Đức-Phật cấm-chế và cho phép, dạy hàng Phật-tử lánh dữ làm lành hiệp lại gọi là "luật" nghĩa là pháp-tắc để trao dồi thân khẩu cho trang-nghiêm.

Pháp-luật ví như sợi chỉ xỏ bông làm tràng-hoa, người mà đã xuất-gia theo Phật-Pháp như hoa có màu sắc khác nhau, sợi chỉ có thể làm cho hoa đều đặn, cho có màu tươi tốt, liền-lạc, không cho bời-rời, cũng như "tạng-luật" có thể làm cho tỳ-khưu "Tăng" có cách-thức đẹp đẽ, không vụng-về.

Trong những hạng người tu theo Phật-Pháp làm tỳ-khưu hoặc sadi chẳng phải do một nhà hoặc một họ mà đến, đều là người người khác dòng khác giống, không đồng bực (bực cao, bực trung hoặc bực thấp). Có người khác nước, khác tiếng nói, khác xứ-sở, cho nên có thói quen khác nhau. Nếu không có Tạng-luật làm mực thước, hoặc có mà tỳ-khưu sadi không học cho hiểu biết, hoặc đã hiểu biết mà không hành theo, ắt thân khẩu và tư cách hành-vi không sao tề-chỉnh, không đáng là ruộng phước của người đời, không làm cho người chưa tin, được tin, người đã tin càng thêm tin.

Nếu các tỳ-khưu sadi hòa-hảo nhau, thỏa-thích nhau, không cố chấp theo phe, theo đảng, không cãi lẽ nhau, hiệp nhứt nhau như nước lộn với sữa liếc xem nhau bằng cặp mắt từ-bi, khuyên nhau

tôn-trọng, thực hành theo giới-luật đều đủ, không dư thiếu, mới làm cho phần đông người phát lòng tín-ngưỡng, như các thứ hoa trong vườn có sắc tốt và mùi thơm khác nhau mà người bẻ đem để chung trong bình bông, không thứ lớp, không có mẹo-mực, thành ra vật không đáng thỏa thích. Nếu người bó hoa có trí, lành nghề, họ lấy các thứ hoa như thế, đơm cho đều-đặn theo cách thức, rồi để trong bình, hoa ấy sẽ thành vật đẹp xem không mỏi mắt. Không cần nói đến hoa đẹp, dầu hoa không đẹp cũng dễ coi, nhờ có mẹo mực làm cho ra vật đẹp được.

Đức Thiên-nhân-Sư là đấng giáo-chủ của chúng ta, Ngài thấy điều lợi-ích như thế, cho nên chế ra "Tạng-Luật" cho chư Phật-Tử hành theo hầu được sự an-vui, sự tiến-hóa trong đời này và đời sau.

BỔN-PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÒA-THƯỢNG

Đức Phật có giải :

Pañcahi Bhikkave angehi samannâgatena bhikkhunâ upasampâdetabbaṃ.

Nầy các tỳ-khưu ! Tỳ-khưu có đủ 5 chi ([1]) mới nên làm ông thầy Hòa-thượng truyền cụ-túc-giới đến người xuất-gia, 5 chi ấy :

1o Âpattiṃ jânâti : biết rằng có phạm tội.

2o Anàpattiṃjânâti : biết rằng không có phạm tội.

---

(1) Chi tức là điều-kiện

3o Lahukaṃ âpattiṃjânâti : biết rằng có phạm tội nhẹ.

4o Garuka mâpattiṃ jânâti : biết rằng có phạm tội nặng

5o Dasavasso và hoti atirekadasavasso vâ tỳ-khưu đã tu được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

Trong luật Cullaganthimahâvagga có nói bổn phận ông Thầy Hòa-thượng phải có đủ 3 chi nữa là :

1o **Manussabhùto** : phải thật là loài người (không phải thú).

2o **Bhikkhubhâvo** : đã thọ cụ-túc-giới làm tỳ-khưu đầy đủ.

3o **Opajjhàyaṅgasamannāgato** : có đủ chi làm ông thầy Hòa-thượng.

Trong 3 chi ấy chi thứ 3 chia ra có 14 điều :

1o Maṅgalâmaṅgalânisaṃsaṃjânâti : biết quả báo của các kinh có điều hạnh-phúc, nhứt là Tam-bảo-kinh (Ratanasùtra) và quả báo của kinh không có điều hạnh-phúc là kinh **(Tirokudda).** (1)

2o Kammakammaṃ jânâti : biết là Tăng-sự hoặc không phải Tăng sự.

3o Sikkhâpadaṃ jânâti : biết cả 227 điều-học trong giới bổn.

4o Sikkhâpadaṅgaṃ Jânâti : biết các chi của 227 điều luật ấy.

5o Saranàgamanaṃ jânâti : biết đọc "tam qui"

(1) Kinh tụng hồi hướng quả phước đến các ngạ quỉ.

trúng phép theo phạm-ngữ như đọc "**Buddhaṃ sara-naṃ gacchâmi**" đọc một cách đừng cho gián đoạn.

6o Uposathaṃ jânâti : biết phép hành lễ Phát lồ theo 9 điều[1].

7o Uposathakammaṃ jânâti : biết cách làm lễ Phát-lồ có 4 cách [2].

(1) 1o Câtuddasī uposatha.—hành lễ Phát-lồ trong ngày 14.

2o Pannarasī uposatha.—hành-lễ Phát-lồ trong ngày 15.

3o Samaggi uposatha.—ngày Tăng làm lễ tự tứ. (1)

4o **Saṅgha uposatha**.—ngày lễ Phát lồ Tăng đọc giới bổn.

5o Gana uposatha.—ngày mà 2, 3 vị tỳ-khưu hành lễ phát-lồ.

6o Duggale uposatha.—1 vị tỳ-khưu hành-lễ Phát-lồ.

7o Suttuddesa uposatha.—từ 4 vị tỳ-khưu trở lên thì đọc giới-bổn giữa Tăng.

8o Parisuddhi uposatha.—tỏ cho nhau biết những việc trong sạch của mình.

9o Adhiṭṭhà uposatha.—Nếu chỉ có một tỳ-khưu hành-lễ phát-lồ, thì phải nguyện rằng : Ajja me uposatho (nay là ngày lễ phát-lồ sám-hối của tôi).

(2) 1o Addhammenavaggaṃ.—Phe, không đúng theo phép.

2o Dhammenasamaggaṃ.—Đồng ý nhau nhưng không đúng phép.

---

(1) Sau khi kiết hạ rồi nhằm rằm tháng 9 chư tỳ-khưu nhóm lại tỏ sự tội lỗi cho nhau gọi là tự tứ.

8o **Ñattisampattim jànàti :** biết đọc truyền giới trúng phép giữa Tăng.

9o **Ñutti vipattim jânâti :** biết đọc truyền giới sái phép giữa Tăng. } (1)

10o **Akkhara sampattim jânâti :** biết cách đọc trúng giọng Pâli **(ñattisampatti).**

11o **Akkhara vipattim jãnãti :** biết cách đọc sái giọng Pâli **(ñattivipatti).** } (1)

12o **Ubhayâpâtimokkhãni :** biết tụng nằm lòng cả giới-bổn tỳ-khưu và tỳ-khưu-ni.

13o **Dasavasso vâ hoti atireka dasavasso :** đã tu được 10 hạ hoặc 10 hạ trở lên.

14o **Nâma rùpam jânâti :** Thông rỡ Tạng-luận : là tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn.

PHÉP TRUYỀN GIỚI SADI

Giới tử mặc y phục trắng, hai tay bưng y ca-sa "vàng" theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội trước mặt Hòa-thượng bái ngài rồi đọc :

3o Addhammenavaggam.—Phe đúng theo phép.

4o Dhammenasamaggam đồng ý nhau và đúng theo phép

(1) Giọng đọc : Giọng đọc có 10 cách :

1o —Sithila (đọc hơi nhẹ).—2o Dhanita (đọc hơi nặng).—3o Rassa (đọc hơi vắn).—4o Dĩgha (đọc hơi dài).—5o Garu (đọc hơi chậm và nặng).—6o Lahu (đọc hơi lẹ).—7o Sambándha (đọc liên tiếp).—8o Varatthita (đọc gián đoạn).—9o Niggahita (đọc ngậm miệng).—10o Vimutta (đọc hả miệng, lớn hơn mọi chữ).

Phạm-ngữ	Nghĩa
Ukâsa vandâmi bhante sabbaṃ aparâdhaṃ khamathame bhante mayâ kataṃ puññãṃ sâminâ anumoditabbaṃ sâminâkataṃ puññaṃ mayhaṃ dâtabbaṃ sâdhu sâdhu anumodâmi.	*Tôi xin thành-kỉnh làm lễ đại-đức* *Bạch hóa đại - đức, cầu xin đại-đức tha các tội-lỗi cho tôi. Những việc lành mà tôi đã làm, xin đại-đức nhận lãnh. Việc làm mà đại-đức đã làm xin đại-đức chia sớt cho tôi và làm cho điều lợi-ích được thành-tựu tôi xin hoan-hỉ thọ-lãnh*
Ukâsa **karuññaṃ** katvâ pabbajjaṃ detha me bhante.	*Tôi xin thành-kỉnh, cầu đại-đức từ-bi thương xót đến tôi và làm phép xuất-gia cho tôi.*

Rồi ngồi chồm-hỗm, chấp tay để ngay tam-tinh mà đọc :

Phạm-ngữ	Nghĩa
Ahaṃ bhante pabbajjaṃ yâcâmi ;	*Bạch hóa đại-đức xin đại-đức làm phép xuất-gia cho tôi.*
Dutiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yâcâmi ;	*Bạch đại-đức xin đại-đức làm phép xuất-gia cho tôi, lần thứ nhì :*

Tatiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yâcâmi ;	*Bạch đại-đức xin đại-đức làm phép xuất-gia cho tôi, lần thứ ba.*

Rồi đọc bài sau nầy ba lần dâng y "Ca-sa" cho "Thầy"

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
Sabbadukkha nissara nanibbâna sacchikara natthâya, imaṃ kâsâvaṃ gahetvâ pabbâjethamaṃ bhante anukampaṃ upâdâya.	*Bạch hóa đại-đức xin đại-đức thâu y ca-sa vàng nầy và thương xót mà làm phép xuất-gia cho tôi được dứt các sự thống-khổ và đến Niết- bàn.*

Rồi đọc bài sau nầy ba lần xin y "Ca-sa" lại

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
Sabbadukkha nissaraṇa nibbâna sacchikaranatx thâya, etaṃ kâsâvaṃ datvâ pabbâjethamaṃ bhante anukampaṃ upâdâya.	*Bạch hóa đại-đức xin đại-đức cho tôi y ca-sa vàng ấy; và thương xót mà làm phép xuất-gia cho tôi được dứt các sự thống-khổ và đến Niết-bàn.*

Khi giới-tử đọc xong ba bận rồi vị Hòa-thượng đưa "Ca-sa" cho giới-tử và dạy phép tham-thiền như sau nầy.

Phạm-ngữ	Nghĩa
Kesâ, lomâ, nakhâ, dantâ, taco :	*Tóc, lông, móng, răng, da.*
Taco, dantâ, nakhâ, lomâ, kesâ.	*Da, răng, móng, lông, tóc.*

Vị Hòa-thượng phải giải sơ về cái thân trược, cho giới-tử nghe. Xong rồi, giới-tử lui ra, để mặc y Ca-sa và trong khi ấy phải suy gẫm rằng : "Ta mặc y Ca-sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muỗi, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa-thể, chẳng mặc để se sua".

Khi mặc y xong giới-tử trở vào, tay cầm nhang đèn, quì trước mặt vị Hòa-thượng, dâng cho ngài và làm lễ, rồi đứng chấp tay mà đọc :

Phạm-ngữ	Nghĩa
Ukâsa vandâmi bhante sabbaṃ aparâdhaṃ khamatha me bhante mayâ kātaṃ puññaṃ sâminâ anumoditabbaṃ sâminâ kataṃ puññaṃ mayhaṃ dâtabhaṃ sâdhu sâdhu anumodâmi.	*Tôi xin thành-kỉnh làm lễ đại-đức. Bạch hóa đại-đức, cầu xin đại-đức tha các tội-lỗi cho tôi. Những việc lành mà tôi đã làm, xin đại-đức nhận lãnh. Việc lành mà đại-đức chia sớt cho tôi làm cho điều lợi-ích được thành-tựu, tôi xin hoan-hỉ thọ-lãnh.*
Ukâsa kâruññam katvâ tisaranena sahasīlāni detha me bhante.	*Tôi xin thành kỉnh cầu đại-đức từ-bi thương xót mà truyền tam-qui và giới cho tôi.*

Rồi ngồi chồm-hổm, chấp tay đọc

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
Ahaṃ bhante saraṇa sīlaṃ yâcâmi;	*Bạch đại-đức, xin đại-đức truyền tam- qui và giới cho tôi lần thứ nhì.*
Duti. yaṃpi ahaṃ bhate saraṇa sīlaṃ yâcâ-mi;	*Bạch đại-đức, xin đại-đức truyền Tam- qui và giới cho tôi, lần thứ ba.*
Tatiyampi aham bhante saraṇa sīlaṃ yâcâmi.	*Bạch đại-đức, xin đại-đức truyền tam- qui và giới cho tôi.*

Ông Hòa-thượng đọc :

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
Yamahaṃ vadâmitaṃ vadehi.	*Ta đọc lời nào, người đọc theo lời nấy.*

Giới-tử đọc:

Âma bhante.	*Dạ (tôi xin đọc theo)*

Rồi giới-tử đọc theo hòa-thượng

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
Namo tassa bhagavato arahato sammâsam bud-dhassa. (Đọc ba lần)	*Tôi đem hết lòng thành-kỉnh làm lễ Đức Phá-gá-qua (1) ấy. Ngài là bậc Á-rá-hãn (2) cao-thượng, được chứng quả chánh-biến-tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.* *(Đọc ba lần)*

Phạm ngữ	Nghĩa
1° Buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*1o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật.*
2° Dhammaṃ saranaṃ gacchâmi.	*2o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Pháp.*
3° Saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi.	*3o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng.*
4° Dutiyampi buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*4o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật, lần thứ nhì.*
5° Dutiyampi buddhaṃ saranaṃ gacchâmmi	*5o— Tôi hết lòng thánh-kính, xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.*
6o Dutiyampi saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi.	*6o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.*
7o Tatiyampi buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*7o— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật, lần thứ ba.*
8° Tatiyampi dhammaṃ saranaṃ gacchâmi.	*8o—Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Pháp, lần thứ ba.*
9° Tatiyampi saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi.	*9o—Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng, lần thứ ba.*

---

(1)— Phá-gá-qua: Tàu dịch: Thế-Tôn.

(2)— Á-rá-hẳn: Tàu dịch: ứng cúng.

Phạm-ngữ	Nghĩa
1° Buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*1°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật.*
2° Dhammaṃ saranaṃ gacchâmi.	*2°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Pháp.*
3° Saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi.	*3°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng.*
4° Dutiyampi buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*4°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật, lần thứ nhì.*
5° Dutiyampi dhammaṃ saranaṃ gacchâmi.	*5°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.*
6° Dutiyampi saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi	*6°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.*
7o Tatiyampi buddhaṃ saranaṃ gacchâmi.	*7°—Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Phật, lần thứ ba.*
8° Tatiyampi dhammaṃ saranaṃ gacchâmi.	*8°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Pháp, lần thứ ba.*
9° Tatiyampi saṅghaṃ saranaṃ gacchâmi.	*9°— Tôi hết lòng thành-kỉnh, xin quy-y Tăng, lần thứ ba.*

Hòa-thượng đọc

Phạm ngữ	Nghĩa
Tisaranaggahanaṃ paripuṇṇaṃ.	*Cách thọ pháp "Tam qui" đều đủ rồi.*

Giới-tử đọc

Āma bhante — *"Dạ" (và lạy)*

Phạm ngữ	Nghĩa
1° Pânâtipâtâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.	*1°— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng.*
2° Adinnàdânâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samadiyâmi.	*2°— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự trộm-cắp.*
3° Abrahma-cariyà veramaṇī sikkhâ-padaṃ samâdiyâmi.	*3°— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự thông-dâm.*
4° Musàvâdâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.	*4°— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự nói dối*

5o Surà-meraya majjappa-mâdatthānâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdi yâmi.

5o— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự dễ-duôi uống rượu.

6o Vikâlabhojanà vermaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

6o— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ, (từ đúng ngọ cho đến mặt trời mọc chẳng được phép ăn vật chi cả).

7o Naccagīta vâditavisūkadassanâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdi yâmi.

7o— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự hát-múa, đàn-kèn và xem hát-múa, nghe đờn-kèn.

8o Mâlâgandha vilepana-dhārana mandana vibhūsanatthānâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

8o— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự trang-điểm, đeo tràng-bông thoa vật thơm và dồi phấn.

9o Uccâsayana mahâ sayanâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

9o— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi quá cao và xinh-đẹp.

10° Jâtarũ parajatapaṭiggahanâ veramanĩ sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.	*10°— Tôi xin vâng giữ điều-học, là cố ý tránh xa sự thọ-lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ-lãnh, cất giữ vàng bạc châu-báu, hoặc cảm xúc đến các vật ấy.*

Ngài Hòa-thượng đọc tiếp

Phạm ngữ	Nghĩa
Imâni dasa sikkhâpadâni samâdiyâmi.	*Tôi xin thọ trì cả 10 điều học ấy.*

Sadi đọc theo ba bận, rồi lạy, xong, đứng chắp tay đọc: Vandâmi bhante... (như trước).

Xong rồi, Sadi phải xin Nissaya, cầm nhang đèn dâng cho vị Hòa-thượng, rồi đứng chắp tay đọc: Vandâmi bhante... (như trước).

Sadi đọc tiếp:

Phạm ngữ	Nghĩa
Ukâsa kâruññaṃ katvâ nissayaṃ detha me bhante.	*Tôi xin thành-kính, cầu đại-đức thương xót mà cho tôi nương dựa theo.*

Xong rồi ngồi chồm hổm đọc:

Ahaṃ bhante nissayaṃ yâcâmi.	*Bạch đại-đức, xin đại-đức cho tôi nương dựa theo.*

Dutiyampi ahaṃbhante nissayaṃ yâcâmi.	*Bạch đại-đức xin đại-đức cho tôi nương dựa theo lần thứ nhì.*
Tatiyampi ahaṃ bhante nissayaṃ yâcâmi.	*Bạch đại-đức xin đại-đức cho tôi nương dựa theo lần thứ ba. (1 lạy)*
Upajjhāyo me bhante hohi.	*Bạch ngài, ngài là thầy tế độ của tôi.*

Trong mấy tiếng sau nầy, Hòa-thượng nói một tiếng nào cũng được.

(Giới-tử khỏi đọc theo)

Phạm ngữ	**Nghĩa**
Sādhu	*Ngươi làm như thế nầy, là việc thành-tựu điều lợi ích trong Phật pháp rồi.*
Lābu	*Ngươi làm như thế là sự nhẹ-nhàng, là việc nuôi sống dễ-dàng trong Phật pháp rồi.*
Pâtirùpaṃ	*Ngươi xin đức Hòa-thượng như thế, là vừa đến sự tôn kính theo Pháp xưa rồi.*
Opâyikaṃ	*Ngươi làm như thế, là đúng theo phương-pháp đem mình ra khỏi luân hồi khổ não rồi.*

Pâsâdikena samâdehi	*Ngươi hãy làm cho phép Tam-học là: giới, định, tuệ được thành-tựu tốt đẹp vì đức tin đi.*

Xong rồi giới-tử đọc:

Phạm ngữ	Nghĩa
Uhâsa sampaṭicchâmi	*Bạch đại-đức tôi xin thành-kính, hết lòng vâng chịu.*
Sampaṭicchâmi	*Tôi hết lòng vâng chịu.*
Sampaṭicchâmi	*Tôi hết lòng vâng chịu.*
Ajjataggedâni thero mayham bhâro, ahampi therassa bhāro.	*Kể từ nay tôi phải gánh vác công việc của đại-đức, là phải tôn kính làm các việc mà tôi phải làm, về phần đại-đức, đại-đức cũng hoan hỉ gánh vác, là nên nhắc nhở, và dạy bảo tôi luôn khi.*

Dứt phép truyền Sa-di giới

Sadi phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trước mặt Hòa-thượng, rồi vị yết-ma đặt tên tạm cho Sadi là Nâgo nãma, xong rồi hỏi Sadi, (đây là khi nào giới-tử thọ giới Sadi rồi xin thọ luôn giới Tỳ-khưu).

Phép truyền Tỳ-khưu giới

Phạm-ngữ	Nghĩa
Hỏi—Tvaṃ Nàgo nâma.	*Hỏi.— Ngươi phải là tên Nāgonāma không.*
Đáp—Âma bhante.	*Đáp.— Bạch ngài phải.*
Hỏi.—Tuyhaṃ upajjhâyo âyasmã tissathero nāma.	*Hỏi.— Thầy của ngươi, phải là ngài Tissa Theronāma không ?*
Đáp.— Âma bhante.	*Đáp.— Bạch ngài, phải.*

Xong rồi, ông thầy chỉ mấy món sau nầy ; mà hỏi, giới-tử trả lời: "Dạ phải".

Phạm ngữ	Nghĩa
Hỏi.— Ayaṃ te patto.	*Hỏi.— Đây phải là bình bát của ngươi không.*
Đáp.— Āma bhante.	*Đáp.— Dạ phải.*
Hỏi.— Ayaṃ saṅghâti.	*Hỏi.— Đây, phải là y Tăng-già-lê (y hai lớp) của ngươi không ?*
Đáp.— Āma bhante.	*Đáp.— Dạ phải.*
Hỏi.— Ayaṃ uttarâsaṅgho.	*Hỏi.— Đây, phải là y Huất-đà-la-Tăng (y mặc vai trái) của ngươi không ?*
Đáp.— Āma bhante.	*Đáp.— Dạ phải.*
Hỏi. — Ayaṃ antaravāsako.	*Hỏi.— Đây, phải là y An-đà-hội (y nội) của ngươi không ?*

Gaccha amumhi okâse tiṭṭhãni.	*Ngươi lui ra đứng nơi kia.*

Giới-tử lui ra (khỏi chỗ Tăng ngồi) đứng chắp tay, ngay phía Hòa-thượng ngồi, thầy kiết-ma đọc cho Tăng nghe.

Phạm-ngữ	Nghĩa
Sunâtu me bhante saṅgho nãgo ãyasmato tissassa upasampadã-pekkho yadi saṅghassa pattakallaṃ ahaṃ nãgaṃ anusâseyyaṃ.	*Bạch cùng đại-đức Tăng xin Tăng nghe tôi trình: tên Sadi Nâga đệ-tử của đại-đức Tissa là người nguyện tu lên bực cao. Nếu lời ấy đã đúng theo phép, tôi xin đi dạy Sadi tên Nâga.*

Xong rồi, thầy Kiết-ma lui ra đứng trước mặt giới-tử; và dạy giới-tử những điều sau nầy:

Phạm-ngữ	Nghĩa
Sunãsi nâga ayante saccakâlo bhùtakâlo.	*Tên Nâga ngươi phải nghe hồi nầy là hồi nên nói thiệt.*
Yaṃ jâtaṃ taṃ saṅgha majjhe pucchante.	*Những điều gì mà ta hỏi ngươi nơi giữa Tăng.*

Santaṃ atthīti vattab baṃ asantaṃ natthīti vattabbaṃ.
Mâkho vitthâsi mâkho mañku ahosi.

Evantaṃ pucchissanti santi te evarupâ âbâdhâ.

Hỏi.— Kutthaṃ ?

Đáp.— Natthi bhante.
Hỏi.— Gaṇḍo ?

Đáp.— Natthi bhante.
Hỏi.— Kilâso ?

Đáp.— Natthi bhante.
Hỏi.— Soso ?

Đáp.— Natthi bhante.
Hỏi.— Apamâro ?

Đáp.— Natthi bhante.
Hỏi.— Manussosi ?

Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Purisosi ?

Điều gì đã có, ngươi nói có, điều gì không ngươi nói không.

Ngươi nên nói phân minh không nên hổ ngươi mà làm thinh.

Ta hỏi ngươi như vầy: những tật bịnh như sau đây, ngươi có hay không ?

Hỏi.— Ngươi có bịnh cùi hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Ngươi có bịnh ung thư hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Ngươi có bịnh ghẻ ngứa hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Ngươi có bịnh siểng hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Ngươi có bịnh phong điên hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Ngươi phải là người hay không ?

Đáp.— Bạch, phải.

Hỏi.— Ngươi phải là người nam hay không?

Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Bhujjissosi?

Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Ânaṇosi?

Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Nasi râjabhato?

Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— **Anuññâtosi mâtâpitohi?**

Đáp.— Âma bhante?
Hỏi.— Paripuṇṇavisativassosi?
Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Paripuṇṇante patta cîvaraṃ?
Đáp.— Âma bhante.
Hỏi.— Kinnâmosi?

Đáp.— Ahaṃ bhante nâgonâma?
Hói.— Konâmote upajjhâyo?
Đáp.— Upajjhâyo me bhante âyasmâ Tissatthero nâma.

Đáp.— Bạch, phải.
Hỏi.— Ngươi phải là người vô sự không?
Đáp.— Bạch, phải.
Hỏi.— Ngươi phải là người rảnh nợ không?
Đáp.— Bạch, phải.
Hỏi.— Ngươi là người không mắc việc quan phải không?
Đáp.— Bạch, phải.
Hỏi.— Ngươi có phép cha mẹ cho xuất-gia hay không?
Đáp.— Bạch, có.
Hỏi.— Ngươi đúng 20 tuổi hay chưa?
Đáp.— Bạch, đúng.
Hỏi.— Ngươi có đủ y, bát hay không?
Đáp.— Bạch, có đủ.
Hỏi.— Ngươi tên chữ là gì?
Đáp.— Bạch, tôi tên là Na-go-na-ma.
Hỏi.— Thầy ngươi tên chi?
Đáp.— Bạch, thầy tôi tên là Ngài Tissathero nâma.

Chờ ông Thầy kêu.

Rồi giới-tử lại ngồi chồm hổm chắp tay đọc, khi đọc dạy giới-tử rồi thầy Kiết-ma trở vào nơi giữa Tăng, đọc tuyên-bố và kêu giới-tử vào, rằng :

Sunâtu me bhante saṅgho nâgo âyasmato tissassa upasampadâpekkho anusittho so mayâ yadi saṅghassa pattakallaṃ nâgo âgaccheyya âgacchâhiti vattabbo ãgacchâhi.

"Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin đại-đức Tăng nghe tôi trình: tên Sadi Nâ-go (là đệ tử) của ngài Tissa là người nguyện tu lên bực cao.Tên Sadi Nâgo ấy, tôi đã dạy bảo rồi nếu lễ truyền Tỳ-khưu giới nầy đã vừa đến giờ hành Tăng sự, thì tên Sadi Nâgo nên vào: tên Sadi Nâgo ấy, tôi nên gọi cho vào, "người vào đi".

Tên Sadi phải đi vào ngồi trong giữa Tăng, trước mặt ngài Hòa-thượng, làm lễ Ngài Hòa-thượng và chư Tăng, rồi phải ngồi chồm-hổm chấp tay, xin tu lên bực trên bằng lời như vầy :

Saṅghaṃ bhante upasampadaṃ yâcâmi, ullumpatumaṃ bhante saṅgho anukampaṃ upâdâya.

Dutiyampi bhante saṅghaṃ upasampadaṃ yâcâmi ullumpatumaṃ bhante saṅgho anukampaṃ upâdâya.

Tatiyampi bhante saṅghaṃ upasampadaṃ yãcâmi ullumpatumaṃ bhante saṅgho anukampaṃ upâdâya.

"Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên. (1).

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương-xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng Tỳ-khưu".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên.

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương-xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng Tỳ-khưu lần thứ nhì".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương xót tiếp độ, đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng tỳ-khưu lần thứ ba".

Khi "Giới-tử" đã thọ cụ-túc-giới giữa Tăng, Tăng đều ngồi xa nhau một hắc, một gan (2) xong rồi thầy kiết-ma bèn đọc bài sau nầy:

Sunãtu me bhante saṅgho ayaṃ nâgo âyasmato tissassa upasampadâ pekkho yadi saṅghassa pattakallaṃ ahaṃ nâgaṃ antarâyike dhamme puccheyyaṃ.

Bạch cùng đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sadi "Nãga", là đệ tử của ngài "Tissa" là người

---

(1) là bực tỳ-khưu.

(2) Tăng ngồi, vị ngồi bên mặt đo từ đầu gối qua bên trái 1 hắc một gang Vị ngồi bên trái, đo từ đầu gối bên trái qua gối bên mặt 1 hắc một gang

nguyện tu lên bực cao [1]. Nếu việc của Tăng làm đây đã đúng theo pháp, tôi xin hỏi Sadi "Nãga" các pháp chướng ngại.

Suṇâsi nãga ayante saccakãlo bhũtakâlo :

Tên Nâga ngươi phải nghe: hồi nầy là hồi nên nói thiệt.

Yaṃ jâtaṃ taṃ pucchâmi:

Những điều gì có, thì ta hỏi ngay đến điều ấy.

Santaṃ atthĩti vattabbaṃ asantaṃ natthĩti vattabbaṃ:

Điều gì đã có, thì người nói có, điều gì không thì ngươi nói không.

Santi te evarũpã âbãdhâ:

Những tật bịnh như đây, người có hay không ?

Hỏi: — Kuttham. *Hỏi. — Ngươi có bịnh cùi hay không ?*

Đáp: — Natthi bhante. *Đáp: — Bạch không.*

Upajjhãyo me bhante ãyasmã Tissatthero nãma: — nghĩa như trước (xem nơi trương 12 và13).

Khi thầy Kiết-ma hỏi các chướng ngại giữa Tăng xong rồi, đọc bốn lần tiếp theo, cho Tăng nghe như sau nầy :

Sunâtu me bhante saṅgho ayaṃ nâgo âyasmato tissassa upasampadâpekkho parisuddho antarâyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattacĩvaraṃ nâgo saṅghaṃ upasampadaṃ yâcati âyasmatâ tissena upajjhâyena yadi saṅghassa

(1) là bực tỳ-khưu.

pattakallaṃ saṅgho nâgaṃ upasampâdeyya âyasmatâ tissena upajjhâyena esâ ñatti.

Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình : tên Sadi Nâga, là đệ tử của đại-đức Tissa, là người nguyện tu lên bực cao được trong sạch, không phạm các pháp chướng ngại, Bình-bát và Casa của Sadi Nâga nầy có đều đủ. Sadi Nâga có đại-đức Tissa là Hòa-thượng, đã có đến xin Tăng, cho Sadi ấy tu lên bực cao. Lời nầy, là lời để trình cho Tăng rõ.

Sunâtu me bhante saṅgho ayaṃ nâgo âyasmato tissassa upasampadâpekkho parisuddho antarâyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattacîvaraṃ nâgo saṅghaṃ upasampadaṃ yâcati âyasmatâ tissena upajjhâyena saṅgho nâgaṃ upasampâdeti âyasmatâ tissena upajjhâyena yassâyasmato khamati nâgassa upasampadâ âyasmatâ tissena upajjhâyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhâseyya dutiyampi etamatthaṃ vadâmi :

Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình : Tên Sadi "Nâga" nầy, là đệ-tử của ngài đại-đức Tissa là người nguyện tu lên bực cao, được trong sạch, không phạm các pháp chướng-ngại. Bình-bát và ca-sa của Sa-di Nâga nầy có đều đủ. Sadi tên Nâga có đại-đức Tissa là Hòa-thượng, đã có đến xin Tăng cho Sadi ấy tu lên bực cao. Nếu sự nhận cho Sadi Nâga có đại-đức Tissa là Hòa-thượng tu lên bực cao nầy vừa lòng vị đại-đức nào, vị đại-đức ấy nên nín thinh, bằng chẳng vừa lòng vị đại-đức nào, vị

đại-đức ấy được phép cải, Tôi đã trình lần thứ nhì rồi.

Suṇâtu me bhante saṅgho ayaṃ nâgo âyasmato tissassa upasampadâpekkho parisuddho aṇtarãyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattacīvaraṃ nâgo saṅghaṃ upasampadaṃ yâcati âyasmatâ tissena upajjhâyena saṅgho nâgaṃ upasampâdeti âyasmatâ tissena upajjhàyena yassâyamato khamati nâgassa upasampadâ âyasmatâ tissena upajjhâyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya tatiyampi etamatthaṃ vadâmi.

Bạch-hóa đại-đức Tăng xin Tăng nghe tôi trình tên Sadi Nâga nầy là đệ tử của Ngài đại-đức Tissa.

. . . . . .

vị đại-đức ấy được phép cải. Tôi đã trình việc nầy lần thứ ba rồi.

Suṇâtu me bhante saṅgho ayaṃ nâgo âyasmato tissassa upasampadâpekkho parisuddho antarâyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattacīvaraṃ nâgo saṅghaṃ upasampadaṃ yâcati âyasmatâ tissena upajjhâyena saṅgho nâgaṃ upasampâdeti âyasmatâ tissena upajjhâyena yassâyasmato khamati nâgassa upasampadâ âyasmatâ tissena upajjhâyena so tunhassayassa nakkhamati so bhâseyya.

Bạch-hóa đại-đức Tăng... vị đại-đức ấy được phép cải... tôi đã trình lần thứ tư rồi.

Upasampanno saṅghena nâgo âyasmatâ tisse-

na upajjhâyena khamati saṅghassa tasmâ tunhī evametaṃ dhârayâmi.

Tên Sadi Nâga nầy có đại-đức Tissa là Hòa-thượng là người mà Tăng đã nhận cho tu lên bậc cao rồi. Tôi hiểu chắc rằng : Tăng đã bằng lòng, vì sự nín thinh của Tăng.

Thầy Kiết-ma đọc dứt bốn bận, trình cho Tăng nghe xong giờ nào thì giới-tử được lên bực Tỳ-khưu giờ ấy (y theo lời của đức Thế-Tôn đã giáo-truyền).

Những người tu Phật, nếu đã học đủ các phép thọ cụ-túc-giới theo cách đã giải trước xong rồi, thì phải nên biết rằng trong các phép ấy chia ra làm hai phần.

I— Phần đầu chia ra làm 8 phép :

1o Khi làm lễ nhận Tỳ-khưu làm thầy tế-độ.

2o Khi thầy Kiết-ma chỉ bình bát và cà-sa.

3o Khi thầy Kiết-ma bảo giới-tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng rõ, để hỏi giới-tử.

4o Khi thầy Kiết-ma trình cho Tăng rõ, rồi trở ra dạy giới-tử.

5o Khi thầy Kiết-ma trở vô, có dắt giới-tử vào chỗ Tăng.

6o Khi giới-tử làm lễ Chư Tăng và đọc bài thọ cụ-túc-giới ở giữa Tăng.

7o Khi giới-tử đọc bài xin thọ cụ-túc-giới rồi, thầy Kiết-ma sẽ hỏi các pháp chướng-ngại.

8o Khi thầy Kiết-ma đã hỏi các pháp chướng-ngại giữa Tăng.

II— Phần sau, là từ khi thầy Kiết-ma khởi sự

đọc bài : **(Suṇâtu me bhante saṅgho)...** trình cho Tăng rõ đến 4 bận.

Phần đầu, thuộc về phần giới-tử. Phần sau, thuộc về phần của thầy Kiết-ma.

Dứt phép truyền cụ-túc-giới

✺

GIỚI LUẬT SADI

Những người học Phật trước khi muốn vào tu bực Sadi phải thông hiểu luật Sadi, nghĩa là phải học Luật y theo giáo pháp của đức Phật đã truyền dạy không đặng canh cải.

Giới luật ấy có 30 điều học chia ra làm 3 phần :

1o **Sikkhâpada** (phép học) có 10 điều học.

2o **Daṇḍakamma** (phép hành phạt) có 10 điều học

3o **Nâsanaṅga** (phép trục xuất) có 10 điều học.

I— Mười Phép học.

(Sikkhâpada)

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
1° Pânâtipâtâ veramaṇī sikkhapadaṃ samâdiyâmi.	*1o Sát-sanh.* *Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự giết hại loài sanh mạng.*

2° Adinnâdânâ veramanī sikkhāpadaṃ samâdiyâmi.

2o Trộm cắp.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3° Abrahmacariyâ veramanī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

3o Thông dâm.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thông-dâm

4° Musâvâdâ veramanī sikkhâpadaṃ samâ diyâmi.

4o Vọng-ngữ.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối.

5° Surâmeraya majjapamâdatthânâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâ diyâmi.

5o Ẩm-tửu.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dễ-duôi uống rượu.

6° Vikâla bhojànâ veramani sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

6o Ăn sái giờ.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ đúng ngọ cho đến mặt trời mọc chẳng được phép ăn vật chi).

7° Naccagīta vâditavi sukadassanâ veramaṇī sikkhâpadaṃ samâdiyâmi.

7o Múa hát, đờn kèn.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hát múa, đờn kèn và đi xem hát mụa, nghe đờn kèn

8° Mâlâgandha vilepana-dhârana mandana vibhū-sanatthâna veramaṇī si-kkhâpadam samâ diyâmi.

8o Trang-điểm thoa vật thơm, dồi phấn và đeo tràng hoa.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trang điểm, thoa vật thơm dồi phần và đeo tràng hoa.

9° Uccâsayanamahâsa-yanā veramaṇī sikkhâpa-daṃ samâdiyâmi.

9o Nằm ngồi nơi quả cao và xinh đẹp.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10° Jâtarūparajatapaṭi-ggahanâ veramaṇī si-kkhâpadaṃ samâdiyâmi.

10o Thọ lãnh và cất giữ vàng bạc và châu báu.
Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ lãnh cất giữ hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu, hoặc cảm-xúc đến các vật ấy.

II Mười phép hành phạt

(Daṇḍakamma)

Phạm-ngữ	**Nghĩa**
1o Vikâlabhogi hoti.	*1o Ăn sái giờ.*

2o Naccâdivisũkadassiko hoti.	*2o Múa hát đờn kèn và xem múa hát nghe đờn kèn.*
3o Mâlâdidhâranâdiko hoti.	*3o Trang điểm đeo tràng hoa hoặc thoa vật thơm.*
4o Uccâsayanâdiko hoti	*4o Nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.*
5o Jâtarùparaja tapatigganhako hoti.	*5o Thọ lãnh và cất giữ hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ và cảm xúc đến vàng bạc châu báu.*
6o Bhikhũnaṃ alâbhâya parisakkati.	*6o Cố ý làm Tỳ khưu không có đồ dùng.*
7o Bhikkhũnaṃ anatthâya parisakkati.	*7o Cố ý làm cho tỳ-khưu mất sự hữu-ích.*
8o Bhikkhùnaṃ anavâsâya parisakkati.	*8o Cố ý làm cho tỳ-khưu không có chỗ ở.*
9o Bhikkhu akkosati paribbâsati.	*9o Mắng chưởi tỳ-khưu*
10o Bhikkhu bhikhũhi bhedeti..	*10o Làm cho tỳ-khưu bất hòa cùng nhau..*

Sadi phạm 1 trong 10 điều kể trên đây, thì bị tỳ-khưu hành phạt, nhứt là bị bắt gánh nước.

III.— 10 Phép trục-xuất.

(Nãsanaṅga)

Phạm-ngữ	Nghĩa
1° Pânâtipâti hoti.	*1o Giết loài động vật.*
2° Adinnâdâya hoti.	*2o Trộm cắp.*
3° Abrahmacari hoti.	*3o Thông dâm*
4° Musâvâdi hoti.	*4o Nói dối*
5° Majjapâyi hoti.	*5o Uống rượu*
6° Buddhassa avaṇṇaṃ bhâsati.	*6o Hủy báng Phật.*
7° Dhammassa avaṇṇaṃ bhâsati .	*7o . Hủy báng Pháp*
8° Sanghassa avaṇṇaṃ bhâsati.	*8o. Hủy báng Tăng*
9° Micchâ diṭṭhiko hoti.	*9o. Hiểu lầm (quấy cho là phải, phải cho là quấy)*
10° Bhikkhunī dūsako hoti	*10o. Dâm vải Tỳ-khưu ni*

Sadi phạm 1 trong 10 điều kể trên đây sẽ bị trục xuất.

Bổn-phận Sadi phải học thông thuộc 30 phép đã nói trên và cũng phải thọ trì thêm 75 điều học "Ưng học pháp" (1)

---

(1) Xem trong giới bổn tỳ-khưu chỗ "ưng học pháp".

Ngoài ra, Sadi còn phải học thêm những điều học trong patimokkha "phạm tội vì đời khiển trách (lokavajja). Như trong 13 điều tăng-tàn, trừ khi điều 5, 6 và 7 v.v...

Lời dạy tiếp

(Anusâsana)

Lời chỉ giáo mà đức Chánh-biến-tri chế định cho Tỳ-khưu là thầy tế độ dạy bảo đệ tử mới vừa được thọ lễ tu lên bực trên [2] **(upasampadâ)** sau khi đã tụng tuyên bố lần thứ tư **(ñatti catuttha kam ma vâcâ)** cho tỳ-khưu mới ấy được biết lần lần, gọi là "lời dạy tiếp" **(anusâsana).** Lời dạy tiếp nầy có 8 điều chia ra làm 2 đoạn : "4 phép nương" [3] **(1) (nissaya)** và "4 sự không nên làm" **(akaraṇīya kicca).**

Vật dụng để cho hàng xuất gia dùng gọi là :

phép nương có 4 :

1o — Đi khất-thực.

2o — Mặc y bẩn-thỉu.

3o — Ngụ dưới bóng cây.

4o — Dùng thuốc ngâm với nước tiểu [4].

Sự mà hàng xuất gia không nên làm có 4 .

1o — Hành-dâm.

2o — Trộm-cắp.

3o — Giết người.

4o — Khoe pháp bậc cao nhơn.

✺

---

(2) là thọ-cụ túc-giới, tu lên bực kỳ hưu

(3) nương là dựa theo

(4) nước tiểu bò đen

Tam-học

(Trisikkhâ)

Các đức mà hàng xuất gia phải tu-tập gọi là học **(sikkhâ)** có 3; giới **(sīla)**, định **(samâdhi)** tuệ **(paññā).**

Sự thu thúc thân và khẩu cho chơn chánh gọi là: "Giới"; sự trau dồi làm cho yên lặng gọi là : "Định"; sự biết rõ trong các sắc tướng gọi là "Tuệ".

✺

Phạm-tội

(Âpatti)

Tội phát sanh vì sự dễ duôi điều học mà đức Chánh-Biến-tri đã cấm chế [1] gọi là phạm tội.

Phạm tội ấy, gọi theo tên có 7 :

1o — Bất-cộng-trụ (pârâjika).

2o — Tăng-tàn (saṅghàdisesa).

3o — Trọng tội (thullaccaya).

4o — Ưng-đối-trị (pâcittiya).

5o — Ưng-phát-lộ (pâtidesanīya).

6o — Tác-ác (dukkaṭa).

7o — Ác-ngữ (dubbhâsita).

---

(1) cấm chế : nghĩa là không cho làm.

Tội bất-công-trụ mà Tỳ-khưu phạm, rồi chẳng còn làm Tỳ-khưu nữa được.

Tội tăng-tàn (saṅghâdisesa) nếu tỳ-khưu phạm rồi phải chịu hình phạt "cấm phòng" rồi mới khỏi tội được.

Còn 5 tội sau, khi Tỳ-khưu đã phạm phải cung-xưng sám-hối giữa Tăng, hoặc 2, 3 Tỳ-khưu , hoặc một Tỳ-khưu , rồi mới hết tội được.

✺

Thể thức phạm tội

(Âpattâpajjanâkâra)

Thể thức mà Tỳ-khưu phạm các tội có 6 :

1o — Phạm vì không hỗ-thẹn (alajjitâ).

2o — Phạm vì không biết tội **(aññâṇatâ)** là không biết rằng làm thế nầy, thế kia mà phạm.

3o — Phạm vì hoài nghi mà vẫn làm (kukkuccapakatatta).

4o — Phạm vì tưởng là nên trong điều không nên **(akappiye kappiya saññitâ)**

5o — Phạm vì tưởng là không nên trong điều nên **(kappiye akappiya saññitâ).**

6o — Phạm vì quên **(sati sammosâ).**

Chú giải : Nguyên nhân phạm tội do 6 điều ấy như vầy :

1. Phạm vì không hổ thẹn tội, là: Tỳ-khưu không biết xấu hổ tội (allajji) vì lòng riêng từ thương riêng (chandâgati), giận riêng (dosâgati), lầm riêng (mohâgati), sợ riêng (bhayâgati), mà phạm các điều học nhỏ, lớn, không biết xấu hổ, như thế gọi là : "phạm tội" vì không biết xấu hổ.

2. Phạm vì không thông luật cấm, là: Tỳ-khưu ngu dốt không biết rằng điều nào không nên làm rồi lầm lạc làm điều ấy, điều nào nên làm lại làm sai, quá pháp luật, cho phát sanh tội, hoặc không biết điều học của Phật chế cấm rồi làm như thế, gọi là : "phạm tội vì sự không thông".

3. Phạm vì hoài-nghi, là Tỳ-khưu có sự nghi-ngờ, không hỏi luật-sư, cầu xin quyết định trước, rồi mới nên làm như thế, rồi làm theo ý riêng của mình, vì sự nghi nan nên phạm tội. Khi đã nghi rồi, dù làm điều nên hoặc không nên, cũng không khỏi tội; đều đủ mỗi điều học, điều nào về tăng-tàn trọng tội, ưng-đối-trị hoặc tác-ác thì phạm theo điều ấy, như thế gọi là : "phạm tội vì hoài-nghi".

4. Phạm do tưởng trong điều không nên cho là nên, là: Tỳ-khưu tưởng trong thịt không nên dùng là như thịt gấu, thịt cọp, mà tưởng là thịt heo, hoặc thịt bò là thịt nên dùng, rồi ăn thì phạm tội; hoặc vật thực không nên dùng, tưởng là nên dùng, rồi ăn thì phạm tội; hoặc đã chinh xế, rồi tưởng là còn sớm rồi thọ thực thì phạm tội; như thế gọi là: "phạm tội vì tưởng trong vật không nên cho là nên".

5. Phạm vì tưởng trong vật nên dùng cho là không

nên là : Tỳ-khưu tưởng trong thịt nên dùng, như thịt heo, thịt bò, cho là thịt gấu, thịt cọp không nên dùng; rồi ăn vào thì phạm tội; hoặc ngày còn sớm tưởng là xế, rồi thọ thực vào thì phạm tội, như thế gọi là "phạm tội vì tưởng trong vật nên dùng cho là không nên".

6. Phạm vì quên là: tỳ-khưu nằm ngủ trong nơi lợp, che với người chưa tu lên bực Tỳ-khưu đến 3 đêm, qua đêm thứ tư, rồi quên đi nằm, ngủ chung trong nơi lợp, che nữa thì phạm tội: hoặc quên; lìa xa 1 trong 3 y nào thì phạm tội, hoặc thọ thuốc (đường, mật, sữa...) rồi cất giữ quá 7 ngày, thì phạm tội; hoặc thọ y dư để quên không gởi hoặc không cho đến kẻ khác quá 10 ngày thì phạm tội ưng-xã-đối-trị, như thế gọi là : "phạm tội vì quên".

✺

Chỗ sanh tội

(Samuṭṭhâna)

Chỗ sanh tội trong các điều học có 6 :

1. thân — 2. khẩu — 3. thân và khẩu — 4. thân và ý — 5. khẩu và ý — 6. thân, khẩu và ý.

Tội chỉ sanh nơi thân hoặc chỉ sanh nơi khẩu là 1 chỗ sanh như thế gọi "có 1 chi" (aṅga). Sanh nơi thân chung với khẩu, hoặc sanh nơi thân chung với ý, hoặc sanh nơi khẩu chung với ý, là 1 chỗ sanh, như thế, gọi là "có 2 chi". Sanh nơi thân chung với khẩu và ý là một chỗ sanh, như thế gọi là "có 3 chi".

3 chỗ sanh trước là : thân, khẩu, thân và khẩu gọi là chỗ sanh "không cố ý" [1] (acittaka samuṭṭhâna) nghĩa là : chỗ sanh của tội "không cố ý" không lẫn lộn với ý. Ba chỗ sanh sau là : thân ý khẩu ý, thân,khẩu,ý gọi là chỗ sanh cố ý (sacittaka samuṭṭhâna) nghĩa là : "chỗ sanh tội cố ý" lẫn lộn với ý.

Tội trong điều học mà tỳ-khưu dầu không cố ý cũng phạm gọi là "vô ý" (acittaka). Nếu cố ý, gọi là "cố ý" (sacittaka).

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm chỉ vì chỗ sanh thứ 4 là thân-ý, như trong điều học "bất cọng trụ, thứ nhứt" (dâm dục) (paṭhama pârâjika) ; chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 5, là khẩu ý như trong điều học "thuyết pháp đến phụ nữ" (dhamma desanâ sikkhâpada); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 6, là thân khẩu ý như trong điều học "chia rẻ Tăng" (saṅghabheda sikkhâpada) 3 chỗ sanh nầy gọi là 1 chỗ sanh.

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân) hoặc thứ 4 (thân-ý) như trong điều học "Tỳ-khưu thọ lông cừu" (elakalomasikkhàpada): phạm vì chỗ sanh thứ 2 (khẩu) hoặc thứ 5(khẩu, ý) như trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu lên bực Tỳ-khưu" (upasampanna) (pada dhamma sikkhâpada); phạm vì chỗ sanh thứ ba (thân-khẩu) hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) như trong điều học (lễ

---

(1) không cố ý làm cũng phạm tội

dâng y thứ nhứt) [1] (paṭhama Kaṭhina); phạm vì chỗ sanh thứ 4 (thân,ý) hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) như trong "điều học trốn quan-thuế" (theyya sattha sikkhâpada); phạm vì chỗ sanh thứ 5 (khẩu,ý) hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) như trong điều học "Tỳ-khưu-ni không hỏi trước mà làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ có tội" (corivutthâpana sikkhâpada), 5 điều học này gọi là "có 2 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu) thứ 3 (thân khẩu) như trong điều học "tỳ-khưu nói thiệt pháp cao nhơn" (bhùtârocana sikkhâpada); phạm vì chỗ sanh thứ 4 (thân,ý), thứ 5 (khẩu,ý) hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna sikkhâpada). Điều học nầy gọi là "có 3 chỗ sanh".

(Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 3 (thân,khẩu), thứ 4 (thân,ý), hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) nhưng trong điều học "Tỳ-khưu đi đường xa chung cùng Tỳ-khưu-ni", (addhânasikkhâpada) phạm vì chỗ sanh thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân,khẩu), thứ 5 (khẩu,ý), hoặc thứ 6 (thân,khẩu,ý) như trong điều học "Tỳ-khưu-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà cha mẹ chưa cho phép" (ananunnâta sikkhâpada), 2 điều học nầy gọi là "có 4 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh

1) Đại lễ dâng y đến Tăng trong 1 năm có 1 kỳ, từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân-khẩu), thứ 4 (thân-ý), thứ 5 (khẩu-ý), thứ 6 (thân-khẩu-ý) như trong điều học "làm mai dong" **(sañcarita sikkhâpada)**, điều học nầy gọi là "có 6 chỗ sanh".

Tất cả điều học, nói về chỗ sanh tội có 13; cả 13 tội ấy có 13 tên, do chỗ sanh theo điều-học chế ra lần đầu tiên như vầy "chỗ sanh điều-học bất-cộng-trụ thứ nhứt" (paṭhama pârâjika samuṭṭhàna), " chỗ sanh điều học trộm cắp " (adinnâdâna samuṭṭhâna), "chỗ sanh điều học làm mai-dong" **(sañcarita samuṭṭhâna)**, chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (samanubhâsana samuṭṭhâna), "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhama kaṭhina samuṭṭhâna), "chỗ sanh điều-học Tỳ-khưu thọ lông cừu" (elakaloma samuṭṭhâna), "chỗ sanh điều học" Tỳ-khưu đi đường xa chung cùng Tỳ-khưu-ni (addhâna samuṭṭhâna), chỗ sanh điều học trốn quan-thuế" **(theyya sattha samuṭṭhâna)**, "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" **dhammadesanâ samuṭṭhâna)**, "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu nói thiệt pháp bậc cao-nhơn" **(bhûtâ rocana samuṭṭhâna)**, "chỗ sanh điều học tỳ-khưu-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà cha mẹ chưa cho phép **(ananuññâtasamuṭṭhâna)**:

Phạm tội trong điều học phát sanh do thân và ý, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học bất-cộng-trụ thứ nhất" **(paṭhama pârâjika samuṭṭhâna)**.

Phạm tội trong điều học phát sanh vì cố ý (3 chỗ

sanh phía trước) điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học trộm cắp" **(adinnâdâna samuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học phát sanh do cả 6 chỗ sanh, điều học ấy gọi "chỗ sanh điều học làm mai dong" **(sacañritasamuṭṭhâna)**:

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do một chỗ sanh thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" **(samanubhâsana samuṭṭhâna):**

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 3 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhứt" **(paṭhama kaṭhina samuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu thọ lông cừu" **(elaka loma saṃuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học dạy kệ đến người chưa tu lên bậc Tỳ-khưu" **(padaso dhamma sanuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học phát sinh do chỗ sanh thứ 1, thứ 3, thứ 4 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu đi đường xa chung cùng Tỳ-khưu-ni" **(addhâna samuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" **(dhamma desanâ samuṭṭhâna);**

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" **(dhamma desanâ samuṭṭhâna)**;

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 chỗ sanh vô ý phía trước, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học nói thiệt pháp bậc cao-nhơn" **(bhùtâ rocanasamuṭṭhâna)**;

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 5 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ có tội" **(corivutthâpana samuṭṭhâna)**;

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2, thứ 3, thứ 5, thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà chưa có lịnh cha mẹ cho" **(ananuññata samuṭṭhâna)**.

Về tiếng gọi là "vì thể thức có chỗ sanh" ấy là nói về: làm **(kiriyâ)**, tưởng **(saññâ)**, ý **(citta)** tội **(vajja)** nghiệp **(kamma)**, tít-cá **(tikka)**, dạy người làm **(anatti)**, theo thứ tự như vầy :

Phạm tội trong các điều học vì làm **(kiriyâ)** có 5:

1o Phạm vì làm **(kiriyâ)**

2o Phạm vì không làm **(akiriyâ)**

3o Phạm vì làm và không làm **(kiriyâ akiriyâ)**;

4o Phạm vì làm cũng có, không làm cũng có **(siyâakiriyâ-siyâakiriyâ)** ;

5o Phạm vì làm cũng có, làm và không làm cũng có **(siyâkiriyâsiyâkiriyâ kiriyâ).**

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm do thân hoặc khẩu, như trong điều học "tỳ-khưu đào đất" **(paṭhavikhana sikkhâpada)** điều học ấy gọi là phạm vi làm **(kiriyâ).**

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì không làm, nghĩa là: tự mình phải làm hoặc phải nói mà không làm không nói, như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt **(paṭhama kaṭhina sikkhâpada)** không làm dấu và đặt tên, cất giữ y quá 10 ngày, như thế điều học ấy, gọi là phạm vì không làm **(akiriyâ);**

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì làm và không làm như trong điều học "thọ y nơi tay Tỳ-khưu-ni không phải bà con" **(cīvara paṭiggahana sikkhâpada)** không đổi trước [1] mới phạm tội, điều học nầy gọi là "phạm vì làm và không làm" **(kiriyâ akiriyâ);**

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì làm cũng có, không làm cũng có, như trong điều học "thọ bạc vàng, châu báu..." **(rùpiya paṭiggahana sikkhâpada),** có Tỳ-khưu phạm vì làm cũng có là thọ, bạc, vàng, châu báu...; có Tỳ-khưu phạm vì không làm cũng có, là không ra dấu ngăn cản bạc vàng, châu báu... mà người đem đến dâng cho, điều học nầy gọi là: phạm vì làm cũng có, không làm cũng có **(siyâkiriyâ siyâ akiriyâ);**

---

(1) Thọ là lầm, không đổi là không làm

Tội trong điều học mà tỳ-khưu phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có như trong điều học "Tỳ-khưu cất thất tô bằng vôi, hoặc bằng đất sét" **(kuṭikâra sikkhâpada)** có khi phạm tội vì cho Tăng chỉ chỗ, rồi làm thất lớn quá hạn định, điều học nầy gọi là phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có" **siyâkiriyâ siyâkiriyâ kiriyâ).**

Lại nữa, các điều học, nói về ý tưởng **(saññâ)** có 2 là: 1: khỏi phạm vì tưởng **(saññâvimokkha).**

2. Không khỏi phạm vì tưởng **(no saññâvimok kha).**

Trong điều học khỏi phạm vì tưởng, là không phạm vì tưởng, là không phạm tội, như nước có côn-trùng, mà tưởng rằng không có, rồi uống không phạm tội. Điều học nầy gọi là "khỏi phạm vì tưởng" **(saññâvimokkha).**

Trong điều học không khỏi tội vì tưởng, như mặt trời đã chinh-xế mà tưởng rằng chưa, rồi dùng vật thực thì phạm tội. Điều học nầy gọi là "không khỏi tội vì tưởng **(no saññâ vimokkha).**

Lại nữa, các điều học nói về ý có 2: "cố ý" **(sacittaka)** và "vô ý" **(acittaka).**

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh cố ý" **(sacittaka samuṭṭhâna)**, "thân-ý, khẩu ý, thân khẩu-ý", không lầm lộn với "chỗ sanh vô ý" **(acittakasa muṭṭhâna).** Điều học nầy gọi là "chỗ sanh cố ý" **(sacittaka samuṭṭhâna).**

Phạm tội trong điều học phát sanh vì 3 chỗ sanh

vô ý (**acittaka samuṭṭhâna**) là thân, khẩu, thân và khẩu. Điều học như thế gọi là vô ý (**acittaka**).

Điều học nào khởi phạm vì tưởng (**saññâ vimokkha**), điều học ấy gọi là vô ý (**sacittaka**).

Điều học nào không khởi phạm vì tưởng (**no saññâ vimokkha**), điều học ấy gọi là vô ý (**acittaka**).

Lại nữa các điều học nói về tội có 2, là :

1o Tội vì đời (**loka vajja**) :

2o tội vì Phật cấm (**paññatti vajja**).

Phạm tội trong điều học nào, dầu là vô ý, như điều học uống rượu (**surâpana sikkhâpada**) ý trong thời phạm về phần vô ý, dầu Tỳ-khưu không biết là rượu, rồi cho vào khỏi cổ thì phạm tội, ấy là ác tâm về gốc xan tham (**lobhamūla**). Điều học nầy gọi là phạm tội vì đời (**lokavajja**), là tội mà bậc trí-tuệ nên lánh, nên khinh khi trong đời.

Còn nói "cố ý biết vật không nên dùng, như biết là rượu rồi uống vì ý tham, không nói về cái ý biết luật cấm là biết rằng không nên, nếu đã biết không nên mà không tuân lịnh Phật, làm sái điều học, vì ý nào, ý ấy (ý bất bình, bực bội) là gốc tội. Cho nên điều học uống rượu (**surâpana sikkhâpada**), điều học "tỳ-khưu đi xem động binh đao" (**Uyyutta sikkhâpada**) và điều học "Tỳ-khưu đi đến nơi chiến trường" (**uyyodhika sikkhâpada**) mới gọi là vô ý, có tội về đời. Còn ý biết điều tội trong điều học nào dầu là lành, điều học ấy gọi tội vì Phật cấm, là có tội mà bậc trí-tuệ nên lánh vì Phật cấm.

Lại nữa, các điều học, nói về nghiệp có 3: thân nghiệp, khẩu nghiệp, thân và khẩu-nghiệp.

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm vì thân-môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ nhứt và thứ 4, điều học ấy gọi là "thân nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm vì khẩu-môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "khẩu-nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm trong thân và khẩu-môn, điều học ấy gọi là "thân-nghiệp khẩu-nghiệp".

Lại nữa tikka có 2 :

1o Phần tâm có 3 : chỉ nói về thiện-tâm.

2o Phần thọ có 3 : chỉ nói về thọ.

Tỳ-khưu, khi phạm tội có tâm lành phạm cũng có tâm dữ phạm cũng có, có tâm vô-ký như ngủ mà phạm cũng có.

Lại nữa, thọ khổ mà phạm cũng có, thọ vui mà phạm cũng có, thọ vô-ký mà phạm cũng có, như trong điều học nào, nếu nói: "chỉ có một tâm" (ekacittaṃ) nên hiểu là nói về ác-tâm: trong điều học nào, nếu nói: "Có 2 tâm (dvicittaṃ) nên hiểu là nói về tâm lành và tâm vô ký, trong điều học nào, nếu nói: "có 3 tâm (ticittaṃ) nên hiểu là nói về tâm lành tâm dữ và tâm vô-ký.

Trong điều học nào nói: "có 1 thọ" (ekavedanâ) nên hiểu là nói về thọ khổ, trong điều học nào, nói "có 2 thọ" (dvi vedanâ) nên hiểu là nói về thọ vui và thọ

vô-ký, trong điều học nào, nói: "có 3 thọ" (tisso vedanâ) nên hiểu là nói về thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

Lại nữa, phạm tội trong điều học mà Tỳ-khưu tự mình làm hoặc bảo người khác làm cũng phạm điều học ấy gọi là **"sânattika"**, trong điều học mà Tỳ-khưu tự mình làm mới phạm, bảo kẻ khác làm không phạm, điều học ấy gọi là **(anânattika).**

Những lời chú giải trên đây: có nói nhứt là về chỗ phát sanh tội **(samuṭṭhâna)**, ấy là để phân biệt cho thấy rõ tội trong mỗi điều học, sẽ giải ra sau này:

✺

ĐIỀU HỌC [1]
(Sikkhâpada)

(Luật cấm mà đức Chánh-Biến-Tri chế định từ điều gọi là "điều học" **(sikkhâpada).**

Điều học có trong "giới bổn" [2] **(pâṭimokkha)** cũng có, không có trong giới bổn cũng có.

Điều học có trong "giới bổn" **(pâṭimokkha)** là:

1. Bất-cộng-trụ **(pârâjika)** có 4 điều
2. Tăng-tàn **(saṅghâdisesa)** có 13 —
3. Bất-định **(aniyata)** có 2 —
4. Ưng-xả đối-trị **(nissaggiya pâcittiya)** có 30 —

---

(1) Điều học là điều mà bậc tu hành phải học tập.

(2) Cũng gọi là biệt biệt giải-thoát giới.

5. Ưng-đối-trị **(suddhika pâcittiya)** có 92 —

6. Ưng-phát-lộ **(pâṭidesanīya)** có 4 —

7. Ưng-học-pháp **(sekhiyavatta)** có 75 —

Tổng-cộng : 220 điều

kể thêm 7 điều diệt tránh **(adhikaraṇa samatha)** thành (220 + 7 = 227) điều.

✺

BIỆT-BIỆT GIẢI THOÁT THU-THÚC GIỚI

(Pãtimokkha saṃvarasīla) [1]

I.— Bốn điều Bất-cộng-Trụ [2] (Pãrãjika)

1)— **Hành-Dâm (Methuna dhamma)** Tỳ-khưu hành-dâm phạm tội Bất-Cộng-Trụ.

Điều học nầy đức Thế-Tôn cấm chế tại xứ **Kalanda** gần thành **Vesãlĩ**, do Tỳ-khưu **Sudinna** hành-dâm với vợ cũ.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu đã thọ Cụ-Túc-Giới và nuôi mạng chơn-chánh theo các vị khác, rồi chưa Xả tam-y

---

(1) Nghĩa là giữ đặng một giới thì khỏi phạm một tội.

(2) Bất-Cộng-Trụ, nghĩa là không được ở chung với các Tỳ-khưu khác.

(3) Tương truyền là đời nọ đến đời kia.

(4) 11 hạng người không thể tu lên bậc Tỳ-khưu được là:

1) — Người bán Nam bán Nữ (Bộ-nấp).

2) — Người có cả 2 bộ sanh trược khí.

hoàn-tục mà hành-dâm, dầu là dâm với súc-sanh, cũng phạm Bất-Cộng-Trụ.

Tỳ-khưu là người đã thọ Cụ-Tục-Giới theo chánh pháp của Phật đã khẩu-truyền cho Tăng chúng thu nhận, rồi hòa-hợp tiếp nối tương-truyền [3] cho nhau bằng lời tụng tuyên-ngôn 4 lần **(catuttha-kammãvacã)** tránh khỏi 5 điều hư hỏng là:

1) — Hư hỏng vì Giới-Tử **(vatthuvipatti)** [4].

2) — Hư hỏng vì đọc sai giọng Phạn-ngữ **(Natthivipatti)** [3].

3) Hư hỏng vì hỏi thiếu **(Anussavanavipatti)** [4].

4) Hư hỏng vì địa phận Tăng hành sự phân ranh không đúng phép **(Sĩmã vipatti).**

5) Hư hỏng vì thiếu số Tăng [5] **(Purisavipatti).**

Như thế mới gọi là Tỳ-khưu; Tỳ-khưu là người xin ăn, là xin được hoặc không cũng vẫn tự nhiên, xin theo thể thức của bậc Thánh Nhơn. Sớm mai mặc Y cho kín mình, mang bát đến đứng trước nhà của thí-chủ không kêu gọi xin ngay nơi người nào, cũng không liếc xem thí-chủ là người cao, thấp, trắng, đen, mập, ốm, trai, gái.

Tỳ-khưu dầu già, trẻ, cao hạ hoặc mới xuất gia,

---

3) — Người giả tu-hành. 4) — Người còn theo ngoại-đạo.

5) — Không phải người (Loài-thú). 6) — Người giết Cha.

7) — Người giết Mẹ. 8) — Người giết A-LA-HÁN. 9) — Người chích máu Phật. 10) — Người chia rẽ Tăng. 11) — Người hành-dâm Tỳ-khưu-ni.

(3) Do vị A-xà-Lê hoặc giới-tử đọc trật tên giới-tử tên vị Hòa-thượng, tế độ, tên Tăng v.v...

(4) Do vị A-xà-Lê không hạch hỏi cho đủ các món cần dùng theo

nếu có sự biết mình (6) cố ý muốn bỏ tướng mạo Tỳ-khưu và tỏ lời xả điều học (giới) không nói chơi không nói lầm lộn, mới gọi là xả điều học. Còn đọc xả điều học có đến 22 cách, nhưng đây chỉ kể vài câu thường dùng là :

Sikkhaṃ paccakkhãmi (Tôi xin xả điều-học) **vinayaṃ paccakkhãmi** (Tôi xin xả Luật). **Gihĩtimaṃ dhãrehi** (Xin Ngài ghi nhớ rằng tôi là người thế).

Upãsakotimaṃ dhãrehi (Xin Ngài ghi nhớ rằng tôi là người cận sự Nam).

Tỳ-khưu có lòng thiệt xả bỏ điều-học, đến Vị nào, Vị ấy được nghe và biết rõ lời xả ấy. Như thế mới gọi là xả điều học.

Về sự hành dâm **(Methuna dhamma)** là để ngọc hành của mình vào khiếu của người, của thú sống hoặc đã chết song khiếu chưa rã, hoặc chưa bị thú bươi mổ nhiều chỗ, dầu cho ngọc hành vào bằng một hột mè hoặc bằng đầu sợi tóc, vì lòng vui thích, hoặc có kẻ khác dọa hầm đè ép ngọc hành của mình rồi vui thích trong bốn thời là :

1) Lúc để ngọc hành vào.

2) Cho ngọc hành vào khiếu.

3) Khi vào rồi để đó.

---

bổn-phận của Tỳ-khưu như (Y-Bát, v.v...)

(5) Do Tăng không đủ số (từ 5 vị trở lên) để chứng nhận.

(6) Là Tỳ-khưu không phải người điên, không có tâm tán-loạn, không hôn mê.

4) Rút ngọc hành ra; Hoặc ngọc hành của mình dài rồi đem vào miệng mình, hoặc lưng điệu xuống mút ngọc hành của mình vì lòng vui thích.

Những thể cách như thế gọi là hành dâm. Tỳ-khưu hành dâm phạm tội "Bất-công-trụ" (**Pãrãjika**) không được phép hành Tăng sự chung cùng các vị Tỳ-khưu khác.

30 khiếu phát sanh chỗ hành dâm là :

— Nữ nhơn có.	3 khiếu
— Nữ Phi nhơn có	3 khiếu
— Thú cái có.	3 khiếu

Chúng sanh có cả 2 bộ sanh trược khí :

— Nhơn có.	3 khiếu
— Phi nhơn có	3 khiếu
— Thú có	3 khiếu
— Nam nhơn có	2 khiếu
— Phi nhơn Nam có.	2 khiếu
— Thú đực có	2 khiếu
— Bộ nấp nhơn có	2 khiếu
— Bộ nấp phi nhơn có	2 khiếu
— Bộ nấp thú có	2 khiếu
Tổng cộng là :	30 khiếu

Về phần Thú như vầy: Thú không thuộc loại có mình dài như rắn. Thủy tộc như cá, rùa v.v..đều có 3 khiếu vừa cho ngọc hành vào, dầu chỉ bằng hột mè

hoặc cộng tóc. Như thế là vật của tội "Bất-cộng trụ". Những khiếu nhỏ hơn là vật của tội "tác ác".

Về loại có 2 chân như: quạ, gà...Thú có .4 chân nhưng thú nhỏ. Nên hiểu là: Vật của tội "Bất cộng-trụ và tác ác" như đã nói.

Tỳ-khưu có mụt ruồi hoặc lông mọc nơi ngọc hành của mình còn biết sự tiếp xúc, cho vào 1 trong 30 khiếu như đã nói, dầu khiếu ấy mà da và thịt đã lột lở hết, song khiếu còn rõ rệt, nếu có ý muốn, rồi hành dâm thì phạm tội "bất-cộng-trụ".

Tỳ-khưu có lông hoặc mụt ruồi mọc nơi ngọc hành, không còn biết sự tiếp xúc, cho vào khiếu như đã giải phạm tội "tác ác". Nếu các khiếu ấy đã lở hết, dầu hình dạng các khiếu ấy chẳng còn sót, mà Tỳ-khưu cố ý cho ngọc hành vào nơi ấy phạm "trọng tội".

Tỳ-khưu cho ngọc hành vào nhãn môn, nhĩ môn, tĩ môn, và thẹo ghẻ (phạm khí giới) của loài người phạm "trọng tội". Thẹo ghẻ, lỗ mũi của thú lớn như voi, ngựa, tử thi của loài người bị thú ăn nửa thân mình, chưa sình, lưỡi hoặc răng bày ra ngoài miệng, đều là vật của "trọng tội". Lỗ mắt, lỗ mũi, miệng, ghẻ trong thân loài thú nhỏ không thể cho ngọc hành vào được và khiếu đã lở, trong tử thi của người đã sình, đều là vật của tội "tác ác".

Tỳ-khưu để ngọc hành vào miệng tử thi không đụng các phía, phạm "tác ác".

Những điều giải trên là phần phạm tội. Còn về thể thức không phạm tội trong điều học này là: Tỳ-khưu không biết, không vui thích hoặc điên, tâm

tán loạn, bị bịnh hôn mê và Tỳ-khưu phạm đầu tiên hết.

Tỳ-khưu ngủ quên (mê) có người đến hành dâm mà không hay biết, không phạm tội, tỳ-khưu biết song chẳng vui thích chi cả, như thế gọi là không vui thích không phạm tội. Tỳ-khưu điên hoặc có người làm cho tâm tán loạn [1], Tỳ-khưu bị bịnh nặng làm cho tâm hôn mê, như thế gọi là hôn mê, không phạm tội. Tỳ-khưu hành dâm đầu tiên (trước hết) làm cho đức Thế-Tôn ra điều luật cấm chế như tỳ-khưu Sudinna phạm tội hành dâm trước hết các tỳ-khưu khác "Gọi là người phạm đầu, bị cấm chế" **(Adikammika)** không phạm tội.

Lại nữa, điều học không phạm tội "Bất-cộng-trụ" vì dạy kẻ khác **(Anãnattika).** Song không khỏi phạm tội "tác ác" **(dukkaṭa).** Có 2 chi : 1) ý tính hành-dâm **(sevanacittam).** 2) Cho ngọc hành vào khiếu, tiếp xúc nhằm một chỗ khiếu nào. **(Maggena maggapatipãdanam).** Như thế mới phạm tội " Bất-cộng-trụ " bằng không đủ 2 chi cũng không phạm tội.

Điều học nầy có 1 chỗ sanh tội **(Samutṭhãna)** gọi là chỗ sanh tội "điều học Bất-cộng-trụ thứ nhứt" **(Paṭhama pãrãjika samuṭṭhãna);** nghĩa là phát sanh do thân và ý 1 chỗ sanh, phạm vì làm **(Kirayã)** khỏi phạm vì tưởng **(Saññãvimokkha);** Phạm vì cố ý **(Sacittaka).** Phạm tội vì đời chê trách **(Lokavajja).** Phạm do thân nghiệp **(Kãyakamma)** ác tâm **(Akusalacitta);** thọ vui và vô ký **(Dvivedanam).**

2.- Trộm cắp (Adinnãdãnã)

Tỳ - khưu trộm cắp của người đáng giá **5 mãsaka** [1] trở lên phạm tội "Bất-Cộng-Trụ" điều học nầy đức Thế-Tôn cấm chế tại núi Kỳ-đà-Quật **(Gijjakūta)** gần thành Vương-xá **(Rãjagaha)** do Tỳ-khưu **Dhaniya** lấy cây của vua Tần-Bà-Sa **(Bimbisãra)** đem đi cất Tịnh-Thất.

CHÚ-GIẢI: Thể thức trộm cắp có 6 là :

1) — Kiện lấy **(Adiyana)** là kiện lấy ruộng vườn, đất của kẻ khác về làm của mình. Trong khi kiện phạm tội "tác ác". Khi chủ đất nghĩ rằng: Ta được hay không được". Tỳ-khưu phạm trọng tội". Khi chủ bỏ hẳn rằng "không còn là của ta nữa" và Tỳ-khưu quyết định không trả của ấy lại cho họ mới phạm tội "Bất-cộng-Trụ".

Nếu Tỳ-khưu thầm tính : chỉ dọa hẫm thôi thì chưa phạm tội "Bất-Cộng-Trụ". Khi nào cả 2 bên là Tỳ-khưu chắc chắn không trả lại cho chủ và chủ cũng đã định bỏ của ấy không kêu nài, mới phạm "Bất-cộng-Trụ".

2) — Tiếp đem đi **(harana)** Tỳ-khưu tiếp (đội, vác) đem của người đi. Nếu cố ý rờ đụng vật (đội) ấy phạm tội "tác ác" mỗi lần rờ đụng làm cho vật ấy cử

---

(1) 5 MÃSAKA là giá bạc thông dụng ngày xưa bên xứ Trung Ấn Độ, bằng 6 cắc bạc của ta .

động qua lại, phạm "trọng tội"; mỗi lần cử động để vật ấy xuống vai hoặc dở hõng đầu, phạm "Bất-Cộng-Trụ". Còn về vác gánh trên vai và đem cầm nơi tay cũng kể như đội trên đầu.

3) — Dấu nói ngược **(Ayaharana)** Tỳ-khưu lãnh của người gởi, khi người chủ đến đòi, Tỳ-khưu cố ý dấu, rồi nói ngược lại rằng :

Ta không biết, ta không có lãnh của người đâu; cố ý như thế phạm tội "Tác ác". Làm cho người chủ nghi ngờ, phạm trọng tội. Khi người chủ tính bỏ vì không đòi được, và Tỳ-khưu quyết định, không cố ý trả lại, phạm "bất-cộng-trụ" (1).

4) — **Làm cho đổi oai nghi** (iriyapathavikopana) Tỳ-khưu cố ý trộm cắp đem của cải và người mang của, rồi đuổi người mang của ấy, đi khỏi bước đầu theo ý mình, phạm trọng tội, đi khỏi bước thứ nhì phạm "bất-cộng-trụ".

5) — **Dời khỏi chỗ** (ṭhânâcâpana): Tỳ-khưu tính trộm cắp của để trên khô hoặc trong nước, rồi đụng chạm nhằm, phạm tác-ác; làm cho vật cử động tới lui, phạm trong tội; làm cho vật ấy ra khỏi chỗ, phạm "bất-cộng-trụ".

6) — **Qua khỏi chỗ quan thuế tra xét** (sanketavitinâmana): Tỳ-khưu biết chỗ quan thuế đi đến chỗ tính không đóng thuế, cố ý rờ đụng cầm lấy vật mà mình đem đi, đáng giá thuế: 6 cắc phạm

(1) Của người gởi, tỳ-khưu làm mất không chịu bồi thường cũng phạm "bất-cộng-trụ".

tác-ác; đi bước đầu ra khỏi chỗ quan thuế phạm trọng tội; đi qua bước thứ hai, phạm "bất-cộng-trụ".

Lại nữa, Tỳ-khưu dạy các vị khác đi trộm cắp, rằng: "Ông đi trộm lấy vật ấy", Tỳ-khưu dạy phạm tác-ác trong lúc dạy; Tỳ-khưu đi trộm phân biện rằng: "của nầy hoặc vật này, hoặc biết rằng: vật khác, rồi đi lấy được, theo lời dạy như thế, cả hai đều phạm tội. Nếu Tỳ-khưu trộm cắp phân biện rằng vật nầy, hoặc vật khác; rồi trộm được vật khác, ngoài ra vật của Tỳ-khưu dạy đi ăn trộm và đã nhứt định, như thế Tỳ-khưu dạy không phạm, tỳ-khưu đi trộm, phạm "bất-cộng-trụ" thôi.

Tỳ-khưu dạy rằng : " Ông đi trộm của ấy, vật ấy của người kia trong giờ nào, trộm trong giờ ấy. Như thế, nếu Tỳ-khưu dạy trộm được theo giờ đã định, cả hai Tỳ-khưu đều phạm tội " bất-cộng-trụ" trong giờ trộm : Nếu trộm ngoài giờ dạy, Tỳ-khưu dạy không phạm, Tỳ-khưu trộm, phạm " bất-cộng-trụ " thôi.

Nhiều Tỳ-khưu rủ nhau đi trộm, chỉ có một vị trộm được, cả thảy cũng đều phạm tội " bất-cộng-trụ".

Tỳ-khưu hăm dọa cho người sợ để lấy của như của " bọn trộm cướp ", phạm " bất-cộng-trụ ".

Tỳ-khưu đổi thẻ có viết tên vị khác mà thí chủ để trên y đem bố-thí. Lấy thẻ của người cao giá, hoặc thấp giá hơn hoặc bằng giá như nhau, để gần của phần mình, Tỳ-khưu cầm thẻ của mình lên, vì muốn để trong phần của người khác; lấy thẻ của mình hoặc của người, mà chưa đổi thẻ để xuống, phần của

người về mình, phần của mình về người thì chưa phạm, khi đổi xong, để thẻ xuống rồi mới phạm " bất-cộng-trụ ".

Lại nữa, Tỳ-khưu tính trộm của người rồi đi, lúc đi trộm, đi mỗi bước là một tác-ác, rờ đụng nhằm cũng phạm tác-ác, làm cử-động của trộm, phạm trọng tội; đến khi trộm được của giá đáng 1 cắc phạm tác-ác, nếu của ấy giá đáng hơn một cắc trở lên, chưa đến 6 cắc, phạm trọng tội. Của ấy đủ 6 cắc hoặc nhiều hơn, phạm " bất-cộng trụ".

Lại nữa, điều học trộm cắp nầy rất sâu xa, vi-tế có giải trong luật (**samantapāsādika**). Đây chỉ giải tóm tắt vậy thôi, và chư vị A-la-hán có dạy " điều học này rất cao sâu, khó định nghĩa được. Cho nên khi có người tố cáo tỳ-khưu trộm cắp, dầu luật-sư có hỏi theo thể thức trộm cắp, nếu thấy cũng không nên vội định tội, nên hỏi đến 5 điều nầy trước:

1. Vật (**vatthu**).
2. Giờ (**kala**).
3. Chỗ (**padasa**).
4. Giá (**agha**).
5. Dùng (**paribhoga**).

" Vật " là của mà Tỳ-khưu trộm, đem vật ấy đến hỏi tra coi, vật ấy có chủ hay không, nếu có chủ, sau khi trộm được, chủ còn thương tiếc hay bỏ. Nếu chủ còn thương tiếc, phải xử theo giá vật trộm; bằng chủ đã bỏ, không nên xử phạm " bất-cộng-trụ ". Nếu chủ đòi thì nên trả lại, như thế mới là chơn chánh.

" Thời " là lúc trộm vật ấy, có khi của ấy cầm giá, có khi lên giá.

" Xứ " là chỗ mà Tỳ-khưu trộm của được, trộm trong xứ nào, phải xử theo giá trong xứ ấy.

" Giá " là giá của vật trộm đã dùng rồi hoặc chưa. Nếu vật ấy người đã "dùng " rồi thì giá rẻ.

Ấy là 5 điều nên tra hỏi trước.

Thể thức không phạm tội

Tỳ-khưu tưởng là của mình rồi cầm lấy, lấy vì thân-thiết với nhau, mượn nhau để dùng, vật ấy của tinh, quỉ hoặc súc sanh, không phải của người lượm ngoài đường là vật không có chủ và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy phạm tội vì dạy người khác trộm (**sanattika**) có 5 chi :

1o Của người gìn giữ (**paraparigga hitaṃ**).

2o Tưởng là của người gìn giữ (**paraparigga-hitasaññitâ**).

3o Của ấy giá đáng 1 bát [1] hoặc cao hơn (**garuparikkhâro**)

4. Ý tính trộm cắp (**theyyacittam**).

5. Đã trộm được theo lẽ đã giải trước (**avaharanaṃ**).

Đều đủ cả năm chi ấy mới phạm "bất-cộng-trụ". Điều học này có 3 chỗ sanh gọi là " chỗ sanh tội trộm

(I) Bát bên xứ trung " Ấn-Độ " thuở ấy giá bằng 6 cắc trong nước ta, lưu hành đến ngày nay.

cắp " (**adinnâdâna samuṭṭhâna**) **là :** tội sanh do : 1° thân-ý, 2° khẩu ý, 3° thân-khẩu-ý, phạm vì làm (**kiriyâ**), khỏi tội vì tưởng (**saññâvimokkha**) phạm vì cố ý (**sacittaka**), phạm tội vì đời (**lokavajja**), thân nghiệp (**kâyakamma**), khẩu-nghiệp (**vacīkamma**), ác tâm (**akusalacitta**) có 3 thọ : thọ khổ (**ekâvedanâ**), thọ vui (**dvivedanâ**) thọ vô ký (**tissovedanâ**).

3. Giết người (Manussa viggaha). — Tỳ-khưu cố ý giết người phạm tội " bất-cộng-trụ ".

Điều học này đức Thế-Tôn cấm chế tại phước xá [1] có đãnh trong rừng Tuyết-sơn gần thành Quê-sa-li (**Vesâli**) do chư sư sát hại lẫn nhau vì được nghe đức Phật giảng giải sự ô-trược và điều khổ của thân ngũ-uẩn, rồi tưởng lầm, nên giết lẫn nhau cho hết khổ.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu cố ý giết người dầu là bào chế thuốc uống, đập, đánh, chỉ cách giết, hoặc để khí giới giết người, hoặc giảng lời tặng khen về sự chết rằng : người sống có ích chi, xấu xa, đê hèn, không bằng chết còn hơn, chết sanh về cõi vui, hoặc dạy cách chết, là dạy " người nên đâm họng, nên uống thuốc độc... giải như thế mà người chết trong khi ấy, hoặc lâu ngày mới chết, tỳ-khưu phạm "bất-cộng-trụ ".

Người là vật của " bất-cộng-trụ ", không phải người (phi-nhơn) tinh, quỉ là vật của " trọng tội ", thú là vật của "ưng-đối-trị ".

---

(1) Phước xá này cất trong rừng lớn gần biển và núi Tuyết-sơn

Tỳ-khưu dạy người giết có 6 điều :

1. Định giết người. — Dạy kẻ nào, người chịu lời đi giết kẻ ấy thì phạm tội cả hai người, (người dạy và người đi giết), nếu giết lầm kẻ khác, người bảo không phạm " bất-cộng-trụ ".

2. Định giờ.— Nếu người chịu lời, giết ngoài giờ dạy, thì người dạy không phạm " bất-cộng-trụ "

3. Định chỗ.— Nếu Tỳ-khưu dạy giết người ở trong nhà nầy, nơi khoảng trống kia, mà người chịu lời, lại đi giết ngoài chỗ đã định, thì người dạy không phạm " bất-cộng-trụ ".

4. Định khí giới.— Dạy người giết bằng đao, chĩa, người chịu lời lại giết bằng khí-giới khác, thì người bảo giết không phạm " bất-cộng-trụ ".

5. Định oai nghi.— Dạy giết kẻ đứng hoặc đi, người chịu lời lại giết kẻ ngồi hoặc nằm, thì người bảo giết không phạm "bất-cộng-trụ".

6. Định cách giết.— Dạy tiếng giết bằng cách đâm hoặc chém, người chịu lời lại giết bằng cách đánh hoặc cưa, thì người bảo giết không phạm " bất-cộng-trụ ".

Lại nữa, nếu người chịu lời đi giết không được người dạy, bảo thêm rằng : nếu ngươi có thể giết được giờ nào, nên giết giờ ấy, như thế dầu là lâu đến đâu, người giết chắc sẽ giết được, người dạy phạm trọng tội trong lúc dạy, người giết phạm tội trong khi giết.

Tỳ-khưu đào giếng, đào hầm, gài bẫy để khí-giới

hoặc bỏ thuốc độc để giết người, nếu muốn giết người nào, người ấy chết mới phạm tội, bằng không, định nghĩa rằng : " nhằm kẻ nào thì kẻ ấy chết ", như thế phạm tội theo hạng người chết; như nhằm A-la-hán, cha, mẹ của Tỳ-khưu ấy chết thì phạm ngủ nghịch đại tội và " bất-cộng-trụ ".

Nếu kẻ khác hoặc tinh, ngạ-quỉ, hoặc thú chết thì phạm trọng tội hoặc ưng-đối-trị.

Nếu Tỳ-khưu đưa bẩy, viết thơ cho kẻ khác hoặc bán cho người đem dùng để giết thì phạm tội cả 2 bên.

Nếu Tỳ-khưu ăn năn đi đòi hoặc mua vật ấy lại mới khỏi tội. Tỳ-khưu tự mình làm bẩy, viết thơ nên đem đốt cho hết mới khỏi tội. Nếu đốt chưa cháy hết, kẻ khác đem giết người, Tỳ-khưu cũng không khỏi tội; thơ chưa cháy tiêu có kẻ khác đem học biết cách để giết người, rồi giết theo thơ ấy, Tỳ-khưu cũng không khỏi tội.

Tỳ-khưu đào giếng, đào hầm cho sanh vật chết, lúc đào phạm tội tác-ác mỗi lần đào; nếu thú, phi-nhơn sa vào bẩy, Tỳ-khưu phạm tội tác-ác, thú chết phạm ưng-đối-trị, phi-nhơn chết phạm trọng tội. Người mắc bẫy phạm trọng tội, chết phạm "bất-cộng-trụ ".

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu không cố ý giết, không biết (như không biết trong cơm có thuốc độc, đem cho kẻ khác ăn rồi chết, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội).

Điều học nầy " phạm tội vì dạy kẻ khác giết " (**sânattika**) có 5 chi:

1o Loài người (**manussajâtipâṇo**).

2o Biết là người có sanh mạng (**pâṇasaññitâ**)

3o Cố ý giết (**upakkamo**).

4o Rán sức giết theo 1 trong 6 điều đã giải (**vadhakacittaṃ**).

5o Người ấy chết vì mình rán sức (**tena maranaṃ**)

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm " bất-cộng-trụ ".

Chỗ sanh tội (**samuṭṭhâna vidhi**) như trong điều học trộm cắp (**adinnâdâna samuṭṭhâna**) phạm vì làm (**kiriyâ**), khỏi phạm vì tưởng (**saññâvimokkha**). Cố ý (**sacittaka**), phạm vì tội đời (**lokavajja**), thân nghiệp (**kâyakamma**), khẩu nghiệp (**vacïkamma**), ác tâm (**akusalacitta**) thọ khổ (**ekâvedanâ**).

4. Khoe pháp bậc cao nhơn.— (Uttarimanussadhamma). Tỳ-khưu khoe pháp của bậc cao nhơn, là pháp của người cao thượng mà tự mình không có, phạm " bất-cộng-trụ ".

Điều học nầy đức Thế-tôn cấm chế tại phước xá, có đãnh (**Ruṭâgârasâlâ**), trong rừng Tuyết-sơn gần thành Quê-sa-li (**Vâsâli**) do nhóm Tỳ-khưu tu gần mé sông "**Vaggumudâ**" khoe pháp bậc cao cho người tín-ngưỡng bố thí.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu chửa giác ngộ, song là người ham muốn sự tặng khen, rồi khoe rằng đắc pháp bậc cao thượng, mà tự mình chưa được, nếu có

người biết nghe rõ, trong khi ấy, sau rồi bị tra hỏi hoặc không bị tra hỏi, Tỳ-khưu ấy cũng phạm "bất-cộng-trụ " trong khi khoe ấy : Dầu muốn được trong sạch, hoàn-tục rồi trở lại nói rằng : " Tôi không đắc đạo cao-nhơn, cố-ý nói đắc, là tôi nói dối, như thế ấy cũng không phạm " bất-cộng-trụ ".

Pháp của bậc cao nhơn là " 4 thiền hữu-sắc, 4 thiền vô-sắc, lục-thông [1]; 4 đạo, 4 quả và Niết-bàn; 37 phần pháp bồ-đề; không tham; không sân; không si, 3 cái giác; 8 cái giác... đều là pháp của bậc cao nhơn, vì người nào đắc các pháp ấy đều gọi là bậc cao thượng, hơn thường nhơn.

Tỳ-khưu không có pháp cao nhơn trong mình mà nói rằng : "Ta đắc sơ-thiền... ta đắc thần-thông, ta đắc quả... nói như thế, khi tính nói cũng biết ta sẽ nói dối, lúc đang nói cũng biết ta đang nói dối, khoe đến kẻ nghe khác, kẻ ấy dầu là bậc xuất gia hay cư-sĩ được hiểu biết trong khi ấy rằng :" vị Tỳ-khưu đã đắc thiền-định, đạo quả... " họ tin thiệt hoặc không tin lời nói thật; Tỳ-khưu cũng phạm "bất-cộng-trụ ".

Nếu nói đến người nghe, không hiểu biết; Tỳ-khưu phạm tội trọng ; muốn khoe khoang mà nói mé rằng : " Người nào ngụ trong chùa nầy; đều là người đắc thiền-định ", người nghe hiểu biết trong

---

(I) Lục-thông là; nhãn thông, nhĩ thông, tha-tâm-thông túc-mạng thông, thần-túc thông, lậu-tận thông.

khi ấy, tỳ-khưu phạm trọng tội, người nghe không hiểu biết tỳ-khưu phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội

Nói thiệt rằng mình đã đắc... không cố-ý khoe và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy, không phạm tội vì dạy người khác khoe **(anânattika)**, có 5 chi :

1* Khoe pháp cao-nhơn mà tự mình không có **(Uttari manussadhammassa attâni asantatâ).**

2* Khoe vì muốn được lợi, được khen **(pâpicchatâya tassa ârocanam).**

3* Khoe theo lời của người khác **(anaññâpadeso)**

4* Khoe nói đến người nào, người ấy là loài người **(yassu âroceti tassa manussajâtikatâ).**

5* Khoe mà người nghe hiểu biết rõ rệt trong khi ấy **(tamkhanam vijânanam).**

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm " bất-cộng-trụ ".

Chỗ sanh tội **(samuṭṭhâna)** cũng như trong " điều học trộm-cắp **(adinnâdâna).**

✺

ĐỨC PHẬT GIẢI VỀ NĂM BỌN CƯỚP LỚN

Nầy các Tỳ-khưu ! Trong Phật-pháp nầy có 5 bọn Tỳ-khưu cướp lớn. Nầy, các Tỳ-khưu ! Năm bọn Tỳ-khưu cướp lớn như thế nào ?

Nầy, các Tỳ-khưu ! Có bọn cướp lớn trong thế gian, suy xét rằng : bao giờ ta được một trăm hoặc

một ngàn bộ hạ qui thuận, ta sẽ vào trong xóm, làng, châu, quận giết hại đốt phá hoặc bảo kẻ khác giết hại đốt phá dân cư ấy. Đến sau bọn cướp ấy được một trăm hoặc một ngàn người tùy tùng, rồi đem nhau vào xóm, làng, châu, quận đánh đập giết hại các cư dân ấy, thế nào; nầy khác tỳ-khưu ! Sự suy xét của tỳ-khưu ác trong Phật-pháp nầy cũng như thế. Tỳ-khưu ác ấy suy xét rằng: bao giờ ta được một trăm hoặc một ngàn người sùng bái ta sẽ vào xóm, làng, châu, quận, ta sẽ được các thứ y, món ăn, chỗ ở và thuốc men mà các hàng cư-sĩ hoặc bậc xuất-gia thành-tâm cúng dường. Đến khi sau Tỳ-khưu ác ấy, được một trăm hoặc một ngàn người phục tùng rồi vào xóm, làng, châu, quận xin được y, vật-thực, chỗ ở và thuốc men mà các hàng cư-sĩ hoặc bậc xuất-gia hết lòng tôn kính cùng dường. Nầy, các tỳ-khưu ! Tỳ-khưu ấy, gọi là kẻ cướp lớn thứ nhứt, có rõ rệt trong thế gian.

Nầy các tỳ-khưu ! Còn nguyên nhân khác nữa : trong Phật-pháp nầy, có Tỳ-khưu ác, học hỏi pháp luật mà Như-lai đã giảng giải, rồi tự mình thiêu đốt lấy mình. (1)

---

(1) Kinh chú giải có nói: Tỳ-khưu biết dạy học phạm ngữ và lời chú giải có tài thuyết Pháp hay, khi đã thuyết xong, có người hỏi; Ngài học với thầy nào. — Tỳ-khưu ấy dấu pháp danh của thầy; đáp : chẳng có thầy nào có thể dạy ta được cả, ta chỉ biết ở nơi ta.

(2) Cáo vì không được thấy tận mắt, không được nghe, không nghĩ trong tâm.

(3) Cáo rằng phạm tội hành dâm.

Nầy, các Tỳ-khưu ! Tỳ-khưu ấy gọi kẻ cướp lớn thứ nhì, có rõ rệt trong thế-gian.

Nầy các Tỳ-khưu ! Còn nguyên-nhân khác nữa trong Phật-pháp này có bọn Tỳ-khưu ác vô cớ [2] tố-cáo Tỳ-khưu trì-giới thanh-cao đang hành-pháp cao-thượng trong sạch, rằng tu hành không cao-thượng [3]

Nầy các Tỳ-khưu ! Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ ba, có rõ rệt trong thế-gian.

Nầy, các Tỳ-khưu ! Còn có nguyên-nhân khác nữa, trong Phật-pháp nầy, có Tỳ-khưu ác, muốn làm cho vừa lòng hàng cư-sĩ, đem tài sản của Tăng hoặc phụ tùng là: 1. bông và cây — 2. chỗ trồng bông và trồng cây. — 3. tịnh-thất. — 4. chỗ cất tịnh-thất. — 5. giường. — 6. bàn thấp dài. — 7. nệm. — 8. gối.— 9 nồi. — 10. cân — 11. thùng. 12. chậu làm bằng loại kim. — 13. dao nhỏ. — 14. búa. — 15. riều. 16. xuổng. — 17. [4] vá: — 18. giây. — 19. tre dài 8 ngón tay trở lên.— 20 cỏ thường. — 21. cỏ năn nỉ: — 22. cỏ ống. — 23. đất sét. — 24. vật làm bằng cây. — 25. vật làm bằng đất.

Nầy, các Tỳ-khưu ! Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ tư, có rõ rệt trong thế-gian.

Nầy các Tỳ-khưu ! Tỳ-khưu nào khoe pháp bậc cao nhơn, mà chính mình không có rõ rệt, Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp thứ năm, là kẻ cướp lớn tột bực trong thế gian và luôn cả cõi trời, cõi Dạ-ma-thiên (**Yâmâ**)

(4) Tài sản của Tăng từ số 9 đến 17 đều làm bằng kim loại

cõi Phạm-thiên, trong các bọn chúng sanh cho đến sa-môn, bà-la-môn và các bậc vua chúa.

Vì sao Như Lai giải như thế? Nầy, các Tỳ-khưu, vì Tỳ-khưu cướp cục cơm của hàng cư sĩ đem ăn. (Đức Chánh-Biến-Tri muốn cho việc nầy được rõ rệt, mới giải thêm kệ ngôn sau nầy):

Tỳ-khưu nào tu-hành không được trong sạch, mà làm cho kẻ khác biết mình là trong sạch, Tỳ-khưu ấy gọi là cướp vật thực của họ, đem về dùng, như người thợ săn núp mình bên lùm cây mong chờ bắn thú.

Tỳ-khưu chỉ dùng y ca-sa mặc cho kín mình, nhưng tu-hành theo phép xấu xa không thu-thúc (theo pháp luật) là người rất dơ bẩn, Tỳ-khưu ấy chắc hẳn phải đọa vào địa ngục vì tự mình gây ra nghiệp quấy; Nên ăn cục sắt đang cháy như ngọn lửa còn tốt hơn, tỳ-khưu phá giới không thu thúc (theo pháp-luật) ăn cục cơm của hàng cư-sĩ.

II.— 13 ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN (SaṅghaDisesa) [1]

1) DI TINH (Sukkavisatthi). Tùy khưu cố ý làm cho Tinh Di khỏi chỗ phạm "Tăng Tàn".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh-Xá (**Jetavana**) gần thành Xá-Vệ (**Sãvatthĩ**) do Tỳ-khưu **Seyyasaka** làm cho tinh di.

---

(1) Tăng-Tàn là tội mà phải cần được xử phạt với số Tăng từ 4 vị cho đến phần đông.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu muốn tinh di cho khỏi bịnh, cho được sự vui thích... Rồi ráng sức dùng tay hoặc dạy kẻ khác làm, hoặc rờ rẫm ngọc hành bằng tay, hoặc nằm sắp đè ngọc hành, hoặc kẹp trong bắp vế v.v... Rồi làm cho tinh di , dầu chỉ vừa cho con ruồi nhỏ nuốt được, dầu tinh chưa ra, là chưa xuất ra ngoài cũng phạm tội "Tăng-tàn".

Cố ý muốn cho tinh di , cầm da ngọc-hành để tiểu tiện, tinh di phạm "Tăng Tàn" tinh không di phạm "trọng tội".

Cố ý nắm ngọc hành của Sadi đang ngủ, tinh di phạm "tác ác". Xem chỗ kín của phụ nữ, tinh di phạm "tác ác".

Thể thức không phạm tội :

Lúc nằm mộng không cố ý và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội. Không cố ý cho tinh-di và không cố ý vui thích cũng không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác **(Anãnattika)** có 3 chi :

1)— Tác ý muốn làm cho tinh di **(Cetanã).**

2)— Rán sức làm **(Upakkamo).**

3)— Tinh đã di **(Mocanaṃ).**

Đều đủ cả ba chi ấy mới phạm "Tăng-Tàn".

Chỗ sanh tội **samuṭṭhãna)** cũng như trong điều học Bất-cộng-trụ thứ nhứt **(Paṭhama Pãrãjika samuṭṭhãna).**

2) ĐỤNG CHẠM VÀO MÌNH PHỤ-NỮ: (Kãyasaṃsagga)

Tỳ-khưu cố ý đụng cọ nhằm mình phụ-nữ phạm "Tăng-Tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh Xá (**Jetavana**) gần thành Xá-Vệ (**Sâvatthi**) do Tỳ-khưu **Udâyi** rờ rẩm phụ nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu rờ rẩm mình phụ-nữ, dầu mới sanh trong một ngày cũng phạm tội "Tăng-tàn".

Bộ-nấp, Nữ, Ngạ-quỉ, Tinh đều là vật trọng tội, thú cái, thú đực, người nam là vật của tội "Tác ác".

Phụ-nữ, Tỳ-khưu biết là phụ-nữ rồi chạm nhằm vì lòng vui thích cho đến sự đụng chạm lông với lông. Phụ-nữ đụng mà Tỳ-khưu có lòng vui thích sự đụng chạm ấy, Tỳ-khưu phạm "Tăng-Tàn".

Phụ-nữ, Tỳ-khưu nghi là phụ-nữ, hoặc không phải phụ-nữ, hoặc tưởng là bộ-nấp, là người nam, là thú rồi đụng nhằm vật dính với thân mình hoặc chạm vật dính với thân của phụ-nữ, như cọ nhằm y-phục phụ-nữ, hoặc của bộ-nấp, Tỳ-khưu phạm "Trọng Tội".

Tỳ-khưu đụng vật dính với thân phụ-nữ, do vật dính với thân mình, hoặc phụ-nữ liệng đồ Tỳ-khưu lãnh; liệng qua lại, hoặc chạm nhằm bộ-nấp, Tỳ-khưu nghi hoặc tưởng là phụ-nữ, là người Nam hoặc người Nam mà Tỳ-khưu tưởng là phụ-nữ, là bộ-nấp, là thú, hoặc nghi rồi mà có lòng vui thích, rồi

đụng nhằm mình hoặc cọ nhằm vật dính với thân liệng vật ấy qua lại v.v... như thế đều phạm tội "tác ác". Phạm nhiều hay ít tùy theo vật và mỗi lần đụng.

Tỳ-khưu rờ hình phụ-nữ, hoặc nắm chặt, rờ bằng 1 ngón tay hoặc trọn bàn tay, rờ từ đầu tới chân không rời chỉ phạm 1 tội. Nếu vật khác nhau rồi rờ bằng 5 ngón tay thì phạm đến 5 tội.

Thể thức không phạm tội :

Phụ-nữ đụng nhằm Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không vui thích vì không cố ý muốn đụng, dầu biết sự đụng chạm ấy, hoặc muốn cho khỏi rồi xô ra hoặc chạm nhằm vì vô ý, không biết, quên vì không lòng vui thích, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy người khác **(Anãnattika)** có 6 chi :

1) Người phụ nữ **(Manussitthī).**
2) Tưởng là phụ nữ **(Itthīsaññitâ).**
3) Rán sức đụng chạm vừa theo sự vui thích **(Tenarâgena vâyâmo).**
4) Vui thích vì sự chạm nhằm mình phụ nữ **(Kâyasaṃsaggarâgo).**
5) Đụng chạm với nhau, nhứt là nắm tay **(Hatthagâhâdi samāpajjanaṃ).**

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "Tăng-tàn".

Chỗ sanh tội **(samuṭṭhâna)** như trong điều học Bất-cộng-trụ thứ nhứt **(Pathama pârâjika sikkhâpada).**

3) NÓI LỜI HOA TÌNH : (Dutthullavâcâ)

Tỳ-khưu nói lời thấp hèn, nói ngay Sản-Môn nói với phụ-nữ, như thế phạm "Tăng-Tàn".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh-Xá (jetavana) gần thành Xá-Vệ (Savatthi) do tỳ-khưu **Udâyi** nói lời đê hèn thô tục với phụ nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu cố ý vui thích rồi trêu ghẹo phụ nữ như trai ghẹo gái, phụ nữ biết được trong khi ấy, phạm "Tăng-tàn", Người phụ nữ biết lời tốt hoặc xấu về sự hành dâm là vật phát sanh "Tăng-tàn". Vật làm cho sanh "trọng tội và tác-ác" như trong điều học trước. Lời nói về sản-môn và giang-môn về sự dâm-dục với phụ-nữ đều gọi là đê hèn, thuộc về chỗ phát sanh "Tăng-tàn".

Trong thân phụ-nữ từ ngực sấp xuống từ đầu gối trở lên là vật cho sanh "trọng tội". Tứ chi ngoài ra là vật cho sanh "tác ác".

Tỳ-khưu nói : Nầy phụ-nữ nào hầu hạ bằng nhục dục, đến người có Giới-Luật, có đạo đức hành Pháp phạm hạnh [1] như ta, sự hầu hạ ấy là cao thượng hơn các sự hầu hạ khác, nếu phụ-nữ hiểu được trong khi ấy, tỳ-khưu phạm "Tăng-tàn".

Điều học nầy có 5 chi :

1) Người nữ **(Manussitthĩ).**

2) Tưởng là người nữ **(Itthĩsaññitã).**

3) Vui thích trong chỗ nói lời hoa tình **(Dutthullavãcãsarãgo).**

---

(1) Phạm-Hạnh, là Hạnh thanh cao.

4) Khen sự vui thích ấy (**Tenarãgena**).

5) Phụ-nữ nghe hiểu được trong khi ấy (**Taṃkhanaṃ vajãnanaṃ**).

Chỗ sanh tội (**samuṭṭhãna**) như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói, khen sự hầu hạ bằng nhục dục.

4) HẦU HẠ MÌNH BẰNG NHỤC-DỤC (Attakàma pāricariya)

Tỳ-khưu có tình-dục nói ướm cho phụ-nữ hầu hạ mình bằng nhục dục. Phạm "Tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh Xá gần Xá-vệ (**Sāvatthi**) do Tỳ-khưu **Udâyi** bảo phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nói: "Nầy em gái, phụ nữ hầu hạ người có giới, có đạo đức, hành Pháp Phạm-Hạnh như ta, bằng nhục dục, sự hầu hạ ấy cao thượng hơn các sự hầu hạ khác." Nếu phụ nữ hiểu được trong khi ấy. Tỳ-khưu phạm "Tăng-tàn".

Điều học này có 5 chi :

1) Người (**Manussitthī**).

2) Tưởng là người nữ (**Itthīsaññitâ**).

3) Vui thích trong sự hầu hạ mình bằng nhục dục (**Attakâma pāricâriyâyarâgo**).

4) Khen sự vui thích (**Tenaraganavaṇṇabhananaṃ**).

5) Phụ-nữ hiểu biết trong khi ấy **(Tamkhanam-vacânanam).**

Chỗ sanh tội như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói khen bằng sự nhục dục.

5) LÀM MAI DONG (Sañcaritta). Tỳ-khưu làm mai dong cho trai và gái làm vợ chồng nhau phạm "Tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ **(sâvatthi)** do Tỳ-khưu Udâyi làm mai dong.

Chú-giải : Người nam, người nữ (không phải là ngạ-quỉ, tinh) là kẻ thế hoặc người xuất gia chưa được làm chồng vợ, hoặc đã làm chồng vợ mà từ bỏ hẳn nhau rồi, dầu là cha mẹ của Tỳ-khưu, đều là vật cho sanh **"tăng tàn".**

Sự đem mai mối có 3 chi :

1° Nam hoặc nữ, hoặc cha mẹ của người nữ, hoặc của người nam, cầu Tỳ-khưu nói đến người nữ; hoặc người nam cầu Tỳ-khưu nói đến cha mẹ của người nữ, hoặc Tỳ-khưu hứa lời của người **(patigganhâti).**

2° Họ cầu đi nói người nào, Tỳ-khưu nói với người ấy rằng : "ngươi hãy làm chồng làm vợ với nhau, hoặc trai gái cùng nhau **(vimamseti).**

3° Người nào cầu đi nói, Tỳ-khưu trở về nói lại với người ấy (paccâharati).

Làm mai dong cho người, được hoặc không được không quan trọng, nếu có đều đủ 3 chi ấy, phạm tội

"**tăng-tàn**". Nếu chỉ có 2 chi, là chịu đi nói hoặc đã nói rồi, trở lại cho hay (1 trong 2 chi nào) thì phạm "trọng tội". Nếu chỉ có 1 chi là chịu đi nói hoặc trở về nói lại (trong 1 chỉ nào) thì phạm tội "**tác-ác**".

Nếu trai cầu Tỳ-khưu đi nói với gái có mẹ gìn giữ, Tỳ-khưu đi nói đến gái ở với cha, như thế, sai lời cầu, không phạm "**tăng-tàn**". Tỳ-khưu làm mai dong cho bộ nấp phạm "trọng-tội".

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu đem tin của Tăng, tin của Tỳ-khưu bịnh và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy "phạm tội vì dạy kẻ khác" **(sânattika)** Tỳ-khưu đã chịu lời người, dạy kẻ khác đi nói đến trai, hoặc gái; hoặc đã nói rồi, dạy kẻ khác trở về nói cho người cầu ấy hay, cũng phạm "**tăng tàn**" có 5 chi :

1o Đem lời cho người nào, người ấy là người thiệt (không phải phi nhơn) **(yesaṃ sañcariṭṭaṃ samâpajjati tesaṃ manussajâtikatâ).**

2o Họ không phải là chồng vợ với nhau từ trước hoặc là đã có làm chồng vợ rồi, song đã từ bỏ nhau hẳn rồi **(nanâlamvacaniyatâ).**

3o Chịu lời người cầu **(paṭigganhânam)**

4o Nói theo lời người cầu **(vimaṃsanaṃ)**

5o Trở lại cho người cầu hay biết **(paccâharanâni)**

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "**tăng tàn**"

Có 6 chỗ sanh **(sãmuṭṭhâna)** là :

Tỳ-khưu không biết luật cấm, hoặc không biết họ đã từ bỏ hẳn nhau rồi, chịu lời đi nói, hoặc ra dấu hiệu trở lại cho hay bằng cách ra dấu hiệu, như thế là tội phát sanh do thân.

Tỳ-khưu ngồi, trai đến cầu gởi rằng : " gái ấy sẽ lại tìm ông, xin ông biết bụng người ", rồi Tỳ-khưu chịu lời rằng : " Ờ ! Phải rồi ". Khi gái đến Tỳ-khưu nói lại, khi trai trở lại Tỳ-khưu cho hay như thế, là tội phát sanh do khẩu, vì Tỳ-khưu không có ra dấu hiệu.

Lại nữa, Tỳ-khưu nhận lời của trai bằng khẩu, rồi đi đến nhà gái, vì nguyên nhân nào khác, gặp gái ấy rồi nói, rồi vì nguyên nhân nào khác trở lại gặp nói lại với trai ấy, như thế, gọi là chỉ phát sanh do khẩu.

Tỳ-khưu không biết luật cấm, dầu bậc A-la-hán, cha dạy đi, ngài cũng đi nói với mẹ (đây nói về cha mẹ đã từ bỏ nhau rồi) rằng : người hãy trở về hầu-hạ cha đi, rồi Tỳ-khưu trở về cho cha hay biết, như thế gọi tội phát sanh do thân khẩu (3 cách) như thế gọi là " chỗ sanh tội vì vô ý "(acittaka samuṭṭhâna) nghĩa là Tỳ-khưu biết, hoặc không biết cũng phạm tội.

Tỳ-khưu biết luật cấm, hoặc biết rằng : họ đã từ bỏ hẳn rồi, còn đem mai mối cả 3 cách ấy, 3 chỗ sanh ấy gọi là " chỗ sanh điều học làm mai dong " vì ý biết luật cấm và biết rõ họ đã bỏ hẳn nhau rồi gọi là : có 6 chỗ sanh như thế.

Phạm vì làm (**kiriyâ**), không khỏi phạm vì tưởng

(**no saññâ vimokkha**) không cố ý cũng phạm (**acittaka**), tội vì Phật cấm (**paññattivajja**) thân-nghiệp (**kâyakamma**), khẩu nghiệp (**vacīkamma**), có 3 tâm (**ticittaṃ**), có 3 thọ (**tissovedanâ**) thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

6o **Tạo-thất,—(saññâcika).** Tỳ-khưu tạo thất tô bằng vôi với đất sét không có người đứng làm chủ cất cho mình ở, phải làm cho đúng mực thước, là : bề dày 12 gan, bề ngang 7 gan, gan của đức Phật [1]; khi cất phải cho Tăng chỉ chỗ trước rồi mới nên cất, nếu không cho " Tăng " (**saṅgha**) chỉ chỗ hoặc cất cho quá mực, phạm " tăng-tàn " (điều học này gọi " **kūṭikâra** " cũng được).

(Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá (**veḷuvanà**) gần thành Vương-xá (**Râjagaha**) do chư sư Á-la-vi dạy người cất thất cho mình quá " mực định ".

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu, chủ thất không cho " Tăng" chỉ chỗ cho cất, hoặc cất lớn quá thước tấc, trong mỗi khi làm phạm tội " tác ác " : còn dư vôi 2 cục nữa thì cất xong còn dư một cục đầu phạm " trọng tội " làm xong phạm " tăng-tàn ".

Điều học này có 7 chi :

1)— tô cả phía trong và phía ngoài.

2)— phía dưới không đúng thước.

3)— không có Tăng chỉ chỗ cho.

4)— cất lớn quá thước.

(1) 1 gan của đức Phật bằng 3 gan của người bực trung

5)— cất cho mình ở.

6)— thất làm để ở.

7)— tô cả nóc và vách.

Chỗ sanh tội như trong điều học " làm mai-dong " **(sañcarita).**

7. **Tạo thất lớn.— (mahallaka).—** Tỳ-khưu tạo thất lớn, nếu thất ấy có thí chủ, làm chủ cất, làm lớn quá mực thước được, song phải trình cho Tăng chỉ chỗ trước mới nên làm. Nếu Tỳ-khưu không cho Tăng chỉ chỗ, cất phạm " **Tăng tàn** ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại tịnh-xá của trưởng giả **(ghosita)** gần thành Kosambi do Tỳ-khưu **Channa** tạo thất lớn quá mực thước.

CHÚ GIẢI.— Điều học này như điều học trước, chỉ khác nhau là đây không định " thất lớn, nhỏ ".

8. **Vô cớ cáo gian—(amūlaka).—** Tỳ khưu giận rồi cố ý cáo vị khác phạm tội " **bất-cộng-trụ** " do không có cớ, phạm " **tăng-tàn** ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá **(Veḷuvana)**, gần thành Vương-xá **(Râjagaha)** do Tỳ-khưu Mettiya và Kummajaka cáo gian đại đức Dabbamallaputta, Sadi 7 tuổi đắc A-la-hán quả.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu vô cớ cáo gian dầu sau có ai hỏi, hoặc không có ai hỏi, rồi tự mình khai rằng : " Tôi đã nói dối ", như thế ấy, cũng phạm " **tăng-tàn** " trong khi tố cáo ấy mắt không thấy, tai không nghe, không nghi rằng : Tỳ-khưu ấy phạm 1 trong 4 tội

"**bất-cộng-trụ** " không nghe ai nói, như thế gọi là vô cớ cáo gian. Cáo gian có 4 cách; cáo rằng :

1) Ông hành dâm (chỉ vật).

2) Ông phạm tội vì hành dâm (chỉ tội)

3) Hành lễ phát-lộ **(uposatha),** là lễ Tự-Tứ [1] **(pavâraṇâ)** hành Tăng sự với ông không được.

4) Ông không phải là sa-môn (cấm ngăn sự tôn kính).

Cáo gian đều đủ đến điều thứ tư, mới phạm tội.

Tỳ-khưu cáo gian đến người trong sạch (vô tội) hoặc không trong sạch, cáo vì tội " **bất-cộng-trụ** "nào người ấy không phạm tội " **bất-cộng-trụ** " ấy, muốn làm cho Tỳ-khưu ấy xa khỏi phạm hạnh **(brahmacariya)** không cho Tỳ-khưu biết trước bằng lời này : " Ngài hãy cho phép tôi, tôi muốn nói với Ngài **(Karotume âyasmâ Okâsam ahaṇtaṃ)** nếu không nói như thế trước, rồi tố cáo sau, mà Tỳ-khưu ấy biết trong khi ấy rằng : " Họ cáo mình như thế, Tỳ-khưu tiên cáo phạm tội "**Tăng tàn** " và tội " **tác ác** " trong mỗi lời cáo gian; khi tiên cáo cho Tỳ-khưu bị cáo biết trước rồi sẽ cáo sau, chỉ có phạm một tội " tăng tàn " dầu là Tỳ-khưu cáo bằng lời nói hoặc ra dấu hiệu trước mặt, cũng vậy. (Cáo " sau lưng ", lúc vắng mặt không kể). Tỳ-khưu dạy kẻ khác cáo, người cáo, do theo lời dạy cáo gian, thì chỉ có người dạy phạm tội, như đoạn trên đã có giải rõ. Nếu

---

(1) Tự-tứ (pavâraṇâ) là sau khi nhập hạ rồi, nhằm ngày rằm tháng 9, chư Tăng nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau.

người chịu lời đi cáo nói : " Ta cũng được thấy, được nghe vậy, thì phạm tội " tăng tàn " cả 2 người.

Tỳ-khưu không cho người biết trước rồi chưởi mắng phạm tội " ưng-đối-trị " và tội " tác ác ". Nếu cho biết trước rồi cảnh cáo sau, chỉ phạm 1 tội "ưng-đối-trị".

Thể thức không phạm tội :

1 Tỳ-khưu tưởng là người không trong sạch là người trong sạch, là người trong sạch trong người không trong sạch đi cáo, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người **(Sânattika)**, có 5 chi :

1. Tự mình cáo hoặc dạy người cáo người đã tu lên bực trên **(upasampannoti saṃkhayaṃ gamanaṃ).**

2. Tưởng người ấy là người trong sạch **(tasmimsudddhasaññitâ).**

3. Cáo vì tội " bất-cộng-trụ ", không có cớ **(amûlakatâ).**

4. Tự mình cáo hoặc dạy người cáo trước mặt, cho xa khỏi phạm hạnh **(câvanâ dhippâyenasammukhâcodanâvâcodâpanâvà).**

5. Người bị cáo biết trong khi ấy **(tassa taṃkhanaṃ vijânanaṃ).**

Đều đủ 5 chi ấy mới phạm " tăng-tàn ".

Chỗ sanh tội **(samuṭṭhâna)** cũng như " trong điều

học trộm cắp (**adinnâdâna samuṭṭhâna**), chỉ khác nhau là điều học này thuộc về " thọ-khổ ".

9o **Nhơn cớ khác cáo gian :— (Aññabhâgiya)** Tỳ-khưu giận hờn vị khác rồi cố tìm cớ, nhứt là tìm dòng, phái đem cáo người vì tội " bất-cộng-trụ " phạm " tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-xá (Râjagaha) do Tỳ-khưu " Mettiyavàkummajaka ", nhơn cớ khác mà cáo gian vị A-la-hán " Dabbamallaputta ".

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nhơn cớ khác nhứt là dòng vua đem cáo vị khác phạm 1 tội " bất-cộng-trụ " nào rồi dùng dòng ấy làm cớ để cho Tỳ-khưu cũng thuộc vào dòng vua như nhau, rằng : " người là dòng vua, hành-dâm phạm tội bất-cộng-trụ ", vì ta được thấy, được nghe, hoặc nghi như thế, phạm " tăng-tàn " trong khi ấy, dầu sau có khai thiệt cũng không khỏi phạm tội.

10o **Chia rẽ Tăng.— (Saṅghabheba) :** Tỳ-khưu rán sức chia rẽ Tăng **(Saṅgha)** [1] cho xa nhau; Tăng đã tụng lời khuyên can, ngăn cấm cho bỏ sự ấy, nếu không bỏ phạm " **tăng-tàn** ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá **(Veḷuvana)** gần thành Vương-xá **(Râjagaha)**, do tỳ-khưu " **Đề-bà đạt-đa** " **(Devadatta)** chia rẽ Tăng.

---

(1) Tăng: nghĩa là : 1 nhóm tỳ-khưu, từ 4 vị sắp lên ở hòa-thuận nhau để hành đạo

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu khuyên " Ngài chẳng nên làm như thế, Ngài hãy thuận-hòa với Tăng, vì Tăng hòa-hảo như thế mới được an vui, nếu Tỳ-khưu không nghe lời khuyên can thì phạm tội " **tác ác** ". Tỳ-khưu được nghe được thấy mà không ngăn cấm, cũng phạm tội " **tác ác** "; Tỳ khưu không thể khuyên can được nữa, nên cho các Tỳ-khưu hay biết để gọi Tỳ-khưu ấy, vào giữa Tăng, cho Tăng tụng **samanubhâsana** [1] nếu chịu bỏ thì tốt, bằng không tuân, phạm " **tác ác** ". Tăng tụng **samanubhâsana** xong 1 bận, Tỳ-khưu phạm 1 tội " **tác ác** ", tụng xong 2 bận Tỳ-khưu không bỏ, phạm " **trọng tội** " tụng xong 3 bận phạm " **tăng tàn** ".

Thể thức không phạm tội :

Tăng chưa tụng **samanubhâsana** mà Tỳ-khưu chịu bỏ, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 4 chi :

1) Rán sức chia rẽ Tăng **(bhedâyaparakkamanaṃ).**

2) Tăng hành tăng-sự theo pháp **(dhammakammena samanubhâsanaṃ).**

3) Tụng dứt lời khuyên-can lần thứ 3 **dhammavâcâ pariyosânaṃ.**

4) Không chịu bỏ tà-kiến **(appatinissajanaṃ).**

Chỗ sanh tội : Thuộc về tụng lời khuyên răn **(samanubhâsana samuṭṭhâna,** phạm vì không làm

---

(1) là lời khuyên răn

(akiriyâ) không phạm vì tưởng **saññavimokkha**) cố ý (**sacittaka**) tội vì đời (**lokavajja**) thân nghiệp (**kâyakamma**), khẩu-nghiệp (**vacīkamma**), ác-tâm (**akusalacitta**), thọ-khổ (**dukkhavedanâ**).

11o **Hành theo Tỳ-khưu chia rẽ Tăng.**— (**Bhedânuvattaka**) Tỳ-khưu hành theo Tỳ-khưu chia rẽ Tăng, các vị khác khuyên can không nghe, Tăng tụng " **samanubhâsana** " ngăn cấm cho dứt bỏ sự hành-vi ấy, nếu không tuân theo phạm " Tăng-tàn ".

Chỗ sanh tội (**samuṭṭhâna**) cũng như trong điều học trước.

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veḷuvana) gần thành Vương-xá (Râjagaha) do tỳ-khưu Kajamo, Rakatissa, Khanda. Deviputta và Samuddadatta, hành theo Tỳ-khưu chia rẽ Tăng.

12o **Tỳ-khưu cứng-cỏi.**— (Dubbaccayâtikà), Tỳ-khưu có tánh khó dạy, vị khác khuyên dạy cũng không nghe, Tăng đã tụng samanubhâsana ngăn cấm cho bỏ chừa nghiệp ấy, nếu không tuân theo phạm " tăng-tàn ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Ghositârâma gần thành Kosambi do Tỳ-khưu Channa cứng cỏi.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu không cho vị khác thức tĩnh, nói rằng: "Các ngài đừng nói lời chi tốt, hoặc lời chi xấu đến tôi, tôi cũng chẳng nói lời lành hoặc lời dữ đến các ngài, vậy các ngài, hãy nín ṭhinh, đừng nhắc nhở tôi như thế ". Khi các vị khác đã khuyên lơn mà không nghe, nên đem Tỳ-khưu ấy đến giữa Tăng để tụng samanubhâsana. Khi tụng đến 3 bận mà

không chừa bỏ tánh cũ, không tuân theo lời khuyên nhủ của Tăng, thì phạm tội "tăng-tàn".

13. Tỳ-khưu nịnh-hót.— (kuladũsaka). Tỳ-khưu bợ đỡ kẻ thế. Tăng đã xử, đuổi ra khỏi chùa, rồi còn trở lại "hủy báng Tăng". Tăng đã tụng (samanubhâsana) ngăn cấm, nếu không tuân theo, phạm tội "tăng-tàn".

Điều học nầy Đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do tỳ-khưu Assagi, Punabhasuka nịnh hót.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu ngụ nơi làng xóm, nịnh hót, cho trái-cây, bông-cây... đến kẻ thế cho họ mất quả phước của sự bố-thí đã làm đến mình, như thế gọi là nịnh hót.

Tỳ-khưu có tánh xấu-xa trồng cây để cho người thế, làm những việc ấy rõ rệt, đến tai, mắt, người, vị khác được thấy, được nghe nên đuổi ra khỏi xóm, làng, Tỳ-khưu ấy trở lại nói xấu Tăng, đã đuổi rằng: "Thiên-vị" vì thương (chandâgati) hoặc ghét (dosâgati), hoặc lầm lạc (mohagati); hoặc sợ (bhayâgati), nói như thế, các vị khác nghe được, thấy được, nên ngăn cấm không cho "hủy báng Tăng", nếu ngăn cấm không được; phải đem đến giữa Tăng để tụng samanubhâsana 3 bận, rồi mà không bỏ tánh xưa, thì phạm "tăng-tàn".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trước.

Từ điều học (di tỉnh) (sukkavisaṭṭhi) đến điều học "nhơn cớ khác cáo gian" **(aññabhãgiya)**, Tỳ-khưu

phạm tội trong khi phá giới lần đầu (paṭhamâ-pattikâ) trong 4 điều đọc sau (10, 11, 12, 13) Tỳ-khưu phạm tội sau khi Tăng đã tụng samanubhâsana xong 3 bận (yâvatatiyakâ) mà không tuân theo mới phạm "tăng-tàn".

✺

III.— 2 ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH [1]

(Aniyatta)

1- Chỗ có thể hành-dâm.— (Alamkammaniya) Tỳ-khưu ngồi trong chỗ khuất mắt, chỉ 2 người với phụ-nữ, nếu có người đáng tin lời nói được, đến cáo vì phạm 1 trong 3 tội "bất-cộng trụ" hoặc "tăng-tàn" hoặc "ưng-đối-trị", nếu Tỳ-khưu thú tội nào cho luật-sư xử đoán theo điều-luật ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật-sư ấy hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật-sư trừng phạt ngay điều ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do nàng Visâkhâ thấy Tỳ-khưu Udâyi, ngồi nơi khuất mắt với bốn người nữ.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu nằm hoặc ngồi trong chỗ khuất mắt với một người phụ-nữ, nếu có tín nữ đáng tin lời là bậc quí-nhân được thấy Tỳ-khưu rồi đi cáo vì tội "bất-cộng-trụ" hoặc "tăng-tàn". hoặc

(1) Bất-định nghĩa là : chỗ kín hoặc chỗ trống không định cho nên có phạm tội, nhưng không có thể định tội trước được

"ưng-đối-trị", Tỳ-khưu thú tội nào cho luật-sư xử phạt theo tội ấy, nếu chịu có hành-dâm thì phạt theo điều học "bất-cộng-trụ", chịu có rờ rẫm phụ nữ thì nên phạt "cấm phòng", do theo điều học "tăng-tàn", nếu chỉ có ngồi hoặc nằm với phụ nữ nên phạt "ưng-đối-trị"; bằng khai rằng: mình đứng hoặc phụ-nữ đứng, không có làm điều chi, luật-sư không nên xử phạt, vì sự thật ấy có khi cũng đúng như được thấy, có khi cũng không đúng thiệt như thấy không rõ rệt.

Tỳ-khưu tìm phụ-nữ nơi thanh-vắng vì tình dục đi mỗi bước mỗi phạm tội "tác ác", đi đến nơi ngồi, hoặc nằm và phụ-nữ mới đến ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ-nữ đã ngồi, hoặc nằm, Tỳ-khưu mới đến ngồi hoặc nằm xuống; hoặc hai người cùng ngồi hay nằm cùng nhau phạm tội "ưng-đối-trị": Nếu có người nam sáng mắt ngồi xa 1, 2 hắc, vừa xem thấy được; là người có tâm phóng-đãng, dầu ngồi ngủ gục, Tỳ-khưu cũng không khỏi phạm tội, người sáng mắt nhưng ngủ quên, Tỳ-khưu cũng không khỏi phạm tội, người mù dầu ngồi kề bên, dầu có 100 phụ-nữ, Tỳ-khưu cũng không khỏi phạm tội.

Thể thức không phạm tội :

Có người nam biết chuyện mắt không mù, nằm không ngủ, hoặc người nam đi vào nơi ấy, hoặc Tỳ-khưu khi đứng, hoặc phụ-nữ đứng, Tỳ-khưu

ngồi mà tâm tưởng đâu đâu và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy không phạm tội vì dạy người (anânattika).

Chỗ phạm tội trong điều học này là lời thú nhận của Tỳ-khưu. Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "bất-cộng-trụ" "thứ nhứt" (paṭhama pārājikasikkhâpada).

2— Chỗ không có thể hành dâm.— (Nâlaṃ Kammaniya) Tỳ-khưu ngồi chỗ khuất tai 2 người với phụ-nữ, nếu có người đáng tin lời được đến cáo vi phạm 1 trong 2 tội "tăng-tàn", hoặc "ưng-đối-trị", nếu Tỳ-khưu nhận phạm tội nào cho luật-sư xử theo tội ấy; nếu họ cáo ngay điều học nào, cho luật-sư phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Thế-Tôn cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do nàng Visâkhâ thấy Tỳ-khưu Udâyi ngồi chỗ khuất tai với phụ nữ.

CHÚ GIẢI: Điều học này cũng như điều học trước, chỉ khác nhau chỗ; dầu phụ nữ hoặc người nam biết chuyện, không mù, không điếc, ngồi hoặc đứng trong khoảng cách xa 12 hắc dầu có tâm phóng túng hoặc ngủ quên Tỳ-khưu cũng khỏi tội.

Người điếc dầu mắt sáng, người mù không điếc cũng không ngừa khỏi tội được.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trộm cắp (sikkhâpada adinnâdâna).

IV.— 30 ĐIỀU HỌC UNG-XẢ-ĐỐI-TRỊ [1]

(Nissaggiya pâcittiya)

Chia ra làm 3 phần:

1o— **Lễ dâng y lần thứ nhứt.**— (cīvaravagga) có 10 điều.

2o— **Ngoạ-cụ trộn với chỉ tơ phần thứ nhì** (kosiyavagga) có 10 điều.

3o— **Bình-bát dư lần thứ ba** (pattavagga) có 10 điều.

Lễ dâng y lần thứ nhất

Có 10 điều học :

1o— **Lễ dâng y lần thứ nhứt**— (paṭhamakathina). Y chưa gởi, chưa nguyện gọi là y dư (atirekacīvara) khi hết hạn kỳ quả báo lễ dâng y rồi Tỳ-khưu cất giữ y dư ấy, lâu lắm là đến 10 ngày, nếu quá 10 ngày phạm ưng-xả đối-trị, nghĩa là y ấy, là vật phải xả, còn Tỳ-khưu phạm "ưng-xả-đối-trị". (pâcittiya).

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Gotamaka) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Ânanda hỏi Phật.

CHÚ GIẢI: Y có 6 thứ :

1o— Y dệt bằng chỉ vỏ cây (khomaṃ).

---

(1) Ưng-xã đối-trị nghĩa là phạm phép chứa cất y-ca-sa bình bát, vàng, bạc... trái luật, nếu chịu xã vật ấy giao cho Tăng rồi sám-hối mới được khỏi tội

2o— Y dệt bằng chỉ bông (kappâsikaṃ).

3o— Y dệt bằng chỉ tơ (koseyyaṃ).

4o— Y dệt bằng lông thú (trừ ra lông của người, lông đuôi, lông cánh của thú) (kambalaṃ).

5o— Y dệt bằng cây gai (sânaṃ).

6o— Y làm trộn với 5 thứ chỉ trên (bhaṅgaṃ).

Tất cả y làm bằng một trong 6 thứ chỉ ấy, nếu tỳ-khưu cất giữ đến mặt trời mọc ngày thứ 11 kể từ ngày thọ y mà không gởi, không nguyện, không xả trong hạn kỳ 10 ngày, thì phạm "ưng-xả-đối-trị". Nếu không xả cho Tăng, cho 1, 2 hoặc 3 Tỳ-khưu trước mà đem ra mặc, phạm "tác ác" (dukkaṭa).

Y đã quá 10 ngày, tỳ-khưu biết rằng quá 10 ngày hoặc nghi, hoặc tưởng chưa quá cũng phạm "ưng-xả-đối-trị".

Y chưa quá 10 ngày: tưởng đã quá, hoặc nghi đem ra mặc, phạm "tác ác".

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu đã nguyện, gởi, xả cho người nào trước 10 ngày, y ấy tiêu mất, bị lửa cháy, bị trộm cắp và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy không phạm tội vì dạy người (anânattika) có 5 chi:

1.— Y của mình.— (cīvarassa attanosantakatā).

2.— Y ấy đã đến tay mình, hoặc được nghe rồi là y của mình (gaṇanupagâtâ).

3.— 2 điều bận [1] (palibodha) đã đứt (niccha palibodhabhàvo).

4.— Y ấy là y dư (atirekacīvaratâ).

5.— Đã quá 10 ngày (dasâhâtikamo).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội như trong "điều học lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina) phạm tội phát sanh do thân-nghiệp (kâyakamma) do thân-khẩu-ý (kâyavâcâcitta) phạm vì không làm (akiriyâ), không khỏi phạm vì tưởng (nosaññâvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka) phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân nghiệp (kâyakamma), khẩu nghiệp (vacīkamma), có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanâ):

2º— Lễ dâng y lần thứ nhì (dutiyakaṭhina). Khi mãn hạn kỳ quả báo lễ dâng y rồi, Tỳ-khưu còn xa lìa tam y, dầu chỉ trong một đêm cũng phạm ưng-xả-đối-trị, trừ ra Tỳ-khưu có bịnh và được Tăng cho phép (điều học nầy gọi là "uddosita" cũng được).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do đức Ananda đi thấy Tỳ-khưu đem y để hong nắng rất nhiều, nên hỏi thăm mới hay là y của chư Tỳ-khưu gởi, bỏ đi đến xứ khác, do cớ ấy, đức Ananda bèn bạch với Phật.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu để y trong chỗ không có ngăn, che, phải ở trong nơi ấy không nên ở xa khỏi 1 hắc, 1 gan. Nếu nơi ấy có nhiều chủ, là nơi có ngăn che,

(1) xem trong kathinakhandhaka.

để y nơi nào phải ở trong nơi ấy, hoặc ở trong chỗ đô hội, hoặc gần cửa là nơi vô ra, không nên xa lìa khỏi hắc (hatthapâsa), nếu để xa khỏi hắc đến mặt trời mọc, phạm ưng-xả-đối-trị.

Phải xả y ấy đến Tăng, đến 2, 3 Tỳ-khưu hoặc đến một Tỳ-khưu, nên mới mặc được. Phải xả trước, rồi sẽ sám-hối sau mới khỏi tội.

Tam y mà Tỳ-khưu đã xa lìa rồi, biết rằng đã xa lìa, hoặc nghi, hoặc tưởng, không xa lìa cũng phạm ưng-xả-đối-trị.

Tam y mà Tỳ-khưu chưa xa lìa, hoặc chưa xả mất, mà tưởng đã mất... nghi, hoặc chưa xả, chưa nguyện (đặt tên y làm dấu) rồi xa lìa y ấy, cũng phạm ưng-xả-đối-trị.

Tam y mà Tỳ-khưu chưa xa lìa, tưởng rằng đã xa lìa, hoặc nghi rồi đem mặc phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội.

Tỳ-khưu đã xả nguyện gởi... trước khi mặt trời mọc, Tỳ-khưu có bịnh, có Tăng cho phép và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy không phạm vì dạy người (anâ-nattika) có 4 chi:

1. Y mà Tỳ-khưu đã nguyện đặt tên rồi (adhiṭṭhita cīvaratâ).

2. Không có quả báo lễ dâng y (anatthatakaṭhinatâ).

3. Không có Tăng cho phép (aladdhasammatitâ).

4. Ở xa y ấy đến khi mặc trời mọc (rattivikappavâso).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ưng-đối-trị".

Chỗ sanh tội như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" chỉ khác nhau là điều học trước không được nguyện, không được gửi gọi là phạm "vì không làm" (akiriyâ), trong điều học nầy phạm vì không xả nguyện trước khi mặt trời mọc gọi là phạm vì không làm" (akiriyâ).

3— Lễ dâng y lần thứ ba.— (Tatiyakaṭhina). Nếu vải phát sanh ngoài lễ dâng y [1] (akâlacīvara) đến Tỳ-khưu, Tỳ-khưu được rồi muốn làm y nhưng vải ấy thiếu, không đủ, nếu cố ý để tìm thêm hoặc tin chắc rằng sẽ được vải nữa, nên để vải ấy lâu lắm đến một tháng, bằng cất giữ hơn 1 tháng phạm ưng-xả-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) do ngài ngự xem thấy Tỳ-khưu được vải muốn làm y mà thiếu, song cố ý tìm vải thêm để may y.

Chỗ sanh tội như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhứt, chỉ khác nhau là điều học nầy để quá 1 tháng.

4— Dạy Tỳ-khưu-ni giặt y..— (cīvara dhovana) Tỳ-khưu sai Tỳ-khưu-ni không phải bà con đi giặt hoặc nhuộm y cũ, phạm ưng-đối-trị..

(Điều nầy gọi là purânacīvara cũng được).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên

---

(1) Xem trong kaṭhinakhandhaka

— Tam y phát sanh trong 11 tháng từ 16 tháng 10 đến rằm tháng 9, gọi là " y ngoài lễ dâng y "

tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi do tỳ-khưu Udâyi sai Tỳ-khưu-ni là vợ cũ đi giặt y).

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu bảo Tỳ-khưu-ni không phải bà con đi giặt, nhuộm y cũ đã có mặc rồi, dầu chỉ đã mặc rồi một lần, cũng phạm ưng-xả-đối-trị.

5 — Lãnh y nơi tay Tỳ-khưu-ni (cīvarappaṭigahana). Tỳ-khưu thọ y nơi tay Tỳ-khưu-ni không phải bà con phạm "ưng-xả-đối-trị", trừ ra đổi y với nhau.

Điều đọc nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-xá (Râjagaha) do Tỳ-khưu Udâyi lãnh y nơi tay Tỳ-khưu-ni.

6 — Xin y nơi người không phải bà con.— (aññatakaviññatti).

Tỳ-khưu xin y nơi người thế không phải bà con, không phải người có yêu cầu, nếu xin được y, phạm ưng-xả-đối-trị (trừ ra có duyên cớ nên xin y được, là khi y bị cướp, hoặc bị hư mất, cháy).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại : Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do tỳ-khưu Upananda xin y nơi nhà phú trưởng-giả không phải bà con.

CHÚ GIẢI.— Thí chủ là bà con, Tỳ-khưu tưởng không phải bà con, nghi rồi đi xin và phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Xin có duyên cớ [1] hoặc xin nơi bà con, hoặc nơi

(1) Duyên cớ là lúc y bị cướp mất, lửa cháy, nước lôi, mối ăn củ rách.

người có yêu cầu, xin cho người khác, đối với nhau và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Nếu có cớ, Đức Phật có cho phép xin y nơi người không phải bà con, nếu chưa được xin đi đến chùa trước, dùng y để trong chùa, y để trải giường, nệm của Tăng trong chùa nầy rồi sẽ trả lại cũng nên. Nếu không có ý như thế, nên che mình bằng cỏ hoặc lá cây rồi mới nên đi, nếu đi lõa thể phạm tác ác.

Người thế có đức tin bạch rằng: "Tôi yêu cầu bố-thí 4 món vật dụng, nếu đại-đức cần dùng món chi xin cho tôi biết, tôi sẽ dâng", như thế gọi là "yêu cầu"; người yêu cầu bố thí ngay món nào, nếu cần dùng chỉ nên xin món ấy. Dâng sao dùng vậy chẳng nên đòi hỏi thêm.

Xin nơi bà con và người yêu cầu của mình, xin cho Tỳ-khưu khác không phạm.

Điều học nầy không phạm tội vì dạy người (anânattika) nhờ Tỳ-khưu khác đi xin nơi bà con và người yêu cầu của Tỳ-khưu cho mình, không phạm tội; có 4 chi:

1) Y có thước tấc vừa gởi (vikappanupagacīvaratâ).

2) Không có duyên cớ (samayâbhâvo).

3) Xin nơi người không phải bà con (aññataka-viññattita).

4) Xin được (paṭilâbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học

"làm-mai-dong" (sañcarita samuṭṭhâna) phạm vì làm (kiriyâ) không khỏi phạm vì tưởng (nosaññavimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja) thân nghiệp (kâyakamma) khẩu-nghiệp (vacikamma) có 3 tâm (ticittaṃ): có 3 thọ (tissovedanâ).

7.— Trong mấy duyên cớ ấy (taduttara). Trong mấy duyên cớ ấy, Tỳ-khưu chỉ được phép xin y nội và y vai trái thôi (antaravâsaka, uttarâsaṅga) nếu xin quá số, xin được phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khưu phe thập-thất-sư, tìm các Tỳ-khưu bị mất y rồi dạy đi xin y rất nhiều.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu cố ý muốn xin nhiều y nơi người không phải bà con, ra đi một bước phạm mỗi tội ác nếu, xin được y phạm "ưng-xả-đối-trị".

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu nói: ta chỉ làm 2 cái y còn dư ta trả lại, thí chủ nói: "vải con dư xin để dâng ngài", xin nơi bà con hoặc người có yêu cầu và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy không phạm tội vì dạy người (anâ-nattika) có 4 chi :

1.— Vui thích trong y nhiều quá số (tasuttarita):

2.— Không có duyên cớ mất hết y (acchinnâdikâ-ramatâ).

3.— Xin y nơi người không phải bà con (aññâtakaviññathitâ)

4.— Xin y được để cho mình (paṭilâbho);

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trước.

8.— Định giá y lần thứ nhứt : (paṭhama upakkhata).

Nếu thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu họ nói sẽ dâng y đến Tỳ-khưu tên nầy, Tỳ-khưu ấy được biết rồi, đi nói cho họ dâng y như vầy, như kia, cao giá tốt hơn y của người đã định dâng, được y phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu Upananda dạy người dâng y ca-sa cao giá hơn của họ đã định.

CHÚ GIẢI.— Thí chủ bà con, tưởng không phải bà con, phạm tác ác.

Thí chủ mua y tốt hoặc giá cao, Tỳ-khưu dạy mua y xấu hoặc rẻ hoặc bằng giá y mà họ đã định hoặc xin nơi bà con nơi người có yêu cầu hoặc của mình nhờ kiếm giùm và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này thuộc về "tikkapâcittiya" có 3 chi :

1.— Dạy dâng y cao giá hơn của người đã định (cîvarabhiyyokamyatâ).

2.— Xin nơi thí chủ không phải bà con (aññatakaviññattita).

3.— Được y theo giá định ấy (patilâbho).

Đều đủ 3 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "trong mấy duyên cớ ấy".

9.— Định giá y thứ nhì.— (dutiya upakkhata).— Nếu có nhiều người thí chủ, họ chung đậu dâng y đến Tỳ-khưu, từ 2 người trở lên đều là không phải bà con, không phải người có yêu cầu, Tỳ-khưu đi nói cho họ chung đậu nhau để mua y cao giá hoặc tốt hơn y mà họ đã định dâng ấy, được y phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy như trước, chỉ khác nhau là điều học nầy có nhiều thí chủ.

10.— Các thí chủ nhứt là vua (Râja).— Nếu có người đem dâng để mua y, họ hỏi Tỳ-khưu: "Bạch ngài, người nào hộ ngài ? Tỳ-khưu cần dùng y nên chỉ người hộ (veyyâvaccakaraṇa) hoặc cận sự nam (1) (upâsaka) cho họ biết rằng: "Người nầy hộ chư sư trong chùa. "Khi họ đã giao y đến người hộ ấy, rồi đến bạch với Tỳ-khưu rằng: "Nếu Ngài cần dùng y, xin cho người hộ ấy hay rằng: "Ta cần dùng y" như thế đến 3 lần, nếu không được y nên đi đứng cho vừa người hộ ấy xem thấy, đứng nhiều lắm đến

(1) Cận sự nam thường gọi là thiện nam.

6 lần, nếu chưa được mà đi đòi cho quá 3 lần, đi đứng quá 6 lần, được y phạm "ưng-xã-đối-trị". Nếu đã đi đòi, đi đứng đủ, theo luật định, mà không được y, nên đi cho thí chủ hay hoặc dạy người đi nói rằng: "Của ấy không được thành sự lợi-ích đến người đâu". Cho họ đòi của họ lại.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu Upananda thúc hối người dâng y lập tức, người hộ vì có việc gấp yêu cầu để qua ngày khác mà Tỳ-khưu Upananda không chịu.

CHÚ GIẢI.— Khi Tỳ-khưu cần dùng y nên cho hay rằng: "Ta cần dùng y", không nên nói "Ngươi nên dâng y đến ta, đem y đến cho ta" nói như thế không nên.

Nếu đi đòi 2, 3 lần được thì tốt, bằng không được Tỳ-khưu nên đi đến đứng làm thinh đến 4, 5 lần hoặc 6 lần là nhiều, đừng ngồi, đừng thọ vật chi, đừng nói đạo cho họ. Nếu họ hỏi: "Ngài đến có việc chi? Nên đáp: "Ngươi hãy nên biết lấy". Nếu Tỳ-khưu ngồi, hoặc thọ vật chi của họ, nói pháp cho họ nghe gọi là "bỏ oai-nghi đứng", làm cho hư hỏng sự đi đến.

Nếu Tỳ-khưu đứng làm thinh, đứng 6 lần là nhiều, được y thì tốt, bằng không được y, Tỳ-khưu

rán đến đứng quá 6 lần phạm tác-ác, trong mỗi lần đứng, được y phạm "ưng-xả-đối-trị".

Tỳ-khưu chỉ đi đứng, không đòi, đứng được 12 lần, nếu người hộ mà thí chủ chỉ, Tỳ-khưu đi đòi 100 lần cũng được. Nếu làm cả 2 oai nghi, thì chỉ đi đòi được 3 lần, đứng đến 6 lần.

Thể thức không phạm tội

Tỳ-khưu đòi theo phép và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy không phạm tội vì dạy người (ãnânattika) có 4 chi.

1.— Tỳ-khưu chỉ người hộ (kappiyakârakâssa abhikkhanoni dîtthabhâvo).

2.— Người tay sai nói cho người hộ hay rồi cho Tỳ-khưu biết nữa (dûtena appitatâ).

3.— Rán đi đòi, đi đứng quá luật định (taduttarivâyamo).

4.— Được y vì sự rán sức ấy (tãnavâyâmenapatilâbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-xả-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học " xin y nơi người không phải bà con ".

NGOẠ CỤ TRỘN VỚI CHỈ TƠ THỨ NHÌ
(Kosiyavagga)

Có 10 điều học :

1. Ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiya) : Tỳ-khưu làm ngọa cụ bằng lông cừu trộn với chỉ tơ phạm ưng-xả-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggâlava gần thành Âlavi do phe lục sư dạy người nấu tơ cho nhiều để làm ngọa cụ bằng chỉ tơ.

CHÚ GIẢI : dầu làm ngọa cụ có trộn 1 sợi chỉ cũng phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu làm trần thất, làm sáo che, làm nệm, gối và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (sânàtika), có 3 chi :

1.— Làm ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiyamissakabhâvo).

2.— Mình làm hoặc dạy người làm cho mình (attano atthâyasantha tassa karaṇakârâpanaṃ).

3.— Làm được (patilâbho).

Điều đủ 3 chi ấy mới phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này có 6 chỗ sanh tội vì làm (kiriyâ); không khỏi phạm vì tưởng (nosaññâvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka) ; phạm vì Phật cấm (paññattivajja) ;

thân nghiệp (kâyakamma) ; khẩu nghiệp (vacīkamma), có 3 tâm (ticitta) ; 3 thọ (tissovedanã).

2.— Ngọa cụ lông cừu toàn màu đen (suddhakâlaka) : Tỳ-khưu làm ngọa cụ bằng lông cừu toàn màu đen, phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước xá Kūṭâgâra, trong rừng tuyết-sơn gần thành Tỳ-xa-li (Vesâli) do phe lục sư làm ngọa cụ bằng lông cừu toàn màu đen.

3 Ngọa cụ lông cừu toàn màu đen hơn 2 phần (Dvebhâga) :

Tỳ-khưu làm ngọa cụ mới phải để lông cừu đen 2 phần, lông cừu trắng 1 phần, lông cừu đỏ 1 phần thành bốn phần. Nếu không làm như thế rồi để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần, phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavanna) gần thành Xá-vệ (sâvatthi) do phe lục sư làm ngọa-cụ để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần.

4 Dùng ngọa cụ mới chưa đến 6 năm (Chabhassa) Tỳ-khưu làm ngọa cụ mới phải dùng cho đến 6 năm, nếu chưa đến 6 năm rồi làm ngọa cụ mới khác, phạm " ưng-xả-đối-trị " (trừ ra Tỳ-khưu có bịnh, có tăng cho phép).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên-tịnh-xá (Jetavena) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do chư Tỳ-khưu xin lông cừu rất nhiều để làm ngọa cụ.

5.— Làm tọa cụ, (nissidanasanthata).— Tỳ-khưu làm tọa-cụ phải cắt lấy chung quanh tọa-cụ cũ 1 gan của đức Phật đem may chung với tọa cụ mới làm cho hoại sắc tọa cụ mới, nếu không làm như thế, phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Jetavena) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khưu bỏ rải rác tọa cụ.

6.— Thọ lãnh lông cừu (Elakaloma).— Khi Tỳ-khưu đi đường xa, nếu có lông cừu phát sanh đến mình, rồi muốn cần dùng, thì được phép lãnh : nếu không có người hộ, được phép tự mình đem đi xa lắm đến 3 do tuần. Đem đi xa quá 3 do tuần, phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu thọ lông cừu đi xa quá 3 do tuần.

7.— Khiến Tỳ-khưu-ni giặt lông cừu, (Elakalomadhovâpana).— Tỳ-khưu dạy Tỳ-khưu-ni, không phải bà con đi giặt, hoặc nhuộm, hoặc chải lông cừu, phạm " ưng-xả-đối-trị.

Điều này này đức Phật cấm chế tại Tịnh-xá Nigrodhâ gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kâpilavatthu) do phe lục sư dạy Tỳ-khưu-ni giặt lông cừu.

CHÚ GIẢI.— Chỗ sanh tội (Samuṭṭhâna) của 6 điều học trên đây như trong điều học " ngọa cụ trộn với chỉ tơ " (kosiya).

8.— Thọ lãnh vàng bạc, (Rūpiya).— Tỳ-khưu lãnh hoặc dạy người khác lãnh vàng bạc hoặc vui

thích ngay vàng hoặc bạc mà người cất giữ cho mình phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại thành Vương-xá (Râjagriha) do Tỳ-khưu Upananda thọ vàng bạc.

CHÚ GIẢI.— Vàng lá, vàng cục, bạc hình, bạc cục, bạc nén, bạc giấy... hoặc các vật dùng để mua, bán, đổi thế cho vàng bạc bạc cũng đều gọi là vàng bạc là vật phải xả bỏ.

Ngọc, ngà, châu báu, 7 thứ lúa, tớ trai, tớ gái, ruộng vườn, trái, bông cây, đều là vật phát sanh tội tác-ác.

Chỉ gai, vải bông các thứ đậu, mè, thuốc, sữa, dầu, mật, nước mía... đều là vật thọ lãnh được không phạm.

Trong vật phải xả bỏ, Tỳ-khưu thọ, hoặc dạy người lãnh cất cho mình, hoặc người cất ngay trước mặt họ nói : " Vật này là của ngài, hoặc vật ấy để nơi kín, chủ chỉ dâng bằng thân, hoặc bằng khẩu, hoặc ra dấu nói như vầy : " bạc, vàng của tôi có trong chỗ đó, bạc vàng ấy là của ngài ". Nếu họ nói như thế, Tỳ-khưu không ngăn cấm, bằng ra dấu hoặc bằng khẩu cũng gọi là vui thích bạc vàng mà họ cất, phạm ưng-xả-đối-trị.

Nếu đã phạm nên xả như vầy : **aham bhante rūpiyaṃ paṭiggahesiṃ idaṃ me bhante nissaggiyaṃ imâhaṃ saṅghassa nissajâmi;** nghĩa : Bạch đại-đức Tăng tôi thọ bạc vàng rồi, bạc vàng ấy là của tôi phải xả, tôi xin xả bạc vàng ấy đến Tăng.

Nếu có mặt người thế nơi đó, cho Tăng nói với họ

rằng : " Người hãy biết vật này ". Nếu họ hỏi : " Với của này, tôi phải đem vật chi, đến ? " Tỳ-khưu không nên nói : phải đem vật chi, chi, chỉ nên nói : " Đem vật nên dùng " (là sữa, dầu, mật...) nếu họ đem các vật ấy đến, các Tỳ-khưu nên chia nhau dùng, trừ ra Tỳ-khưu đã thọ bạc vàng ấy, Tỳ-khưu đã thọ bạc vàng không nên dùng đến.

Nếu người thế họ không muốn lấy bạc vàng ấy, Tăng nên nhờ họ rằng : " Ngươi nên liệng bỏ vật ấy đi, nếu liệng trong một chỗ nào, hoặc họ lấy đi, chẳng nên ngăn cản : nếu họ không chịu liệng, Tăng nên bảo một vị có đủ 5 chi để liệng bạc vàng ấy, không nên định chỗ liệng, nếu định chỗ liệng Tỳ-khưu ấy phạm tác-ác.

Không phải bạc vàng, tưởng là bạc vàng, hoặc nghi, hoặc lãnh bạc vàng cho người khác, nhứt là thọ cho Tăng hoặc cho tháp, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Họ dâng bạc vàng, hoặc cất để trong nơi khuất mắt, hoặc trước mặt họ nói rằng : " Vậy này là vật dụng của ngài ". Nếu Tỳ-khưu có tâm vui thích muốn lấy rồi ngăn cản ra, bằng cách ra dấu, hoặc bằng khẩu rằng : " Vật ấy không nên ", hoặc nếu không ngăn cản bằng thân hay khẩu mà có tâm trong sạch không vui thích, tính rằng là : " Vật không nên đến ta ", cũng được, không có tội.

Tỳ-khưu lấy hoặc dạy người lấy bạc vàng của người rớt trong chùa, hoặc trong chỗ mình ở, tính

rằng : " Của người nào, người ấy hãy lại lấy " như thế và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người " (sânattika) có 3 chi :

1.— Vật ấy là bạc vàng, là vật phải xả bỏ (Jâtarūparajatabhâvo).

2.— Về phần của mình (attudesikatâ).

3.— Tự mình lãnh hoặc dạy người khác lãnh, hoặc người cất giữ mà mình vui thích (paṭiggahanâdisu aññatarabhâvo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-xả-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học làm" mai-dong ' chỉ khác nhau là điều học này phạm vì lãnh (siyâ akiriyâ) và phạm vì không làm là không ngăn cản (siyâ akiriyâ) bạc vàng mà họ cất giữ cho.

9.— Mua, bán, đổi vàng bạc, (Rūpiyasamvohâra).— Tỳ-khưu mua, bán, đổi vàng bạc, là vật mà người dùng thế cho vàng bạc, phạm " ưng-xả-đối-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư mua, bán, đổi vàng bạc.

CHÚ GIẢI.— Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trước.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anâṇattika).— có 2 chi :

1.— Vật đã đổi được hoặc của mình đem đi đổi

(yamattanodhane parivaṭeti tassavâ dhanassa-vârūpiyabhâvoceva).

2.— Thành tựu được trong việc mua, bán, đổi **(parivatanañca).**

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm " ưng-xã-đối-trị ".

10 Mua, bán, đổi vật y, bát, (kayavikaya.— Tỳ-khưu mua, bán, đổi các vật nhứt là y, vật thực với người thế phạm " ưng-xả-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu Upananda đổi y.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khưu nói với người thế ; "Ngươi hãy cho vật này, do vật này hoặc ngươi lấy vật này cho vật kia cho tôi, lấy vật này đổi vật này như thế, phạm tác-ác, đổi được phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Lấy vật của người gọi là mua, đem của mình cho người gọi là bán, cho nên Tỳ-khưu đưa vật của mình, lấy vật của người thế, trừ ra hạng người xuất gia (sadi), Tỳ-khưu dầu là của cha mẹ, nếu nói tiếng "đổi", thì phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Tỳ-khưu cho vật-thực hoặc vật gì khác đến người thế rồi nói, người nên dùng vật này, rồi đem vật kia đến cho tôi hoặc làm việc này cho tôi, hoặc làm việc kia cho tôi rồi dạy lấy nước nhuộm hoặc vật khác hoặc dạy đào đất, làm cỏ... Như thế phạm " ưng-xả-đối-trị ". Nếu có vật phải xả, thì xả, bằng không có vật xả thì sám-hối tội " ưng-xả-đối-trị ".

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu hỏi giá rằng : của giá bao nhiêu hoặc muốn lấy vật gì nơi tay người ấy, nhờ kẻ khác, dầu là bà con của chủ vật ấy tiếp đổi giùm, rằng : " ngươi hãy lấy của này, đổi vật kia lại cho ta, hoặc nói không ra dấu, như người đi đường chỉ có gạo mà muốn được cơm nên nói với chủ cơm rằng : " Ta có gạo, không cần dùng, ta cần dùng cơm " như thế ", chủ lấy gạo đi, cho cơm lại Tỳ-khưu và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người " (anânattika), có 3 chi :

1.— Của mình đem đi đổi hoặc của người đổi lại (tesamkappiyavatthutâ).

2.— Chủ của ấy là người thế (asahadhâmmikatâ).

3.— Đổi như cách đã nói (kâyavikkayâpajjanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Chỗ phạm tội như trong " điều học thọ lãnh bạc vàng ".

❁

BÌNH-BÁT DƯ PHẦN THỨ BA

(Pattavagga)

Có 10 điều học :

1.— Bình-bát dư (patta) : Bình-bát chưa gởi, chưa nguyện gọi là bình-bát dư. Tỳ-khưu cất giữ bình-bát

dư ấy lâu lắm là đến 10 ngày, nếu cất giữ quá 10 ngày phạm " ưng-xả-đối-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư cất giữ nhiều bình bát.

CHÚ GIẢI : Bình bát có 2 thứ : bình bát sắt và bình bát đất vừa cho sa-môn dùng mới nên nguyện và gởi.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina).

2.— Bình bát chưa nứt bể đến 5 chỗ, (Onapañcabhanna): Bình bát nứt bể 2 ngón tay gọi là nứt bể 1 chỗ, Tỳ-khưu có bình bát nứt bể chưa đủ 5 chỗ: nghĩa là có nứt bể chưa đủ 10 ngón tay, rồi đi xin bình bát mới nơi người thế không phải bà con, nơi người không có yêu cầu, nếu xin được, phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại "Nigrodha tịnh-xá" gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) do chư Tỳ-khưu xin bình bát mới nhiều.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu phạm "ưng-xả-đối-trị" phải xả bình bát trước mặt 5 tỳ-khưu trở lên, 5 tỳ-khưu thế mặt cho Tăng ấy là người đổi bình bát. Nên đem bình bát của vị cao hạ đem dâng cho vị thấp hạ, đổi theo thứ-tự, lần xuống như thế, cho đến Tỳ-khưu ngồi sau cuối cùng chư Tăng, rồi lấy bình bát của Tỳ-khưu nầy, cho Tỳ-khưu xả bình bát ấy và nói : "bình-bát của ngài, ngài hãy dùng cho đến bể không bỏ, không nên cho ai".

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu có bình bát nứt hoặc bể, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu của mình, nơi bà con và người có yêu cầu của Tỳ-khưu khác, xin cho vị khác hoặc kiếm do của mình và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anânattikâ) có 4 chi :

1o Bình bát nên nguyện, nứt bể chưa đủ chỗ (onapañcahandanattâ).

2o Xin cho mình (attuddesikatâ).

3o Xin nơi người không phải bà con, không có yêu cầu (agataviññattitâ) :

4o Xin được (paṭilâbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong "điều học khiến Tỳ-khưu-ni giặt lông cừu" (ekaloma dhovâpana).

3.— Thuốc chữa bịnh, (Bhesajja).— Tỳ-khưu lãnh 1 trong 5 thứ thuốc là : sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, chỉ được phép để dành dùng lâu lắm là đến 7 ngày, nếu để quá 7 ngày, phạm "ưng-xã-đối-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành (Sãvatthi) do chư tỳ-khưu cất giữ thuốc ấy lâu ngày.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu cất giữ 1 trong 5 thứ thuốc

ấy đến mặt trời mọc ngày thứ 8, phạm "ưng-xả-đối-trị". Kể theo mỗi thứ thuốc, nếu đựng chung trong một chỗ phạm một tội. Thuốc xả rồi, dùng thoa, xức được, uống không được.

Cả 5 thứ thuốc ấy, nếu đã giao cho người chưa thọ Tỳ-khưu giới (sadi, thiện tín) trong 7 ngày được lại dùng không phạm. Tỳ-khưu đã thọ rồi, tính dùng, rồi để cho quá 7 ngày mới phạm ưng-xả-đối-trị, nếu không tính uống để thoa xức dầu quá 7 ngày cũng không phạm tội.

4.— Y tắm mưa (Vassikasâtikâ).— Còn 1 tháng hết mùa nóng, kể từ 16 đến cuối tháng 5, trong nửa tháng ấy là hạn định cho Tỳ-khưu phải kiếm y tắm mưa, từ ngày mùng 1, đến rằm tháng 6, trong nửa tháng nầy, Tỳ-khưu phải kiếm và làm cho xong y tắm mưa và mặc cũng được, nếu kiếm, làm, mặc sái thì giờ đã định, phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư kiếm làm, mặc y tắm mưa trước thì giờ đã định.

CHÚ GIẢI : Thể thức không phạm tội : Tỳ-khưu có y bị trộm cướp hoặc mất và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội, vì dạy người" (anânattika) (Pariyesanâpatti), [1] có 3 chi :

1o Y tắm mưa của mình.

2o Tìm kiếm ngoài hạn kỳ.

---

(1) Phạm tội vì cách xin y.

3o Xin được.

Nivâsanâpatti [1] có 4 chi :

1o Không có hư mất.

2o Tỳ-khưu có y đều đủ.

3o Y tắm mưa của mình.

4o Mặc ngoài hạn-kỳ.

Chỗ sanh tội như trong điều học "khiến Tỳ-khưu ni giặt lông cừu".

5.— Đòi y, (cīvarâcchindana).— Tỳ-khưu đã cho y đến vị khác, rồi giận đòi lại hoặc dạy kẻ khác đòi lại, đòi y được, phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda cho y đến tỳ-khưu rồi giận mà đòi lại.

CHÚ GIẢI : Không phải Tỳ-khưu tưởng là Tỳ-khưu, Sadi tưởng là Tỳ-khưu hoặc nghi, hoặc biết là Sadi rồi đòi lại; hoặc cho các y phụ tùng khác đến Tỳ-khưu, rồi đòi lại, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Người được y vui, hoặc giận rồi trả y lại và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội, vì dạy người" (anânattika) có 5 chi :

1o Y có thước tất nên gởi (vikkappanupaga-pacchimacīvaratâ).

2o Chính tay mình cho (sâmaṃdinnatâ).

---

(1) Phạm tội vì cách mặc ngoài hạn kỳ.

3o Tưởng là của mình (sakka saññiatâ).

4o Người đi theo là Tỳ-khưu (Upasampannatâ).

5o Chính mình đòi hoặc dạy kẻ khác đòi y vì giận (kodhavasena acchintanaṃvâ acchindâpanaṃvâ).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội như trong "điều học trộm cắp" (adinnâdânasamuṭṭhâna) chỉ khác nhau là điều nầy thuộc về thọ khổ.

6. _ Xin chỉ nơi người không phải bà con.— (suttaviññatti) : Tỳ-khưu xin chỉ nơi người thế không phải bà con, không phải người có yêu cầu đem cho thợ dệt, y phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh- xá (Veḷuvana) gần thành Vương xá (Râja gaha)

CHÚ GIẢI : Khi thợ dệt sắp sửa dệt, phạm tác-ác, mỗi lần dệt phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Xin chỉ để may vá các thứ y hoặc cho thợ dệt bà con hoặc người có yêu cầu, xin cho kẻ khác, kiếm do của mình và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika) có 3 chi.

1o Xin chỉ để dệt y.

2o Cho mình.

3o Cho người thợ dệt và xin chỉ nơi người không phải bà con hoặc không phải người có yêu cầu.

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "khiến Tỳ-khưu-ni giặt lông cừu".

7.— Thợ dệt, (Mahapesakâra) : Người thế không phải bà con, không có yêu cầu, họ cho thợ dệt y để dâng đến Tỳ-khưu. Nếu Tỳ-khưu đi nói với thợ, cho họ dệt y tốt rồi thưởng thêm, được y, phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do Tỳ-khưu (Upananda) nói với thợ dệt cho tốt rồi thưởng thêm.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nói với thợ dệt : Người hãy dệt cho dài, cho lớn, cho mịn, tốt, khéo, như thế, rồi đem vật chi chẳng hạn cho thợ (hoặc cho vật thực) nếu thợ dệt thêm chỉ rồi theo lời dạy, trong mỗi lần dệt phạm tác-ác, dệt xong đem về; phạm "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trên, nhưng đây có 4 chi :

1o Tỳ-khưu dạy thợ dệt của thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu (vikappamâpajjanatâ).

2o Cho mình (attuddesikatâ).

3o Thợ dệt thêm chỉ theo lời Tỳ-khưu (suttavaddhanaṃ).

4o Được y (cīvarapatilâbho).

8.— Cất giữ y quá hạn kỳ (Accekacīvara) : Còn 10 ngày nữa đến kỳ lễ "tự tứ" là từ ngày mùng 5 tháng 9, nếu có thí chủ muốn dâng y nhập hạ gấp

đến Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nên thọ để dành đến hết hạn kỳ giữ y, nếu để cho quá hạn, phạm "ưng-xã-đối-trị". Hạn kỳ giữ y ấy như vầy : nếu đã nhập hạ rồi không được thọ lễ dâng y, hạn kỳ giữ y chỉ có 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến rằm tháng 10 ; nếu có thọ lễ dâng y thì hạn kỳ giữ y có 5 tháng, kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 2 (5 tháng ấy gọi là hạn kỳ giữ y).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khưu không dám lãnh y gấp vì chưa có lịnh cho.

CHÚ GIẢI : Y gấp vì người mắc đi chinh chiến, người có bịnh, hoặc phụ-nữ sắp sanh-sản, hoặc người có đức tin mới xin dâng y đến Tăng trong ngày mùng 5 tháng 9. Y như thế Tỳ-khưu thọ rồi nên để dành cho sự dứt hạ sẽ đem dâng lại cho Tăng ; nếu không dứt hạ, cất giữ đến hết hạn kỳ giữ y, không gởi, không nguyện cũng được ; nếu cất giữ cho quá kỳ giữ y, phạm "ưng-xả-đối-trị". Y ngoài hạn kỳ ấy, kể từ ngày 16, nếu không được thọ lễ dâng y, thì được phép cất giữ đến rằm tháng 10 (trong 1 tháng); được thọ lễ dâng y, thì được phép cất giữ đến rằm tháng 2 (trong 5 tháng) gọi là "hạn kỳ y".

Chỗ sanh tội (Samuṭṭhâna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina) chỉ khác nhau là điều học nầy có 4 chi :

1o Y dâng cúng gấp có thước tấc, dầu nhỏ hơn hết là vừa gởi nguyện (Accekacīvarassa attanosantakatâ).

2o Y phát sanh từ ngày mùng 5 tháng 9 (uppannabhâvo).

3o Y không được gởi, không được nguyện (anadhiṭṭhita avikappitatâ).

4o Qua khỏi hạn kỳ giữ y (cīvarakâlâtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ưng-xả-đối-trị".

9. Chỗ nguy hiểm (Sâlaṅka). Tỳ-khưu nhập hạ trong rừng là nơi có điều lo sợ, khi ra hạ rồi, còn trong tháng là (một tháng) từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu muốn để 1 trong 3 y nào trong xóm, chỉ được phép để trong 1 tháng ấy, khi có cớ đi khỏi nơi ấy được phép xa lìa y ấy chỉ trong 6 đêm, xa lìa quá 6 đêm phạm "ưng-xả-đối-trị" trừ ra có Tăng chứng nhận cho.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khưu để y trong xóm quá 6 đêm, làm cho y phải hư mất.

CHÚ GIẢI : Khi có đều đủ 4 chi, đức Phật cho phép gởi 3 y trong xóm được 4 chi là :

1° Tỳ-khưu nhập hạ ngày 16 tháng 6 và được làm lễ Tự-tứ (pavâranâ).

2° Từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

3° Chỗ ở trong rừng xa xóm, ít lắm là 500 cây cung [1].

4° Chỗ ở trong rừng có điều lo sợ, nghĩa là: trong chùa hoặc nơi gần chùa là chỗ ở chỗ ăn, chỗ ngồi của

---

(1) Lối ngàn thước tây.

bọn cướp, thấy rõ rệt, chỗ ở có điều lo sợ là trong chùa hoặc nơi gần chùa, bọn cướp giựt đánh phá người cũng thấy rõ.

Đều đủ cả 4 chi như thế, tỳ-khưu được phép gởi tam y trong xóm chỉ trong 1 thắng. Nếu hữu sự, tỳ-khưu muốn đi khỏi nơi ấy, chỉ nên xa lìa tạm lâu lắm là 6 đêm, nếu xa lìa quá 6 đêm không trở lại chỗ ở trong rừng hoặc nơi xóm, gởi y ấy trong 6 đêm, qua đêm thứ 7 mặt trời mọc lên, phạm "ưng-xả-đối-trị" (trừ ra Tỳ-khưu có bịnh, có Tăng cho phép xa lìa tam y).

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhì" (dutiyakaṭhina).

10.— Đoạt lợi về cho mình (Parinata): Tỳ-khưu biết rằng: lợi mà thí chủ họ sẵn dành để dâng đến Tăng rồi đoạt về cho mình, phạm "ưng-xả-đối-trị".

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư đoạt y về cho mình.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu biết rằng lợi của Tăng là 4 vật dụng họ để dâng cho Tăng. Bằng lời: "Chúng ta sẽ dâng y đến Tăng " Tỳ-khưu biết như thế rồi đoạt về cho mình, trong mỗi lời nói, khuyên người dâng đến mình ấy, phạm tác-ác đoạt được phạm "ưng-xả-đối-trị".

Lợi mà thí chủ đã dâng cho Tăng, rồi Tỳ-khưu nghi, tính đoạt về cho mình, lợi mà họ dâng đến 1 giáo-hội, tính đoạt về một giáo-hội khác, hoặc cho Tháp, như

thế phạm tác-ác. Lợi mà họ tính dâng cho một tháp, rồi đoạt về cho tháp khác, hoặc đoạt về cho Tăng, cho Tỳ-khưu, hoặc lợi mà họ để dâng cho Tỳ-khưu, nới cho cũng, họ để cho chó, rồi Tỳ-khưu tính đoạt về cho Tỳ-khưu, hoặc cho chó khác, hoặc lợi mà họ chưa dâng, Tỳ-khưu tưởng đã dâng, nghi, đoạt về cho mình cho người khác, đều phạm tác-ác (trong khi nói).

Thể thức không phạm tội :

Lợi của họ đã dâng rồi, Tỳ-khưu tưởng chưa dâng rồi nói cho họ dâng cho mình, cho người khác, hoặc thí chủ hỏi: "Tôi nên dâng cho ai?". Tỳ-khưu đáp: "Ngươi có đức tin nơi nào nên dâng đến nơi ấy", nói như thế, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này, " không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 3 chi:

1o Lợi mà thí chủ đã dâng đến Tăng rồi (Saṅghe-parinatabhâvo).

2o Đã biết rồi mà còn đoạt về cho mình (attano-parinnâmanaṃ).

3o Được lợi (paṭilābho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội "ưng-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna), cũng như trong điều học trộm cắp (sikkhâpada adinnâdâna samuṭṭhâna).

UNG-ĐỐI-TRỊ (pācittiya) [1]

Có 92 điều học chia ra làm 9 phần:

1.— NÓI DỐI PHẦN THỨ NHỨT
(musâvâdavagga) có... 10 điều học

2.— THẢO-MỘC PHẦN THỨ NHÌ
(bhũtagâmavagga) có... 10 —

3.— DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA
(ovâdavagga) có... 10 —

4.— VẬT THỰC PHẦN THỨ TƯ
(bhojanavagga) có.... 10 —

5.— ĐẠO LÕA THỂ PHẦN THỨ NĂM
(accelokavagga) có.... 10 —

6.— UỐNG RƯỢU PHẦN THỨ SÁU
(surâ pânavagga) có... 10 —

7.— GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY
(sappâṇakavagga) có... 10 —

8.— NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM
(saha dhammikavagga) có... 12—

9.— TRONG ĐỀN VUA PHẦN THỨ CHÍN
(rãjavagga) có.... 10 —

Tổng cộng..... 92 điều học.

---

(1) **Pacittiya** : Nghĩa là : tội làm cho thiện-pháp phải sa sẩy. Tàu dịch là Ưng-đối-trị nghĩa là : không phải như tội cất chứa y, bình bát trái phép, cho nên không phải xả, chỉ nên sám-hối trước mặt 1, 2, 3 Tỳ-khưu hoặc giữa Tăng thì được khỏi tội.

NÓI DỐI PHẦN THỨ NHỨT

(Musâvâdavagga)

có 10 điều học :

1.— Nói dối (musâvâda).— Tỳ-khưu nói dối phạm "Ưng-đối-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu Hatthaka nói dối.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu trước khi nói, trong khi nói biết là sự không thiệt, rồi ra dấu giả-dối, như có người hỏi "thấy hay không thấy?" rồi dối, lúc lắc đầu cho người biết là không thấy, hoặc nói dối, phạm ưng-đối-trị.

Tỳ-khưu nói dối để kheo pháp bậc cao nhơn, phạm bất-cộng-trụ: nói dối vô cớ để cáo Tỳ-khưu khác phạm bất-cộng-trụ thì phạm tăng-tàn; nói dối vô cớ để cáo gian Tỳ-khưu khác phạm tội tăng-tàn thì phạm ưng-đối-trị, nói dối cáo gian Tỳ-khưu khác phạm tội làm quấy thì phạm tác-ác; người nghe hiểu biết ý nghĩa thì phạm trọng tội; người nghe không rõ ý nghĩa thì phạm tác-ác.

Tỳ-khưu nói dối: thấy, nói không thấy; nghe, nói không nghe; biết bằng mũi, lưỡi, thân, mà nói không biết; hoặc không thấy, không nghe, nói: có thấy, có nghe, không biết, nói biết; tâm không biết nói rằng biết như thế, phạm ưng-đối-trị.

Thể thức không phạm tội :

Chưa suy nghĩ rồi nói gấp hoặc tính nói như vầy rồi nói lên lời khác, sai lời thiệt và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác nói (anânattika ", có 2 chi:

1.— Tính nói lời không thiệt (visaṃvâdana-purekkhâratâ).

2.— Ra dấu hoặc nói cho người nghe hiểu sự lý mà mình cố ý muốn nói sai lời thiệt (viññã pana payogo).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna sikkhâpada).

2.— Chưởi mắng (omasavâda).

Tỳ-khưu chưởi rủa hoặc mắng nhiếc vị khác phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư chưởi mắng Tỳ-khưu có giới trong sạch.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu chưởi mắng ngay trước mặt phạm ưng-đối-trị, chưởi mắng sau lưng phạm tác-ác, kể theo mỗi tiếng chưởi. Tỳ-khưu cố ý chưởi để giễu chơi, phạm tác-ác, kể theo mỗi tiếng chưởi.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu không cố ý chưởi mắng, nói đạo, dạy đạo và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác chửi (anâpattika), có 4 chi :

1.— Chưởi tỳ-khưu (tassa upasampannattâ);

2.— Chưởi trước mặt (jâti âdihi akkosanaṃ);

3.— Người bị chưởi biết rằng mình bị chưởi (ma-makko satiṭijânanatâ).

4.— Không phải nói đạo, thuyết pháp dạy người (atthadhamma purekkhâratâdinâbhâvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdana sikkhâpada). Chỉ khác nhau là trong điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

3.— Lời dâm thọc (pesuñña).

Tỳ-khưu nói lời đâm thọc vị khác, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư, nói dối đâm thọc các Tỳ-khưu khác.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu nghe vị khác chưởi Tỳ-khưu với nhau, rồi cố ý muốn cho người chưởi ấy thương mình, hoặc muốn cho cả 2 người chia rẽ nhau rồi đi nói lời đâm thọc: đem lời chưởi của vị nầy, đến nói với vị kia, phạm ưng-đối-trị, đều đủ mỗi tiếng.

Nếu đem lời của Tỳ-khưu chưởi không nói ngay đến Tỳ-khưu bị chưởi, hoặc đem lời của sadi chưởi

đến cho Tỳ-khưu hay, hoặc đem lời chưởi của sadi đến cho sadi hay, đều phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu không cố ý muốn cho vị bị chưởi thương mình, hoặc không muốn cho cả 2 vị chia rẽ nhau và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người đâm thọc" (anânattika), có 3 chi :

1.— Được nghe lời người chưởi (không phải do người khác mà biết) rồi đem nói lại cho người bị chưởi (jâti âdihi... bhikkhussa upasaṃharaṇaṃ):

2.— Muốn cho người bị chưởi thương yêu mình hoặc muốn cho 2 người chia rẽ nhau (piyakamyatâ bhedâdhippâyesu aññataratâ);

3.— Người bị chưởi hiểu biết sự lý (tassa vijjânanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị..

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdanâ sikkhâpada).

4.— Dạy kệ pháp (padasodhamma).

Tỳ-khưu dạy kệ pháp đến người chưa tu lên bực trên (upasampanna) đọc chung cùng nhau, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư dạy kệ đến người chưa tu lên bực Tỳ-khưu và đọc chung cùng nhau.

CHÚ GIẢI: như " rūpaṃ aniccaṃ" gọi là 1 câu đầu, câu sau như "vedanâniccâ" gọi là câu nói (anupada) Tỳ-khưu khi dạy pháp làm bằng kệ rằng: aseva nâcabâlânaṃ đọc rồi, sadi đọc theo, Tỳ-khưu đọc chung cùng nhau với sadi, rồi đọc tiếp nối thêm asevanâ cabâlânaṃ, đọc chung cùng nhau như thế, phạm ưng-đối-trị, kể theo mỗi câu.

Tỳ-khưu dạy pháp một lần 2 câu như là "asevanâcabâlânaṃ paṇḍitânañca sevanâ" rồi trở lại đọc nữa với sadi, sadi đọc câu đầu không kịp, đọc theo kịp câu thứ nhì rằng: "paṇḍitâ nañca sevanâ, chung cùng với Tỳ-khưu như thế gọi là trước đọc khác nhau, sau đọc chung cùng nhau, phạm ưng-đối-trị. kể theo câu sau.

Tỳ-khưu dạy sadi đọc: "rūpaṃ aniccaṃ vedanâaniccâ", rồi Tỳ-khưu chỉ đọc đến được rūpaṃ aniccaṃ, sadi lẹ miệng đọc đến vedanâ aniccâ là câu nối tiếp liền theo câu "aniccaṃ" như thế phạm ưng- đối-trị, kể theo mỗi câu sau.

Thể thức không phạm tội :

Học pâli chung với sadi hoặc học nơi sadi hoặc đọc chung nhau, tụng kinh đã học thuộc lòng rồi hoặc sadi tụng sai Tỳ-khưu dạy rằng : "đọc như vầy" rồi đọc chung cùng nhau và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 3 chi :

1- Người chưa tu lên bậc Tỳ-khưu (anupasampannatâ) ;

2- Dạy học pháp bằng câu kệ (vuttalakkhanamdhammam padaso vâcanatâ) ;

3- Đọc dính chung cùng nhau (ekato osâpanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội là " dạy pháp bằng kệ " (padasodhamma samuṭṭhâna) phạm vì làm (kiriyâ, không khỏi phạm vi tưởng (nosaññavimokkha), không cố ý cũng phạm, phạm tội vì Phật cấm (paññattika), khẩu nghiệp (vâcikamma), có 3 tâm, 3 thọ.

5- Nằm chung trong chỗ có che lợp lần thứ nhứt (paṭhamasahaseyya).

Tỳ-khưu nằm trong chỗ có dừng, lợp chung với người chưa tu lên bậc trên [1] (upasampanna) quá 3 đêm phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggâlava gần thành Aggalavi, do Tỳ-khưu mới xuất gia ngủ quên trong phước xá chung cùng với cư-sĩ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu ngủ trong nơi dừng kín, hoặc lợp kín, hoặc lợp nhiều, dừng nhiều chung với người chưa tu lên bực trên (trừ ra Tỳ-khưu với nhau) dầu ngủ chung với súc-sanh có khiếu có thể sanh tội bất-cộng-trụ quá 3 đêm, phạm ưng-đối-trị, kể từ đêm thứ 4.

Chỗ ở có dừng vách không chí với nóc, cao 1 hắc

---

(1) Chưa tu lên bậc trên là chưa thọ cụ-túc-giới làm Tỳ-khưu.

1 gan chung quanh gọi là " chỗ ở dừng kín " hết. Cho nên, chỗ ở như thế, dầu là lầu 7 từng hoặc nhà 4 mặt, có 100 phòng, nếu có 1 cửa ra vào chung cùng nhau, cũng gọi là chỗ ở chung cùng nhau.

Tỳ-khưu ngủ chung cùng người chưa tu lên bực trên, trong chỗ ở như thế đến 3 đêm, rồi qua ngày thứ 4, khi mặt trời đã lặn, người ấy nằm trước Tỳ-khưu đóng cửa phòng hoặc không đóng rồi nằm, hoặc Tỳ-khưu nằm trước, người ấy nằm sau mà tỳ-khưu không ngồi dậy thì phạm ưng-đối-trị, kể theo mỗi lần nằm xuống và ngồi dậy với người ấy và kể theo số người (sadi, cư sĩ) nằm trong nơi ấy.

Tỳ-khưu mà tưởng là sadi hay là cư sĩ, hoặc nghi rồi nằm phạm tác-ác.

Chỗ ở lợp phần nửa dừng phần nửa, lợp kín dừng ít, lợp nhiều dừng ít, dừng kín lợp ít, dừng nhiều lợp ít, đều là vật cho phát sanh tội tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Chỗ ở lợp kín, không dừng, hoặc không lợp mà dừng kín hoặc không lợp nhiều, không dừng nhiều đều là vật không cho phát sanh tội, ngủ đến 2 hay là 3 đêm hoặc trong đêm thứ 3, ra trước mặt trời mọc rồi ở thêm nữa đến đêm thứ 4, sadi, cư-sĩ nằm Tỳ-khưu ngồi hoặc Tỳ-khưu nằm, đều không phạm tội ".

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người nằm" (anânattika), có 3 chi :

1. Chỗ ở cho sanh tội ưng-đối-trị (pācittiyavatthu senâsanaṃ) ;

2. Nằm cùng người chưa tu lên bực trên, trong nơi ấy (tattha anupasampanne sahanipajjanaṃ) ;

3. Mặt trời đã lặn trong ngày thứ 4 (catutthadivasesuriyatthaṃgamanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị. Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakaloma samuṭṭhâna).

Phạm tội do thân, do thân ý, phạm vì làm (kiriyâ) không khỏi phạm vì tưởng (nosaññâ vimokkha) vô ý cũng phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (paññattivajja) thân-nghiệp (kâyakamma) có 3 tâm, 3 thọ.

6.— Nằm chung trong chỗ kín lần thứ nhì (dutiyasahaseyya).

Tỳ-khưu nằm trong chỗ, lợp, dừng chung cùng phụ-nữ, dầu chỉ trong 1 đêm, cũng phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do đức Anuruddha vào ngủ chung trong nhà với phụ-nữ.

CHÚ GIẢI : Dầu nằm chung với phụ-nữ mới sanh 1 ngày cũng phạm tội ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học trước, chỉ khác nhau là điều học nầy dầu nằm chung chỉ trong 1 đêm cũng phạm.

Tỳ-khưu nằm chung với tinh-nữ, ngạ-quỉ-nữ có

thân hình rõ rệt, bộ-nấp và thú cái là vật cho sanh sự hành-dâm, phạm tác ác.

7.— Thuyết-pháp đến phụ-nữ. (dhamma desanâ).

Tỳ-khưu nói pháp quá 6 tiếng đến phụ-nữ, không có người nam, biết nghe chung với, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu nói pháp đến phụ-nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nói pháp quá 6 tiếng như đã giải trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu lên bực trên" (padasodhamma), đến phụ-nữ biết nghe lời quấy phải và lời thô-tục phạm ưng-đối-trị, kể theo số phụ nữ, theo câu kệ, trừ ra có người nam biết nghe ở chung với, như đã có nói trong điều học "bất định thứ nhì" thì không phạm tội.

Không phải phụ-nữ, tưởng là phụ nữ hoặc nghi rồi mới nói pháp đến tinh nữ, ngạ-quỉ-nữ, bộ-hấp và thú cái có thân hình như người đều phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu chỉ nói pháp đến 6 tiếng, hoặc ít hơn 6 tiếng hoặc có người nam như đã có giải ở chung với, hoặc Tỳ-khưu nói rồi ngồi xuống, rồi nói tiếp thêm, hoặc phụ-nữ đứng dậy, rồi ngồi xuống, rồi Tỳ-khưu nói tiếp thêm, hoặc nói pháp với phụ-nữ khác, hoặc phụ-nữ hỏi đạo, Tỳ-khưu đáp và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người nói pháp" (anânattika), có 5 chi :

1. Nói pháp quá sáu tiếng (channaṃvâpânaṃ upari-desanâ) ;

2. Phụ-nữ như đã có giải (vuttalakkhanom-âtugâmo) ;

3. Không thay đổi oai nghi (iriyâ patha parivat-tanâbhâvo) ;

4. Không có người nam biết nghe ở chung với viññupurisâbhâvo) ;

5. Không có sự luận đạo (apaṇhavisajjanâ).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " dạy kệ pháp đến phụ-nữ " (padasodhamma samuṭṭhâna) chỉ khác nhau là điều học nầy " phạm vì làm và không làm" (kiriyâ akiriyâ) làm là : thuyết quá 6 tiếng, vì không làm là "không đổi oai-nghi".

8.— Khoe sự thiệt (bhuttârocana).

Tỳ-khưu khoe pháp bậc cao nhơn mà tự mình đã đắc, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Phước-xá Kūṭâgâra gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do chư Tỳ-khưu khoe pháp cao nhơn cùng nhau.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu khoe pháp bậc cao nhơn như là đắc thiền-định mà chính mình đã được, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ưng-đối-trị.

9.— Khai tội nặng (dutthullârocana).

Tỳ-khưu nói tội nặng (là tội Tăng-tàn) mà vị khác đã phạm, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ưng-đối-trị ; trừ ra Tăng có cho phép nói.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư nói tội "Tăng-tàn" của Tỳ-khưu Upananda đến người thế.

CHÚ GIẢI : Không phải tội nặng Tỳ-khưu tưởng là tội nặng; nghi rồi nói hoặc nói phạm 5 tội khác (trọng tội, ưng-đối-trị...) đến người chưa tu lên bậc trên, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Nếu chỉ nói ngay điều học rằng :"Tỳ-khưu nầy cố ý cho tinh di, hoặc đụng chạm phụ-nữ, hoặc chỉ tội rằng :Tỳ-khưu nầy phạm Tăng-tàn" phạm trọng tội hoặc "Tăng"cho phép nói đến đâu thì nói đến đó và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người nói" (anânattika) có 3 chi :

1. Nói tội tăng-tàn của Tỳ-khưu cả và cách phạm tội (savatthukosaṅghâdiseso) ;
2. Nói đến người chưa tu lên bậc trên (anupasampannassa ârocanaṃ) ;
3. Tăng không cho phép (bhikkhusammatiyâ bhâvo) ;

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm-cắp" chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ.

10.— Đào đất (paṭhavīkhaṇana).

Tỳ-khưu đào đất, hoặc dạy người khác đào đất bằng lời không nên, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tháp Aggâlava gần thành Âlavi do phe Tỳ-khưu Alavi đào đất và dạy người khác đào đất.

CHÚ GIẢI : Đất có 2 thứ : đất có đất nhiều hơn các vật khác (jâtapaṭhavī) và đất có đất ít hơn các vật khác.

1. Đất thứ nhứt toàn là đất phân, đất sét, đất có đá ít, có sỏi ít, có cát ít, có phần đất nhiều, có đất sét nhiều, hoặc đất mà họ chưa từng đốt, hoặc đống phân đất, đống đất sét mà có mưa xuống nhằm trên 4 tháng gọi là : đất phì (đất tốt).

2. Đất thứ nhì : đất toàn là đá, toàn là sỏi, toàn là cát có đất phần ít, có đất sét ít có cát nhiều, đất đã có người đốt rồi gọi là đất chai (ajâtapaṭhavī) ; lại nữa, đống phân đất nào, đống đất sét nào mà mưa rớt nhằm ít hơn 4 tháng cũng gọi là đất chai. Đất toàn là sỏi, đá, cát thì không phạm tội.

Tỳ-khưu cố ý đào hoặc dạy người đào bằng lời không nên, làm cho đất nẻ, bể, lở, phạm ưng-đối-trị, kể theo mỗi lần làm. Tỳ-khưu dạy nói "ngươi hãy đào, xô, xoi, bươi cuốc đất này thì phạm tội" người chịu dạy, dầu đào suốt ngày, chỉ phạm 1 tội ưng-đối-trị thôi, người dạy nhiều lần phạm nhiều tội ưng-đối-trị. Đất Tỳ-khưu nghi, không phải đất tưởng là đất, hoặc nghi rồi làm cho cử-động phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Đất cục không dính với đất liền, đất lở không phạm, hoặc nói : ngươi hãy biết cái lỗ cột này, ngươi hãy cho tôi đất nầy, ngươi hãy lấy đất này cho tôi, tôi cần dùng đất ; không cố ý làm cho cử động, hoặc dùng ngón chận tay xủi đất, hoặc tưởng không phải là đất đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika) có 3 chi :

1. Chất đất phì (jâtapaṭhavitâ) :

2. Biết là đất (paṭhavisaññita) :

3. Tự mình đào hoặc dạy người khác đào (khaṇana-khaṇâpanânaṃ aññataraṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna samuṭṭhâna), chỉ khác nhau là trong điều học này phạm tội vì Phật cấm (paññattivajja) có 3 tâm, 3 thọ.

✺

THẢO MỘC PHẦN THỨ NHÌ
(Bhūtagâmavagga)

Có 10 điều học :

1.— Phá hoại thảo mộc (Bhūtagâma). Tỳ-khưu phá hoại cây cỏ sanh, mọc trên đất hoặc trong 1 nơi nào, cho đứt lìa, gãy, tét, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggalava

gần thành Aggâvi, do Tỳ-khưu đốn cây làm các công-việc.

CHÚ GIẢI : Các thứ cây cỏ, dầu nhỏ nhen đến đâu (rong-rêu), mọc trong một nơi nào chẳng hạn, Tỳ-khưu đã biết mà tự mình hoặc dạy kẻ khác nhổ chặt bẻ làm cho lìa khỏi chỗ nó mọc, phạm ưng-đối-trị.

Các thảo mộc mà người đã đào, nhổ khỏi chỗ nó mọc dầu không có : rễ, mụt, củ, hột... mà còn giống (bījagâma) họ đem để trong đồ đựng hoặc cất trong một nơi nào (có thể còn gieo trồng nữa được) mà Tỳ-khưu làm hại thì phạm tác-ác, nghi trong thảo mộc hoặc các thứ giống thảo mộc : không phải thảo, mộc tưởng là thảo-mộc, hoặc giống của thảo-mộc, phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Thảo mộc hoặc "giống" của thảo-mộc tưởng là không phải rồi làm hại, Tỳ-khưu điên, vô ý hoặc kéo cây, lăn đá mà thảo mộc chết đều không phạm tội. Không cố ý giết hại, không cố ý nhớ như Tỳ-khưu nói chuyện cùng nhau mà lấy ngón chân hoặc tay làm hại thảo-mộc cũng không phạm tội; hoặc nói: người nên biết bông cây nầy, người nên biết trái cây nầy, người nên lấy bông cây nầy, trái cây nầy đem cho tôi. Tôi cần dùng bông cây nầy, trái cây nầy, người nên làm bông cây nầy, trái cây nầy cho tôi dùng được. Nói như thế, không phạm tội.

Khi ăn rau, cần phải nhờ Sadi hoặc thiện-tín làm cho có thể ăn được khỏi phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người" (sânattika), có 3 chi:

1. Thảo-mộc (bhūtagâmo);

2. Biết là thảo-mộc (bhūtagāmasaññitâ);

3. Tự mình hoặc dạy kẻ khác phá hại (vikopanaṃvâvikopâpanaṃvâ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị. Chỗ phát sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "Đào-đất" (Paṭhavīkhaṇanaṃ).

2.— Lời nói tráo-trở (aññavâdaka).

Tỳ-khưu làm quấy, Tăng đã gọi đến hỏi tra mà cố-ý nói tráo trở, hoặc nín thinh không nói. Nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn, mà còn giữ thái độ như thế phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tịnh-xá Ghosita gần thành Kosambi, do Tỳ-khưu Channa làm quấy, đến khi Tăng hỏi mà nói tráo trở.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu cố ý muốn dấu lỗi, nói tráo trở như nói "ai phạm, phạm tội gì, phạm chỗ nào" nói như thế, hoặc nín thinh, làm khó cho Tăng, phạm tác ác. Đến khi "Tăng" đã tra hỏi mà còn tráo trở nữa, hoặc nín thinh phạm ưng-đối-trị.

Tỳ-khưu không làm khó cho Tăng, không nói tráo trở như thế, phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu không biết tội hoặc không biết mình phạm tội hoặc hỏi "ngài hỏi thế nào", Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này có 3 chi:

1o Tụng để cáo tội (dhammakamme âropita)

2o Tăng tra hỏi tội hoặc điều phạm tội (ânuyujjiyamânatâ):

3o Nói tráo trở, hoặc nín thinh, vì muốn dấu lỗi (patticaranaṃvâ tunhībhâvovâ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ phát sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna samuṭṭhâna), chỉ khác nhau là điều học nầy "không phạm tội vì dạy người" (anânattika).

3.— Tỳ-khưu nói xấu vị khác (ujjhâpanaka).

Tỳ-khưu nói xấu vị khác mà Tăng đã chỉ định để làm việc cho Tăng như lót chỗ ngồi, hoặc chia tài vật; nếu vị ấy làm việc cho Tăng được đúng đắn, Tỳ-khưu nói xấu, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá (Vihâra veluvâna) gần thành Vương-Xá (Râjagaha),do phe lục sư nói xấu đức A-la-hán Dabbamallaputta.

CHÚ GIẢI: Nếu Tỳ-khưu mà "Tăng" đã chỉ định hành đúng theo phép, thì vội nói xấu phạm ưng-đối-trị; hành không đúng theo phép vị nói xấu phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu nói xấu vị khác hành theo 4 pháp tây vị (agati) (như thương riêng) nghĩa là: không làm đúng phép và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác nói xấu" (anânattika), có 6 chi :

1o Người mà Tăng đã chỉ định hành đúng theo phép (dhamma kammena sammatâta);

2o Người mà Tăng chỉ định ấy là Tỳ-khưu (upasampannatâ);

3o Làm không tây-vị (agatigamanâbhâvo);

4o Cố ý cáo tội đến người ấy (tassa avaṇṇakâmatâ);

5o Cáo tội hoặc nói xấu đến người nào, người ấy là Tỳ-khưu (tassa upasampannatâ);

6o Cáo tội hoặc nói xấu (ujjhâpanaṃvâkhiyanaṃvâ).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ phát sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna samuṭṭhâna). Chỉ khác nhau là: điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

4.— Chỗ ngồi nằm thứ nhứt (paṭhama senâsana).

Tỳ-khưu lấy ngọa-cụ của Tăng đem trải nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, mà không dọn, hoặc không nhờ người khác dẹp cất, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh- xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do chư sư đem vật lót ngồi nằm nơi trống mà không dọn cất.

CHÚ GIẢI: Ngoài 4 tháng mưa, trong nơi mát, dưới cột cây mà thú không đại, tiểu tiện nhằm, Tỳ-khưu để ngọa-cụ nơi ấy, đi ra khỏi không phạm tội. Tỳ-khưu lót cho các vị khác mà các vị nầy không ngồi trong nơi ấy, hoặc không nói "ông đi đi" thì còn về phận sự người lót trải, — Tỳ-khưu ngồi trên bàn ghế, giường mà tự mình dọn ra, hoặc nhờ người dọn ra cho mình, các vật ấy đều về phận sự mình.

Tỳ-khưu đứng trong nhà ăn, dạy rằng: người đem để trong giữa chùa rồi đi đi, Tỳ-khưu ấy ra khỏi nhà ăn, đi đến nơi khác, như thế, nên cho luật-sư phạt tội.

Nếu chỗ ngồi nằm của Tăng thì phạm ưng-đối-trị, vật riêng của Tỳ-khưu thì phạm tác-ác.

Vật để trải lót (chiếu, đệm) cho đến vật để chùi lau tay chân mà Tỳ-khưu bỏ ngoài mưa nắng... rồi đi thì phạm tác-ác.

Tỳ-khưu ngụ trong rừng, nếu không có chỗ che mưa, đem các vật ấy để trên nhánh cây cho khỏi thú phá hại (như mối ăn) rồi đi khỏi nơi ấy cũng được.

Thể thức không phạm tội :

Chỗ ngồi, nằm của mình hoặc của Tỳ-khưu thân-thiết nhau, không phạm tội. — tự mình cất hoặc nhờ người khác cất, hoặc gởi đem phơi, rồi đi, tính sẽ trở lại dọn cất, hoặc có người ở hoặc có

Tỳ-khưu trưởng lão [1] lại đuổi, hoặc cho Sadi, người thế đến lấy, có thú dữ đến đứng nơi ấy, không được dọn dẹp rồi đi khỏi vì sợ có điều hại [1] hoặc khó tu hành, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "phạm tội vì dạy người khác" (sânattika), có 6 chi :

1o Nhứt là giường, bàn thấp dài của Tăng (mañcâdinaṃ saṃghikatâ);

2o Tự mình hoặc dạy người đem ra ngồi nằm trong chỗ đã nói (santhâranaṃ và santhârâpanaṃvâ);

3o Không có người lại tranh dành (abalibuddhatâ)

4o Không có điều hại (âpadâyâbhâvo);

5o Không cố ý trở lại dẹp cất (nirapekkhatâ).

6o Đi khỏi nơi ấy (lenducâtâtikkaṃo);

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhânavidhi) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina samuṭṭhâna). Chỉ khác nhau là điều học nầy phạm vì làm "là dọn ra" và không làm là "không dọn cất hoặc không gởi cho người khác" (kiriyâkiriyâ);

5.— Chỗ ngồi, nằm thứ nhì (dutiya senasana).

Tỳ-khưu đem ngọa-cụ của Tăng lót nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, không dọn cất, hoặc không nhờ người khác dọn, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh- xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi)

(1) Nếu có vị trưởng lão bảo dậy, hoặc có tỉnh, ngạ quỉ đến ngồi nơi ấy hoặc có các quan lớn đến ngồi nơi ấy, bỏ đi khỏi phạm tội.

do phe thập thất sư đến trải lót ngọa cụ rồi bỏ ra đi không dẹp nên bị mối ăn hư hết.

CHÚ GIẢI: Các thứ ngọa cụ của Tăng: nệm, y lót lưng, y lót giường, y đắp, chiếu, đệm, da, tọa-cụ có bìa... Tỳ-khưu lấy một thứ ngọa cụ nào đem lót nằm trong chùa, thất của Tăng, rồi không đem cất, hoặc không nhờ kẻ khác cất, đi ra khỏi nơi ấy, 1 bước đầu phạm tác-ác, khỏi bước thứ 2 phạm ưng-đối-trị. Trong nơi nào, không có điều hại, dầu không gởi rồi cũng phạm, — gởi là phận sự của Tỳ-khưu. Trong chỗ của Tăng thì phạm ưng-đối-trị, trong chỗ của Tỳ-khưu phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Chỗ ở của mình hoặc của Tỳ-khưu thân-thiết tự mình dọn cất hoặc nhờ người dọn cất, hoặc có người tranh dành (như đã có giải) rồi bỏ đi, hoặc tính sẽ lại dọn cất trong ngày ấy, hoặc đi rồi tính trở lại nhưng có tai-hại không thể trở lại được, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "phạm tội vì dạy người" (sânattika), có 7 chi:

1. Chỗ nằm như đã nói (vuttalakkhanâseyâ);

2. Chỗ nằm ấy của Tăng (tassâsaṃghikatâ);

3. Mình lót trải hoặc dạy người khác lót trải trong nơi như đã nói (santharanaṃ vâ santharâpanaṃvâ);

4. Không có người tranh dành (apalibuddhatâ);

5. Không có điều hại (âpadâyâbhâvo);

6. Đi đến nơi khác, không cố ý trở về (anapekkhassadisâ pakkamanaṃ);

7. Đi khỏi ranh chùa (upacâra simâtikkamo).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trên.

6.— Chen lấn (anupakhajja).

Tỳ-khưu biết là thất của Tăng đã có vị khác vào ngụ trước rồi, cố ý lấy đồ trải lót ngồi, hoặc nằm, chen lấn trong nơi ấy, làm cho vị đã vào ngụ trước phải chịu chật hẹp, khó khăn, rồi bỏ đi ra khỏi, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư dành chỗ ở tốt đẹp, làm cho chư trưởng lão phải khó khăn.

CHÚ GIẢI: Tự mình hoặc dạy kẻ khác lót trải ngọa-cụ trong chỗ ở của Tăng, phạm tác-ác; ngồi hoặc nằm, phạm ưng-đối-trị. Trong chỗ ở của Tỳ-khưu phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Lót trải trong chỗ ở của mình hoặc trong chỗ ở của Tỳ-khưu thân-thiết, trong chỗ Tỳ-khưu bịnh, hoặc vì có điều hại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 4 chi :

1. Chỗ ở của Tăng (Saṅghikavihâratâ);

2. Biết rằng đã có người vào ở trước không nên chen lấn (anumatthâpaniyabhâvajânanaṃ);

3. Cố ý làm cho tỳ-khưu ấy chật hẹp (sambâdhetu kâmatâ);

4. Đã ngồi hoặc nằm trong nơi ấy (upacâre nisîdanaṃ và nippajūnaṃvâ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhânavidhi) như trong điều học "bất-cộng-trụ thứ nhứt" (paṭhama pârâjika), chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ-khổ (dukkhavedanâ).

7.— Lôi Tỳ-khưu ra khỏi thất (nikaddhana).

Tỳ-khưu giận hờn vị khác rồi kéo lôi hoặc đuổi vị ấy ra khỏi thất của Tăng, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư dành chỗ ở nên kéo lôi phe thập thất sư.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu giận đuổi, dạy người khác kéo lôi, trong khi dạy, phạm tác-ác; đuổi, hoặc lôi ra khỏi cửa thất, phạm ưng đối-trị. Đuổi, hoặc kéo hoặc lôi ra khỏi chỗ ở Tỳ-khưu phạm tác-ác, đuổi sadi; liệng vật dụng ra khỏi chỗ ở của Tăng, phạm tác ác, kể theo mỗi vật dụng.

Thể thức không phạm tội :

Kéo lôi ra khỏi chỗ ở của mình, hoặc chỗ ở của Tỳ-khưu thân-thiết, hoặc can-gián người cãi-cọ rồi liệng vật-dụng của cải ra khỏi chỗ ở của Tăng, hoặc

kéo Tỳ-khưu phá-giới, đệ-tử của mình làm quấy, hoặc liệng vật-dụng của người quấy và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " phạm tội vì dạy người khác " (sânatthika), có 3 chi :

1. Chỗ ở của Tăng (saṅghikavihâratâ):
2. Kéo lôi Tỳ-khưu vô tội " không có cãi-cọ " (bhaṇḍanakârakabhâvâdivimuttatâ);
3. Tự mình kéo hoặc dạy người khác kéo lôi Tỳ-khưu ấy vì giận hờn (kopenanikaddhanaṃvâ nikaddhâpanam vâ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " trộm cắp " (adinnâdânâ sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy " thuộc về thọ khổ " dukkhavedanâ).

8.— Gác trong thất (vehâsakūṭī).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trên giường, ghế mà họ chỉ kê đỡ, chưa làm thiệt chắc, để trên gác trong thất, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do vị Tỳ-khưu ở trên gác, ngồi trên giường mà họ kê đỡ, rớt xuống nhằm đầu Tỳ-khưu ở từng dưới.

9.— Tịnh-thất lớn (mahallaka).

Tỳ-khưu dùng đất và vôi tô tịnh-thất chỉ được phép tô nhiều lắm là 3 lớp, nếu tô quá 3 lớp phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Ghosita gần thành Kosambi, do Tỳ-khưu Channa tô thất lớn nhiều lớp làm cho thất phải ngã sập.

CHÚ GIẢI: Phải đứng tránh chỗ xanh (cây, cỏ) là đứng xa cho khỏi ruộng, vườn, mà người có trồng cây, gieo mạ, trồng dâu... Nếu đứng trong các nơi ấy mà tô, sơn, phết phạm tác ác.

10.— Nước có côn trùng (sappânaka).

Tỳ-khưu biết nước có côn-trùng sống rồi đem tưới cây, cỏ, hoặc tưới đất phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tháp Aggâlava, gần thành Aggalavi, do các Tỳ-khưu xứ Aggalavi dùng nước có côn trùng đem tưới cỏ, đất.

CHÚ GIẢI: Liệng cây, cỏ xuống chỗ nước ít làm cho côn trùng chết, liệng 1 lần phạm 1 tội.

Trong nước không có côn trùng tưởng là có, hoặc nghi rồi đem tưới cây cỏ, phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tưới vì tưởng là nước không có côn trùng, không cố ý, quên không biết, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này " phạm vì dạy người " (sânattika), có 4 chi :

1. Nước có côn trùng sống (udakassasappânakatâ);

2. Biết rằng côn-trùng sẽ chết vì sự tưới nước (marissantitijânanaṃ);

3. Nước sẽ rút hết (tabbâ udakaṃtâdisameva)

4. Như đem nước tưới cỏ, vì một lẽ gì (tiṇândinaṃsibbânaṃ)

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna như trong điều học " trộm cắp " (adinnâdânasikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học này " phạm tội vì Phật cấm " (paññattivajja), có 3 tâm, 3 thọ.

✺

DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA

(Ovâdavagga)

có 10 điều học :

1.— Dạy pháp cho Tỳ-khưu-ni (bhikkhunovâda).

Tỳ-khưu mà Tăng không chỉ định, rồi đi dạy 8 điều trọng pháp cho Tỳ-khưu-ni, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư thấy các đại-đức dạy đạo cho Tỳ-khưu-ni được nhiều vật dụng, bèn rủ nhau đi dạy Tỳ-khưu-ni.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu có đủ 8 chi :

1. Thu-thúc theo giới-bổn;
2. Học rộng;
3. Thông cả 2 giới-bổn (Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni);
4. Tiếng thanh-tao dễ nghe;
5. Đáng cho Tỳ-khưu-ni kính mến ;

6. Có sức vừa dạy bảo Tỳ-khưu-ni được ;

7. Tỳ-khưu ít khi phạm điều trọng pháp với Tỳ-khưu-ni.

8. Xuất-gia được 20 hạ, hoặc nhiều hơn 20 hạ ;

Đều đủ cả 8 chi ấy Tăng mới nên chỉ định cho đi dạy Tỳ-khưu-ni.

8 Trọng pháp là :

1. Tỳ-khưu-ni, dầu tu được 100 hạ cũng phải làm lễ tỳ-khưu mới xuất gia trong 1 ngày.

2. Không nên nhập hạ trong chỗ không có Tỳ-khưu;

3. Nên cố ý hỏi ngày lễ phát-lộ sám-hối và đến thọ-giáo nơi Tỳ-khưu " Tăng " trong nửa tháng ;

4. Nhập hạ rồi nên hành phép Tự tứ trong 2 phái Tăng ;

5. Phạm trọng pháp (là Tăng-Tàn) rồi nên cho 2 phái Tăng giao-thiệp lại ;

6. Phải tu bậc thất-xoa-ma-na (sikkhamânâ), thọ trì 6 giới trong 2 năm nơi 2 phái Tăng, rồi mới được phép xuất-gia lên Tỳ-khưu-ni.

7. Không được phép mắng nhiếc Tỳ-khưu.

8. Cấm hẳn Tỳ-khưu-ni không cho dạy Tỳ-khưu ;

Cho phép Tỳ-khưu dạy Tỳ-khưu-ni, kể từ ngày đầu tiên mới xuất gia.

Tỳ-khưu-ni phải nên tôn kính, thọ trì 8 trọng pháp ấy, cho đến trọn đời không được bỏ qua.

2.— Mặt trời lặn (atthaṅgata).

Dầu là Tỳ-khưu mà Tăng đã chỉ định, khi mặt trời

đã lặn mà còn dạy đạo đến Tỳ-khưu-ni, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do đại-đức A-la-hán Culapanthaka dạy đạo cho Tỳ-khưu-ni đến tối; Tỳ-khưu-ni mến tài đức ngài đưa ngài ra khỏi thành, bị thành đóng cửa vào không được, làm cho thiên hạ nói xấu.

3.— Tại chỗ ở của tỳ-khưu-ni (upassaya).

Tỳ-khưu đi dạy Tỳ-khưu-ni nơi chỗ của cô, phạm ưng-đối-trị, trừ ra dạy Tỳ-khưu-ni có bịnh.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Ca-tỳ-la-Vệ (Kapilavatthu), do phe lục sư đi dạy cho phe 6 Tỳ-khưu-ni tại chỗ ở của các cô.

4.— Mong được tài vật (âmisa).

Tỳ-khưu nói xấu vị khác rằng đi dạy Tỳ-khưu-ni vì mong được tài-vật, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư nói các đại-đức đi dạy Tỳ-khưu-ni vì muốn được lợi.

5.— Cho y đến Tỳ-khưu-ni (cīvaradâna).

Tỳ-khưu cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải bà con, phạm ưng-đối-trị trừ ra đổi y với nhau.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi),

do một Tỳ-khưu cho ca-sa đến Tỳ-khưu-ni không phải bà con.

6.— May y cho Tỳ-khưu-ni (cīvarasibhana);

Tỳ-khưu tự mình may hoặc dạy kẻ khác may y cho Tỳ-khưu-ni không phải bà con, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Udâyi may y cho Tỳ-khưu-ni.

7.— Rủ Tỳ-khưu-ni đi chung đường (saṃvidhâna).

Tỳ-khưu rủ Tỳ-khưu-ni đi chung đường, dầu chỉ đi xa một khoảng trong xóm cũng phạm ưng-đối-trị, trừ ra đường có sự nguy hiểm.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư rủ Tỳ-khưu-ni đi chung đường.

8.— Rủ Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền (nâvâbhirùhana).

Tỳ-khưu rủ Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền, đi ngược, hoặc đi xuôi nước cũng phạm ưng-đối-trị, trừ ra đi qua sông, rạch.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavane) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư rủ Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền.

9.— Dọn nấu ăn (paripâcana).

Tỳ-khưu đã biết thọ-thực (vật ngọt, hoặc mặn)

mà Tỳ-khưu-ni dọn, dạy thiện-tín dâng cúng, phạm ưng-đối-trị, trừ ra thiện tín họ đã tính trước.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veḷuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha) do Tỳ-khưu Đề-bà-đạt-đa (Davadatta) đã biết nhờ Tỳ-khưu-ni nên được mời ăn mà còn đi dự.

10.— Chỗ khuất mắt (rahonisajja).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với một Tỳ-khưu-ni phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Udâyi vào ngồi nơi kín với Tỳ-khưu-ni (vợ trước).

✺

VẬT THỰC, PHẦN THỨ TƯ
(Bhojana vagga)

Có 10 điều học :

1.— Nhà thí-thực (âvasathapiṇḍa).

Vật thực trong phước-xá mà họ bố-thí không phân hạng người, Tỳ-khưu không bịnh chỉ được phép thọ thực một ngày rồi phải nghỉ, bỏ qua 1 ngày thọ nữa mới được, nếu thọ thực liên-tiếp đến ngày thứ nhì, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư đến thọ thực nhà thí thực ấy luôn khi, làm cho người chê trách.

CHÚ GIẢI : Có bịnh tưởng là không bịnh hoặc nghi rồi thọ thực phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Có bịnh biết là có bịnh, chỉ thọ thực một lần thọ thực cách 1, 2 ngày hoặc thọ rồi qua ngày sau đi khất nơi khác mà có sự rủi ro, trở lại thọ nữa được, hoặc thí-chủ thỉnh thọ luôn, hoặc họ để dành riêng cho Tỳ-khưu hoặc thọ ngoài 5 món ăn, (cơm, bánh sốt, bánh nguội, thịt, cá) và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Cơm trong phước-xá (âvasathapiṇḍatâ) ;
2. Không có bịnh (agilânâtâ) ;
3. Ở chờ ăn (anuvasitvâbhojanaṃ)

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhânavidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomasikkhâpada).

2.— Thọ thực chung nhiều vị (gâṇabhojana).

Nếu thí chủ họ thỉnh cho biết tên vật-thực 5 món là : (cơm, bánh, sốt, bánh nguội, cá, thịt) một món nào, nếu Tỳ-khưu thọ vật thực ấy chung nhau từ bốn vị trở lên, rồi ăn chung hoặc ăn riêng, phạm ưng-đối-trị, trừ ra có 7 duyên cớ này :

1. Tỳ-khưu bịnh (gilânasamayo) ;
2. Lễ dâng y (cīvaradânasamayo) ;
3. Kỳ làm y (cīvarakârasamayo) ;

4. Đi đường xa (addhânagamanasamayo) ;

5. Đi chung thuyền (nâvâtirūhanasamayo) ;

6. Tỳ-khưu hội hợp quá số, vật thực không đủ dùng (mahâsamayo) ;

7. Vật thực ấy của các hạng xuất-gia thỉnh thọ-thực (samaṇabhattasamayo).

Có 1 trong 7 duyên cớ ấy thọ-thực không phạm tội (trong điều học này chỉ lấy cớ đi thọ-thực chung cùng nhau làm bằng).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veluvana) gần thành Vương-Xá (Râja-gaha), do phe Tỳ-khưu Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) dẫn đi thọ thực chung cùng nhau thường thường tìm xin vật ngon.

CHÚ GIẢI : Dầu Tỳ-khưu lên tiếng xin ngay tên của vật-thực rằng : người cho tôi xin cơm... cá... thịt... xin chung chỗ, hoặc khác chỗ, nhưng thọ trong một chỗ cùng nhau cũng phạm tội.

Thọ-thực chung cùng nhau nhiều vị, trong khi thọ phạm tác-ác, ăn vào phạm ưng-đối-trị, mỗi khi đã ăn vào khỏi cổ. Không phải thọ-thực chung nhiều vị mà tưởng là thọ chung, hoặc nghi rồi ăn, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Không phải thọ-thực chung nhiều vị biết là không phải, hoặc 2, 3 Tỳ-khưu thọ-thực chung cùng nhau, hoặc nhiều Tỳ-khưu đi khất-thực rồi về ăn chung, hoặc thọ-thực chung ngoài 5 món ăn, và tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Thọ-thực chung nhiều vị (gaṇabhojanatâ) ;

2. Không có duyên-cớ (samayâbhâvo) ;

3. Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanaṃ) ;

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " thọ lông-cừu" (ekalakalomasikkhâpada).

3.— Thọ-thực nơi khác (paramparabhojana).

Tỳ-khưu đã chịu thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, trong một nơi nào, rồi không đi trong nơi ấy, trở lại đi thọ trong nơi khác phạm ưng-đối-trị, trừ ra đã có choTỳ-khưu đi thế cho mình hoặc có 1 trong 3 duyên cớ này :

1. Tỳ-khưu bịnh : 2. Lễ dâng y ; 3. Kỳ làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veluvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do chư Tỳ-khưu đã chịu thỉnh rồi mà còn đi thọ-thực nơi khác làm cho thí-chủ bất bình.

CHÚ GIẢI : Khi thọ vật-thực nơi thí-chủ thỉnh sau phạm tác-ác, khi ăn vào phạm ưng-đối-trị (mỗi miếng ăn mỗi tội) trừ ra có 1 trong 3 duyên cớ đã nói. Không phải thọ-thực nơi khác mà tưởng là phải, hoặc nghi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết không phải " thọ-thực nơi khác " đã cho người đi thọ thế cho mình, hoặc ăn chung một lượt, hoặc ăn

theo vật-thực đã thọ (thọ trước ăn trước, thọ sau ăn sau), (ngoài 5 vật-thực đã nói thì không kể), và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội :

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânatika), có 3 chi :

1. Vật-thực của người khác (paramparabhojanatâ);

2. Không có duyên cớ (samayâbhâvo) ;

3. Đã ăn vào (ajjhoharanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " lễ dâng y lần thứ nhứt " (paṭhama kaṭhinasikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học này "phạm vì làm và không làm " (kiriyâ kiriyâ).

4.— Thọ Bánh (kânamâtâ).

Tỳ-khưu vào xóm khất-thực, nếu có thí-chủ họ đem bánh nhiều đến dâng, được phép thọ nhiều lắm đến 3 bát, nếu thọ quá hạn-định phạm ưng-đối-trị. Bánh mà Tỳ-khưu đã thọ được 2 hay 3 bát ấy, phải chia sớt cho Tỳ-khưu khác với, mới nên.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do chư Tỳ-khưu thọ bánh của mẹ nàng Kânâ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu đã thọ 2 bát, khi ra khỏi gặp Tỳ-khưu nơi phía ngoài nên nói : " trong chỗ ấy tôi đã thọ 2 bát rồi, ngài chỉ nên thọ thêm 1 bát nữa ". Tỳ-khưu này thấy vị khác nên cho hay " Tỳ-khưu đến

trước đã thọ 2 bát rồi, tôi cũng đã thọ 1 bát rồi ngài không nên thọ nữa ". Tỳ-khưu đã thọ trước 1 bát rồi cũng phải nói lại với Tỳ-khưu khác như thế. Tỳ-khưu đã thọ 3 bát rồi, thấy vị khác nên ngăn cản không cho đến thọ nữa, nếu không ngăn cản, phạm tác-ác. Tỳ-khưu đã nghe vị khác ngăn cản mà còn đi đến thọ nữa, phạm tác-ác. Tỳ-khưu ấy về đến nhà ăn, hoặc đến nơi thường thọ-thực, để cho mình 1 bát còn dư lại phải dâng đến Tăng, cho theo ý muốn mình không được (không nên cho đến người thân-thiết). Tỳ-khưu thọ được 1 bát, không muốn cho ai cũng được tùy sở thích.

5.— Ngăn vật-thực lần thứ nhứt (paṭhama-pavâranâ).

Tỳ-khưu đương ăn, nếu có thí-chủ đem 1 trong 5 vật thực đến dâng, ở trong khoảng 2 hắc 1 gan mà không thọ gọi là " ngăn vật thực ". Tỳ-khưu đã ngăn vật thực không phải của Tỳ-khưu bịnh hoặc vật chưa làm theo luật (vinaya Kamma) phạm ưng-đối-trị.

CHÚ GIẢI :— Ngăn vật thực [1], có 5 chi :

1. Đương khi ăn (âsanaṃpaññâyati) ;

2. Vật ăn và vật ngăn (5 thứ vật thực) (bhojanaṃ-paññâyati) ;

3. Người dâng ở trong khoảng 2 hắc 1 gan (hat-thapâsethito) :

4. Họ dâng vật thực vào (abhiharati) ;

---

(1) 5 thứ vật thực nhất là : cơm và bánh làm bằng 7 thứ mễ.

5. Ngăn ra (patikkhepopaññâyati).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới gọi là ngăn. 7 thứ mễ hoặc bánh làm bằng 7 thứ mễ là vật sanh " ngăn vật thực ".

Thịt và cá mà Tỳ-khưu đương ăn mà họ dâng thịt cá, dầu nhỏ bằng hột cải để trong đồ đựng, nếu Tỳ-khưu chưa ăn mà ngăn các vật-thực khác, có thể làm cho sanh " ngăn vật-thực " cũng không gọi là "ngăn". Nhưng thịt và cá mà Tỳ-khưu đương ăn, 1 miếng còn trong tay, và trong bát, nếu Tỳ-khưu ngăn thịt, cá khác, gọi là " ngăn " cả 2 miếng. Cơm, dầu một hột, vật-thực trong bát, trong miệng và trong tay mà Tỳ-khưu còn tiếc rồi ngăn vật-thực khác, gọi là ngăn. Nếu Tỳ-khưu không tiếc vật-thực còn dư lại vật-thực ấy Tỳ-khưu không cố ý để ăn, hoặc muốn cho đến người khác, hoặc muốn đi ăn trong nơi khác, Tỳ-khưu ấy dầu ngăn cũng không gọi là " ngăn ".

Giải về hắc (hatthapâsa) : Nếu Tỳ-khưu ngồi thì kể từ chỗ cuối cùng phía sau, nếu đứng, kể từ gót chân ; nằm nghiêng bên nào, kể từ lưng bên ấy đến chỗ cuối cùng tay, chân của người dâng ; ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm (trừ ra tay đưa ra dâng, được 2 hắc 1 gan gọi là " hắc ". Họ đứng ở trong hắc rồi cúi dâng đến mà Tỳ-khưu ngăn ra mới gọi là " ngăn ". Nếu quá hắc mà ngăn thì không gọi là " ngăn ".

Giải về dâng vật-thực đến : Nếu Tỳ-khưu ngồi theo hàng-ngũ, không đưa bát trong tay hoặc trên chân ra, chỉ nói " ngươi hãy lấy cơm " như thế—, nếu Tỳ-khưu ngăn cũng không gọi là " ngăn ", dầu vật

trong thúng đem để trước mặt rồi bạch như thế cũng vậy. Chỉ đến khi xúc cơm lên rồi Tỳ-khưu ngăn mới gọi là ngăn, dầu hai người đồng nhau đỡ lên cũng gọi là ngăn. Khi họ dâng đến Tỳ-khưu ngồi theo hàng-ngũ rồi Tỳ-khưu ở ngoài tiếp đậy bát, gọi là ngăn vật mà họ dâng đến người khác, vì lẽ ấy, không gọi là ngăn.

Giải về cách ngăn : Trong vật mà họ dâng đến bằng lời, thì ngăn không được. Vật mà họ dâng bằng thân, cũng phải ngăn bằng thân, như đưa tay ra chận ngăn hoặc nói " vừa rồi, đừng dâng nữa, như thế mới gọi là ngăn ".

Một người dâng canh thịt rằng : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh ". Tỳ-khưu nghe, ngăn người ấy ra, như thế không gọi là ngăn, khi nào họ nói : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh thịt ", mà Tỳ-khưu " ngăn ", mới gọi là ngăn, nếu họ nói : " xin ngài thọ vật này", mà Tỳ-khưu ngăn cũng gọi là ngăn. Dầu họ làm thịt cho ra món khác rồi họ nói " xin thọ thịt ", nếu còn chút ít thịt bằng hột cải mà ngăn thì cũng gọi là ngăn. Họ nấu canh cá, thịt chung với mít và canh măng, rồi đem đến dâng rằng : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh mít, canh măng ", nếu ngăn cũng không gọi là ngăn, vì họ nói tên của vật nên dùng, không sanh sự "ngăn". Nếu họ nói " xin ngài thọ canh cá, canh thịt " hoặc nói: " hãy thọ vật này " mới gọi là " ngăn ".

Ngăn vật-thực có 5 chi :

1. Tỳ-khưu đương ăn ;
2. Họ đem vật thực đến dâng nữa ;

3. Họ ở trong hắc ;

4. Họ dâng vật thực vào ;

5. Tỳ-khưu ngăn vật thực.

Như thế mới gọi là ngăn.

Trong 4 oai-nghi (nằm, đi, đứng, ngồi) Tỳ-khưu ngăn trong oai nghi nào, đừng thay đổi oai nghi ấy, ăn không có tội.

Vật dùng mà không "làm theo luật" (vinaya kamma) và không phải là vật dư của Tỳ-khưu bịnh gọi là " không phải vật dư " (anatiritta) dùng không được; vật thực đã "làm theo luật" và vật dư của Tỳ-khưu bịnh gọi là "vật dư" (atiritta) nên dùng được.

7 Cách làm theo luật (vinaya kamma) :

1. Các vật như trái cây hoặc củ mà người không được làm thành vật cho Tỳ-khưu dùng được (samanakappa) [1] và thịt không nên dùng, Tỳ-khưu người làm theo luật (vinaya kamma) lấy các vật không nên dùng ấy đem làm theo luật rằng : "tất cả vật nầy nên rồi" (alametaṃ sabbaṃ);

2. Vật mà Tỳ-khưu, người làm theo luật chưa thọ, rồi làm theo luật rằng : "tất cả vật nầy nên rồi";

3. Vật mà Tỳ-khưu đem đến cho Tỳ-khưu, người làm theo luật, làm cho thành vật nên dùng; nhưng

---

(1) Cách thọ-lãnh vật mà thí chủ dâng có 5;

1. Vật mà người có sức-lực, bực trung vừa dở lên nỗi;
2. Người dâng ở trong hắc;
3. Thí chủ nghiêng mình dâng vào,
4. Chư Thiên, người hoặc thú dâng;
5. Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy, bằng thân hoặc bằng vật dính thân.

chưa dở lên, hoặc chưa dâng vào, rồi làm theo luật rằng: "tất cả vật nầy nên rồi";

4. Tỳ-khưu đem vật đến cho Tỳ-khưu trong bọn làm theo luật ấy ở ngoài hắc, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật nầy nên rồi";

5. Một Tỳ-khưu nào làm theo luật rằng: "tất cả vật nầy nên rồi", nhưng Tỳ-khưu, người làm theo luật ấy, chưa ăn, rồi làm theo luật rằng: "tất cả vật nên rồi".

6. Tỳ-khưu, người làm theo luật được ăn rồi, đã ngăn vật thực rồi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi, đi làm theo luật cho vị khác rằng: "tất cả vật nầy nên rồi";

7. Tỳ-khưu, người làm theo luật nói rằng: "tất cả vật nầy nên rồi" (alamatam sabbam).

1 trong 5 thứ vật thực nào, mà không phải là vật dư của Tỳ-khưu bịnh, vật không nên làm theo luật (7 cách trên) hoặc vật thực không phải là của dư của Tỳ-khưu bịnh, cả 2 phần vật thực ấy gọi là không phải của dư (anatirittabhojana).

Không phải vật dư (anatiritta) là nói về vật không được làm theo luật là :

1. Vật mà không được làm cho thành vật nên,
2. Vật mà Tỳ-khưu không được thọ, rồi làm cho ra vật nên;
3. Vật mà Tỳ-khưu không được dở lên hoặc không được dâng vào gần cho Tỳ-khưu làm ra vật nên;
4. Tỳ-khưu ở trong hắc rồi làm;

5. Tỳ-khưu chưa được ăn rồi làm;
6. Tỳ-khưu đã ăn, rồi được ngăn vật thực rồi đứng dậy, khỏi làm;
7. Vật mà Tỳ-khưu không nói "tất cả vật này nên rồi" và vật không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh.

Cả 2 vật thực ấy gọi là "không phải vật dư" (anatiritta); vật dư (atiritta) là nói về vật đã được làm theo luật (vinaya kamma) là :

1. Vật mà họ làm cho ra vật nên;
2. Vật mà Tỳ-khưu được thọ lãnh rồi làm cho ra vật nên;
3. Vật mà Tỳ-khưu dở lên hoặc dâng vào gần cho làm ra vật nên;
4. Tỳ-khưu ở trong hắc rồi làm;
5. Tỳ-khưu đã ăn rồi mới làm;
6. Vật mà Tỳ-khưu đã ăn, ngăn vật thực rồi chưa đứng dậy khỏi chỗ, rồi làm;
7. Vật mà Tỳ-khưu nói "tất cả vật nầy nên rồi", và vật dư của Tỳ-khưu bịnh.

Cả 2 thứ vật thực ấy gọi là: vật dư (atiritta).

Tỳ-khưu ngăn cơm như có giải trên, nếu đã thay đổi oai nghi rồi thọ vật không phải của Tỳ-khưu bịnh, để dùng phạm tác-ác, vì thọ; ăn vào phạm ưng-đối-trị, mỗi miếng ăn. Nhứt là thọ yâmakâlika [1] để làm vật thực, ăn ngoài bữa ăn, thế cho vật thực. Vật dư của Tỳ-khưu bịnh mà tưởng là không phải của Tỳ-khưu bịnh, hoặc nghi, phạm tội ác.

Thể thức không phạm tội :

Thọ vật-thực không phải của Tỳ-khưu bịnh vì nghĩ sẽ đem cho Tỳ-khưu khác làm kappiya cho, rồi mới dùng, thọ cho người khác, thọ yâmakâlika [1] sattâhakālika [2], yâvajīvika [3] ngoài vật-thực, dùng theo luật là đức Phật đã cho phép, và Tỳ-khưu bịnh đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người (anânattika) có 3 chi :

1. Người ngăn cơm và đã ra khỏi chỗ ngồi (pavâritabhâvo);
2. Vật-thực chưa làm kappiya không phải vật dư của Tỳ-khưu bịnh (amisassa anarittatâ).
3. Ăn trong giờ (kâle ajjhoharanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều-học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều-học nầy "phạm vì làm là ngăn cản, phạm vì không làm là không được làm theo (kiriyâkiriyâ) trước rồi mới nên ăn.

6.— Ngăn vật-thực lần thứ nhì (dutiyapavâraṇâ).

Tỳ-khưu biết rằng vị khác đã ngăn vật-thực như

---

(1) 8 thứ nước: nhứt là nước xoài gọi là yâmakâlika là vật được phép dùng trong 1 ngày 1 đêm.

(2) 5 thứ thuốc: sữa lỏng, sữa đặc, đường, mật ong, dầu gọi là: sattâhakālika là vật được phép để dùng trong 7 ngày.

(3) Ngoài vật-thực và 2 thứ thuốc trên gọi là : yâvajīvika, vật được phép dùng cho đến hết.

thế, tính cáo tội vị ấy, rồi cố ý lấy vật-thực không phải của Tỳ-khưu bịnh, hoặc không được làm theo luật (vinayakamma), đem nài-nỉ hoặc ép, nếu vị ấy ăn, Tỳ-khưu nài-nỉ hoặc ép ấy phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khưu đem vật không phải của dư, đến nài ép, Tỳ-khưu mà mình cố oán đó, ăn.

CHÚ GIẢI. — Khi Tỳ-khưu nài nỉ hoặc ép dâng vật thực đến Tỳ-khưu khác phạm tác-ác, ăn vào phạm ưng-đối-trị.

Thể-thức không phạm tội:

Cho vật-thực dư của Tỳ-khưu bịnh, hoặc cho vì có lời rằng "ngài dạy học làm thành vật-thực dư của Tỳ-khưu bịnh rồi sẽ dùng", hoặc đem cho người khác, hoặc như cho yâmakâlika rồi nói "khi có duyên cớ sẽ dùng", và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 5 chi :

1. Tỳ-khưu đã ngăn cơm (pavârittatâ) ;
2. Đã biết Tỳ-khưu ấy ngăn cơm (pavârittasañ-ñittâ);
3. Cố ý để cáo tội (asâdanâpekkhatâ);
4. Lấy vật không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh đem cho (abhihatthumpavâraṇatâ);
5. Tỳ-khưu ấy đã ăn rồi (bhojanapariyosânaṃ).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

học "trộm-cắp" (adinnādānasikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều-học nầy thuộc về thọ khổ (dukkha vedanâ).

7.— Ăn vật-thực sái giờ (vikâlabhojana).

Tỳ-khưu ăn vật-thực trong khi sái giờ là từ chinh xế đến mặt trời mọc, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veḷuvana) gần thành Vương-xá (Râjagaha), do phe thập thất sư thọ-thực sái giờ.

CHÚ GIẢI. — Thọ nhứt là yâmakâlika để dùng làm vật-thực trong khi sái giờ hoặc trong giờ, là từ sớm mai đến đúng ngọ, hoặc tưởng là sái giờ, phạm tác-ác.

Thế-thức không phạm tội :

Trong giờ biết là trong giờ, ăn không phạm, có duyên cớ ăn yâmakâlika trong khi sái giờ cũng được, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika, có 3 chi :

1. Trong lúc sái giờ (vikâlatâ);
2. Vật-thực là yâvakālika [1] (yâvakâlikatâ);
3. Đã ăn vào (ajjhoharanaṃ).

Đều đủ cả ba chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomâsikkhâpada).

(1) Vật ăn trong buổi sáng (từ mặt trời mọc đến đứng bóng).

8.— Vật-thực để dành (sannidhikâraka).

Tỳ-khưu dùng vật-thực đã thọ, rồi để dành cách đêm phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Velatthasisa ẩn tu trong rừng (thầy của đại-đức Ananda) phơi cơm khô để ăn nhiều ngày.

CHÚ GIẢI.— Nếu rửa bát không sạch, lấy tay chùi thấy rõ dấu tay, đem phơi trong chỗ có nắng, hoặc thọ cháo nóng, mồ-hôi bát chảy ra, Tỳ-khưu dầu ăn trong bát như thế, trong buổi mai ngày sau, phạm ưng-đối-trị.

Vật nào mà Tỳ-khưu đã cho đứt đến sadi không còn tiếc rồi sadi cất giữ, Tỳ-khưu được vật ấy dùng cũng nên. Trong vật để cách đêm phạm ưng-đối-trị, thọ yâmakālika, sattâhakālika và yâvajīvika để cách đêm làm vật-thực hoặc ăn như vật-thực hoặc trong vật-thực không phải để cách đêm, tưởng là vật để cách đêm, hoặc nghi đều phạm tác-ác.

Thể-thức không phạm tội :

Biết là không phải vật để cách đêm, cất yâvakālika, yâmakālika, sattâhakālika, không cho quá hạn định, rồi dùng theo hạn định, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 3 chi :

1. Vật-thực dùng buổi sáng (anisaṃ).

2. Đã thọ vật-thực ấy rồi để cách đêm (sannidhibhâvo);

3. Đã ăn vật ấy vào (tassa ajjhoharanaṃ)

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (ekalomāsikkhâpada).

9.— Vật-thực quí (paṇībhojana).

Tỳ-khưu không bịnh xin cơm chung với 9 vật-thực quí là: mỡ lỏng, sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía (đường), cá, thịt sữa tươi, sữa chua, 1 vật quí nào nơi thiện-tín không phải bà con không phải người có yêu cầu đem ăn, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do nhóm lục-sư xin 9 vật-thực quí để ăn.

CHÚ GIẢI.— Xin vật quí không chung với cơm phạm tác-ác. Xin cơm với cá, họ cho cơm với thịt không phạm tội. Có bịnh tưởng là không bịnh, nghi, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết mình có bịnh xin trong khi có bịnh, hết bịnh rồi ăn, hoặc ăn vật dư của Tỳ-khưu bịnh, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu, xin cho người khác hoặc đổi, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người xin" (anânattika), có 4 chi :

1. Cơm với vật-thực quí (paṇītabhojanatâ);

2. Không có bịnh (agilânatā);

3. Xin được (kataviññattiyâpatilâbho);

4. Đã ăn vào (ajjhoharanaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy "tội sanh do thân, thân-khẩu, thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vì làm (kiriyâ) không khỏi phạm vì tưởng (nosaññavimokkha) không cố ý cũng phạm (acittaka) phạm vì Phật cấm (paññattikavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

10.— Trừ ra tăm và nước trắng (dantapona).

Tỳ-khưu dùng vật-thực mà người không dâng, phạm ưng-đối-trị, trừ ra nước trắng và tăm xỉa răng.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại phước-xá trong rừng Tuyết-Sơn, gần thành Tỳ-Sa-Ly (Vesâli), do Tỳ-khưu ẩn-tu nơi mồ mả ăn vật-thực của họ đem cúng mồ rồi bỏ nơi ấy, làm cho người chê trách.

CHÚ GIẢI. — Tỳ-khưu dầu thọ vật nhỏ nhen bằng cát bụi mà họ không dâng, thì phạm tác-ác, đã ăn vào khỏi cổ, phạm ưng-đối-trị, trừ ra nước trắng và tăm. Nước không cần dâng, được phép dùng tùy thích ; tăm không cần dâng, vì không phải là vật ăn vào khỏi cổ, nếu ăn vật qua khỏi cổ mà không hay biết cũng phạm ưng-đối-trị, trong vật thọ mà người không dâng phạm ưng-đối-trị ; trong vật thọ mà người đã dâng, tưởng là chưa dâng hoặc nghi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là vật mà họ đã dâng, ăn vào khỏi cổ không phạm tội ; 4 thứ thuốc : nước tiểu, phẩn, tro, đất, khi hữu sự, là bị rắn mổ mà không có người hộ, thì mình lấy dùng, Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội, hoặc có người hộ mà khó dạy hoặc không thể làm được. Khi không có tro, Tỳ-khưu được phép đốt củi khô, củi khô không có, bẻ cây tươi đốt làm tro cũng nên.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người thọ" (anânattika), có 4 chi :

1. Vật không có người dâng (apatiggahitakatâ) ;
2. Vật ấy đức Phật không cho phép (ananuññâtâta) ;
3. Vật ấy không phải là abbohârika như khói, lửa (dhumâdi abbohârikâbhâvo) ;
4. Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomâsikkhâpada).

✺

ĐẠO LÕA-THỂ, PHẦN THỨ NĂM

(Accelakavagga)

1.— Kẻ tu đạo lõa thể (Accelaka) :

Tỳ-khưu tự tay mình cho hoặc dạy kẻ khác cho

vật-thực đến kẻ tu đạo lõa thể, tu ngoại đạo, phạm ưng-đối-trị (mỗi lần cho mỗi tội).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại phước-xá Kuṭâgâra trong rừng Tuyết Sơn, gần thành Tỳ-Xá-Ly (Vesâli), do đại đức Ānanda cho bánh đến phụ nữ tu đạo lõa thể.

2.— Rủ đi khất-thực (uyyojana).

Tỳ-khưu rủ vị khác, đi khất-thực cùng nhau tính làm quấy, rồi đuổi vị ấy trở về, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda rủ đệ tử người bạn đi khất thực rồi đuổi về.

CHÚ GIẢI.— Đuổi sa-di phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Đuổi có duyên-cớ như: 2 vị ở chung chỗ cùng nhau, vật thực không vừa đủ nuôi mạng sống, hoặc thấy vật tốt cao giá, hoặc thấy phụ-nữ rồi sanh lòng tham, khó chịu, hoặc dạy đem vật chi đến Tỳ-khưu bịnh hoặc không tính làm quấy rồi đưa đi về, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "phạm tội vì dạy người đuổi" (sânattika). Có 3 chi :

1. Tính làm việc quấy (anâcâramâcaritukamatâ);
2. Đuổi Tỳ-khưu vì sự lợi ích ấy (tadatthamevaupasam pannassanyojanata).
3. Người bị đuổi đi khỏi chỗ (evâm uyyojetassa upacârâtikkamo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdânâsikhâpada).

3.— Chỉ có 2 vợ chồng (sabhojana).

Tỳ-khưu vào ngồi trong nhà không có người khác ngồi với, chỉ có 2 vợ chồng chủ nhà, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda vào ngồi trong buồng của vợ người bạn.

4.— Chỗ khuất mắt (rahopaticchanna).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với, một người nữ không có người nam ngồi chung với phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy gọi là (paṭhama rahonisajja) cũng được.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana), gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do tỳ-khưu Upananda vào ngồi nơi khuất mắt với vợ người bạn.

CHÚ GIẢI.— Dầu ngồi chung với phụ nữ mới đẻ trong ngày cũng phạm ưng-đối-trị.

5.— Chỗ khuất tai (rahonisajja).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm chỗ khuất tai với một người nữ, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy gọi là: "dutiya rahonisajja" cũng được.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda vào ngồi trong nhà với vợ của người bạn.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) của 2 điều học nầy như trong điều học "bất-cộng-trụ thứ nhứt" (paṭhama pārājikasikkhâpada), ngoài ra nên xem theo 2 điều học "bất định".

6.— Đi nơi khác (câritta).

Tỳ-khưu được thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, rồi đi nơi khác, trước giờ ăn hoặc ăn rồi đi từ sớm mai đến đứng bóng phải cho Tỳ-khưu trong nơi ấy hay với, mới nên đi, nếu không cho hay mà đi phạm ưng-đối-trị, trừ ra có 1 trong 2 duyên cớ, là: kỳ-lễ dâng y, làm y.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra Veḷuvana), gần thành Vương-Xá (Rājagaha), do Tỳ-khưu Upananda đã chịu thỉnh ăn mà còn đi đến các nhà thiện-tín khác, làm cho chư sư phải chờ gần đến giờ, nên thọ thực không được vừa lòng.

CHÚ GIẢI.— Dầu Tỳ-khưu đã chịu thỉnh để ăn cửa thí chủ rồi, hoặc chưa ăn, không từ giã Tỳ-khưu trong bọn rồi đi đến nơi khác từ sớm mai đến đứng bóng, khi đi bước thứ nhứt phạm tác-ác, đi đến bước thứ nhì phạm ưng-đối-trị.

Thể thức không phạm tội :

Biết là họ không mời, hoặc có 1 trong 2 duyên cớ,

có từ giã Tỳ-khưu trong bọn, không từ giã đi về chùa, đi đến chỗ ở Tỳ-khưu-ni, đi đến nơi ngoại đạo, đi đến nhà ăn, đi vì có tai hại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 5 chi :

1. Vui thích trong sự thỉnh đi ăn 1 trong 5 thứ vật-thực (aññatarenanimantana sâdiyanaṃ);
2. Không cho Tỳ-khưu trong bọn hay (santaṃbhikkhumanânucchatâ);
3. Đi đến nơi khác, khỏi nhà họ mời (aññassagháraassapavesanaṃ);
4. Chưa quá đứng bóng (majjhantikânatikkamo);
5. Không có duyên cớ hoặc tai hại (samayassavâ-âpadânaṃ vâ abhâvo).

Đêu đủ cả 5 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhinasikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy, phạm vì làm là chịu thỉnh đi thọ thực, vì không làm là không từ giã Tỳ-khưu trong bọn (kiriyâ kiriyâ).

7.— Chỉ được phép xin vật-dụng theo hạn định (mahânâma) [1]

Nếu thí chủ họ yêu cầu dâng 4 vật dụng có hạn 4 tháng hoặc định vật dụng, Tỳ-khưu không bịnh, nên xin trong hạn kỳ hoặc trong vật đã định thôi, xin quá

---

(1) Mahânâma là đức vua dòng Thích-Ca, con nhà chú của đức Phật, tuổi lớn hơn đức Phật, một tháng, đã đắc quả Tư-đà-hàm.

hạn định ấy, phạm ưng-đối-trị, trừ ra họ đã yêu cầu thêm hoặc họ yêu cầu luôn.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) xứ Sakya do phe lục sư xin thuốc quá hạn.

CHÚ GIẢI.— Xin không quá hạn định tưởng là quá, hoặc nghi rồi xin, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là không quá hạn định xin không phạm tội, khi cần dùng cho họ biết thiệt, rồi xin trong hạn định, hoặc xin nơi bà con và người đã yêu cầu vô hạn, hoặc xin cho kẻ khác, hoặc đổi, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người xin" (sânattika), có 4 chi :

1. Họ yêu cầu đến Tăng (saṅghapavâraṇatâ);
2. Xin thuốc cho quá số định (tato uttaribhesajjaviññâtti);
3. Không có bịnh (agilânatâ);
4. Xin quá hạn kỳ (pariyantâtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "làm mai dong" (sañcarittasikkhâpada).

8.— Xem động binh (uyyutta).

Tỳ-khưu đi xem động binh ra trận, phạm ưng-đối-trị, trừ ra khi có duyên cớ nên đi, là có bà con mang bịnh trong nơi ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư xem động binh.

CHÚ GIẢI.— Voi vừa cho 12 người cỡi, ngựa vừa cho 3 người cỡi, xe vừa cho 4 người có cầm khí-giới ngồi gọi là động binh. Tỳ-khưu đứng trong nơi nào rồi thấy trong nơi ấy, ngó xem thường thường, phạm ưng-đối-trị. Động binh tưởng là đội binh thường phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là không phải động binh rồi đi xem không phạm, ở nơi chùa rồi xem, hoặc gặp giữa đường rồi xem, hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 4 chi :

1. Động binh ra đi (uyyuttasenaṃ);
2. Đi để xem (dassanatthâyagaṃanaṃ);
3. Và xem trong các chỗ khác, ngoài khoảng trống mà đức Phật đã cho phép (aññatradassanaṃ)
4. Không có duyên cớ, hoặc tai hại (âpadâya vâ abhâvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomāsikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm, có 3 thọ.

9.— Ngụ trong cơ binh (senavâsa).

Nếu có duyên cớ, có thể đi được, Tỳ-khưu ngụ trong cơ binh ấy lâu lắm là trong 3 ngày, nếu ở quá hạn, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sư đi xem cơ binh..

10.— Đi đến chiến-trường (uyyodhika).

Trong khi ngụ trong cơ binh theo hạn định ấy, Tỳ-khưu đi đến chiến-trường, hoặc nơi động binh, hoặc xem cơ binh, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh- xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sư đi đến chiến-trường.

✺

UỐNG RƯỢU, PHẦN THỨ SÁU

(Surâpânavagga)

Có 10 điều học :

1.— Uống rượu (surâpâna)

Tỳ-khưu uống nước có chất say, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại xứ Bhaddavatikâ, do Tỳ-khưu Sâgata uống rượu.

CHÚ GIẢI. — Nước say làm bằng chất say nhứt là làm bằng bột gọi là rượu (sura), nước mà người ngâm nhứt là ngâm bông cây gọi là " meraya ".

Cả 2 thứ nước ấy dầu Tỳ-khưu uống 1 nhỏ cũng phạm ưng-đối-trị.

Không phải nước say tưởng là nước say, hoặc nghi rồi uống phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là không phải nước say, uống không phạm tội, — uống thuốc không có chất say, mà có màu, mùi và vị như nước say, hoặc canh, thịt, dầu, tầm-ruột rừng và đường mà người để chút ít nước say vào cho bán mùi hôi, và Tỳ-khưu bịnh đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Nước có chất say (majjabhâvoca);

2. Uống nước có chất say ấy (tassapânaṃ);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomãsikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy phạm tội vì đời (lokavajja) phạm vì ác tâm (akusalacitta) có 3 thọ.

2.— Dùng tay chọc-léc (aṅgulipatodaka).

Tỳ-khưu dùng tay chọc-léc vị khác, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh- xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư chọc-léc vị khác.

CHÚ GIẢI. — Chọc-léc sadi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Không cố ý chọc-léc chơi rồi đụng nhằm, có việc rồi đụng nhằm, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Cố ý chọc-léc chơi (hassâdhippâyatâ) ;
2. Tay mình đụng nhằm Tỳ-khưu khác (upasampannassakâye nakâyâmasanaṃ).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " bất-cộng-trụ thứ nhứt " (paṭhama pārājika sikkhâpada).

3.— Giỡn nước (hassadhamma).

Tỳ-khưu giỡn nước phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe Tỳ-khưu Vagga giỡn nước.

CHÚ GIẢI : Giỡn trong nước sâu từ cườm chân trở xuống phạm tác-ác. Mỗi lần lặn xuống ngước lên phạm ưng-đối-trị, lội phạm ưng-đối-trị, mỗi lần tay bơi, chân quậy. Nếu lội nổi trên nước phạm ưng-đối-trị, mỗi lần tay chân bơi quậy ; xuống chơi trong nước cạn dưới cườm chân, hoặc chơi ghe, hoặc lấy tay, chân, cây... chận nước, hoặc giỡn nước trong đồ đựng, giỡn bùn, hoặc khoác nước chơi, đều phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Viết chữ giải nghĩa không cố-ý chơi, xuống tắm như thường, lội ngang rạch, sông, hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Nước sâu ngập cườm chân (uparigoppahatâ) ;
2. Xuống cố-ý giỡn chơi cho vui (hassâdhippâye-nakiḷanaṃ).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " bất-cộng-trụ thứ nhứt " (paṭhama pārājikasik khâpada).

4.— Không kiên luật (anâdariya).

Tỳ-khưu tỏ dạng không kiên-luật hoặc không kiên người giảng luật, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Ghosita, gần thành Kosambi, do Tỳ-khưu Channa không kiên pháp-luật.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nhờ vị khác thức tỉnh, khuyên dạy dìu dắt, cấm răn theo điều học của đức Phật đã cấm chế mà không kiên vị ấy, hoặc không kiên luật-pháp, phạm ưng-đối-trị. Nghĩ rằng : " Vị nầy kiếm điều bắt tội chê trách, nói xấu, lời vị nầy ta không hành theo rồi không kiên nể, như thế gọi là " không kiên " ; với Tỳ-khưu, phạm ưng-đối-trị, với sadi, phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu có học phạn, đáp : " sự học, đọc pāli và chú-giải của thầy giáo-thọ của tôi như vầy — ", và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Tỳ-khưu thức-tỉnh theo luật mà Phật cấm chế (Upasampannassa paññattena vacanaṃ);

2. Dễ-duôi không kiêng-nể (anâdariya karanaṃ).

Đều đủ cả 2 chi ấy, mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi), như trong điều học " trộm cắp " (adinnâdāna sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

5.— Nhát Tỳ-khưu khác (bhiṃsâpana).

Tỳ-khưu nhát hoặc làm cho vị khác kinh sợ, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư nhát phe thập-thất sư.

CHÚ GIẢI : Làm cho Tỳ-khưu khác sợ là nói : chỗ nầy có kẻ cướp độc-ác, hoặc đem vật gì làm cho sợ, nói lời chi cho Tỳ-khưu khác sợ, Tỳ-khưu nầy dầu sợ hay không, Tỳ-khưu nhát cũng phạm ưng-đối-trị; Tỳ-khưu nhát người chưa tu lên bậc trên phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Không tính làm cho người sợ, nói lời thiệt, như

nói " đường nầy xa, có bọn cướp ", và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anâṇattika), có 2 chi :

1. Người ấy là tỳ-khưu (upasampannatâ) ;

2. Cố ý rán làm cho Tỳ-khưu kinh-sợ, trong khi vị nầy nghe và thấy (bhiṃsâpetukâmatâya vâyamanaṃ).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi), như điều học trên.

Nhúm lửa lên ngọn (jotisamâ dahana).

Tỳ-khưu vô bịnh tự mình hoặc dạy người khác nhúm lửa cho lên ngọn đặng hơ, phạm ưng-đối-trị.

Nếu đốt vì hữu sự, như đốt bát, không phạm tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại rừng Bhesaka do các Tỳ-khưu nhúm lửa để hơ trong tháng lạnh.

CHÚ GIẢI : Nhúm lửa chưa cháy phạm tác ác, cháy lên ngọn phạm ưng-đối-trị.

Tỳ-khưu hữu bịnh, không có lửa chịu không được gọi là : " có bịnh ". Tỳ-khưu có bịnh tưởng là không bịnh, nghi rồi nhúm lửa để hơ, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là có bịnh rồi nhúm lửa hơ không phạm tội — hơ lửa của người khác nhúm, nhúm lửa vì hữu

sự, hoặc có tai nạn, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 4 chi :

1. Vô bịnh (agilânatâ) ;
2. Không có duyên cớ mà đức Phật cho phép (anuññâtakaranâbhâvo),
3. Cố ý để hơ (visibbetukâmata),
4. Tự mình hoặc dạy kẻ khác nhúm lửa cháy lên ngọn (samâdahanaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "làm mai-dong (sañcarittạ sikkhâpada).

7.— Tắm (Nahâna).

Tỳ-khưu ở xứ Trung Ấn-độ, 15 ngày tắm một kỳ được, nếu chưa đủ 15 ngày rồi tắm phạm ưng-đối-trị, trừ ra có dịp mới tắm được. (Điều học nầy chỉ cấm ở xứ Trung Ấn-độ, xứ ngoài, như xứ ta nên tắm thường thường, không phạm tội).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veḷuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha). Do chư tỳ-khưu tắm lâu, làm cho đức vua " Tần-bâ-Sa " chờ đợi.

8.— Làm dấu (dubhaṇṇakarana).

Tỳ-khưu được y mới, nếu muốn mặc, cần phải dùng 1 trong 3 màu là : màu xanh chàm, đen xậm, xám tro (bùn), để làm dấu tròn (bandukappa) mới nên

mặc, nếu chưa làm dấu tròn mà dùng, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana), gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khưu không biết nhìn y đã bị bọn cướp đoạt.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu đã mặc y làm dấu mà tưởng là chưa làm, hoặc nghi mà mặc phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Đã làm dấu tròn, biết đã làm rồi mặc, hoặc đã làm mà dấu tròn đã bay tan, hoặc chỗ làm dấu tròn ấy đứt rách mất, hoặc y làm không đặng, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi ;

1. Y chưa làm dấu tròn (cīvarassa akatakappalâ) ;
2. Không phải Tỳ-khưu có y mất... (nanaṭṭhâ-cīvaraditâ) ;
3. Đã mặc hoặc đắp y ấy (nivâsanaṃ vâ pârupanaṃvâ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomā sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy " phạm vì làm, là mặc, đắp, vì " không làm " là " không làm dấu " (kiriyâ kiriyâ).

9.— Gởi y. (vikappana).

Tỳ-khưu gởi y cho 1 trong 5 hạng người xuất gia

Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Thất-xoa-ma-na (sikkhāmânâ) sadi, sadini, mà không cho người lãnh gởi xả phép gởi cho, rồi đem y về mặc, đắp, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này gọi là " paccudhâra " như thế cũng được.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda gởi y khi lấy y đem về mặc không nhờ người lãnh gởi xả phép gởi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu đã gởi y rồi đem về mặc mà chưa xả phép gởi ấy phạm ưng-đối-trị . Nguyện đặt tên hoặc lìa xa y chưa xả phép gởi, phạm tác-ác ; đã xả phép gởi, tưởng là chưa xả, hoặc nghi, rồi mặc, đắp, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết đã xả phép gởi rồi mặc, đắp, người chịu gởi đã xả phép gởi cho, hoặc dùng y vì thân thiết với người chịu gởi, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 3 chi :

1. Không xả y mà mình đã gởi (Sâmamvikappi-tassa (apaccudhāro) ;

2. Y ấy dủ thước tấc (bề ngang, bề dài) nên gởi (vikappanūpaga cīvaraṭâ) ;

3. Đã mặc, đắp (paribhogo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

học " lễ dâng y lần thứ nhất " paṭhamakaṭhina sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm, là gởi mà không làm vì không xả gởi (kiriyâkiriyâ).

10.— Giấu vật dụng (ananidhâna).

Tỳ-khưu giấu 1 trong 5 món : bát, ca-sa, tọa-cụ, ống-kim, dây nịt lưng của vị khác, để giễu chơi, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư giấu các vật dụng (bát, ca-sa...) của phe thập-thất-sư.

CHÚ GIẢI: Người lãnh đem giấu phạm tác-ác, Tỳ-khưu giấu, hoặc dạy người đem giấu, phạm ưng-đối-trị, giấu của người chưa tu lên bực trên phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Vật dụng của người khác cất không kỹ lưỡng giùm cất cho, hoặc lượm cố ý để thức tỉnh, rồi mới cho lại, Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " phạm tội vì dạy người khác " (sânattika) có hai chi :

1. Nhứt là giấu bát của Tỳ-khưu (pattâdinaṃ apanidhânaṃ) ;

2. Cố ý làm cho chủ khó lòng, hoặc giễu chơi (hassâdhippâyatâ).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " trộm cắp " (adinnâdânâsikkhâpada)

✺

GIẾT CÔN-TRÙNG PHẦN THỨ BẢY

(sappânakavagga)

Có 10 điều học :

1.— Giết súc sanh (saṅcicapâna).

Tỳ-khưu cố ý giết súc sanh phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Udâyi bắn thác điểu thú (quạ).

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu cố ý giết súc sanh dù nhỏ bằng trứng chí, trứng rệp cũng phạm ưng-đối-trị.

Thú lớn thì nghiệp ác lớn, nghi con thú còn sống, hoặc không phải thú còn sống mà tưởng là còn sống, rồi giết, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết rằng không phải thú, không cố ý, quên, không biết, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

2.— Giết côn-trùng (sappânaka).

Tỳ-khưu biết trong nước có côn-trùng sống rồi dùng nước ấy để: uống, tắm, hoặc rửa tay chơn, hoặc rửa đồ đựng, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư dùng nước có côn-trùng sống.

3.— Nhắc vụ cũ lại (ukkotana).

Tỳ-khưu biết : Tăng đã giải sự tranh biện theo 1 trong 7 pháp diệt-tránh nào đúng theo pháp rồi mà còn nhắc việc ấy lại nữa, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sư nhắc lại việc cũ mà Tăng đã xử xong đúng theo phép.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu nào biết: Tăng đã diệt tranh rồi mà còn đến nói với Tỳ-khưu ấy rằng : " Tăng xử việc ấy không đúng đâu, phải xử lại nữa" nói như thế phạm ưng-đối-trị.

Tăng sự dùng theo pháp-nghi, tưởng là không dùng theo pháp, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tưởng là Tăng-sự không đúng theo pháp, biết Tăng-sự không đúng, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Tranh-biện mà Tăng đã diệt theo pháp (yathâdhammaṃ nihatabhâvo) ;

2. Đã biết (jânanatâ) ;

3. Nhắc lại (ukkotanam) ;

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

"trộm cắp" (adinnâdâna sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkha vedanâ).

4.— Giấu tội nặng (duṭṭhullapaticchâdana).

Tỳ-khưu biết Tỳ-khưu khác phạm tội nặng, là tội " Tăng-Tàn ", rồi giùm giấu tội ấy, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda nhờ Tỳ-khưu khác giấu tội "Tăng-Tàn " " làm mai-dong " mà ngài đã phạm.

CHÚ GIẢI: Trong tội nặng, nghi, tưởng là không phạm tội nặng, phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tính sợ có sự cãi lẻ đến Tăng, hoặc nghi rằng : người ấy hung ác sẽ có hại đến sinh mạng hoặc đến phạm-hạnh, rồi nín thinh, chưa gặp Tỳ-khưu đáng nói, nên chưa nói, hoặc không muốn giấu, rồi nín thinh, không nói vì nghi, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 2 chi :

1. Biết là Tỳ-khưu phạm tội nặng (upasam pannassa duṭṭhullâpattijânanaṃ).

2. Định không nói với người khác vì muốn giấu tội nặng ấy (dhūranikkhapo).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) tội sanh vì thân khẩu-ý, phạm vì làm (kiriya) khỏi phạm vì tưởng (saññâvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka) phạm

tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu-nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanâ).

5.— Người chưa đủ 20 tuổi (onavīsativassa).

Tỳ-khưu biết là người chưa đủ 20 tuổi rồi làm thầy thế-độ cho tu lên bực trên (upasampadâ) phạm ưng-đối-trị .

Người ấy vẫn còn là sadi, chưa được lên bực Tỳ-khưu đâu.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veḷuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do chư Tỳ-khưu truyền Tỳ-khưu giới cho những người trẻ tuổi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu làm " Hòa-thượng " tế độ phạm ưng-đối-trị, ngoài ra các Tỳ-khưu khác chứng minh đều pham tác-ác. Về phần người tu lên bực trên ấy, dầu "Hòa-thượng " biết, hay không làm phép cho lên bực trên, cũng không được lên. Người ấy, khi đã tu được 10 hạ rồi, được làm Hòa-thượng cho kẻ khác tu lên bực trên, trừ Hòa-thượng ấy ra, nếu các Tỳ-khưu chứng minh đủ số, người mới tu ấy được gọi là lên bực trên đúng đắn. Dầu người chưa được lên bực trên kia, chưa biết mình đến đâu thì đường trời và Niết-Bàn cũng không hư hại đến đó. Nếu biết thì nên làm lễ tu lên bực trên lại.

6.— Trốn quan-thuế (theyyasattha).

Tỳ-khưu biết bọn buôn tính trốn thuế nhà nước, trốn quan-thuế, rồi còn rủ đi chung đường cùng nhau, dầu đi khỏi một khoảng xóm cũng phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do một vị Tỳ-khưu đi chung cùng với bọn buôn lậu bị bắt rồi được thả ra.

CHÚ GIẢI: Đi đường rừng không có xóm, qua khỏi nửa do tuần cũng phạm ưng-đối-trị.

Người không rủ, Tỳ-khưu rủ, hoặc bọn buôn mà Tỳ-khưu nghi, hoặc không phải bọn buôn, Tỳ-khưu nghi là bọn buôn, đều phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu tưởng là không phải là bọn buôn lậu, không rủ mà đi chung đường cùng nhau hoặc người rủ mà Tỳ-khưu không rủ, hoặc rủ nhau đi vì có tai hại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " không phạm tội vì dạy người khác " (anânattika), có 4 chi :

1. Bọn buôn lậu (theyyasatthabhâro) ;
2. Đã biết (jânanaṃ) ;
3. Cả 2 bên đồng rủ nhau đi (saṃvidhânaṃ) ;
4. Đi khỏi xóm hoặc quá nửa do tuần (avisaṅketenagamanaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Tội phát sanh do thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vì làm (kiriyâ), khỏi phạm vì tưởng (saññavimokkha) phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, 3 tâm, 3 thọ.

7.— Rủ phụ-nữ đi chung (saṃvidhâna).

Tỳ-khưu rủ phụ-nữ đi chung đường cùng nhau, dầu chỉ đi qua khỏi xóm cũng phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do một vị Tỳ-khưu rủ 1 người phụ-nữ đi chung đường.

CHÚ GIẢI: Trong tinh-nữ, ngạ-quỉ nữ, bộ nấp và thú cái có thân hình như người, Tỳ-ḳhưu phạm tác ác. Tỳ-khưu rủ, phụ nữ không rủ, hoặc không phải phụ nữ, tưởng là phụ-nữ, hoặc nghi, đều phạm tác ác.

Thể-thức không phạm tội :

Biết là không phải phụ-nữ, không phạm tội, ngoài ra như điều học trên, trừ ra có sự nguy hiểm.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 3 chi :

1. Cả hai bên đồng rủ nhau đi chung đường (dvinaṃpisaṃ vidahitvâ maggapati pannatâ);

2. Không sai ý muốn (avisaṅketatâ);

3. Đã đi qua khỏi xóm hoặc đi khỏi nửa do tuần (gâmantârogamanaṃ vâ adhayojanâtikkamovâ);

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Tội phát sanh do thân-khẩu, thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vì làm (kiriyâ), không khỏi phạm vì tưởng (nosaññâvimokha) vô ý cũng phạm tội (acittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

8.— Tỳ-khưu tà-kiến (ariṭṭha).

Tỳ-khưu chấp tà-kiến, hiểu thấy sai lầm pháp-luật mà đức Phật đã giảng giải, các Tỳ-khưu khác ngăn cản cũng chẳng nghe, nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn đến 3 lần (samanubhâsanakamma) mà còn, chưa dứt bỏ tà-kiến, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Ariṭṭha tà-kiến.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu tà-kiến là nói "tiếp xúc phụ nữ không có tội, ví như đụng nhằm vật lót, trải, mềm dịu, không thấy tội, trong sự dâm dục như thế, vị khác nghe biết nên giảng tội ngũ-trần, răn cấm Tỳ-khưu ấy đến 2, 3 lần mà không nghe, Tỳ-khưu tà-kiến ấy phạm tác-ác. Vị khác thấy mà không khuyên răn cũng phạm tác-ác. Nếu Tỳ-khưu tà-kiến không chịu bỏ kiến-thức xấu xa nên dẫn đến cho Tăng khuyên răn. Nếu đã khuyên mà không nghe, Tăng nên tụng samanubhâsana đến 2 lần mà Tỳ-khưu ấy cũng chưa bỏ tánh cũ thì phạm tác-ác, khi tụng dứt lần thứ 3 rồi, phạm ưng-đối-trị.

9.— Thân cận cùng Tỳ-khưu si-mê (ukkhita-sambhoga).

Tỳ-khưu biết vị ấy chưa bỏ kiến thức lầm-lạc như thế rồi thân cận cùng vị ấy, là ăn chung hoặc hành Tăng sự chung (saṅghakamma), ngủ trong nơi dừng che cùng nhau phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-

xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sư làm Tăng sự chung với Tỳ-khưu Ariṭṭha.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nào đã phạm tội, Tăng không cho ở chung cùng Tăng, vì không thấy tội, hoặc không chịu sám-hối, hoặc không bỏ tà-kiến mà vị nào được biết như thế rồi cho vật thực, hoặc ăn chung cùng nhau, hoặc học hay dạy pháp, hoặc cho tỳ-khưu ấy làm Tăng sự chung cùng nhau... phạm ưng-đối-trị — nghi trong tỳ-khưu mà Tăng đã cáo tội ấy phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Tưởng là Tỳ-khưu mà Tăng không cáo tội, biết là Tỳ-khưu đã bỏ tà-kiến, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika) có 3 chi :

1. Tăng không hành theo pháp (akatânudhammatâ);
2. Biết rõ (jânanaṃ);
3. Có làm việc nhứt là thân cận cùng Tỳ-khưu ấy (sambhogâdikaranaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdanâ sikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy phạm tội vì đời (lokavajja) có 4 tâm, 3 thọ.

10.— Dỗ dành sadi (kanthaka).

Tỳ-khưu biết sadi mà Tỳ-khưu đã hủy bỏ rồi vì tội thấy quấy ngoài pháp-luật mà đức Phật đã giải,

dỗ dành sadi ấy về cho hầu hạ mình, hoặc ăn chung ngủ chung trong chỗ che lợp, phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư dỗ dành sadi Kanthaka tà-kiến cho hầu hạ mình.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khưu nghe thấy biết sadi tà-kiến như thế rồi khuyên răn đến 2, 3 lần mà không nghe nên tụng lời hủy-thương [1] (nâsana) đến sadi ấy rằng; "Ajjatagge te āvuso samanuddesa nacevaso-bhagavâ satthâ apadisitabboyampicañňe samanuddesâlabhanti bhikkhūhisaddhiṃ dirattatirattaṃ sahaseyyaṃ sâpite natthi caraparevinassâti".

Nghĩa là: Nầy sadi! Kể từ ngày nay ngươi chẳng nên ỷ lại nói đức Thế-Tôn là tôn sư của ngươi nữa. Các sadi khác được phép ngủ chung với Tỳ-khưu đến 2, 3 đêm là hạn định, dầu như thế ngươi cũng không được phép ngủ chung, ngươi lánh xa ra đi, ngươi là người xấu xa, hãy hư hại đi", như thế Tỳ-khưu nào đã biết sadi mà Tăng đã phá hoại như vậy rồi lại dỗ-dành cho vật dụng hoặc dạy đạo, cho hầu hạ mình, vui thích thân cận hoặc ở chung cùng sadi, phạm ưng-đối-trị.

✺

---

(1) Không cho ở chung, ăn chung....

NÓI THEO PHÁP, PHẦN THỨ TÁM

(Dhammika vagga)

Có 10 điều học :

1.— Nói theo pháp (sahadhammika).

Tỳ-khưu làm quấy, khi vị khác thức tỉnh mà còn cãi lẽ rằng: "tôi chưa học hỏi điều học ấy, chờ tôi học hỏi các ngài bác học, luật-sư đã", nói lời như thế, phạm ưng-đối-trị.

Lẽ thường, Tỳ-khưu học hỏi, nếu chưa được biết rõ điều nào cần phải học tập cho thấu đáo điều ấy nơi bực minh sư, cầu ngài giảng giải cho thấy rõ rệt.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositārâma gần thành Kosambi, do Tỳ-khưu Channa làm quấy;

CHÚ GIẢI : Cãi lẽ với người chưa tu lên bực trên phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu nói "tôi biết tôi sẽ học hỏi", và Tỳ-khưu điên, điều này không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Tỳ-khưu đã có vị khác khuyên răn theo điều luật, cấm chế (upasampaññassa paññattena vacanam).
2. Cãi lẽ như thế (asikkhitukâmatâya evam vacanam).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhânavidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdânâsikkhâpada). Chỉ khác

nhau là điều học này thuộc về thọ khổ dukkhavedanâ).

2.— Nói cho người dãi đãi (vilekhana).

Khi Tỳ-khưu đương học luật, vị khác cố ý nói xấu điều học làm cho Tỳ-khưu ấy dãi đãi, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư nói cho chư Tỳ-khưu dãi đãi.

CHÚ GIẢI : Nói xấu rằng "học tập điều học có ích chi, người nào học như thế chỉ làm khó khăn, nóng nảy, bực bội trong tâm thôi" nói như thế phạm ưng-đối-trị.

Nói cho sadi phạm tác ác, nói xấu kinh và luận trong Tỳ-khưu và sadi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Không cố ý nói xấu, nói rằng: "hãy học kinh hoặc luận, hoặc kệ ngôn đi, sau sẽ học luật", và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Cố ý nói xấu (garahitukâmatâca).
2. Nói xấu điều học trong Tỳ-khưu (upasampannassa santike sikkhâpadavivaṇṇanaṃca).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdânâsikkhâpada). Chỉ khác

nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

3.— Làm như không biết (mohana).

Tỳ-khưu phạm tội, cố ý nói "tôi chỉ mới biết đây rằng: điều ấy có trong giới bổn (paṭimokkha) Nếu vị khác nói :Tỳ-khưu ấy đã từng biết trước rồi mà nói như thế ấy là cố ý làm như không biết. Tăng nên tuyên-bố bài moharo panakamma [1] đến Tỳ-khưu ấy khi Tăng đã tụng rồi mà vẫn còn "làm như không biết" nữa, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm như tuồng không biết.

4.— Đánh tỳ-khưu khác (pahâradâna).

Tỳ-khưu giận vị khác rồi đánh vị ấy như bớp-tai, đá, cú... phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư đánh phe thập-thất-sư.

CHÚ GIẢI : Dầu vị ấy bị đánh như thế mà rủi có chết cũng phạm ưng-đối-trị, vì chỉ cố ý đánh cho đau khổ thôi. Đánh sadi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Nếu có người muốn làm hại đánh mình, mình có

---

(1) Moharo panakamma là lời Tăng khuyên rằng: nầy ông! việc không phải là lợi của ông đâu, ông chỉ được đều quấy vì khi Tỳ-khưu tụng giới bổn, ông không ghi nhớ cho đúng đắn.

thể cự lại để cho khỏi bị hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác: (anânattika), có 3 chi :

1. Giận hờn (kupitatâ);
2. Khống cố ý, muốn cho mình khỏi bị hại (naṁo-kkhâdhippâyatâ);
3. Đánh người tu lên bực trên (upasampannassa-pahâradânaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "bất-cộng-trụ thứ nhứt" (paṭhamapārājikasik khâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

5.— Dá tay muốn đánh (talasattika).

Tỳ-khưu giận hờn vị khác rồi đưa tay lên muốn đánh, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sư dá tay muốn đánh phe thập-thất-sư.

CHÚ GIẢI : Nếu Tỳ-khưu dá muốn đánh rồi quên đánh nhằm phạm tác-ác, vì không cố ý đánh. Nếu trúng nhằm mình bị bịnh thế nào cũng phạm tác ác. Ngoài ra cũng như trong điều học trên.

6.— Cáo vô cớ (amūlaka).

Tỳ-khưu vô cớ, là không được thấy, không được nghe, không nghi mà cáo vị khác vì tội "Tăng Tàn" phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana), gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư, vô cớ cáo các Tỳ-khưu trong phe.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu tự mình cáo vô cớ hoặc dạy kẻ khác cáo phạm 1 trong 13 tội "Tăng-Tàn"; nếu vị bị cáo được biết rằng mình bị cáo thì Tỳ-khưu tiên cáo phạm ưng-đối-trị, cáo sadi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tưởng là : Tỳ-khưu phạm, rồi cáo theo ý tưởng, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người khác" (sânattika), có 4 chi :

1. Bị cáo là người tu lên bực trên (upasampannatâ);
2. Cáo tội "Tăng-tàn" không có cớ "saṅghâdisesassa amūlakata);
3. Tự mình cáo hoặc dạy kẻ khác cáo (anuddhaṃsanatâ);
4. Trong khi bị cáo biết rằng mình bị cáo (taṃkhaṇaṃvijânanaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdânâsikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học nầy thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

7.— Cố ý làm cho Tỳ-khưu nghi ngờ (sañcicca).

Tỳ-khưu cố ý làm cho sự nghi ngờ lo buồn phát

sanh đến các vị khác, dầu là trong một chốc lát cũng phạm ưng-đối-trị.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư cố ý làm cho phe thập-thất-sư nghi ngờ.

CHÚ GIẢI: Làm cho phát sanh sự nghi là nói "có lẽ ngài chưa đúng 20 tuổi chăng? Tu không lên bực trên được" có lẽ ngài ăn vật thực sái giờ; có lẽ ngài uống nước có chất say; có lẽ ngài ngồi trong chỗ kín với phụ-nữ, làm cho người lo buồn, như thế phạm ưng-đối-trị; làm cho sadi nghi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Không cố ý làm cho Tỳ-khưu buồn lo, là nói vì muốn cho sự lợi-ích đến Tỳ-khưu ấy, và tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi:

1. Người đã tu lên bực trên (upasampannatâ);
2. Cố ý làm cho tỳ-khưu ấy lo buồn (adhâsukâ-matâ);
3. Làm cho sự lo buồn phát sanh như đã giải (kukkucca uppâdanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như điều học trên.

8.— Rình nghe lén (upassuti).

Khi các Tỳ-khưu đương tranh-biện nhau, Tỳ-khưu đi rình nghe lén, tính rằng "Các Tỳ-khưu này nói lời chi, ta nghe lời ấy rồi cố ý để cáo", phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư cãi lẽ với Tỳ-khưu khác trong sạch, rồi đi rình nghe lén.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu khi đến nơi nghe các Tỳ-khưu khác đương tranh-biện rồi ra dấu "tằng hắn" hoặc nói "tôi ở đây", nếu không làm như thế, nín thinh để nghe cũng phạm ưng-đối-trị, rình nghe sadi phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Đi rình nghe, tính rằng được nghe các ngài nói, ta trở về, ta lánh đi, ta chịu nhịn, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Người đã tu lên bực trên (upasampannatâ);
2. Cố ý cáo (codanâ dhippâyo);
3. Rình nghe lén được (savanaṃ).

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trốn quan-thuế" (theyyasatthasikkhâpada), phạm vì làm là mình nghe lén (siyâ kiriya) phạm vì không làm là không tằng hắn cho người biết (siyā akiriyâ) khỏi phạm vì tưởng (saññâvimokkha) phạm vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja)

thân-nghiệp, khẩu-nghiệp (kāyâkamma vacīkamma) phạm ác tâm (akusalacitta), thuộc về thọ khổ (dukkha vedanâ).

9.— Phỉ báng Tăng làm việc phải (kammapaṭibâhana).

Tỳ-khưu nhận chịu cho Tăng, làm việc phải, đến sau trở lại nói xấu Tăng làm việc ấy, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế lại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư nói xấu, Tăng làm việc phải.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu nghi trong Tăng-sự đúng theo pháp, hoặc trong Tăng-sự đúng theo pháp mà nói là không đúng, phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Tỳ-khưu tưởng trong Tăng-sự không đúng theo pháp, rồi nói xấu, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Tăng-sự đúng theo phép (dhammakammatâ);
2. Tưởng là Tăng-sự đúng theo phép (dhammakam mantisaññâ);
3. Đã nhận chịu rồi nói xấu (chandaṃ datvâ-khiyanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

học "trộm cắp" (adinnâdânâ sikkhâpada). Chỉ khác là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vedanâ).

10.— Chưa ưng chịu mà bỏ ra đi (pakkamana).

Khi Tăng đương hội họp để diệt tránh hoặc làm "Tăng-sự". Tăng chưa làm xong việc ấy, Tỳ-khưu ở trong hội, chưa ưng chịu mà bỏ ra đi, phạm ưng-đối-trị.

(Điều học này gọi là "Chandamadatvâ gamana" như thế cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tăng hội-họp làm Tăng-sự có Tỳ-khưu chưa ưng chịu, rồi bỏ ra đi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khưu bỏ ra đi, bước chưa khỏi hắc "Tăng"(hatthapâsa saṅgham) phạm tác-ác, ra khỏi hắc Tăng phạm ưng-đối-trị —, nghi trong Tăng-sự đúng theo phép, hoặc trong Tăng-sự không đúng theo phép, tưởng là không đúng đều phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là Tăng-sự không đúng theo phép, bỏ ra đi không phạm tội, biết rằng sẽ có tiếng chẳng lành đến Tăng, hoặc Tăng làm không đúng theo phép rồi bỏ ra đi, hoặc có bịnh, hoặc đi tiểu, đại tiện, hoặc đi ra tính sẽ trở lại, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 6 chi :

1. Trong khi phân xử (vinicchayaka thâyavaggamânatâ);
2. Tăng sự đúng theo pháp (dhammakammatâ);
3. Biết rằng Tăng-sự đúng theo pháp (dhammakammasaññitâ);
4. Ở trong giới hạn Tăng (samânasīmâyathitatâ),
5. Mình có sự đồng đẳng với Tăng (samânasaṃvâsakatâ);
6. Cố ý làm cho hư Tăng-sự, rồi bỏ ra đi khỏi Tăng-hội (kopitukâma tâyahatthapâsavijahanaṃ).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội samanubhâsana, tội sanh do thân, khẩu, ý, phạm vì làm là bỏ ra đi và không làm là không hữu sự (kiriyâ kiriyâ), khỏi phạm vì tưởng (saññâvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanâ).

11.— Phỉ-báng các tỳ-khưu (khiyyadhamma).

Tỳ-khưu đồng ý với Tăng đã thưởng y đến 1 Tỳ-khưu nào đến sau trở lại nói xấu rằng "các Tỳ-khưu ấy đem lợi của Tăng đến Tỳ-khưu vì ý riêng" như thế phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veḷuvaṇa) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do phe lục sư nói xấu vị A-la-Hán Dabbamalla.

12.— Đoạt về cho người khác (parinâmaṇa).

Tỳ-khưu biết rằng lợi mà thí chủ đã sẵn lòng dâng

đến Tăng rồi dành lợi đến Tăng ấy về cho người khác phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư đoạt của Tăng về cho Tỳ-khưu khác.

CHÚ GIẢI: Như trong điều học "đoạt về cho mình (parihatta sikkhâpada) trong ưng-xả-đối-trị. Chỉ khác là trong điều học "đoạt về cho mình" phạm tội ưng-xả đối-trị vì đoạt về cho mình, trong điều học nầy chỉ phạm ưng-đối-trị vì "đoạt về cho người khác".

✺

TRONG ĐỀN VUA, PHẦN THỨ CHÍN

(Râjavagga)

Có 60 điều học :

1.— Trong cung cấm (antepura).

Đức vua được thọ lễ tôn vương làm chúa trong nước, ngài còn ngự trong cung cấm với hoàng-hậu, Tỳ-khưu chưa được lịnh đòi mà đi vào cung cấm ấy, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana), gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do đức Ananda vào trong cung cấm trong khi đức vua Pasenadikosala cùng hoàng-hậu còn ngự trên long sàn.

2.— Lượm vật báu (ratana).

Tỳ-khưu thấy vật dụng của người thế rơi hoặc

bỏ quên trong nơi nào, cho là vật làm rớt rồi tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy, phạm ưng-đối-trị —, trừ ra vật ấy rơi hoặc bỏ quên trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình, phải lượm cất cho chủ nếu không lượm cất, phạm tác-ác.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do một Tỳ-khưu đi tắm lượm được túi bạc đựng 500 lượng của người Bà-la-môn. Bà-la-môn đã nhờ Tỳ-khưu cho túi bạc lại, rồi tính cáo gian rằng của tôi có đến 1.000 lượng không phải chỉ 500 lượng đâu bèn bắt Tỳ-khưu ấy rồi thả ra.

CHÚ GIẢI: Tự mình lượm lấy hoặc bảo kẻ khác lượm lấy bạc vàng cho mình, phạm ưng-đối-trị : cho Tăng, cho Tháp cho vị khác, phạm tác-ác, dầu của cha mẹ rồi lượm cất như người giữ kho phạm ưng-đối-trị. Nếu người thế nói: xin ngài cất giùm vật nầy, thì nên ngăn "không nên". Nếu họ bất bình liệng vật ấy rồi bỏ đi, gọi là việc bận của Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nên lượm cất.

Thợ mộc, hoặc người của nhà nước làm việc trong chùa họ gởi vật chi hoặc gởi chỗ ở, xin giùm cất giữ cho, cũng chẳng nên vị mặt, sợ sệt, nên chỉ chỗ cất để cũng được. Dầu phía trong chùa hoặc phía trong chỗ ở hoặc trong nơi nào mà họ nghi, có lẽ Tỳ-khưu hay sadi lượm lấy vật rơi rớt trong chỗ như thế, nên tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy rồi làm dấu cất và nên nói: " Vật của người nào người ấy hãy vào lấy đi ". Nếu người vào đến, nên hỏi người ấy rằng:

" Vật của ngươi làm mất ấy, như thế nào ": nếu họ nói trúng thì nên cho họ, nói không trúng nên đáp : "Ngươi hãy vào kiếm đi".

Nếu Tỳ-khưu đi khỏi nơi ấy, nên gởi cho vị khác đáng gởi, nếu không có vị như thế, nên gởi cho người cư-sĩ đáng tin-cậy, rồi ra đi được.

Tỳ-khưu không đi khỏi chùa và không thấy chủ lại kiếm, nên lấy vật ấy dùng làm chỗ ở hoặc tháp, hoặc ao sen, là vật bền chắc. Nếu đã quá lâu ngày mà chủ lại đến, nên chỉ rõ vật bền chắc ấy, rồi nói : " Ngươi nên hoan hỉ đi ", nếu chủ không vui lòng, muốn đòi lại, nên cho người khác lấy vật bền chắc ấy làm của họ, rồi huờn vật mà họ làm rơi trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình ấy lại cho họ. Nếu không lượm cất phạm tác-ác.

Thể thức không phạm tội :

Vật rơi trong chỗ mà đức Phật cho phép lượm Tỳ-khưu lượm cất vật có thể cất được, lươm vật ấy vì sự cần thiết, hoặc là vật mượn, hoặc lượm lấy cho là vật đã bỏ, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học nầy " phạm tội vì dạy người " (sân-attika), có 4 chi :

1. Không có cớ mà đức Phật cho phép (anu-ñ ñ âtakâranaṃ) ;
2. Vật của người khác (parasantakatâ) ;
3. Không phải lượm lấy vì cho là vật bỏ và mượn (vissâsagânakapâlukulasañ ñ ânam abhâvo) ;

4. Tự mình lượm, hoặc bảo kẻ khác lượm (uggahanaṃ vâ uggahâpanaṃ vâ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " làm mai-dong " (sañcarittasikkhâpada).

3.— Đi vào xóm sái giờ (vikālegâmappavesana).

Tỳ-khưu không cho vị khác trong bọn hay mà đi vào xóm sái giờ phạm ưng-đối-trị, trừ ra có việc gấp nhứt là có rắn mổ Tỳ-khưu trong bọn.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sư đi vào xóm sái giờ để nói chuyện vô ích làm cho thiên-hạ chê trách.

CHÚ GIẢI: Ra đi vào xóm bước đầu, phạm tác ác qua bước thứ nhì phạm ưng-đối-trị. Ăn trong nhà thiện-tín hoặc trong nhà ăn rồi muốn đi vào xóm, nếu có Tỳ-khưu ngồi bên trái hoặc bên mặt cũng phải từ giã, bằng không có nên nghĩ rằng : "không có" rồi đi. Khi đi ra đến đường dầu thấy Tỳ-khưu khác cũng phải từ giã bằng lời này : "Tôi xin từ giã đi vào xóm trong lúc sái giờ (vikālegâmappavesanaṃ âpucchâmi), trong lúc sái giờ phạm ưng-đối-trị ; trong giờ tưởng là sái giờ phạm tác ác.

Thể thức không phạm tội :

Biết là buổi sớm, có việc gấp, hoặc có từ giã vị khác rồi đi, không có vị nào khác rồi đi, hoặc đi đến chùa mà phải qua xóm, hoặc đi đến chỗ ngụ của

Tỳ-khưu-ni, đi đến chỗ người tu ngoại đạo hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy " không " phạm tội vì dạy người khác " ansânattika), có 3 chi :

1. Không từ giã tỳ-khưu trong bọn (santaṃbhikkhunī anâpucchâ) ;
2. Không có cớ mà đức Phật cho phép (anuññâ takaranabhâvo) ;

3 Đi vào xóm sái giờ (vikâlegâmappanesanaṃ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina), chỉ khác nhau là điều học nầy phạm tội vì làm và không làm (kiriyâ kiriyâ).

4.— Làm ống đựng kim (sūcighana).

Tỳ-khưu làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng, phạm ưng-đối-trị.

Phải phá bỏ ống đựng kim ấy rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Kapilavattthu xứ "Thích Ca", do chư sư xin rất nhiều ống đựng kim bằng ngà, thí chủ không rảnh làm việc để nuôi sanh mạng và vợ con làm cho thiên-hạ chê trách.

Thể thức không phạm tội :

Làm ống đựng thuốc nhỏ mắt, cán dao, ống lược nước và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học nầy " phạm tội vì dạy người khác " (sânattika), có 3 chi:

1. Ống đựng kim(sũcigharatâ) ;

2. Làm, nhứt là bằng xương (atthima yâditâ) ;.

3. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm được (attano atthâya karanam và kârâpetvâ và paṭilâbho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học làm mai dong (sañcaritta sikkhâpada).

5.— Làm giường (mañca).

Tỳ-khưu làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài, nên làm chân cao hơn hết là chừng 8 ngón tay [1] của đức Phật (kể từ dạ dưới giường trở xuống, nếu làm quá mực thước, phạm ưng-đối-trị.

Phải cắt bỏ cho bằng hạn-định rồi sám-hối mới hết tội. (Điều học nầy gọi là " chedanaka " như thế cũng được).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Upananda làm giường cao quá hạn-định.

CHÚ GIẢI: **Thể thức không phạm tội :**

Bảo họ làm cho vừa hạn-định hoặc cao quá giới-hạn rồi dạy họ cắt bỏ cho vừa và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội. Có 2 chi:

1. Giường hoặc bàn nhỏ dài cao quá giới-hạn (pamânâtikkantani ancapithatâ) ;

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làm

---

(1) Ngón tay Phật bằng 3 ngón tay của người bực trung.

được (attano atthâyakaranaṃvâkârâpetvâ vâ paṭilâbho).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) ngoài ra, như trong điều học " làm ống đựng kim " (sūcighara sikkhapada).

6.— Làm giường có dồn gòn (tulonaddha).

Tỳ-khưu làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn hoặc dồn bông phạm ưng-đối-trị. Phải phá bỏ rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm giường có dồn bông làm cho thiên-hạ chê trách.

CHÚ GIẢI: **Thể thức không phạm tội.**

Trong các đồ trang-sức, dây nịch lưng, áo bát, vải lược nước, gối có dồn gòn không tội.

Điều học nầy " phạm tội vì dạy người khác " (sânattika), có 2 chi :

1. Giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn (tulonaddhamañcapiṭhatâ) ;

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm được (attano atthâyakaranaṃ vâkârāpetvâ vâ paṭilâbho) ;

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna), ngoài ra như trong điều học trên.

7.— Làm Tọa-cụ (nisīdana).

Tỳ-khưu làm tọa-cụ để ngồi, nên làm theo hạn-định là bề dài 2 gan, bề ngang 1 gang rưỡi, bìa

1 gang của đức Phật, nếu làm quá hạn-định phạm ưng-đối-trị. Phải cắt bỏ cho bằng mực thước rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm tọa-cụ quá hạn-định.

CHÚ GIẢI: **Thể thức không phạm tội.**

Làm cho vừa theo hạn-định hoặc nhỏ hơn hoặc người khác làm cho, quá hạn-định rồi cắt bỏ ra cho bằng và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội. Có 2 chi:

1. Tọa-cụ quá hạn-định (nisīdanassapamânâtikkantatâ);

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm, làm được (attano atthâya karanaṃ vâ karâpetvâ paṭilâbho).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trên.

8.— Vải rịt ghé (gaṇdappaticchâdi).

Tỳ-khưu làm vải để rịt ghẻ, nên làm cho đúng theo hạn-định là bề dài 4 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật.

Nếu làm cho quá hạn-định phạm ưng-đối-trị.

Phía cắt bỏ cho bằng hạn-định rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm vải rịt ghẻ quá giới.

9.— Làm y tắm mưa (vassikasâtikâ).

Tỳ-khưu làm y để tắm mưa, nên làm theo

hạn-định là: bề dài 6 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật ; nếu làm quá giới, phạm ưng-đối-trị.

Phải cắt bỏ cho đúng theo luật định, rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm y tắm mưa quá giới.

10.— Làm Ca-sa lớn (nanda).

Tỳ-khưu làm ca-sa dài, lớn bằng ca-sa của Phật phạm ưng-đối-trị. Ca-sa của đức Phật bề dài 9 gang bề ngang 6 gang của đức Thế-Tôn. Phải làm theo luật định là cắt cho vắn, cho nhỏ hơn ca-sa của đức Phật rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học nầy gọi là "Nandatthera" cũng được.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khưu Nanda (em của Phật) có tướng mạo rất đẹp (bề cao thấp hơn đức Phật 4 ngón), mặc ca-sa lớn bằng ca-sa của đức Phật, ở xa đi lại, chư Tỳ-khưu tưởng là đức Thiên-nhơn-sư, bèn sửa-soạn đứng dậy tiếp nghinh, rõ lại không phải là đức Vô-thượng-sĩ, nên chê trách.

4 ĐIỀU HỌC ƯNG-PHÁT-LỘ

(Paṭidesaniya) [1]

1. Tự tay mình thọ lãnh (hatthatopatiggahana).

Tỳ-khưu tự tay mình thọ lãnh vật-thực nơi tay Tỳ-khưu-ni không phải bà con, phạm ưng-phát-lộ.

---

(1) Patidesaniya nghĩa là: tội mà tỳ-khưu phải sám-hối bằng cách khác (có giải nơi trương sau).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (sâvatthi), do 1 Tỳ-khưu thọ vật-thực nơi tay Tỳ-khưu-ni đi bát dâng cho đến 4 ngày, làm cho Tỳ-khưu-ni ấy phải nhịn đói, mình gầy sức yếu.

2. Đương ăn trong chỗ họ thỉnh mời (kulesunimantitâ).

Tỳ-khưu đang ăn trong chỗ họ thỉnh mời, nếu có Tỳ-khưu-ni đến dạy thí chủ đem vật nầy, vật kia đem đến dâng đến tỳ-khưu ấy, vì lòng thương yêu trọng đãi Tỳ-khưu, nên đuổi Tỳ-khưu-ni cho lui ra khỏi, nếu không đuổi, phạm ưng-phát-lộ.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư được người thỉnh ăn, có phe sau Tỳ-khưu-ni đến dạy thí chủ dâng vật nầy, vật nọ đến phe lục sư, lục sư nhờ đó mà ăn no. Các vị khác phải chịu nhịn.

3. Bậc thánh mà Tăng đã chỉ định (Sekkhasammata).

Bậc thánh-nhơn nào mà Tăng đã ra lịnh định là bậc có đức-tin nhiều mà nghèo, nếu Tỳ-khưu không bịnh, không được thỉnh mà đến thọ vật-thực nơi ấy đem về dùng, phạm ưng-phát-lộ.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veḷuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do chư sư thọ lãnh vật-thực nơi bậc thánh-nhơn mà nghèo làm cho nhà ấy phải chịu đói khát.

4.— Chỗ ở trong rừng [1] nguy-hiểm (araññika-senâsana).

Tỳ-khưu ngụ trong rừng là nơi nguy-hiểm có điều lo sợ, nếu không bịnh mà thọ lãnh vật-thực của thí chủ đã cho tin trước rằng : " họ sẽ đến dâng vật-thực trong nơi ấy" và Tỳ-khưu không cho họ hay có sự nguy hiểm trong nơi ấy tự tay mình thọ lãnh đem dùng, phạm ưng-phát-lộ.

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh-xá, gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) (dòng Thích-Ca), do chư sư ngụ nơi rừng nguy-hiểm, có phe tín-nữ vào trai-tăng bị bọn trai hung-ác đón đường cướp của và hãm dâm :

CHÚ GIẢI : **Thể thức không phạm tội :**

Tỳ-khưu cho hay sự nguy-hiểm ấy mà tưởng là chưa cho hay, hoặc nghi, hoặc tưởng đã có cho hay rồi, có bịnh, thọ lãnh vật-thực của thí-chủ dâng đến mà mình đã cho hay trước, hoặc dùng vật-thực dư của Tỳ-khưu bịnh, hoặc dùng củ, trái cây mà mình được thọ lãnh ngoài chùa, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 7 chi :

1. Chỗ ngụ trong rừng như đã có nói (yacâvutta âraññika senâsanatâ) ;

2. Vật-thực không phải phát sinh trong nơi ấy (yâvakālikassa attatthajâtakatâ) ;

---

(1) Chỗ ở trong rừng là ở xa xóm, ít lắm 1.000 thước.

3. Không có bịnh (agilânatâ) ;
4. Vật-thực không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh (agilânâvasesakatâ) ;
5. Không cho hay (appatisaṃ viditatâ) ;
6. Thọ lãnh trong chùa (ajjhârāme paṭiggahanaṃ) ;
7. Đã ăn vào (ajjhoharanaṃ).

Đều cả 7 chi ấy mới phạm ưng-phát-lộ.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học " lễ dâng y lần thứ nhứt " (paṭhamakathinasikkhâpada).

Chỉ khác nhau là điều học nầy "phạm tội vì làm" (kiriyâ) là thọ lãnh và " vì không làm " là không cho hay trước (akiriyâ).

Nếu phạm 1 trong 4 tội ưng-phát-lộ ấy, nên sám hối như vầy :

Tôi đã phạm phép đáng cho đức Phật chê trách là phép ưng-phát-lộ mà người phạm cần phải bày tỏ ngay, tôi xin bày tỏ pháp ấy. Còn lời xin sám-hối và lời thọ tiếp theo như lời sám-hối trong các tội khác.

Gârayhaṃ { bhante / āvuso } dhammamâpajjiṃ asappâyaṃ paṭidesa nīyaṃ taṃ paṭisemi.

Nếu nhiều vị đọc : " Apajjimhâ " thế cho "âpajjiṃ" " paṭidesema " thế cho " paṭidesemi ".

75 ĐIỀU HỌC " ƯNG-HỌC-PHÁP " (1)

(Sekkhiyavatta)

Chia ra làm 4 phần :

I.— Mặc y cho nghiêm trang, phần thứ nhứt, có 26 điều (sârūpa) ;

II.— Thọ thực cho tề chỉnh, phần thứ nhì, có 30 điều (bhojanapaṭisamyutta) ;

III.— Thuyết-pháp cho đúng phép, phần thứ ba, có 16 điều (dhammadesanâpaṭisamyutta) :

VI.— Lượm-lặt, phần thứ tư có 3 điều (pakiṇṇaka)

✺

I.— MẶC Y CHO NGHIÊM TRANG. PHẦN THỨ NHẤT

(Sârūpa)

Có 26 điều học :

1. Tỳ-khưu nên làm như vầy " ta phải mặc, đắp y cho kín mình (parimandalanivâsana).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư mặc y phục nội phía trước và phía sau không đồng, làm cho thiên-hạ chê-trách.

---

(1) Ưng-học pháp là điều học mà chư Tỳ-khưu, sadi phải học và hành.

CHÚ GIẢI: Phải mặc y nội phía trên cho kín rún phía dưới từ đầu gối xuống 8 ngón tay như thế gọi là mặc kín mình. Nếu dễ-đuôi, mặc phía trước hoặc phía sau xệ xuống phạm tác-ác.

Nếu phạm 1 trong 75 điều " Ưng-học-pháp " gọi là phạm " tác ác " cả, không cố ý, quên không biết có bịnh, có điều rủi ro, vàTỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Không cố ý là : Tính mặc cho kín mình thiệt mà quên, rồi mặc không kín, như thế gọi : không cố ý, không phạm tội : tâm tưởng nơi khác, rồi mặc không kín như thế gọi là quên " quên " không phạm tội.

Không biết mặc cho kín như thế, gọi là không biết, không phạm tội, nhưng lệ thường,Tỳ-khưu phải học hỏi trước, nếu không học hỏi trước, như thế gọi là " dễ-duôi ", cũng không khỏi phạm tác-ác.

Tỳ-khưu nào, đầu gối lớn, hoặc ống chưn dài mặc y phục xuống khỏi 8 ngón tay cho kín cũng nên.

Tỳ-khưu có ghẻ nơi đầu gối hoặc trong chơn như thế gọi là có bịnh, mặc y cao lên hoặc thấp xuống cũng nên.

Thú dữ rượt hoặc bọn cướp đánh đuổi gọi là : có điều rủi ro, trong khi rủi ro như thế không phạm.

Các nguyên nhân không sanh tội nhứt là : không cố ý như đã nói trên, cũng kể vào trong tất cả điều học " ưng-học-pháp " sẽ giải ra phía sau, nơi nào có chi khác nhau sẽ giải thêm trong điều ấy.

Trong tất cả điều học ấy, đều không phạm tội vì bảo kẻ khác làm (anânattika).

Điều học nầy có 3 chi :

1. Không dè dặt cẩn thận (anâdasiyaṃ) ;
2. Không có nguyên nhân không phạm tội (anâpatti karaṇâbhâvo) ;
3. Mặc không kín mình(aparimandalaṃ nivâsanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tác-ác.

Trong mỗi điều học " ưng-học-pháp " đều có 3 chi giống nhau như trong điều học nầy. Cho nên trong mấy điều học sau, không cần phải nói đến phần chi phạm tội nữa.

Chỗ sanh tội sẽ giải ra phía sau cuối cùng. Trong mỗi câu đầu của " ưng-học-pháp " không nói tên tội, chỉ có câu: Tỳ-khưu nên làm như vầy ; " đều đủ cả điều học " (sikkhâkaraṇīyâ). Biết rằng phạm tội tác ác, vì tiếng " không cẩn thận " mà làm thì phạm tác ác. Cho nên phía sau không cần phải nói tên tội nữa, cũng nên biết là phạm tội vì không cẩn thận.

2. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên đắp y cho kín mình, mặc y vai trái phía dưới từ đầu gối xuống khỏi 4 ngón tay, phía trên trùm cho kín cánh chỏ tay trái (parimandala pârâpana).

3. Tỳ-khưu nên làm như vầy ; tà nên trùm y cho kín mình khi đi vào khoảng nhà (supaṭicchanno-antaragharegamana).

4. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên trùm y cho

kín mình khi ngồi trong khoảng nhà (supaticchanno-antaragharenisīdana).

Vào ngụ trong khoảng nhà dầu ngồi rồi ra y, mặc cho kín mình (như trong khi ở trong chùa) trong lúc ban ngày hoặc ban đêm cũng không phạm tội.

Tiếng " vâsupagatassa " trong kinh chú-giải rằng : " đi vào để ngụ ", nhưng không định ngụ đêm hay là ngụ đỡ. Có chỗ lại nói : " vâsupagato " nghĩa là " đi vào ngụ đêm ".

5. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên thu-thúc cho chánh-đáng là không nên múa tay quơ chơn, khi đi vào khoản nhà (susamvuto antaraghare gamana).

6 Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên thu-thúc cho chánh-đáng, là không múa tay quơ chân khi ngồi trong khoảng nhà (susaṃvuto antaraghare nisīdana).

7. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên ngó xuống là xem phía trước, xa 4 hắc khi đi vào khoảng nhà (nghỉ đứng trong nơi nào rồi liếc xem để ngừa sự rủi ro tai hại : như voi, ngựa ; xe cũng nên (ukkhittacakkhu-antaragharegamana).

8. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên ngó xuống xa 4 hắc, khi ngồi trong khoảng nhà (ukkhittacakkhu-antaragharenisīdana).

9.Tỳ-khưu nên làm như vầy:ta không nên dỡ y lên, khi đi vào trong khoảng nhà, dầu trong khi thọ thực cũng không nên dỡ y lên (na ukkhittakâya antara-ghare gamana).

10. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nên dỡ y

lên khi ngồi trong khoảng nhà (na ukkhittakâya-antaragharenisīdana). Vào ngụ đêm trong xóm, dỡ y lên cũng không phạm tội.

11. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không cười lớn tiếng khi đi vào khoản nhà, dầu có bịnh cũng không khỏi phạm tội (na ujjhaggikâya antaragharegamana).

12. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nên cười lớn tiếng khi ngồi trong khoảng nhà. Nếu có cớ nên cười, thì mĩm cười không phạm tội (na ujjhaggikâya-antaraghare nisīdana).

13. Tỳ-khưu nên làm như vầy : " ta nên nói nhỏ nhẹ khi đi vào khoản nhà (appasaddho antaragha-re gamana).

14. Tỳ-khưu nên làm như vầy : " ta nên nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong khoản nhà (appasaddho antaraghare nisīdana). Nói nhỏ nhẹ là như nhà bề dài 12 hắc, đại-đức (sư cả) ngồi đầu, vị thứ nhì ngồi giữa vị thứ ba ngồi sau chót.

Nếu vị cả nói với vị thứ nhì, vị nầy vừa đủ nghe rõ, còn vị thứ ba chỉ nghe tiếng mà không phân biện được lời lẽ chi của hai vị ngồi trước, như thế gọi là nói nhỏ nhẹ. Còn nói lớn là tiếng nói nghe đến vị thứ ba phân biện được sự lý, như thế gọi là: lời nói lớn.

Trong kinh chú-giải nói: phân biện tiếng nhỏ, tiếng lớn, là tiếng nói thường không nhỏ không lớn nhưng có người có tiếng lớn, có người có tiếng nhỏ. Vậy nên nói tiếng thường làm mẫu.

15. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không uốn mình

khi đi vào khoảng nhà (nakâyappacâlakaṃantaragha-renisīdana).

16. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên uốn mình khi ngồi trong khoảng nhà (nakâyappacâlakaṃ-antaragharenisīdana).

17. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên đánh đồng xa khi đi vào khoảng nhà (nabâhuppacâlaka-ṃan- taragharegamana).

18. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên uốn vai khi ngồi trong khoảng nhà (nabâhuppacâlakaṃan-taragharenisīdana)

19. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên lắc đầu khi đi trong khoảng nhà (nasisappacâlakaman-taragharegamana).

20. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không lắc đầu khi ngồi trong khoảng nhà (nasisappacâlakaṃanta-ragharenisīdana). Nên ngồi cho thân thể, tay chân ngay thẳng, trong khi ngồi trong khoảng nhà.

Trong 3 điều học, nói về khi ngồi ấy, nếu vào ngụ đêm trong xóm, dầu uốn mình, lắc đầu cũng không phạm tội.

21. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên chống nạnh khi đi vào trong khoảng nhà (nakhambhakato antaragharegamana).

22. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên chống nạnh khi ngồi trong khoảng nhà, vào ngụ đêm chống nạnh không phạm tội (nakhambhakato antaragha-renisīdana).

23. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên trùm đầu khi đi vào trong khoảng nhà (na ogunthito antaragharegamana).

24. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên trùm đầu khi ngồi trong khoảng nhà (na ogunthito antaragharenisīdana) vào ngụ đêm trùm đầu không phạm tội.

25. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên nhón gót khi đi vào trong khoảng nhà (na ukkutikâya antaragharegamana).

26. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên ngồi khoanh tay choàng đầu gối khi ngồi trong khoản nhà, (napallathikâyantaragharenisīdana) vào ngụ đêm không phạm tội.

Trong cả 26 điều học nầy, tỳ-khưu vì dễ-duôi, cố ý làm sai luật cấm, phạm tác-ác.

Không cố ý, quên, không biết, có sự hại, và tỳ-khưu bịnh, tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

II.— THỌ THỰC CHO CHỈNH TỀ

PHẦN THỨ NHÌ

(Bhojanapaṭisamyutta)

Có 30 điều học :

1. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên chú ý thọ lãnh vật thực cho đúng phép, là không làm như thế

lấy đem đi đổ bỏ, vì giận (sakkaccampiṇḍapâta-paṭiggahana).

2. Tỳ-khưu nên làm như vầy : khi thọ thực ta chỉ nên ngó trong bát (pattasaññipindapàtapaṭiggahana).

3. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta chỉ nên thọ lãnh canh vừa với cơm (samasūpakapiṇḍapàtapâti-ggahana).

4. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta chỉ nên thọ lãnh vật thực vừa miệng bát (samatittikapiṇḍapâta paṭig-gahaṇa) dầu thọ lãnh vật ajâmakālika, sattâhakâlika hoặc yâvajīvika đầy tràn bát cũng nên. Nếu thọ lãnh 2 bát nên thọ trước 1 bát rồi để vào nơi khác gởi về chùa, rồi thọ thêm nữa, hoặc mía đã 'róc, chặt ra từ đoạn, hoặc trái cây mà họ gói lại để lên bát, như thế nói là vun bát cũng không đặng, cho nên thọ lãnh cũng nên.

Trong điều nầy, dầu tỳ-khưu đau thọ lãnh vật-thực, vung tràn bát cũng không khỏi tội.

5. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta nên ăn cho chỉnh tề (sakkaccampiṇḍapâtabhuñjana).

6. Tỳ-khưu nên làm như vầy : khi ăn ta chỉ nên ngó trong bát (pattasaññipiṇḍapâtabhuñjana).

7. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta phải ăn vật thực cho đều, là không ăn sâu giữa bát, hoặc đùa vun lên. (sapadânapiṇḍapâtabhuñjana).

8. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta chỉ dùng canh cho vừa với cơm (samasūpakapiṇḍapâtabhuñjana).

9. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nên đùa

cơm vung lên giữa bát mà ăn (nathūpikato omadditâ-piṇḍapâtabhuñjana).

10. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nên đùa cơm khuất lấp đồ ăn, cố ý muốn được nhiều thêm nữa dầu tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội. Nếu không cố ý muốn được thêm mà đùa lấp vật-thực không phạm tội (nasūpaṃvâbyañjanaṃ vâ odanenapaṭicchâdana).

11. Tỳ-khưu nên làm như vầy : 'ta không bịnh không xin vật-thực để ăn; xin nơi bà con hoặc nơi người có yêu cầu, hoặc xin cho người khác không phạm tội (nasūpaṃvâbyañjanaṃvâ odanaṃ vâ agilâno attano atthàyaviññâpetvâbhuñjana).

12. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không liếc xem bát vị khác, cố ý tìm lỗi người; tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội. Liếc xem cố ý cho thêm, hoặc không cố ý tìm lỗi không phạm tội (na ujjhâna-saññïparesampattaolokana).

13. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không làm vắt cơm cho lớn quá bằng trứng ngỗng, gọi là lớn quá, nhỏ bằng trứng gà gọi là nhỏ quá, nhỏ hơn trứng ngỗng, lớn hơn trứng gà thì vừa (nâtimahan ta-kavaḷakaraṇa).

14. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta làm vắt cơm cho tròn không dài (parimandalaâlopakarana).

15. Tỳ-khưu nên làm như vầy : khi vắt cơm chưa đến miệng, ta không hả miệng chờ (naanâhateka-vaḷemukhadvâravivarana).

16. Tỳ-khưu nên làm như vầy : trong khi ăn ta

không nhét trụm bàn tay vào miệng (nabhuñjamān-osabbaṃhatthaṃmukhepakkhipana).

17. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nói chuyện, khi vật thực còn trong miệng (nasakavaḷena-mukhenabyâharana).

18. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không thảy-vật thực vào miệng mà ăn (napiṇḍukkhepakabhuñjana).

19. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không cắn vắt cơm mà ăn (nakavaḷâvacchedakabhuñjana).

20. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không ăn độn cơm bên má như khỉ ăn (nâ avagaṇḍakâraka bhuñjana).

21. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không búng rảy tay trong khi ăn (rảy rát được) nahatthaniddhunaka-bhuñjana).

22. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không làm cho cơm đổ; liệng, bỏ rác; có đổ cơm không phạm tội (nasitthâvakârakabhuñjana).

23. Tỳ-khưu nên làm như vầy : trong khi ăn, ta không le lưỡi ra khỏi miệng (na jivchânicchâ raka-bhunjana).

24. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không nên ăn và chắp (nacapucapukârakabhunjana).

25. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không dùng vật-thực nghe tiếng rột-rột (nasurusurukârakab-huñjana).

Điều học nầy, đức Phật cấm chế tại Ghosita tịnh-xá gần thành Kosambi, do 1 vị tỳ-khưu nghe

Tăng thọ sữa húp rột-rột rồi diễu rằng: có lẽ Tăng húp sữa cho nguội chăng ?

26. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không ăn, liếm tay (nahatthanillehakabhuñjana).

27. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không ăn, liếm bát và vét bát (napattanillehakabhuñjana).

28. Tỳ-khưu nên làm như vầy : ta không liếm môi trong khi ăn (na oṭṭhanillehakabhuñjana).

29. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không dùng tay còn dính vật-thực, cầm đồ đựng nước; tính đem rửa tay hoặc cho người khác rửa, cầm không phạm tội (nasâmisenahatthenapâṇīyathâlakapaṭiggahana).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại rừng Bhesakalâ gần thành Sumsumâratira, do chư tỳ-khưu tay còn dính cơm mà cầm đồ đựng nước bị thí chủ chê trách.

30. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đổ nước rửa bát còn hột cơm, trong khoảng nhà (nên lượm cơm cho nát rồi đổ, hoặc đổ trong ống nhổ, rồi đem đi đổ, hoặc đem đổ nơi khác, đều không phạm tội (na-sasittha- kaṃpattadhovanaṃantaragharechaḍḍana).

Điều học nầy đức Phật cấm chế tại rừng Bhesa-kalâ gần thành Sumsumâratira, do chư tỳ-khưu đổ nước rửa bát có lộn cơm, làm cho thí chủ chê trách.

Trong cả 30 điều học nầy, tỳ-khưu nào dễ-duôi, cố ý, phạm tác-ác. Không cố ý không trí nhớ, không biết mình, có sự hại, và tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Tỳ-khưu bị bịnh không phạm tội, trừ ra trong 4 điều học thọ vật-thực đầy tràn miệng bát, móc ăn giữa bát, đùa cơm lấp vật-thực và liếc xem bát tỳ-khưu khác để tìm lỗi người, dầu tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

✺

III.— THUYẾT-PHÁP CHO ĐÚNG PHÉP

PHẦN THỨ BA

(Dhammadesanâpaṭisamyutta)

Có 16 điều học :

1. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có dù trong tay.

CHÚ GIẢI: Nếu người khác họ che cho, hoặc dù để trong mình cho vừa rảnh tay cũng gọi là người không có dù trong tay, nói pháp đến người ấy cũng nên (nachattapâṇissagilânassadhammadesana).

2. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có gậy trong tay (như trong điều học trên) nadaṇḍapânissagilânassadhammadesana).

3. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh có vật bén (dao gươm) trong tay (như trong điều học trên) na satthapâṇissa agilânas-sadhammadesana).

4. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh có cung, tên, súng trong tay (na-àvudhapâṇissaagilânassadhammadesana).

5. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh có mang dép, guốc (napâdukârulhassaagilânassadhammadesana).

6. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh có mang giày da (naupâhanâarulhassaagilânassadhammadesana).

7. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh ngồi trên xe, võng... ngồi trên xe với nhau, nói pháp cũng được.

Tỳ-khưu ngồi trên xe cao, người nghe ngồi xe thấp hoặc ngồi trên xe bằng nhau, tỳ-khưu ngồi xe trước, người nghe ngồi xe sau, đều nói pháp được hết: nhưng người ngồi xe sau, dầu cao hơn mà nói pháp đến người ngồi xe trước không nên (nayânagatassa agilânassadhammadesana).

8. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, ngồi hoặc nằm trên giường (nasayanagatassaagilânassadhammadesana).

Tỳ-khưu nằm nơi cao nói pháp đến người nằm nơi thấp cũng nên, người nằm nói pháp đến người đứng, hoặc ngồi nói đến người đứng, hoặc ngồi với nhau, hoặc đứng nói với người đứng đều được cả.

9. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối (napallatthikâyanisinnassa agilânassadhammadesana).

10. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp

đến người vô bịnh có bịch khăn (navetṭhitasīsassa agilânassadhammadesana).

11. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh đội khăn hoặc nón (na ogunthitasisassa agilânassadhammadesana).

12. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không ngồi sà đất, nói pháp đến người vô bịnh, ngồi trên chiếu đệm (nachamâyaṃnisīditvâ àsane nisinnassa agilânassadhammadesana).

13. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không ngồi trên chỗ thấp nói pháp đến người vô bịnh ngồi nơi cao (nanice âsanenisīditvâ uce âsanenisinnassa agilânassadhammadesana).

14. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đứng nói pháp đến người vô bịnh ngồi (naṭhito nisinnassa agilânassadhammadesana).

Trong kinh chú-giải có nói: dầu tỳ-khưu trẻ đến chỗ tỳ-khưu cao hạ, rồi tỳ-khưu trẻ ấy đứng, vị trưởng ngồi hỏi đạo, tỳ-khưu trẻ không nên đáp. Nếu tỳ-khưu trẻ không có thể bảo vị trưởng-lão đứng dậy mới nên hỏi, không dám nói, vì tôn kính vị trưởng-lão, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đến tỳ-khưu trẻ đứng gần bên, rồi nói cũng nên.

15. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đi phía sau nói pháp đến người vô bịnh đi phía trước (napacchato gacchanto purato gacchantassa agilânassa dhammadesana).

Kinh chú giải có nói, nếu người đi trước nói đạo,

không nên đáp, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đến người đi phía sau, như thế rồi nói.

16. Tỳ-khưu nên làm như vầy; ta không đi ngoài đường, nói pháp đến người vô bịnh đi trong đường na upathena gacchanto pathena gacchantassa agilânassa dhammadesana).

Nếu mỗi người đi một bên đường, nói pháp cũng nên.

Trong cả 16 điều học, tỳ-khưu dễ-duôi có ý phạm tác-ác, quên, không biết mình, có bịnh, có điều hại, tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

✺

IV.— LUỘM-LẶT, PHẦN THỨ TƯ

(Pankiṇṇaka)

Có 3 điều học :

1. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh, không đứng tiểu hoặc đại tiện. Trong khi mắc đại tiểu tiện gấp rút không phạm tội (naṭhito agilâno uccâraṃ-vâpassâvaṃvâkaraṇa).

2.Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh, không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trên chỗ xanh nhứt là cây và cỏ tươi, dầu rễ cây còn sống thấy rõ trên mặt đất hoặc nhánh cây còn sống cũng đều gọi là xanh cả (naharite agilâno uccâraṃ vâ passâvaṃvâ-kheḷamvâkaraṇa).

Lên ngồi trên nhánh cây để đại tiểu tiện rớt xuống chỗ không có vật xanh cũng nên. Đi tiểu chỗ

không có vật xanh, dầu đại tiểu-tiện đến gấp rút cũng gọi như người có bịnh-không tội. Nếu tìm không kịp nơi không có vật xanh, nên kiếm vật chi lót đại tiểu-tiện có chảy nhằm vật xanh cũng vô tội.

3. Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh, không đại, tiểu-tiện, nhổ, hỉ mũi trong nước (na udake a-gilâno uccâraṃvâpassârvam vâkheḷaṃvâkarana).

Nước để dùng được, nước không dùng được không phạm tội. Nước ngập không có gò đất, đại, tiểu-tiện trong nước ấy không tội. Đại tiểu-tiện trên khô chảy xuống nước không phạm tội.

Trong cả 3 điều học ấy, tỳ-khưu dễ-duôi, cố ý phạm tác-ác. Không cố ý, không có trí nhớ, không biết mình có bịnh, có sự rủi-ro, và tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Trong cả 75 điều "ưng-học-pháp" (trừ ra điều 25, 29, 30 trong phần thọ-thực tề-chỉnh) đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm quấy.

2 điều học "cười lớn", 2 điều học "nói lớn tiếng" 1 điều học "nói chuyện còn vật-thực trong miệng" thành 5 điều học :

1. Ngồi sát đất nói pháp đến người trên chiếu đệm.
2. Ngồi nơi thấp nói pháp đến người ngồi nơi cao.
3. Đứng nói pháp đến người ngồi ;
4. Đi ngoài đường nói pháp đến người đi trong đường;

5. Đi sau nói pháp đến người đi trước (5 điều học nầy với 5 điều trên) thành 10 điều học. 10 điều học nầy thuộc về samanubhâsanasamuṭṭhâna là tội sanh do thân-khẩu-ý, phạm tội vì làm (kiriyâ) khỏi phạm tội vì tưởng (saññâvimokkha), phạm tội vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja); thân-nghiệp (kâyakamma); khẩu-nghiệp (vacīkamma), ác tâm (akusalacitta); thọ khổ (dukkhavedana).

Xin đồ ăn, xin cơm thuộc về theyyasatthasamuṭṭhâna, tội sanh do thân-ý, thân-khẩu-ý (kiriyâ saññâvimokkha, sacittaka, dukkhavedanâ).

Nói pháp đến người vô bịnh, có dù trong tay, có gậy trong tay, có vật bén (dao, gươm) trong tay, có cung tên trong tay, mang guốc, dép, mang giầy da, đến người đi trên xe, người nằm, đến người ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối, người bịch khăn, người đội khăn. 11 điều học ấy thuộc về dhammadesanasamuṭṭhâna là tội sanh ra do khẩu ý (kiriyâ kiriyâ, saññâvimokkha, sacittaka, lokavajja, vacīkamma, akusalacitta, dukkhavedanâ. Còn lại 53 điều học chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học bất-cộng-trụ thứ nhứt (paṭhamapârâjika sikkhâpada).

Lại nữa, ưng-học-pháp không có nhứt định là chỉ có bấy nhiêu, mà không nhứt định ấy là cách thức tỳ-khưu nên học và hành chẳng phải có bấy nhiêu đâu, dầu là pháp hành mà đức Phật đã chế định trong phần hành (vattakhanidha) cũng gọi là ưng-

học-pháp vì là pháp hành mà tỳ-khưu nên học và hành theo.

✺

DUYÊN CỚ TRANH BIỆN [1]

(Adhikarana)

Có 4 :

1. Tranh biện điều phải trái (vivadâadhikaraṇa) là nói rằng: cái này là pháp là luật, cái này không phải là pháp, không phải là luật;

2. Bắt tội nhau (anevâdâdhikaraṇa) là buộc tội nhau vì phạm tội nầy tội kia ;

3. Phạm các tội (apattâdhikaraṇa) ;

4. Việc mà Tăng nên làm (kiccâdhikaraṇa).

✺

DIỆT-TRANH [2]

(Adhikaraṇa samatha)

Có 7 phép :

1. Sự dứt trong 4 điều tranh biện trong nơi giữa Tăng, giữa pháp, giữa luật là dứt điều cãi lẽ do theo pháp, do theo luật, đúng theo lời của đức Phật cấm chế và chuẩn hành [3] (budhappaññatti, budhânu-

(1) Cãi nhau lẽ phải, trái.

(2) Dứt điều tranh biện (giải hòa)

(3) Cấm chế là cấm ngăn, chuẩn hành là cho thi hành.

ñña tti) trước mặt người là tiên cáo và bị cáo hoặc tỳ-khưu thú nhận tội (sammukhâvinaya);

2. Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên A-la-hán là bậc có trí nhớ đều đủ rồi, không kẻ nào buộc tội chi được cả (sativinaya);

3. Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên tỳ-khưu điên đã hết điên rồi; không cho kẻ nào cáo tội mà tỳ-khưu ấy đã phạm trong khi còn điên (amulhavinaya);

4. Sự định tội theo lời thú nhận mà người khai thiệt (patiññatakaraṇa);

5. Sự phân đoán, lấy theo lời khai của phần đông người có đạo đức (yebhuyyasikâ);

6. Sự mà luật định đến người phạm tội (tassapâpiyasika);

7. Sự giải hòa cho nhau cả hai bên không cần xử đoán việc trước (tinavatthâraka).

✺

NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI-BỔN

Trọng tội [1]

(Thullaccaya)

Giải về trọng tội có 2 điều :

1. Tỳ-khưu không bỏ;

(1) "**Thullaccaya**" dịch là : Trọng tội hoặc là tội xấu, nghĩa là : tội trọng, xấu hơn các tội khác (ngoài tội "bất-cộng-trụ" và "Tăng-tàn".

2. Không nên chia tài sản trọng của Tăng; nếu bỏ hoặc chia, phạm "trọng tội", vì Phật có cấm rằng : tài sản trọng có 5 phần :

Phần thứ nhất: 1. ârâmo: vườn, trái cây, bông cậy
— 2. arāmâvatthu: đất vườn.
Phần thứ nhì : 3. vihâro: thất, nhà;
— 4. vihâravatthu: đất, chùa, thất.
Phần thứ ba : 5. mañco: giường;
— 6. pīṭhaṃ: bàn nhỏ thấp dài;
— 7. bhisī: nệm;
— 8. bimbohanaṃ: gối.
Phần thứ tư:(1) 9. lohakimbhī: nồi
— 10. lohabhânakaṃ: cân
— 11. lohavârako: thùng lớn;
— 12. lohakajâhaṃ: chậu;
— 13. vâsī: dao nhỏ;
— 14. pharasu: búa;
— 15. kuṭhârī: riều;
— 16. kuddâlo: xuổng;
— 17. nikhâdanaṃ: vá.
Phần thứ năm: 18. vali: dây;
— 19. veḷu: tre (dài 8 ngón tay trở lên)
— 20. muñjam: cỏ óng;
— 21. pabbajjaṃ: cỏ năn nỉ;
— 22. tinam: các thứ cỏ để che lợp (từ một bó trở lên);

---

(1) Các vật trong phần (tài sản) thứ tư đều làm bằng loại kim.

— 23. mattika: đất sét;

— 24. dârubhaṇḍam: vật dụng làm bằng cây;

— 25. mattikâbhandaṃ: vật dụng làm bằng đất.

Tất cả 25 món ấy, món nào thí chủ đã dâng đến "Giáo-hội", hoặc phát sanh trong "Giáo-hội", đều gọi là tài sản trọng của "Tăng-Già" (garubhaṇḍa) nghĩa là: Tăng-Già hoặc nhóm (2,3 tỳ-khưu), hoặc 1 tỳ-khưu nên không bỏ, không nên chia; dầu bỏ dầu chia cũng không gọi là bỏ, là chia; của ấy cũng còn là của "Tăng-Già" như cũ. Tỳ-khưu nào, vì chấp mình làm lớn, bỏ hoặc chia của "Tăng-Già" như thế phạm "trọng tội" (thullaccaya). Nếu có ý bỏ, hoặc chia, cho luật-sư trừng phạt theo giá của vật. Nếu làm cho sanh sự lợi ích đến "Tăng-Già" đem đổi vật bền chắc, theo phép, hoặc vật cao giá hơn, hoặc dùng vật thấp hèn đổi lấy gạo để ăn, hoặc để tu bổ chùa, thất... trong con đói kém cũng nên.

Tất cả tài sản trọng của "Tăng-Già" một món nào chẳng hạn, tỳ-khưu lấy dùng riêng cho mình, nên kiếm vật khác bằng giá, hoặc cao giá hơn đem thế lại mới nên; nồi, bát, tách, bình trà, ô... bằng kim loại; đũa, thuốc nhỏ mắt... ống-khóa, chìa khóa vật bằng loại kim; hoặc bằng cây đương làm, nên chia được, dây và tre... đem làm việc cho "Tăng-Dà", hoặc cho tháp thờ, rồi còn dư, đem dùng làm việc cho tỳ-khưu cũng nên. Đây chỉ giải vắn tắt, nếu muốn học cho rộng, tìm thêm trong phẩm Catutthasâmantapâsâdikâ.

Lại nữa không nên cho ai mổ trong chỗ kín, hoặc mổ cắt gần chỗ kín, cách chừng lối 2 ngón, nếu thoa thuốc, không cấm.

Điều học nầy phạm vì cố ý (sacittaka).

Không nên ăn thịt người, không nói đến thịt người, dầu là xương, máu, da, lông cũng không nên.

Điều học nầy, phạm vì vô ý (acittaka).

Không nên lõa-thể, không nên mặc y làm bằng lá tranh, bằng võ cây, bằng tóc người, bằng lông đuôi của thú, bằng lông cánh chim, da cọp, y làm bằng vỏ cây gai.

Không nên đụng chạm nhằm chỗ kín thú cái.

Không nên gấp làm lễ phát-lồ (Uposatha), hoặc Tự-tứ (pavâranâ) vì cố ý cho tỳ-khưu khác không làm được.

Tỳ-khưu nào phạm các điều trên đây gọi là phạm "trọng tội" (thullaccaya).

✺

TÁC ÁC

(Dukkaṭa)

Tỳ-khưu không nên mặc y phục như kẻ thế;

Không nên mặc y màu xanh, vàng dợt;

Không nên mặc y may đường chỉ xuôi (không có cắt may đường ngang; nghĩa là: không có "điều");

Không nên mặc y có bông hoa và thêu thùa;

Không nên chỉ mặc y nội và y vai trái mà đi, vào

xóm, trừ ra có duyên cớ mới được phép để y hai lớp lại (y Tăng-dà-lê);

Không nên mang dép đi vào xóm, nếu không có bịnh:

Không nên mang dép hai lớp, dép rơm, guốc, giày hàm-ếch, giày thêu, giày có nhiều màu [1], da cọp, da beo, da voi, da cá nược;

Không nên thoa phấn xứt dầu, soi hình trong kiến và trong nước, nếu vô bịnh;

Không nên đeo vòng, cà rá;

Không nên cho ai hớt tóc, hớt râu và nhổ tóc bạc,

Không nên xem nhan sắc phụ nữ;

Không nên lấy cây mà kỳ mình, trong khi tắm;

Không nên đâu lưng nhau mà kỳ, trong khi tắm;

Không nên máng bát lên nhánh cây;

Không nên chứa đồ ăn còn dư trong bát;

Không nên lấy bát còn ướt đem cất;

Không nên ngồi chung ghế hoặc chung chiếu cùng phụ nữ, hoặc bán nam, bán nữ, hoặc kẻ thấy trai biến ra gái, thấy gái biến ra trai (có cả hai bộ sanh trược-khí);

Không nên ngồi chung giường, chung ghế cùng tỳ-khưu tu lâu hơn ba hạ;

Không nên nằm ngồi chỗ cao và rộng, chỗ có lót nệm gòn, nệm bông và tọa cụ bằng lông trừu tốt.

Không nên dùng gối lớn, dài quá nửa mình;

---

(1) Và có màu, đỏ, đen sậm, trắng.

Không nên ngồi chỗ có trải lót trước, nếu chưa xem xét;

Không nên nằm chỗ có treo bông hoa;

Không nên ngồi chỗ của vị tỳ-khưu lâu năm, thường hay ngồi;

Không nên lạy mười hạng người:

1. Tỳ-khưu tu sau mình;
2. Sadi và kẻ thế;
3. Tỳ-khưu tu lâu năm hơn mà hành sái theo kinh luật;
4. Phụ-nữ
5. Bán-nam, bán nữ;
6. Tỳ-khưu phạm phép "Tăng-tàn";
7. Tỳ-khưu đáng cho "Giáo-hội" phạt lại như trước, vì đang khi bị phạt mà lại phạm thêm phép "Tăng tàn";
8. Tỳ-khưu đang sửa mình để cho "Giáo-hội" giao thiệp lại như trước;
9. Tỳ-khưu đang bị hành phạt sửa lỗi để cho "Giáo-hội" giao thiệp lại;
10. Tỳ-khưu đã bị hành phạt rồi, mà Giáo-hội đang chứng cho nhập vô Giáo-hội lại.

Không nên lấy đồ lót trải ngủ của tỳ-khưu nào đem dùng nơi khác;

Không nên bảo tỳ-khưu nào đứng dậy trong khi vị ấy đang ăn;

Không nên đuổi tỳ-khưu nào có bịnh đi khỏi chỗ ở mà phải nên săn sóc;

Không nên cấm vị khác ngủ đậu, nếu vị ấy có bịnh chút ít;

Không nên thọ lãnh thịt và cá tươi;

Không ăn thịt mà mình biết, hoặc nghe, hoặc thấy họ giết để cho mình ăn, nếu có 1 trong 5 hạng người xuất gia thấy giết thì không nên ăn;

Không nên học, hoặc dạy kẻ khác những việc ngoại đạo;

Không nên nói đạo trong chỗ đông người, nếu có mặt vị tỳ-khưu trưởng-lão mà ngài chưa thỉnh nói;

Không nên tụng kinh kéo dài như giọng hát;

Không nên không cho mượn vải lọc nước (nếu có vị khác muốn mượn);

Không nên làm cho tài vật của thí chủ bố thí ít phước (vì sự "tà-mạng");

Không nên đem đồ khất thực cho kẻ thế ăn trước mình (trừ ra chó cha, mẹ, vua, kẻ cướp, người sắp vào tu):

Không nên làm thầy thuốc;

Không nên làm kẻ đi thơ;

Không nên bợ đỡ kẻ thế mong được lợi;

Không nên trồng kiểng;

Không nên đánh đờn, thổi kèn, đánh cờ;

Không nên lấy đất cục, đá sỏi thảy mà chơi;

Không nên vô cớ mà leo cây;

Không nên đốt rừng;

Không nên dùng bát làm bằng cây, thao, đồng, nhứt là: bát có màu xanh và đen xậm;

Không nên lấy cây dài quá 8 ngón tay, hoặc cụt hơn 4 ngón tay mà chà răng;

Không nên rù quến người xuất gia làm điều vô đạo;

Không nhuộm y bằng nước nghệ, nước cây dan, nước cây vàng lồ;

Không nên động đến hình tượng phụ nữ, đồ nữ trang, 7 thứ lúa, 10 thứ ngọc thạch, đờn, kèn, trống trái còn trên cây và khí giới, nhứt là: đao, gươm, súng;

Không nên cầm lấy những vật đựng đồ mà thí chủ chưa dâng cúng;

Tỳ-khưu đi xa mới đến, trước khi vào chùa phải lột giày, sập dù; và không nên ngồi gần trưởng-thượng.

Không nên cấm vị mới tu ngồi phải chỗ;

Không nên làm cho nước văng nhằm y các vị ngồi gần;

Không nên ra vô lật đật, khi đi khất thực;

Không nên đứng xa, hoặc gần người dâng cơm lắm;

Không nên lật đật thọ lãnh vật thực;

Không nên dòm, ngó mặt người thí chủ;

Không nên quét, giủ, đập, đồ chỗ có người, hoặc gần các vị khác, hoặc gần nước uống hay phía trên gió;

Không nên dạy ai học, hoặc tụng kinh, thuyết-pháp mà chưa bạch cùng vị trưởng thượng trong lúc ở chung;

Không nên nhúm lửa, hoặc tắt lửa, đóng hoặc mở cửa sổ mà không bạch cùng vị trưởng-lão, trừ ra ngài có cho phép trước;

Không nên đi đụng nhằm, hoặc phất y trúng nhằm vị trưởng-lão;

Không nên đi vào nhà xí mà còn chấp tôn ti thượng hạ;

Không nên đi vào nhà xí lật đật, nếu cửa đóng thì phải gõ cửa;

Không nên cởi y ở ngoài nhà xí;

Không nên đại tiện, rặn nghe lớn tiếng;

Không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện phía ngoài lỗ xí

Không nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí;

Không nên dùng cây có gai, cây mụt mà chùi;

Không nên rửa nghe lớn tiếng;

Không nên để nước dư trong lon, nếu nhà xí dơ phải quét rửa cho sạch;

Không nên đi ra nhà xí lật đật;

Không nên chưa mặc y mà ra khỏi nhà xí;

Không nên đi xem hát, đờn, kèn;

Không nên mặc y nội, thiếu dây lưng mà đi vào xóm;

Không nên mở cửa mà tay còn cầm bát;

Không nên ngủ chung cùng nhau trên chỗ có trải lót;

Không nên ăn tỏi, không có món chi trộn chung;

Không nên đi trên chỗ ngồi, chỗ nằm, nhứt là: đi trên giường ghế và chỗ đẹp hoặc có sơn phết, nếu chân chưa rửa, hoặc còn ướt, hoặc còn mang giày;

Không nên dựa vào vách nhà có tô vôi, hoặc sơn phết và nhổ nước miếng nơi ấy;

Không nên không trải ngọa-cụ, trước khi nằm trên chỗ ngủ sạch sẽ của "Giáo-hội";

Không nên để tóc dài quá hai ngón tay, hoặc lâu hơn hai tháng mới cạo;

Không nên để râu, lông mũi, móng tay, móng chân dài quá;

Không nên đánh bóng móng tay và móng chân;

Không nên ăn vật chi, nếu chưa quán-tưởng;

Không nên ăn thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư-tử, thịt beo, thịt gấu, thịt chó rừng, thịt cọp.

Các tỳ-khưu nào đã phạm nhằm những phép đã kể trên, gọi là phạm "tác-ác" (dukkaṭa).

✺

ÁC KHẨU

(Dubbhâsita)

Tỳ-khưu không nên mắng chửi làm cho người hổ-thẹn.

Không nên nói chơi với vị khác, hoặc trong bọn, hay nói xiên-xéo rằng: "Mầy là vua, ngươi là Bà-la-môn, cháu là thú, anh là bậc thông minh, ngươi là kẻ trộm cướp". Kêu danh hiệu giễu chơi như cách ấy, phạm tội ác khẩu (dubbhâsita), (mỗi tiếng mỗi tội).

✺

GIẢI VỀ 10 ĐIỀU LẦM LẠC

Sau khi Phật diệt độ 100 năm. 700 vị đại A-la-hán cu-hội lần thứ nhì, có đại đức Sabbakâmithero làm tọa-chủ để giải quyết 10 lầm lạc sau nầy:

1.— MUỐI ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƯỢC PHÉP ĂN (kappati siṅgilonakappo).

Luật dạy rằng: trong các món được phép ăn buổi sáng, nếu tỳ-khưu thọ lãnh rồi, để dành qua ngày khác đem ra ăn lại, phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói "Muối để dành trong ống làm bằng sừng, nếu qua ngày khác đem ra ăn với đồ lạt cũng được không phạm.

2.— XẾ BÓNG HAI NGÓN TAY CÒN ĂN ĐƯỢC (kappatidvaṅgulakappo).

Luật dạy rằng: trong các món ăn buổi mai, nếu xế bóng mà tỳ-khưu đem ra ăn, phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Nếu chính xế qua 2 ngón tay cũng còn ăn được không phạm.

3.— ĐI VÀO XÓM CÒN ĂN ĐƯỢC (kappati-gâmantarakappo).

Luật dạy rằng: nếu tỳ-khưu ăn rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn ăn nữa, phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Ta đi vào trong xóm ăn nữa cũng được, không phạm.

4.— Ở CHUNG CHỖ LÀM PHÉP "SÁM-HỐI" RIÊNG CŨNG ĐƯỢC (kappati âvâsakappo).[1]

Luật dạy rằng: Chỗ ở thuộc về Giáo-hội, tỳ-khưu

không nên làm phép "sám-hối" riêng, nếu làm thì phạm tác-ác.

Phép "sám hối" ấy cũng không kết quả chi.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: làm như thế ấy cũng được, không phạm.

5.— LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (2) THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƯỢC (kappati anumatikappo).

Luật dạy rằng: Tỳ khưu làm phép sám hối phải hiệp nhau nơi chỗ của "Giáo-hội" hành đạo vào ngồi đâu mặt nhau, nếu có vị nào đau phải cho hay rồi mới nên hành. Bằng chẳng tuân theo đây gọi là hành theo phe đảng, phạm tác-ác.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Không cần phải hiệp chung nhau như thế. Ai đến trước "Sám hối" lần lần cũng được, không phạm.

6.— LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƯỢC (kappati áciṇṇakappo).

Kinh Luật đã dạy phân minh chỉ cho biết: sao là trật sao là trúng. Những việc hành động theo ý riêng ông thầy của mình, nếu đúng theo Kinh Luật thì nên hành theo, bằng không đúng trò chẳng nên nghe.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" tại nói: Trò làm theo thói quen của ông thầy cũng được, không phạm.

7. SỮA TƯƠI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati amathitakappo).

(1-2) Làm lễ uposatha.

Sữa tươi để lâu một lát chẳng còn chất sữa như hồi mới nặn ra, nhưng chưa đến nỗi chua.

Luật dạy rằng: Tỳ-khưu ngăn thực rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn dùng sữa như vậy phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: dùng được, không phạm.

8.— RƯỢU MỚI, CHƯA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƯỢC (kappati jalogimpâtum).

Luật dạy rằng: Rượu mới bỏ men vào, chua thành rượu thiệt, nếu tỳ-khưu uống thì phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Rượu ấy tỳ-khưu uống cũng được, không phạm.

9.— TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati adasakaṃ nisīdana).

Luật dạy rằng: Tỳ-khưu làm tọa-cụ, phải làm cho có bìa, bằng không, phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Không cần làm cho có bìa dùng cũng được, không phạm.

10.— CẢM XÚC VÀNG, BẠC CŨNG ĐƯỢC (kappati jâtarūparajataṃ).

Luật dạy rằng : Tỳ-khưu không nên thọ lãnh, hoặc cảm xúc đến vàng bạc, nếu thọ lãnh, hoặc cảm cảm xúc, phạm ưng-đối-trị.

Luật cho phép tỳ-khưu cảm xúc bốn món vật-dụng: áo ca sa, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bịnh, nhưng cấm cảm xúc đến vàng bạc.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Tỳ-khưu

thọ lãnh, hoặc cảm xúc vàng bạc cũng được, không phạm.

Các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" khởi nói 10 điều lầm lạc nầy giờ nào làm Phật-pháp suy đồi giờ nấy, làm cho xúc động đến tất cả chư vị A-la-hán. Các ngài hội hiệp lại để chỉnh đốn Phật-pháp và quyết rằng: 10 điều của các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" nói trên là "tà đạo", trái hẳn với Phật pháp đã có điểm giải phân minh từ lúc ấy rồi.

Những người xuất gia tu Phật, chẳng nên hành theo lời của các tỳ-khưu xứ "Vajjiputtaka" đã nói trên.

✺

MƯỜI BỐN PHÁP HÀNH

(Vatta 14)

1.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (âgantukavatta).

Tỳ-khưu ở nơi khác mới đến, muốn vào chùa phải làm như sau đây:

Nếu có mang giày phải cởi ra và xách đi.

Nếu che dù thì sập xuống.

Nếu đội khăn thì lấy xuống và cởi y trùm mình ra (mặt chừa vai mặc) rồi mới đi chậm chậm mà vào, thấy các tỳ-khưu nhóm ở nơi nào phải đi ngay vào nơi ấy, để bát xuống và ngồi chỗ mình nên ngồi, hỏi thăm nước uống, nước tắm. Nếu cần dùng nước uống, nước rửa thì được phép dùng. Phải rửa chơn,

một tay xối, một tay rửa: hỏi giẻ chùi chân mà chùi, lấy giẻ khô chùi trước giẻ ướt chùi sau, rồi đem đi phơi.

Nếu thầy tu lâu năm hơn thì mình phải lạy trước bằng mình cao hạ hơn thì vị kia phải làm lễ mình trước.

Hỏi thăm chỗ ở, chỗ đi khất thực cho gần hay xa, đi sớm hay là đi trưa, chỗ nào không nên đi (là nhà không tin Phật-pháp và quen cho có một vá cơm hoặc một hai vị xin).

Hỏi cho biết có vị nào đắc thánh, mà còn ở thế đã có Giáo-hội nhận.

Hỏi thăm nhà xí; hỏi thăm chỗ mà "Giáo hội" đã dạy phải vào phải ra, cho biết giờ vô, ra đặng ngừa thú dữ, người ác.

Nếu "thất" cất trệt bỏ trống, thì phải gõ cửa chờ một chặp đã, rồi xô cửa xem xét khắp nơi, rồi mới nên bước vào, e có sự hại. Nếu "thất" ấy có rác, bụi trên giường, quét được thì phải quét.

Nếu không làm theo đây thì phạm tác-ác.

2.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (âvâsikavatta).

Tỳ-khưu ở chùa phải lo cho có nước uống, nước tắm, ván lót, giẻ chùi chân sẵn để cho các vị ở phương xa đến dùng. Nếu có tỳ-khưu ở xa mới đến, tu lâu năm hơn, mình phải đi rước y bát, lót chỗ ngồi và chỉ chỗ vừa cho người nghỉ, mình phải lạy trước. Nếu vị ở xa tu ít hạ hơn, thì bảo vị ấy để đồ xuống theo

chỗ, vị ấy phải làm lễ mình trước. Mình phải chỉ chỗ nào nên đi, chỗ nào là nhà của các vị đã đắc thánh quả mà "Giáo-hội" đã nhận, chỉ nhà xí và nơi mà "Giáo-hội" đã dạy đi vô ra có giờ định. Nếu vị ở xa cao hạ hơn dầu mình có bận việc: may y đang khi làm việc gì khác phải dẹp lại đó, dầu đang khi quét hoặc rửa tháp cũng vậy. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình làm việc càng tốt. Đang khi làm thuốc cho tỳ-khưu bịnh nếu bịnh ấy vừa vừa thì để đó mà đi tiếp rước. Nếu bịnh nặng thì cho thuốc trước đã. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình cho thuốc. Nếu dâng nước một lần, vị ở xa uống hết phải đem thêm. Nếu quạt nên quạt dưới chân một lần, giữa mình một lần, trên đầu một lần. Nếu vị ở xa dạy thôi quạt thì quạt trở xuống, nếu bảo quạt nữa thì quạt trở xuống nữa, nếu đến ba lần, thì để quạt xuống.

Những lời trên đây là dạy phận mình phải ở với vị cao hạ hơn. Nếu tu ít năm hơn, nên chỉ nước uống, nước tắm, chỗ nào, bấy nhiêu cũng được.

3.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta).

Tỳ-khưu có việc đi xa khỏi chùa, phải dẹp cất đồ trong "thất" của mình, dẹp giường, ghế của Giáo-hội và đóng cửa "thất", giao thất cho tỳ-khưu hoặc sadi, hoặc người chức việc trong chùa, hay thí-chủ nào cũng được. Nếu không có ai, thì lấy bốn cục đá làm dấu, để kê chân giường, chồng ghế lên, chiếu, gối chồng lên ghế; cây ván chất lại cho có chỗ, đóng cửa sổ hết rồi mới nên đi. Nếu thất ấy dột thì lợp dặm

lại, nếu dặm không được phải lấy đồ (chiếu, gối, mền, giường) để lên trên bốn cục đá xa vách, chỗ không dột. Nếu thất dột cùng hết phải đem các món ấy trong xóm. Nếu không cần đem gởi phải kê giường lên trên bốn cục đá để chính giữa thất, gối, chiếu, nệm để lên trên như trước và lấy cỏ, lá cây đậy lên, rồi mới nên ra đi. Đây là nói thất lợp bằng lá.

4.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta).

Đức Phật cho phép tỳ-khưu đọc kinh trong nhà ăn. Vị trưởng lão đọc kinh trước, các vị ngồi kế chờ đọc tiếp, rồi đến mấy vị sau đọc tiếp nữa, hoặc vị cả dạy vị nhỏ đọc cũng được, mấy vị ngồi kế đó chờ. Vị cả cùng mấy vị khác đi ra trước cũng được (không cần phải ngồi chờ). Nếu vị cả bảo: thôi chúng ta đi, ngài ở lại, vị nhỏ lại bạch: dạ ngài đi đi. Nếu vị nhỏ không trả lời các vị lớn tính ra chờ nơi ngoài cũng được. Ra ngoài rồi nên bảo các trò mình, chờ vị kia đọc kinh rồi đã, nói như vậy càng tốt. Nếu thí chủ mời một vị nào đọc kinh theo ý họ vị ấy đọc cũng vô lỗi. Nếu thí chủ thỉnh thuyết pháp, thì nên bạch cho vị cả hay trước. Một nữa các vị ngồi chờ ấy, nếu muốn đi đại tiện hay tiểu tiện phải từ giã vị ngồi gần mình, rồi mới nên đi.

5.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU CHỊU MỜI ĂN PHẢI HÀNH (bhattaggavatta).

Nếu có thí chủ mời trai tăng, tỳ-khưu phải mặt y cho đúng theo phép, mang bát theo, đi thong thả không

nên đi trước vị lớn. Phải mặc y cho kín mình, giữ theo 75 điều Ưng-học-pháp, đi đứng cho tề chỉnh, ngồi cho nghiêm trang, không nên ngồi khoanh tay (không nên ngồi gần đụng vị cả, ngồi chỗ ngang nhau). Nếu chỗ ngồi rộng rãi, phải ngồi chừa cách 1, 2 chỗ ngồi xa hơn vị cả. Nếu chiếu chật hẹp, không dám ngồi gần vị cả nên cho phép ngồi. Nếu vị cả không nói, nên bạch rằng; chỗ ngồi đây trọng lắm. Nếu đã nói như vậy, mà vị cả không trả lời, sẽ ngồi không lỗi, chỉ một mình vị cả lỗi thôi. Nếu vị nhỏ không bạch mà cứ ngồi thì phạm phép.

Không nên ngồi trên y hai lớp.

Nếu thí chủ dâng nước rửa bát, phải hai tay bợ mà thọ lãnh nước theo phép (nếu tay không dính cơm). Phải rửa bát cho tử tế không nên động khua nghe tiếng. Nếu có ống nhổ thì đổ vào đó cho êm ái, bằng không thì đổ xuống đất cho dè dặt, sợ e văng nước trúng nhằm y vị khác.

Không nên thọ lãnh cơm, đầy bát, để dành chỗ đựng đồ ăn.

Vị cả phải dạy thí chủ nên đem cơm chia ra cho đủ. Nếu đồ ăn vừa đủ 1, 2 vị thì nên làm thinh. Khất thực chỉ phải nhìn xem trong bát (lãnh 2 phần đồ ăn 2 phần cơm). Nếu thí chủ chia vật thực chưa đủ cho các vị, vị cả chưa nên ăn. Đây là nói về nhà ăn chật hẹp.

Nếu nhà ăn rộng rãi vừa cho các vị ngồi ăn, các tỳ-khưu ngồi một bên, thí chủ ngồi một bên, phải ăn thong thả, theo 75 điều " ưng-học-pháp ". Nếu tay dơ

không nên cầm chén nước mà uống. Nếu các tỳ-khưu ăn chưa xong, vị cả không nên lãnh nước rửa bát. Đến khi đi ra (khỏi nhà ăn) vị nhỏ phải ra trước (vị lớn ra sau) bởi nhà ăn chật hẹp. Khi ra khỏi rồi, phải đứng chờ vị cả, phải theo phép (lớn trước nhỏ sau). Không nên đi gần nhau lắm, đi chừa cách khoảng vừa cho một người qua lọt.

Không nên vừa đi vừa chơi. Phải giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp " cho đến khi về tới chùa.

6.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ KHƯU ĐI KHẤT THỰC PHẢI HÀNH (piṇḍacârikavatta).

Tỳ-khưu lúc ra đi khất thực phải mặc y cho đúng theo phép như đã nói trên, lấy bát mang vào xóm, đi chẩm rải, trùm mình cho kín, giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp ", đi ngay hàng. Khi đến xóm phải nghĩ rằng : " Mình đi vào phía nầy, ra phía nầy ".

Không nên đi vô, ra lật đật, không nên đứng xa hoặc gần thí-chủ lắm. Không nên quay mình lật đật, xem chủ nhà họ thí cơm hay không, nếu họ thôi làm việc và đứng dậy, bưng thao cơm, hoặc mời thì hiểu rằng, họ chịu dâng, nên đứng chờ ; nếu họ để cơm thì phải dùng tay trái đỡ y, tay mặt bợ bát đưa ra và dở nắp bát bằng tay trái và bợ bát luôn. Không nên xem mặt thí-chủ, chỉ phải biết họ chịu dâng cúng không ! Nếu họ cầm thao cơm, hoặc vá cơm, họ mời mình đứng lại, thì rõ họ chịu dâng. Nếu họ để bát rồi thì đậy bát lại, bỏ y xuống quanh mình đi cho tề chỉnh, giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp ".

Vị nào trở về chùa trước phải trải lót nhà ăn, lo

nước rửa chân, giẻ chùi chân, rửa chén dành để đồ ăn, nước uống, nước rửa cho đủ sẵn. Đi khất thực trở về hiệp nhau ăn rồi, đổ bỏ đồ ăn dư nơi trống, hoặc đổ xuống nước nào không có côn-trùng (sợ nó chết). Quét nhà ăn cho sạch, vị nào thấy nước uống nước xài, hoặc nước trong nhà xí không có, nên gánh đổ cho đầy, gánh một mình không nổi, gọi vị khác tiếp với.

7.— NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI HÀNH (âraññikavatta).

Tỳ-khưu ẩn tu nơi rừng phải thức cho sớm, sửa soạn mang bát vào xóm, mặc y vai trái, đóng cửa thất rồi ra đi. Gần đến xóm, nếu có mang dép phải lột ra gỏ đất ra cho tử tế, trùm mình cho kín theo phép. Đến khi trở về, nếu ngoài xóm không có nước thì ăn trong xóm. Nếu có nước ngoài xóm, nên ăn ngoài xóm, rồi rửa bát cho sạch, mang bát và đắp y vai trái, mang dép vào mà đi (đây nói trong rừng vắng vẻ không ai thấy, nếu đi vào xóm thì không nên) mặc như vậy trong phải có lót mồ hôi, rồi trở về rừng.

Lại nữa tỳ-khưu ở trong rừng phải xách nước uống, nước xài để dành, nếu không có lu, lấy ống tre mà đựng và phải nhúm lửa để dành (ngừa khi hữu sự), có ống quẹt thì không cần, ở rừng hoặc đi đàng xa cũng phải vậy. Nếu có bạn cùng nhau, không có lửa cũng không cần, chỉ phải có gậy, phải biết xem phương-hướng (ngừa sự lạc đường).

8.—NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở "THẤT" PHẢI HÀNH (senâsanavatta).

Tỳ-khưu ở chùa (ở thất) nếu thất dơ phải quét. Khi quét phải lấy y bát để có nơi và đem tọa-cụ, chiếu nệm, giường ra ngoài cho tử tế. Nếu trong " thất " có rác, váng-nhện phải quét ở trên trước ; vách cửa làm bằng cây có sơn phết nên rửa chùi cho sạch ; đổ rác cho có nơi ; không nên đập quét bay bụi gần "thất" vị khác, gần nước uống, nước xài ; không nên giũ, đập trên gió ; đệm có đóng mốc phải phơi cho hết rồi đem vào để chỗ cũ, giẻ chùi chân cũng phải đem phơi, phải chùi giũ giường, ghế cho sạch ; chiếu, gối, tọa cụ cũng vậy.

Đem y bát cất cho có nơi, gió thổi bụi vào phía nào, đóng cửa phía ấy. Mùa lạnh trưa phải mở cửa, tối phải đóng; mùa nóng khi ngủ mở cửa cho mát. Sân nhà ăn, nhà bếp có rác nhiều phải quét cho sạch. Không có nước uống, nước xài phải gánh cho có, nước rửa nhà xí cũng vậy. Trong thất có tỳ-khưu lớn tuổi, nếu muốn đọc kinh, nói kinh, hoặc làm việc khác (trừ ra mở cửa cái) phải bạch với vị trưởng-lão mới nên làm. Bạch một lần mà vị cả cho phép, không cần bạch nữa cũng được.

9.— CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantagharavatta).

Tỳ-khưu nào nhúm lửa trong nhà bếp, nếu có vị trưởng-lão cấm, không cho chất củi nhiều mà chẳng vâng theo thì phạm tác-ác. Không nên đóng cửa nhà bếp và ngồi chờ, nếu không vâng lời phạm tác-ác. Vị nào đến nhà bếp trước thấy tro nhiều phải hốt đổ. Có rác phải quét cho sạch. Thiếu nước phải đổ

cho đầy, rồi mới nên vào nhà bếp. Không nên ngồi gần đụng vị trưởng-lão ; nếu siêng bóp mình cho ngài. Đi ra nên lấy ghế đem ra, đóng cửa trước, sau rồi mới nên đi. Không nên tắm trước vị trưởng-lão và tắm phía trên gió ; không nên đi trước ngài. Nhà bếp dơ phải quét và tắt lửa rồi mới nên đi ra.

Phật cho phép hơ mình nếu có bịnh.

10. —CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakuṭivatta).

Phật dạy tỳ-khưu, đi đại tiểu-tiện mà không rửa phạm tác-ác. Nếu có nước mà không có chỗ kín, thì múc nước đem đến chỗ kín mà rửa. Không có đồ múc phải lấy bát mà múc. Không có bát mới gọi là không đồ múc. Nếu nơi ấy trống trải lắm thì đi kiếm nơi kín khác. Đi tới trước mà không có nước, gần đến giờ khất thực nên kiếm cây mà chùi, rồi đi khất cũng được. Lại nữa, tỳ-khưu vào nhà xí, không nên câu chấp tôn-ti, thượng hạ, câu chấp, phạm tác-ác. Phật cho phép, ai đến trước vào trước, đến sau vào sau. Đi đến nhà xí phải lên tiếng (tằn-hắn hoặc ho). Nếu có ai ở trong phải tằn-hắn trả lời. Vào nhà xí phải máng " y huất-đà-la-tăng " ở ngoài. Không nên đi vào lật đật.

Không nên cởi y trước khi vào ;

Không nên rặn lớn tiếng ;

Không nên đại, tiểu-tiện và xỉa răng ;

Không nên đại-tiện hay tiểu-tiện ngoài lỗ xí ;

Không nên khạc, nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí ;

Không nên dùng cây nhọn, cây mục, cây gai, cây có lỗ mà chùi ;

Không nên bỏ cây chùi vào lỗ xí, chùi đứng dậy mặc y lại và không nên đi ra lật đật ;

Không nên chưa mặc y mà đi ra ;

Không nên để dư nước lại trong ống ; nếu có uống thuốc xổ để dành nước trong ống thì không sao.

Nhà xí dơ phải quét rửa cho sạch, có nước không có đồ múc, hoặc có đồ múc mà không có nước mới gọi là không có chi. Nếu có giỏ đựng cây chùi thì đem đi đổ. Nhà xí, hàng ba, hoặc sân nhà xí dơ, phải quét cho sạch ; phải gánh nước để trong nhà xí.

11.— BỔN PHẬN TRÒ ĐỐI VỚI THẦY "HÒA-THƯỢNG " (upajjhâyavatta).

Tỳ-khưu hoặc Sadi phải giữ cho tròn bổn phận đối với ông thầy " Hòa-thượng ". Sớm mai thức dậy, nếu có mang dép lột ra và mặc y chừa vai trái, lấy tăm xỉa răng, nước rửa mặt dâng cho thầy, dọn dẹp chỗ ngủ và chỗ ngồi.

Có cháo phải đem cho thầy dùng : phải dâng và dọn dẹp đồ ăn, phải thủ lễ theo phép (không nên khua chén bát) và dâng nước rửa. Thầy muốn đi vào xóm, phải lấy y vai trái y hai lớp và dây lưng đem dâng. Thầy muốn cho trò đi theo, trò phải mặc y theo phép và đi theo sau. Không nên đi theo gần hoặc xa lắm, đi vừa cho thầy kêu nói. Bát của thầy đầy cháo, hoặc cơm, phải đổi bát cho mình.

Thầy đang nói chuyện không nên nói xía vào. Thầy

nói gần phạm lỗi, phải nhắc thầy bằng cách nầy : "Bạch thầy ! Nói vậy có phạm lỗi chăng ? " Chẳng nên cãi bằng lời vô lễ. Lúc trở về, trò phải về trước, dọn dẹp chỗ ngồi, múc nước rửa chân, kiếm cây kê để rửa chân. Thầy về đến phải ra rước bát, lấy y đem cho thầy đổi và đem ra hong một lát rồi xếp cất ; phải xếp vắn một lớp, lớp sau xếp cho bằng lại (bìa một bên, xếp qua chừa 4 ngón tay, rồi xếp lớp sau cho bằng nhau). Lấy dây lưng xếp để vào giữa y vai trái.

Nếu có cơm mà thầy muốn ăn, phải dâng nước trước rồi mới dâng đồ ăn và ngồi xem chừng, ngừa thiếu thốn ; thầy ăn rồi dọn bát cất cho có nơi không nên động khua ; lấy nước rửa, chùi cho khô, đem phơi một lát ; đừng phơi lâu và đem y, bát cất cho tử tế. Thầy đi ra khỏi rồi dọn dẹp chỗ ăn. Thầy muốn tắm, phải lo cho có sẵn nước. Thầy muốn tắm nước lạnh, phải có nước lạnh ; nước nóng, phải có nước nóng. Thầy muốn vào nhà bếp, đem ghế cho thầy ngồi, lấy y cất cho có nơi và đi theo vào nhà bếp. Phải đấm bóp cho thầy. Lúc thầy trở ra cũng phải làm y theo phép (xem trong việc nhà bếp). Thầy tắm phải xối nước, kỳ cho thầy, tắm rồi lấy y dâng lên, chùi lau cho thầy, dâng y cho thầy, lấy ghế đem cất, xem chừng nước rửa chân, giẻ chùi chân cho có sẵn. Nếu muốn học chữ Phạn , phải bạch cho thầy cho, " thất" của thầy có rác, phải quét cho sạch.

Thầy buồn muốn hoàn tục, phải khuyên thầy đi chỗ này chỗ nọ cho thầy giải buồn, hoặc nói kinh cho thầy nghe. Nếu thầy bất bình phải khuyên lơn thầy,

hoặc kiếm tỳ-khưu khác khuyên dùm cũng được. Thầy làm theo " tà-kiến " phải thức tỉnh thầy hoặc cậy tỳ-khưu khác khuyên giùm. Thầy phạm lỗi nặng (điều Tăng-tàn) bị phạt cấm phòng ; hoặc phạm lỗi nhỏ, phải lo tính đừng để cho Giáo-hội đuổi thầy. Tính cho thầy ở lại, xin Giáo-hội phạt tội nhẹ. Nếu Giáo-hội phạt rồi nên liệu tính cho thầy hành đạo cho mau được tấn hóa, đừng để cho Giáo-hội phạt nữa.

Y dơ thì giặt cho sạch, nhuộm, giủ, chải. Khi nhuộm phải trở qua trở lại cho đều, phơi phải xem chừng, khô đem cất. Muốn đem y bát hoặc vật gì cho một vị nào, hoặc muốn cạo tóc cho ai, đều phải bạch cho thầy hay trước. Không nên thọ lãnh y, bát hoặc vật gì của ai mà mình chưa bạch cùng thầy hay biết. Không nên theo một bên vị nào khác cũng chẳng nên để cho ai theo một bên mình. Không nên đem đồ ăn cho ai. Không nên đi theo vị nào nghịch với thầy mình. Muốn vào xóm phải bạch với thầy, rồi mới nên đi. Không đi lâu. Đi khất-thực, phải bạch với thầy, thầy cho phép mới nên đi. Những việc nói trên đây, thầy cho phép thì việc chi cũng được, bằng không cho, phải nài nỉ đến ba lần, thầy cho thì đi, bằng không thì thôi. Lại nữa nếu thầy dốt nát không thông đạo lý, trò muốn học chữ (Pali) hoặc phép tham thiền mà thầy không biết, chỉ biết ngăn cấm, thầy như vậy, dầu có cấm đến đâu, cãi lời cũng được. Thầy đau, phải nuôi cho trọn đời, không nên bỏ thầy. Nếu có vị khác ở nuôi, phải đi kiếm thuốc cho vị ấy, để chữa bịnh cho thầy.

12.— BỔN PHẬN CỦA THẦY "HÒA THƯỢNG" PHẢI Ở CÙNG TRÒ (saddhiṃ-vihārikavatta).

Bổn phận của thầy phải đối với trò, là: phải dạy cho trò học kinh luật, học phép thiền định. Phải thường thường khuyên lơn nhắc nhở trò. Nếu y, bát hoặc các vật dụng nào mà thầy có dư phải chia cho trò. Phải giúp đỡ cho trò mau được tấn hóa trên đàng đạo đức. Trò có bịnh thầy phải hết lòng chăm nom, y như lúc trò săn sóc cho thầy vậy. Trừ ra khi đi ra khỏi chùa không cần phải cho trò hay.

13.— BỔN PHẬN CỦA TRÒ PHẢI Ở CÙNG VỊ A-XÀ-LÊ LÀ THẦY NƯƠNG DỰA (âcariyavatta).

Trò phải làm cho tròn bổn phận cùng thầy mà mình nương dựa, y theo cách mà mình ở cùng ông thầy Hòa-thượng vậy.

14.— BỔN PHẬN CỦA VỊ A-XÀ-LÊ Ở CÙNG TRÒ (antevâsikavatta).

Ông thầy mà mình nương dựa cũng phải ở cùng trò, như Hòa-thượng đối với trò vậy.

Trong 14 phép hành đã kể trên, nếu vị nào không tuân theo, thì phạm điều tác-ác. (Phạm nhằm một điều là một tội).

✺

UPOSATHA [1]

Đức Phật có dạy "Như Lai chế định phải tụng

giới bổn trong ngày uposatha" (anujânâmi bhikkhave uposatha patimokkham uddissiṭum).

Ngày lễ uposatha có 3, là: ngày 14 [2] (câtuddasī uposatha), ngày 15 [3] (pannarasī uposatha) và ngày Tăng hòa hợp (samaggi uposatha); Tăng chia rẽ nhau và sự cãi lẽ như chư tỳ-khưu trong xứ Kosambi, đến kỳ, không làm lễ uposatha không làm pavâraṇâ rồi trở lại hòa hảo nhau, định giải hòa trúng ngày nào, ngày ấy gọi là hòa-hợp (samaggi uposatha) rồi làm uposatha trong ngày ấy.

Lại nữa nói về người hành lễ uposatha có 3 :

1. Tăng uposatha là từ 4 vị tỳ-khưu trở lên hội hợp tụng giới-bổn.

2. Nhóm (gana uposatha) là từ 2, 3 vị tỳ-khưu tỏ cho nhau biết sự trong sạch của mình ;

3. Người (puggala uposatha) là 1 vị tỳ-khưu nguyện sự trong sạch của mình.

Tăng hành lễ uposatha phải tụng tuyên ngôn: Sunâtu me bhante sangho... rồi đọc giới-bổn.

2, 3 vị tỳ-khưu hành lễ uposatha là khi đến ngày lễ như có 3 tỳ-khưu hội-hợp nhau, tỳ-khưu thông hiểu nên tụng tuyên ngôn: Sunâtu me bhante

âyasmanto ajjuposattho { catuddaso (1) / paṇṇaraso (2) } yadâyas

---

(1) Uposatha tàu dịch là lễ "phát lồ" nghĩa là khai cái tội để sám hối.

(2) 14 nhằm ngày 29 Việt Nam (trong mỗi tháng thiếu).

(3) 15 nhằm ngày rằm và 30 Việt Nam trong mỗi tháng đủ.

mantânaṃ pattakallaṃ mayaṃ aññamaññaṃ parisuddhi uposathaṃ kareyyâma.

NGHĨA LÀ: Xin các ngài nghe tôi trình. Nay là

ngày { 14 / 15 } là ngày lễ uposatha, nếu sự đã đến kỳ

cho các ngài rồi, chúng ta nên làm pârisuddhi uposatha chung cùng nhau, rồi vị cao hạ mặc y chừa vai mặt, ngồi chồm-hổm chấp tay, đọc 3 bận tỏ sự trong sạch của mình đến các vị khác rằng "Parisuddho ahaṃ âvuso parisuddho ti maṃ dhârethi nghĩa là "Nầy các ngài, tôi là người trong sạch, xin các ngài nhớ rằng ; tôi là người trong sạch.

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận, tỏ sự trong sạch của mình. "Parisuddho ahaṃ bhante parisuddho timaṃ dhâretha " (nghĩa như trên).

Nếu chỉ có 2 vị, thì vị cao hạ đọc 3 bận. "Parisuddhi ahaṃ āvuso parisuddho ti maṃ dhârehi ".

Vì thấp hạ đọc 3 bận: "Parisuddho ahaṃ bhante parisuddhotimaṃ dhâretha ".

Tỏ sự trong sạch của mình (parisuddhi) với tỳ-khưu có 2 cách, là tỏ với tỳ-khưu đã hành lễ pavâraṇâ rồi và với tỳ-khưu chưa hành lễ pavâraṇā.

Tỳ-khưu nhập hạ sau (pacchimikâvassā: nhập hạ ngày 16 tháng 7), hoặc nhập hạ trước (purimikâvassâ: nhập hạ ngày 16 tháng 6), nhưng đứt hạ, đến ngày pavâraṇâ nên đến tỏ sự trong sạch của mình (parisuddthi) với tỳ-khưu đã hành lễ pavaranā rồi.

rằng: " Parisuddho ahaṃ { āvuso / bhante } parisuddhoti

maṃ { dhâretha". / dhâretha". }

Trong các ngày khác, ngoài ngày pavâranâ, tỳ-khưu trong chùa hành lễ uposatha dứt rồi, chưa đứng dậy hoặc đã đi ra khỏi chùa rồi, có tỳ-khưu ở xa lại, số tỳ-khưu khác bằng nhau hoặc ít hơn số tỳ-khưu trong chùa, tỳ-khưu ở phương xa ấy nên tỏ sự parisuddhi với tỳ-khưu trong chùa đã hành lễ uposatha rồi, như đã có giải, như thế gọi là: parisuddhi uposatha.

Adhiṭṭhâna uposatha là, nếu chỉ có một tỳ-khưu thì nên làm pubba karaṇa (quét tịnh xá, trải đệm, chiếu, đèn, nước) rồi ngồi chờ tỳ-khưu khác phương xa đến, nếu chắc không có vị nào đến, nên adhiṭṭhâna rằng: "ajjame uposatha". Nghĩa là: "Nay là ngày uposatha của tôi ".

Trong kinh, "chú giải" dạy addhithâna theo ngày

rằng: "ajja me uposatho { catuddasati / paṇṇarasoti } adhiṭṭhâmi".

Nếu đến ngày uposatha, ngày pavâraṇâ, tỳ-khưu không hành lễ uposatha, không hành lễ pavâraṇâ ra khỏi chùa đi đến nơi không có chùa, không có tỳ-khưu hoặc có tỳ-khưu mà là nơi không đồng đẳng, phạm

tác-ác, trừ ra ở chung với Tăng hoặc có điều nguy hiểm.

Sự phải làm trước khi hội họp (pubbakaraṇa) để hành lễ uposatha, pavâraṇā có 4:

1. Quét tịnh xá:

2. Nếu tối phải đốt đèn ;

3. Dự trữ nước, nước uống, nước rửa;

4. Lót trải chiếu, đệm.

Tỳ-khưu trẻ, không bịnh, nếu vị trưởng lão dạy bảo mà không làm pubhakaraṇa ấy, phạm tác-ác.

Sự phải làm trước khi tụng giới bổn có 5 :

1. Đem lời (chanda) của tỳ-khưu bịnh:

2. Đem parisuddhi pavâraṇa của tỳ-khưu bịnh ;

3. Tỏ thời tiết, là mùa nầy, tên nầy, ngày uposatha trong mùa nầy đã qua rồi được bao nhiêu đây, ngày uposatha, ngày pavâraṇâ còn lại bao nhiêu đây ;

4. Số tỳ-khưu hội họp hành lễ bây nhiêu đây ;

5. Dạy bảo tỳ-khưu-ni.

Tỳ-khưu ở trong ranh chùa có bịnh hoặc có đại sự đến hội họp tại tịnh xá không được, đến ngày hành lễ uposatha phải cho Chanda, cho parisuddhi đến ngày pavâraṇâ phải cho Chanda, cho pavâraṇā đến 1 vị tỳ-khưu. Cách cho Chanda ấy để hành lễ uposatha, pavâraṇā với Tăng—bằng không, Tăng sự không sao được thành tựu. Cho nên, sự cho parisuddhi, cho parâraṇā, cho Chanda—nhưng hiện thời nếu ranh tịnh xá nhỏ, tỳ-khưu ở trong vòng ranh, không xa khỏi

hắc (hatthapâsa) với nhau sự đem Chanda, đem parisuddhi, đem pavâraṇā, cũng không cần làm— tỳ-khưu-ni hiện nay cũng không có, cho nên dạy bảo (ovâda) tỳ-khưu-ni cũng không cần. Hành lễ uposatha pavâ- raṇā phải có đủ 4 :

1. Phải là ngày "uposatha", ngày "pavâraṇā" (ngày 14, 15, ngày Tăng hòa hợp, một trong 3 ngày ấy).

2. Tỳ-khưu nên hành lễ saṅgha uposatha, gaṇa uposatha và saṅgha pavâraṇā, gana pavâraṇā được. Các tỳ-khưu ấy không ngồi xa khỏi hắc (hatthapāsa) cùng nhau, khi hành lễ trong ranh tịnh-xá.

3. Không phạm tội giống nhau (sabhâgâpatti) (như Tăng không dùng vật thực sái giờ) ;

4. Vajjanīya puggala [1] không có trong hắc Tăng Uposatha pavâraṇâ đều đủ 4 chi ấy mới nên hành mới nên nói : pattakallaṃ " được.

Hành lễ uposatha có 4 cách:

1. Theo phe mà không đúng theo pháp ;

2. Đồng ý nhau mà không đúng theo phép ;

3. Theo phe mà đúng theo pháp ;

4. Đồng ý nhau và đúng theo pháp.

Trong một chùa, có 4 tỳ-khưu, đem Chanda, đem pārisuddhi của 1 tỳ-khưu đi, nhưng 3 tỳ-khưu hành parisudhi uposatha hoặc còn 3 tỳ-khưu đem Chanda parisuddhi đem Chanda parisuddhi của 1 tỳ-khưu đi, nhưng 2 vị tụng giới bổn như thế gọi là " theo phe mà không đúng theo pháp " (adhammena vaggaṃ).

Nếu 4 vị hội hợp nhau hành parisuddhi uposatha

hoặc 2 vị hoặc 3 vị đọc giới bổn, như thế gọi là " đồng ý nhau mà không đúng theo pháp (adhammena samaggam).

Nếu 4 tỳ-khưu ở trong chỗ chung cùng nhau, hội hợp tụng giới bổn; có 3 vị hành parisuddhi uposatha hoặc có 2 vị tỏ parisuddhi với nhau như thế gọi là "đồng ý nhau và đúng theo pháp" (dhamme nasamaggam), 3 cách trên là điều không nên hành, chỉ nên hành theo thứ tư.

Lại nữa, tỳ-khưu tụng giới bổn, cố ý làm cho Tăng không nghe được, phạm tác-ác. Không cố ý không tội. Tỳ-khưu mà vị trưởng-lão chưa thỉnh , tụng giới bổn giữa Tăng, phạm tác-ác.

Nếu không có 1 trong 10 điều nguy hiểm mà tụng giới-bổn tóm tắt phạm tác-ác.

10 điều nguy hiểm, là : khi chư tỳ-khưu hội họp làm lễ uposatha có:

1. Đức vua đến ;

2. Bọn cướp đến ;

---

(1) Có 21 hạng người: 1 Người thế ; 2. Tỳ-khưu-ni ; 3. Thất-xoa mana (sikkhamânâ) ; 4. Sadi ; 5. Sadi-ni; 6. Người đã xả giới "hoàn-tục" ; 7. Tỳ-khưu mà "Tăng" đã cấm không cho ở chung vì không thấy tội (antimavatthu) ; 8. Tỳ-khưu mà "Tăng" cấm không cho ở chung, vì không chịu "sám-hối" ; 9. Tỳ-khưu mà "Tăng" cấm không cho ở chung vì không bỏ "kiến-thức xấu xa" ; 10. Bộ nấp ; 11. Người " giả tu " ; 12. Người hành theo ngoại đạo ; 13. Thú ; 14. Phạm antimavatthu ; 15. Người giết mẹ ; 16. Người giết cha ; 17. Người giết A-la-hán ; 18. Người dâm tỳ-khưu-ni ; 19. Người chia rẻ "Tăng" ; 20. Người chích máu Phật ; 21. Người có hai bộ sanh thực khí.
Nếu có một trong 21 hạng người nầy ở trong hắc " Tăng " hành sự, phạm "ưng-đối-trị".

3. Lửa cháy đến ;

4. Nước lụt đến ;

5. Nhiều người đến ;

6. Tinh, ma phá tỳ-khưu ;

7. Thú dữ đến ;

8. Rắn mổ tỳ-khưu ;

9. Tỳ-khưu bịnh hoặc tịch ;

10. Người đến níu kéo hoặc bắt tỳ-khưu hoàn tục. Nếu có 1 trong 10 điều nguy hiểm ấy nên tụng giới bổn tóm tắt (là tỳ-khưu tuyên bố tụng hết điều học bất-cộng-trụ...) nếu không có điều nguy hiểm nào, nên tụng cho hết giới bổn—không hành lễ uposatha phạm tác-ác.

Nếu hành lễ uposatha ngoài ngày 15, 14 (ngày rằm và 30 hoặc 29 Việt Nam, nếu tháng thiếu) ngày Tăng hòa-hợp, phạm tác-ác. Đức Phật có dạy, tụng ngày uposatha, vị trưởng-lão phải hội trước — trong kinh chú giải nói, nếu vị trưởng-lão không hội trước phạm tác-ác.

Nếu không đồng ý nhau, không xin phép nhau trước, hỏi luật giữa Tăng, phạm tác ác.

✺

VASSÂ [1]

Đức Phật có dạy "Như-Lai cho phép nhập hạ trong mùa mưa" (anujânâmi bhikkhave vassâ ne vassaṃ upagantuṃ .....). Nhập hạ có 2 kỳ :

1. Nhập kỳ trước (purimikâvassupanâyikâ) là nhập ngày 16 tháng 6;
2. Nhập hạ kỳ sau (pacchimikâvassupanâyikâ) là nhập ngày 16 tháng 7.

Đến kỳ nhập hạ nên quét dọn trong ranh chùa, chứa nước uống nước rửa... làm lễ tam bảo xong rồi, nên đọc 3 bận Imasmiṃ vihâre imaṃ temâsaṃ vassaṃ upemi (ta nhập hạ trong nơi này hết ba tháng).(2)

Nếu đã định (nhưng quên không đọc câu kinh nhập hạ) ở trong chỗ của Tăng mà mình đã xin rồi cũng gọi là nhập hạ chơn chánh. Đến ngày mà không muốn nhập hạ, cố ý đi đến chỗ nầy nơi kia, phạm tác-ác.

Nếu nhập hạ không có chỗ ở hoặc chỗ ở không có dừng, che lợp, không có cửa đóng kín, phạm tác-ác.

Nếu đã nhập hạ rồi mà đi khỏi chỗ ở trước mặt trời mọc, phạm tác-ác — trừ ra hữu sự được phép đi 7 ngày thì không phạm tội.

Trong khi nhập hạ, nếu có 7 hạng người: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sikkhamânâ, sadi, sadi-ni, mẹ, cha,; hữu sự cho hay hoặc không cho hay, tỳ-khưu được phép đi ra khỏi chỗ nhập hạ trong khoảng 7 ngày. Nếu đi quá ngày thứ 8, mặt trời mọc lên, phạm tác-ác.

Ngoài 7 hạng người kể trên, nếu có cư sĩ hữu sự

---

(1) Vassâ dịch là "hạ" hoặc "nhập hạ" nghĩa là chư vị tỳ-khưu phải nghỉ trong một nơi, không được đi ra khỏi chỗ ngụ trước mặt trời mọc, trong ba tháng mưa (trừ ra hữu sự).

(2) Không chùa thì đọc àvàse thế chữ vihàre.

muốn làm phước cho người đến thỉnh, tỳ-khưu cũng được phép đi 7 ngày, bằng họ không thỉnh, không nên đi.

Cách thức đi trong khoảng 7 ngày (sattâhakicca) ấy như vầy:

Tỳ-khưu hoặc sadi trong hạ, trước khi đi ra đường xa phải nguyện "Ta sẽ trở về trong khoảng 7 ngày" như thế rồi đi, không cần phải đọc Pâli cũng được. Nếu muốn đọc Pâli cho chắc chắn, càng thêm tốt, song nên đối trước 1 tỳ-khưu hoặc 2, 3 vị hoặc giữa Tăng mà đọc, hay là đọc trước "Kim-thân", hoặc "Xá-ly" Phật cũng được. Phải đọc như vầy :

"Sace me antarâyo natthi, sattâhabbhantare aham puna nivattisâmi".

"Dutiyampi....."

"Tatiyampi....."

Nghĩa là: "Nếu không có sự rủi ro đến tôi, tôi sẽ trở về trong khoảng 7 ngày".

"Lần thứ nhì....."

"Lần thứ ba....."

Sattâhakicca ấy có 2 cách là :

1. Nhập hạ được 1, 2 ngày, hoặc trong ngày mới nhập hạ ấy, đã nhập từ buổi chiều cho đến rạng đông, trước khi mặc trời mọc, nếu có việc thì được phép đi trong khoảng 7 ngày, khi đi rồi đã làm xong việc của mình hết 6 ngày, cần phải trở về cho kịp trước khi mặt trời mọc ngày thứ 7. Phải tính ngày, đi ra là 1 ngày, rồi trở về chỗ nhập hạ cho kịp trong

buổi tối trước mặt trời mọc, nghĩa là mặc trời mọc lên thì kể là ngày thứ 7. Nếu mới nhập hạ trong buổi chiều rồi, nguyện đi liền thì không nên, phải chờ đến gần sáng mới đi được như thế gọi là: "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày thứ nhứt" (paṭhamasattâha).

2. Còn 7 ngày nữa ra hạ, là ngày mùng 9 tháng 9 (1) hoặc mùng 9 tháng 10 (2), nếu có việc thì được phép đi trong 7 ngày; nhưng phải nguyện trở lại cho kịp trong khoảng 7 ngày. Đi rồi mà có thể làm xong công việc trong khoảng 7 ngày, sẽ làm pavâraṇâ chung với chư tỳ-khưu nơi chùa khác gần đó cũng được, không cần phải trở về, cũng không đứt hạ. Nhưng trước, không nên nguyện rằng: "Ta sẽ không trở về" như thế đứt hạ, từ khi đi ra khỏi chùa đến bước thứ hai, như thế gọi là: "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày cuối cùng".

Kinh chú giải có nói rõ rằng: "Navamito patthâya gantuṃ vaṭṭati, âgacchatu vâ, m'agacchatu vâ, anâpatti na dukkaṭârahho vã hoti".

Nghĩa là: "Nếu chỉ còn 7 ngày nữa sẽ ra hạ, tỳ-khưu có việc nguyện đi trong khoảng 7 ngày, nếu không có thể được không trở về cũng không sao, không phạm tội tác-ác.

Nguyên nhân đứt hạ, nhưng không phạm tội có 4

1. "Tăng" chia rẽ nhau;

---

(1) Nói về tỳ-khưu nhập hạ trước.

(2) Nói về tỳ-khưu nhập hạ sau.

2. Chư tỳ-khưu muốn chia rẽ "Tăng".

3. Có sự rủi ro đến sanh mạng;

4. Có sự rủi ro đến phạm hạnh.

Lại nữa, nếu nhập hạ có thú dữ, khó đi khất-thực, kẻ cướp hoặc ma quỉ phá hại, hoặc chỗ ở bị lửa cháy nước lụt, hoặc khó nuôi sanh mạng, thiếu thuốc ngừa bịnh, thiếu người hộ độ, được phép đi ra khỏi nơi ấy, không phạm giới, nhưng đứt hạ. Nếu có phụ-nữ trêu ghẹo, có người xin gả con, có thể làm cho hư phạm-hạnh, bỏ đi khỏi chỗ ấy, không phạm tội.

Lại nữa, nếu thấy hoặc nghe tin có tỳ-khưu chia rẽ Tăng, cố ý chia rẽ Tăng, mình tính đi đến có thể giải hòa được, bỏ đi như thế cũng vô tội, nhưng đứt hạ.

Nếu có thí chủ thỉnh nhập hạ 3 tháng, mình đã nhận chịu rồi mà lại bỏ đi, phạm tác-ác, hoặc có tỳ-khưu rủ nhập hạ cùng nhau để học pâli trong một chỗ, đã ưng thuận rồi bỏ đi, phạm tác-ác.

Lại nữa câu "Imasmim vihâre imaṃ temâsaṃ vassaṃ upemi" để đọc nhập hạ ấy, không phải là Phật ngôn, chỉ là lời chú giải của các A-la-hán. Cho nên, tỳ-khưu nếu tâm đã quyết định nhập hạ rồi, không cần phải đọc câu pâli ấy cũng được. Phải nên phân ranh chỗ nhập hạ và nên biết mặt trời: mặt trời đỏ đã mọc rồi phải ra khỏi chùa, nếu vào chùa phải vào cho kịp trước khi có ánh sáng đỏ mặt trời.

PAVÂRAṆÂ [1]

Đức Phật có dạy "Như-Lai cho phép tỳ-khưu đã nhập hạ mãn mùa mưa rồi phải hành lễ pavâraṇâ theo 3 điều":

1. Vì được thấy;
2. Vì được nghe;
3. Vì được nghi.

Pavâraṇâ là sự tỏ cho nhau, thức tỉnh cho nhau, cho khỏi phạm tội để làm gương cho nhau và cho kẻ hậu-lai noi theo.

Chư tỳ-khưu nên hành lễ pavâraṇā như vầy: cho tỳ-khưu thông hiểu tuyên-bố cho Tăng biết rằng: "Sunâtu me bhante saṅgho ajja pavâraṇâ paṇṇarasī / catuddasī } yadi saṅghassa pattakallam saṅgho pavâreyya (Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ngày nay là ngày pavâraṇā { (15 [1] / (14 [2] } nếu lễ pavâraṇā đến kỳ cho chư Tăng, chư Tăng nên hành lễ pavâraṇā; rồi vị trưởng-lão, nên mặc y chừa vai một bên ngồi chồm-hổm chấp tay đọc: Saṅghaṃ āvuso pavâremi diṭṭheṅa vâ sutena vâ parisaṅkâya vâ

---

(1) Pavâraṇâ dịch là "tự tứ" là sau khi đã nhập hạ 3 tháng (từ ngày 16 tháng 6 đến rằm tháng 9) chư vị tỳ-khưu nhóm lại mà tỏ tội lỗi cùng nhau.

vadantu maṃ âyasmanto anukampaṃ upadâya passanto patikarissâmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Nầy ngài! tôi xin pavâraṇā với Tăng nếu có thấy nghe hoặc nghi, xin các ngài đem lòng tiếp độ, thức tỉnh tôi, khi được biết tôi sẽ hành theo — lần thứ nhì — lần thứ ba.

— Rồi vị thấp hạ đọc: Saṅghaṃ bhante pavâremi..... paṭikarissâmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Như thế gọi là lễ Pavâraṇâ.

Ngày Pavârana có 3 (ngày rằm, 30 hoặc 29 nếu tháng thiếu và ngày chư Tăng hòa hợp nhau (samaggi).

Nếu nhập hạ kỳ trước phải hành lễ Pavâraṇâ trong ngày rằm tháng 9 — , nhập hạ kỳ sau phải hành lễ Pavâranâ trong ngày rằm tháng 10, như đã có giải trong lễ Uposatha.

Lại nữa Pavâraṇâ nói về người hành có 3:

1. Tăng Pavâraṇâ;
2. Gana Pavâraṇâ;
3. Puggalapavâraṇâ;

Tỳ-khưu từ 5 vị trở lên gọi là: saṅghapavâraṇâ, nên hành như đã có giải trước, — tỳ-khưu 2, 3, 4 vị gọi là: gaṇa Pavâraṇâ —, nếu 3, 4 vị, nên cho vị thông hiểu tụng tuyên ngôn: "Sunâtu me ayasmanto-

ajja Pavâraṇâ {paṇṇarasī / catuddasī} yadâyasmantânaṃ pattakallam mayaṃ aññamaññaṃpavāreyyâma, rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai một bên ngồi chồm hổm chấp tay trước mặt các vị khác đọc. "Ahaṃ āvuso (āyasmanto) pavâremi..... paṭikarissâmi.

Dutuyampi.....

Tatiyampi.....

rồi vị thấp hạ đọc: "Ahaṃ bhante āyasmanto pavāremi..... paṭikarissâmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Nếu chỉ có 2 vị, không nên đọc tụng tuyên ngôn, hội hợp nhau rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai một bên, ngồi chồm hổm, chấp tay trước mặt vị thấp hạ đọc "Ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavâremi vadantumaṃ āyasmâ..... paṭikarissâmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Vị thấp hạ đọc "Aham bhante.... như thế gọi là: gana uposatha.

Nếu có 1 vị, khi đến ngày pavâraṇâ nên hành pubbakaraṇakicca trước (quét dọn, tịnh xá....) rồi ngồi chờ các tỳ-khưu khác. Nếu không có vị nào đến nên adhiṭṭhâna rằng: "Ajja me pavâraṇâ"

Trong kinh chú giải dạy rằng: phải để thêm ngày như vầy "Ajja me pavâraṇâ {catuddasī / paṇṇarasī} adhiṭṭhâmi".

Như thế gọi là puggala pavâraṇâ.

Trong kỳ lễ pavâraṇâ có nhiều vị, không nên đọc pavâraṇâ chung cùng nhau, phải đọc mỗi vị 3 bận — trừ ra có duyên cớ như: thí chủ đương bố thí, tỳ-khưu đương nghe pháp, đêm gần tàn, hành pavâraṇâ, mỗi vị 3 bận không kịp, hoặc 10 điều nguy hiểm, không thể hành pavâraṇâ mỗi vị đọc 3 không bận kịp, thì đọc mỗi vị 2 bận, nếu đọc mỗi vị 2 bận không kịp thì đọc mỗi vị 1 bận, nếu đọc mỗi vị 1 bận không kịp thì đọc chung nhau với những vị đã nhập hạ chung một kỳ), nhưng phải tụng tuyên-ngôn trước như vầy. "Sunâtu me bhante saṅghoayaṃ brahmacariyantarâyo sace saṅgho tevâcikaṃ pavâressati appavârito vā saṅgho bhavissati-yadi sanghassa pattakallam sangho (devâcikaṃ) ekavâcikaṃ (samânavassikaṃ) pavârey- ya, đọc xong rồi, nên pavâraṇā như trước.

Nghĩa là : " Bạch đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ấy là điều nguy hiểm đến phạm hạnh, nếu Tăng pavâraṇâ 3 bận chắc không kịp, điều nguy hiểm đến phạm hạnh ấy ắt sẽ phát sanh lên không sai. Nếu Tăng sự vừa đến Tăng rồi, Tăng nên pavâraṇâ (2 bận), (1 bận) cho tỳ-khưu nhập hạ chung một kỳ nhau đều pavâraṇâ chung cùng nhau (samânavassikâ pavâraṇâ).

VẬT DÙNG THEO THỜI

(Kâlika)

Vật dùng theo thời có 4 :

1. Vật để dùng trong buổi sáng (yâvakâlika) ;

2. Vật để dùng trong một ngày một đêm (yâmakâlika) ;

3. Vật để dùng trong 7 ngày (sattâhakâlika) ;

4. Vật để dùng cho đến hết (yâvajīvika).

I.— YÂVAJIVĪKA

Giải về yâvajīvika trước cho dễ bề phân biệt..

Đức Phật cho phép dùng năm thứ thuốc :

1. rễ cây, —2. nước cốt cây, —3. lá cây, — 4. trái cây, — 5. nước nhựa cây, trái và múi luôn cả và bông, vỏ cây, các món ấy đều là vật để dùng cho đến hết. Đã thọ các vật ấy, khi có bịnh đem ra dùng, được phép cất giữ cho đến hết. Không bịnh mà dùng phạm tác ác (tanipaṭiggahetvâ yâvajīvaṃ pariharituṃ satipaccaye paribhuññituṃ asatipaccaye paribhuññatassa âpattti dukkaṭassa).

II.— YÂVAKÂLIKA

5 món ăn : cơm, bánh sốt, bánh nguội, cá, thịt, gọi là bhojana (vật thực).

Ngoài bhojana, yâmakâlika, sattâhakâlika và yâvajīvika ra, các món ăn khác gọi là vật nhai ăn (khâdaṇīya) ; các thứ bánh làm bằng gạo, nếp, đậu, mè không cần phải kể, dầu là rễ cây, khoai, củ, cộng, đọt,

lá, vỏ, bông, trái... cũng đều gọi là khâdaṇīya cả.

Tóm lại, vật để làm thuốc gọi là yâvajīvika, vật ăn không gọi là yâvajīvika được.

Vỏ mía còn vị ngọt gọi là món ăn, ngoài ra các thứ vỏ cây khác đều thuộc về yâvajīvika cả.

Các thứ lá, như : lá khoai, lá đậu, lá cải, lá xoài không gọi là thuốc được. Các thứ bông cũng vậy.

Các thứ trái, như : mít, sa-kê, thốt-nốt, dừa, xoài và những trái khác để dùng làm món ăn không gọi là yâvajīvika được ; các thứ hột cũng vậy.

Bột làm bằng 7 thứ mễ, đậu, mè, mít, sa-kê, đều là : vật thực. Các thứ nước nhựa, chỉ nước mía là vật sattâhakâlika, ngoài ra đều là món thuốc, được phép để dùng cho đến hết.

5 thứ bhojana và các món khâdaniya là vật chỉ được phép để dùng, từ khi mặt trời mọc cho đến đúng ngọ ; dùng ngoài giờ ấy phạm ưng-xả-đối-trị. Thọ lãnh để dành qua ngày sau cũng phạm ưng-xả-đối-trị.

III.— YÂMAKÂLIKA

8 thứ nước :

1. Nước làm bằng xoài sống hoặc chín (ambapânaṃ) ;
2. Nước làm bằng trái diêm phù (jambupânaṃ) ;
3. Nước làm bằng chuối có hột (pocapânaṃ) ;
4. Nước làm bằng chuối không hột (mocapânaṃ);
5. Nước làm bằng trái cà-na (madhupânaṃ) ;

6. Nước làm bằng trái thị hoặc trái nho (muddikâpânaṃ) ;
7. Nước làm bằng rễ cây hoặc ngó sen (sâlukapânaṃ) ;
8. Nước làm bằng trái nhãn, chôm-chôm (phârûsakapânaṃ).

8 thứ nước làm bằng trái cây ấy gọi là vật chỉ được phép để dùng trong một ngày một đêm.

Giải về cách làm nước bằng trái xoài : nên để xoài vào trong nước rồi đâm, xong đem ra phơi nắng cho chín, lược lấy nước, thêm mật ong hoặc đường vào rồi dùng. Nếu tự mình làm thì chỉ được dùng trong buổi sáng. Người chưa tu lên bậc trên làm, được phép để đến một ngày một đêm, nếu đem dùng chung với cơm cũng được nhưng không nên để quá ngọ.

Các thứ nước trái cây khác cũng làm như thế. Không nên nấu (phơi nắng cho chín thì được). Đức Phật có dạy : Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ trái cây trừ ra 7 thứ mề. Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ lá cây, trừ ra lá để ăn đã luộc chín. Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ bông cây, trừ bông cà-na. Như-Lai cho phép dùng vị của nước mía ròng (anu... sabbaṃ phalarasaṃ thapetvâ dhannahalasaraṃ — anu... sabbaṃ pattarasaṃ thapetvâ dâkarasam — anu... sabbaṃ puppharasaṃ thapetvâ madhuka puppharasaṃ — anu... ucchurasaṃ).

Các thứ lá cây đều thuộc về vật để dùng cho đến hết. Nếu làm cho chín, chung lộn với vật nào chỉ được phép để dùng theo vật ấy (vật ăn buổi sáng, vật

dùng, một ngày một đêm, hoặc vật dùng trong 7 ngày). Nấu với nước lã thì thuộc về vị thuốc. Các thứ lá sống hoặc luộc chín là vật ăn chung trong bữa cơm. Lá vò với nước mát, hoặc phơi nắng cho chín để làm thuốc cũng nên. Các thứ bông, trừ ra bông cà-na, đều làm thuốc được cả.

Các món yâmakâlika, nếu thọ rồi để dùng quá 1 ngày 1 đêm, đến mặt trời mọc, phạm tác-ác.

IV.— SATTÂHAKÂLIKA

Sữa lỏng (sappi) sữa đặc (navanitaṃ) dầu (telaṃ) mật ong (madhu) nước mía (phâṇitaṃ) đều là vật để dùng đến 7 ngày. Đến ngày thứ 8 mặt trời mọc lên phạm ưng-xả-đối-trị, ăn vào phạm thêm tội tác-ác.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu, các thứ thịt của loài thú mà đức Phật không cấm [1], sữa của loài thú ấy gọi là sữa ; về phần mỡ cũng vậy.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu... gọi là sữa tươi (khīraṃ). Sữa ấy để lâu, đến chua gọi là sữa chua (dadhi). Sữa chua họ thắng lại gọi là dầu (takkaṃ).

Dầu ấy họ thắng lại nữa gọi là bơ đặc (navanitaṃ) [2]. Bơ đặc ấy họ thắng lại nữa gọi là bơ lỏng (sappi)

Sữa tươi, sữa chua, dầu thuộc về yâvakalika, là

---

(1)10 thứ thịt cấm : thịt người, voi, ngựa, sư-tử, cọp, beo, gấu, chó, rắn, chó sói.

(2) Cũng gọi là sữa đặc, sữa lỏng.

vật dùng trong buổi sáng. Sữa đặc, bơ lỏng là món để dùng đến 7 ngày (sattâhakâlika).

Dầu, mật ong, nước mía, sữa đặc, sữa lỏng mà tỳ-khưu đã thọ trong buổi sáng dùng làm vật ăn được, nhưng quá ngọ rồi, không nên. Nếu để dùng ngoài buổi ăn sáng, được cất đến 7 ngày, quá 7 ngày phạm ưng-xả-đối-trị, kể theo mỗi vật và đồ đựng.

Dầu mè, dầu đu-đủ, dầu cà-na là vật ăn buổi sáng. Các thứ dầu khác như dầu hột cải đều thuộc về yâvajĩvika.

Thọ lãnh dầu mè, buổi sáng, ăn chung trong buổi cơm, cũng được, nhưng quá ngọ rồi, không nên : dùng ngoài bữa ăn, được cất đến 7 ngày, để làm thuốc, được phép dùng cho đến hết. Dầu có lộn chút ít nước, hoặc hâm nóng, chỉ nên dùng trong buổi sáng. Thọ dầu chung với vật thực cũng vậy, dùng về ngoài da, được phép thoa cho đến hết.

Thọ hột mè, hột đu-đủ, làm dầu trong ngày, để được đến 7 ngày. Nếu qua ngày thứ hai mới thắng dầu, được dùng đến 6 ngày ; thắng trong ngày thứ ba, thứ tư, hoặc thứ sáu, nên để đến 5, 4 hoặc 2 ngày. Làm trong ngày thứ 7 chỉ được dùng trong ngày ấy thôi.

Thọ hột mè, hột đu-đủ để quá 7 ngày phạm tác-ác.

Thọ dầu dừa, dầu hột cải và các thứ dầu khác, thứ dầu không có kể trong pâli, để quá 7 ngày phạm tác-ác, khác nhau với dầu có nói trong pali.

Thọ mỡ trong buổi sáng thắng trong buổi sáng dùng ngoài bữa ăn, được phép để đến 7 ngày. Thọ sái

giờ thắng lược sái giờ, đem dùng phạm 3 tội ác. Thọ trong giờ, thắng lược sái giờ, đem dùng phạm 3 tội tác-ác. Thọ trong giờ, thắng trong giờ, lược ngoài giờ, đem dùng phạm 1 tội ác. Thọ trong giờ, thắng trong giờ, lược trong giờ, không phạm tội.

Thọ trong giờ đem dùng với cơm cũng nên (không được để quá ngọ). Thọ sái giờ chỉ nên dùng ngoài bữa cơm và được phép để đến 7 ngày. Quá 7 ngày phạm ưng-xả-đối-trị.

Thọ nước mía (sống hoặc chín) không lộn với xát (cái) được phép dùng như mật ong.

Thọ đường thẻ, đường tán, đường phèn làm bằng nước mía, mà họ dâng trong buổi sáng đem dùng với cơm cũng nên. Tự mình làm chỉ dùng được ngoài buổi ăn sáng. Các thứ đường ấy là vật sattâhakâlika dầu có bịnh hoặc không cũng dùng được đến 7 ngày.

Đức Phật có cho phép :

1. Đối với người bịnh ;
2. Đối với người ;
3. Đối với thì giờ ;
4. Đối với dịp ;
5. Đối với xứ ;
6. Đối với mỡ ;
7. Đối với vị thuốc.

Đối với người có bịnh, như : Ngài chỉ cho phép tỳ-khưu bị ma nhập được ăn thịt tươi, máu tươi (trừ ra thịt người) ăn trong buổi sáng hoặc buổi chiều cũng được.

Cho phép đối với người, như : người ăn hay ợ cơm trở ra khỏi cổ, rồi nuốt vào không phạm tội.

Cho phép đối với thì giờ, như : tỳ-khưu bị rắn cắn được phép dùng 4 thứ thuốc : nước tiểu, phẩn, tro, đất, nếu không có ai dâng tự mình lấy dùng cũng nên.

Cho phép đối với dịp, như cho phép tỳ-khưu dùng vật thực nhiều vị trong khi có dịp, ngoài ra không nên dùng.

Cho phép đối với xứ, như cho tỳ-khưu ngoài xứ trung Ấn-độ, từ 5 vị trở lên được phép truyền tỳ-khưu-giới.

Cho phép tỳ-khưu thọ mỡ thắng, lược trong giờ, chỉ nên dùng mỡ lỏng. Cho phép cần dùng mỡ lỏng làm bằng các thứ mỡ của loài thú.

Cho phép đối với thuốc, như : sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, mà tỳ-khưu đã thọ rồi được phép dùng tùy thích trong buổi sáng ngày ấy. Quá ngọ, nếu có bịnh nên dùng đến 7 ngày, nhưng các thứ đường cứng (đường thẻ, đường sắc, đường om, đường tán, đường phèn) nếu có bịnh thì được phép nhai không bịnh chỉ nên dùng chung với nước.

Cả 5 thứ thuốc ấy, dùng đến 7 ngày, còn dư nên cho đến người khác hoặc để thoa bóp cũng được.

Giải về : Yâvakâlika, yâmakalika ; sattâhakâlika và yâvajīvika, để lộn chung cùng nhau rằng :

" Yâvakālikena bhikkhave yâmakâlikaṃ Tadahu patiggahitaṃ... sattâhâkàli kantenakappati ".

Nghĩa là : *" Nầy các tỳ-khưu ! yâmakâlika, sattāhakâlika, yâvajīvika, 1 trong 3 vật ấy mà tỳ-khưu thọ lãnh chung với yâvakâlika, chỉ nên dùng trong buổi sáng ấy, quá ngọ rồi thôi "*. Thọ 1 trong 2 vật sattâhakâlika và yâvajīvika, chung với yâmakālika, chỉ nên dùng trong một ngày, một đêm thôi. Thọ "yâvajīvika" chung với sattâhakâlika", chỉ nên để đến 7 ngày; qua ngày thứ 8 phải cho đến người khác. Ấy là nói về vật có lộn chung cùng nhau.

Nếu thọ một trong 8 thứ nước "yâmakālika" chung lộn với dừa, lấy dừa ra, 8 thứ nước "yâmakālika" dùng ngoài giờ được. Thọ sữa cục với cơm nguội, lấy sữa ra cất dùng đến 7 ngày cũng nên; mật ong, đường cũng vậy.

Vật yâmakâlika, sattâhakâlika và yâvajīvika trộn lộn với vật thực, nếu có thể lấy ra, làm cho thiệt sạch để dùng theo thời đều được cả. Không sạch không nên cất giữ.

Tỳ-khưu không nên nấu nướng vật thực, mà được phép hâm nóng, những vật đã chín sẵn. Thí chủ họ dâng cháo nóng, có bỏ hành tỏi, gừng... tỳ-khưu không nên đem khuấy cho chín, tính làm cho nguội được; dầu cơm còn ngòi không nên tính đậy cho chín, đậy cho nóng được; nếu vật đã chín sẵn, đem hâm lại không sao.

GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHÂNA [1]

Y nên additthâna có 7 thứ:

1. Tam y (ticīvara);
2. Y tắm mưa (vāsikasâtikâ);
3. Y lót ngồi (nisīdanam);
4. Y lót nằm (paccattharaṇaṃ);
5. Y rịt ghẻ (kandupaticchâdi);
6. Y lau mặt (mukhamunchana colaṃ);
7. Các thứ y phụ tùng nhỏ như vải lược nước, áo bát, đảy (parikkharacolaṃ). Cả 7 thứ y đều là vật nên adhiṭṭhâna theo tên.

Đức Phật dạy phải adhiṭṭhâna tam y, không cho gởi adhiṭṭhâna y tắm mưa đến 4 tháng, hết 4 tháng mưa rồi phải gởi; adhiṭṭhâna y lót ngồi, không cho gởi; adhiṭṭhâna vải rịt ghẻ, cho đến khi hết ghẻ rồi gở; adhiṭṭhâna y lau mặt không cho gởi; adhiṭṭhâna các thứ y phụ tùng, không cho gởi.

Tam y là: y hai lớp để đắp trùm (saṅghâti), y vai trái (uttarasanga), y nội để mặc (antaravâsaka). Ba y ấy phải cắt, may, làm cho đúng phép rồi nhuộm cho có màu, làm dấu (bindukappa) rồi mới nên nguyện đặt tên (adhiṭṭhâna), không cắt, không nên mặc, vì đức Phật có dạy "mâbhikkhave acchinnakâni cīvarâni dhâ- retabbâni". Chẳng nên mặc y casa không cắt; tỳ-khưu nào dùng casa không cắt phạm tác-ác.

---

(1) Tam y đã adhiṭṭhâna rồi đi vào xóm khỏi đem theo do 5 điều: 1. Tỳ-khưu có bịnh; 2. trong 4 tháng mưa; 3. Đi qua sông; 4. Chỗ ở, cửa có khóa kín; 5. Có thọ lễ dâng y.

Tam y ấy, dầu cắt cho lớn, rộng đến đâu cũng phải nhỏ hơn y của đức Phật mới nên; nhỏ hơn hết là: y 2 lớp và y vai trái, bề dài 4 hắc 1 bàn tay; bề ngang 2 hắc 1 bàn tay; y nội bề dài bốn hắc 1 bàn tay, bề ngang dầu 2 hắc cũng được. Lớn hoặc nhỏ hơn kiểu ấy không nên nguyện đặt tên là casa.

Khi đã cắt may, nhuộm xong, nên :

1. Làm dấu y, nên dùng 1 trong ba màu (đen, xanh, xám tro, hoặc bùn) vẽ vòng tròn bằng mắt ngỗng, đọc "imaṃ bindukappaṃ karomi" rồi adhiṭṭhâna;

2. Adhiṭṭhâna có 2 cách: adhiṭṭhâna bằng thân và bằng khẩu.

Nếu được y hai lớp cũ, nên đọc xả adhiṭṭhâna rằng "imaṃ saṅghâtiṃ paccuddharâmi: tôi xả y hai lớp nầy"; lấy tay cầm y hai lớp, hoặc để trên mình, đọc trong tâm rằng "imaṃ saṅghâtiṃ adhiṭṭhâna" (tôi adhiṭṭhâna y hai lớp nầy) như thế gọi là adhiṭṭhâna bằng thân.

Adhiṭṭhâna bằng khẩu thì đọc "imaṃ saṅghâtiṃ adhiṭṭhâmi". Adhiṭṭhâna bằng khẩu có 2 cách:

1. trong hắc — 2. ngoài hắc.

Nếu y ở trong hắc, đọc "imaṃ saṅghâtiṃ adhiṭṭhâmi". Y ở ngoài hắc để trong phòng, trong chùa, phải nhớ đến chỗ để y, rồi đọc "etaṃ saṅghatiṃ adhiṭṭhâmi".

Các y khác cũng phải làm như thế, chỉ nên đổi tên thôi.

Đọc xả y ở trong hắc :

imaṃ (1) { uttarâsaṅgaṃ paccuddharâmi.
etaṃ (2) { antaravâsakaṃ paccuddharâmi.

Đọc adhiṭṭhâna:

imam (1)
etam (2)
{ uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhâmi.
antaravâsakaṃ adhiṭṭhâmi.
vassikasātikaṃ adhiṭṭhâmi.
paccattharanaṃ adhiṭṭhâmi.
kandupatticchādi adhiṭṭhâmi.
mukhamuñchanacolam adhiṭṭhâmi
parikkhâracolaṃ adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna tam y làm y phụ tùng, đọc:

imaṃ (1) { cīvaraṃ parikkhâracolam.
etaṃ (2) { adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna nhiều y chung cùng nhau đọc:

imâni (1) { cīvarâni parikkhâracolam
etâni (2) { adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna patta thì đọc: imaṃ pattam adhiṭṭhâmi.

✺

GIẢI VỀ CÁCH GỞI Y DƯ

(Vikappa)

Đức Phật dạy "anujânâmi bhikkhave atirekacīva-

(1) Y để trong hắc (hatthapâsa) đọc: "imam".
(2) Y để ngoài hắc (hatthapâsa) đọc: "etam".

raṃ vikappetuṃ. Anu...âyâmenaatthaṅgulaṃsu gataṃ gulena caturaṅgulavitthataṃ pacchimaṃ cīvaram vikappetuṃ — Nầy các tỳ-khưu ! Như-Lai dạy phải gởi y dư — Như-Lai dạy phải gửi y pacchimacīvara là y nhỏ hơn hết bề dài 8 ngón tay, bề ngang 4 ngón tay (ngón tay của đức Phật).

Y tắm mưa, vải rịt ghẻ, khi đã hết kỳ adhiṭṭhâna rồi nên gởi bằng 2 cách : gởi trước mặt : gởi khuất mặt :

1. Gởi y trước mặt 2 cách:

a) Trong hắc, đọc :

imaṃ { cīvaraṃ tuyhaṃ vikappemi.
imâni { cīvarâni tuyhaṃ vikappemi .

b) Ngoài hắc, đọc :

etaṃ { cīvaram tuyhaṃ vikappemi.
etâni { civarâni tuyhaṃ vikappemi .

Đọc gởi trước mặt 1 vị tỳ-khưu, rồi cất y cũng được.

Nếu đem ra mặc, xả hoặc adhitthâna không nên. Khi người chịu gởi đọc:

imaṃ { cīvaram mayhaṃ santakam.
imâni { cīvarâni mayhaṃ santakâni.

paribhuñjavâvisajjehivâ yathâpaccayaṃvâkarohi: ngoài lấy dùng, hoặc xả, hoặc làm theo việc cần dùng của tôi.

Đọc xả như thế rồi đem dùng mặc, đắp cũng nên.

---

(1) Nhiều y để trong hắc (hatthapâsa) đọc : "imâni".

(2) Nhiều y để ngoài hắc (hatthapâsa) đọc : "etâni".

2. Gởi y để khuất mặt;

Gần, đọc :

imaṃ { cīvaraṃ tuyhaṃ vikappanatthâyadammi.
imâni { cīvarâni tuyhaṃ vikappanatthâyadammi.

tôi gởi y này đến ngài.

Xa, đọc :

etaṃ { cīvaraṃ tuyhaṃ vikappanatthâyadammi.
etâni { cīvarâni tuyhaṃ vikappanatthâyadammi.

Đọc gởi trước mặt 1 vị tỳ-khưu; tỳ-khưu chịu lãnh gởi nên hỏi chủ y rằng: "Người xuất gia nào thân thiết hay gần gủi với ngài ? Chủ gởi y, tùy-thích nói : Ngài Tissa hoặc sadi "Tissa" là người thân thiết với tôi". Vị chịu lãnh gởi nói : "Ahaṃ tissabhikkhudammi" hoặc "Ahaṃ tissassasâmaṇerassa dammi" theo tên mà tỳ-khưu xin gởi ấy. Như thế gọi là khuất mặt; rồi cất giữ, như thế ấy cũng được. Khi tỳ-khưu giùm chịu lãnh gởi ấy đọc : "Tissassabhikkhuno santakaṃ paribhuñjavâvisajjehivâ yathâpaccayam vâ karohi" như đã có giải trong cách gởi trước mặt, điều thứ 2 ấy rồi, mới gọi là xả, khi đã xả rồi, đem y ra mặc đều được cả.

VẤN — Gởi trước mặt và khuất mặt, khác nhau như thế nào ?

ĐÁP — Trong cách gởi trước mặt ấy, tự mình gởi nhờ người khác gởi xả. Trong cách gởi khuất mặt nhờ người khác gởi cho, nhờ người khác xả cho, khác nhau như thế ấy. Nếu đã gởi đến người nào, người ấy không thông hiểu cách xả, nên đem y ấy

gởi cho tỳ-khưu thông hiểu, rồi nhờ vị ấy xả, mới nên. Người chủ đem y ấy adhiṭṭhâna theo tên rồi dùng, dầu quá 10 ngày, cũng không phạm tội; ấy là **adhiṭṭhâna** và **vikappa** y dư trước 10 ngày, nếu để quá 10 ngày, phạm ưng-xả đối-trị theo điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina sikkhâpada).

✺

GIẢI VỀ CÁCH ĐỨT ADHIṬṬHÂNA

Y đã adhiṭṭhâna theo tên, như đã có giải, đứt adhitthâna do 9 điều :

1. Cho đến người khác (aññassadânena);
2. Bị bọn cướp đoạt (acchinditvâgahanena);
3. Bạn thiết lấy (vissâsagâhena);
4. Trở làm người thấp hèn (phạm bất-cộng-trụ theo ngoại đạo) (hinâyâvattanena);
5. Xả giới (sikkhâpaccakkhânena);
6. Chết (kâlakiriyâya);
7. Đổi tướng mạo (trai biến ra gái, gái biến ra trai) (lingaparivaṭṭanena);
8. Xả bỏ adhiṭṭhâna (paccuddharaṇena);
9. Lủng lỗ.

Y lủng lỗ bằng lưng móng tay út, lủng đứt hết chỉ mới đứt adhiṭṭhâna.

Y hai lớp, y vai trái rách bề dài từ bìa vào một gang, rách bề ngang từ bìa vào 8 ngón tay mới đứt

adhiṭṭhâna. Y nội rách bề dài từ bìa vào một gang, bề ngang từ bìa vào 4 ngón tay mới đứt adhitthâna.

Y đã đứt adhiṭṭhâna như thế, phải may vá lại rồi adhiṭṭhâna thêm, đem mặc mới nên. Nên vá y trong 10 ngày kể từ ngày rách, để quá 10 ngày, phạm ưng-xả-đối-trị, như y dư.

✺

TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT

Bhãsitamitam tena bhagavatã jãnatã passatã ahetã sammãsambuddhena:

Đức Thế-Tôn đã hiểu, thấy, Ngài là bậc Chánh-đẳng Chánh-Giác có giảng thuyết rằng :

Sampannasĩlã bhikkhave viharatha sampannappãṭimokkhã: Nầy các Thầy Tỳ-khưu! Các thầy hãy là người có Giới đầy đủ, có **paṭimokkha** [1] **đầy đủ rồi ở yên đi.**

Pãṭimokkha saṃvaravuto viharatha ãcãragocãra sampanno :

Hãy là người thu-thúc bằng sự kềm-chế trong **pãṭimokkha**, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp. **Anumattesu vajjesu bhayadassãvĩ samãdãya sikkhãttha sikkhãpadesũti :**

Hãy là người thường thấy sự lo sợ tội lỗi dù là

(1) Tàu âm là: Ba-La-Đề-Mộc-Xoa: Pháp diễn mà người đã thọ trì đứng-đắn rồi, hằng làm cho người được thoát khỏi các thống khổ trong 4 ác đạo.

nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học; **(sikkhãpada).**

Tasmãtihamhehi sikkhitabbam: Vì thế, chúng ta là hàng xuất gia trong Phật-Giáo nên học hành rằng:

Sampamasĩlã viharissãma sampannappãtimokkhã: Chúng ta sẽ là người có Giới đầy đủ, có **paṭimokkha** đầy đủ rồi ở yên.

Pãtimokkhasamvarasamvutã vihãrissãma ãcãra gocãrasampanno: Chúng ta sẽ là người thu-thúc, kềm chế trong **pãṭimokkha**, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp rồi ở yên.

Anumattesu vajjesu bhayadassãvĩ samãdãya sikkhissãma sikkhãpadesũti :

Chúng ta sẽ là người thấy sự lo sợ, tự nhiên, trong tội nhỏ-nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học.

Evañhino sikkhitabbaṃ: Chúng ta phải học hành như vậy.

Patimokkhaṃ visodhento appeva jĩvitaṃ jahe: Bậc Xuất-gia tín-thực [1] khi đã trau giồi

Pãṭimokkha thu thúc Giới, dám hy-sinh sanh mệnh mình.

Paññattaṃ lokañathenana bhinde sĩlasaṃvaram: Không phá thu thúc Giới mà đấng cứu thế chế ngự để lại đâu.

Kikĩva aṇḍam camarĩva vãladhiṃ:

Chim Cà-Cưởng liều mình cố giữ trứng nó, thú Camari [2] liều thân ráng giữ lông nó, thế nào.

Piyaṃvā puttaṃ nayanaṃvā ekakaṃ:

Người cố chăm sóc con một.

Tatheva sīlam anurakkhamānakā :

Người chột mắt cố duy trì mắt sáng thế nào, ta hãy thọ trì giới ta cho được, nhất là như chim Cà-Cưởng vậy.

Supesalā homa sadā sagāravo: Cho được là người có giới, là nơi thương yêu, có lễ phép đúng đắn và tôn kính mãi mãi.

Satthā sāvakkānaṃ sikkhapādaṃ paññapeti dasa atthavase paṭicca:

Đức Thầy chế ngự điều học đến các hàng Thinh-Văn vì 10 điều lợi ích là :

1) **Saṅghasuṭṭhutāya**: Cho có điều tuyệt-hảo đến Tăng;
2) **Saṅghaphāsuttāya**: Cho có sự an lạc đến Tăng.
3) **Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya:** Để khiển trách kẻ bướng bỉnh, phá giới.
4). **Pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvīhārāya**: Cho có sự ở yên đến chư tỳ-khưu có Giới là nơi thương mến.
5) **Diṭṭha dhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya**: Để ngăn ngừa các lậu phiền não trong hiện tại;

---

(1) Tín thực: tin chắc chắn.

(2) Bò có lông đuôi dài, ở Tây Tạng.

6) **Samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya**: Để đẩy lui những lậu phiền não trong đời vị lai;

7) **Appasannānaṃ pasādāya**: Để kích thích những người bất mãn, được tín ngưỡng.

8) **Pasannānaṃ bhiyyo bhāvāya**: Khiến kẻ thích càng tin chắc;

9) **Saddhammatthitiyā**: Cho Chánh Pháp được thêm kiên cố.

10) **Vinayā nuggahāya**: Để bổ trợ Tạng-Luật.

Vinayamhi mahatthesu
Pesalānaṃ sukhāvaho
Niggahānañca papicche
Lajjīnaṃ paggahesuca
Sāsamādhārane ceva
Sabbaññuji nugocare
Anaññavisaye kheme
Suppaññatte asaṃsaye :

Khi Tạng Luật có đại lợi đem sự vui đến Tăng có giới đáng kính mến, khiển trách nhóm tỳ-khưu ham muốn xấu xa, nâng cao nhóm tỳ-khưu có sự hổ thẹn, có khí chất duy trì giáo Pháp là nơi vãng-lai của đấng Chánh-biến-Tri không thuộc quyền-hạn của kẻ khác; là nơi yên tâm; nghĩa là đức Thế Tôn đã chế ngự chân chánh không còn ngờ được.

Khandhake vinaye ceva parivāre ca mātike yathattakāri kusalo paṭipajjati yoniso: Bậc Trí-tuệ hay làm điều lợi ích thích hợp hằng thực hành

theo phương pháp trong thiên luật [1] trong **Parivãra** và **Mãtika.**

Pamutthamhi ca suttante

Adhidhame ca tãvade

Vinaye avinatthamhi

Puna titthati sãsanaṃ:

Dù là Tạng-Kinh và Tạng-Luận đã phá hủy, mà Tạng-Luật chưa tiêu hoại, thì Phật giáo vẫn tồn tại.

✺

PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN "SA-MÔN"

Đức Chánh-biến-Tri có giảng thuyết về danh hiệu và cái Pháp của "Sa-Môn" rằng: " **Samanã Samanãti vo bhikkhave jano jano sanjãnãti":** Nầy các tỳ-khưu, đại chúng hằng rõ danh hiệu của các ngươi rằng là "Sa-Môn". Về phần các ngươi cũng vậy, khi có ai hỏi rằng: "ông là chi?". Các ngươi cũng nhận rằng: "Chúng tôi là "Sa-Môn"".

Như vậy: Nếu các ngươi có danh hiệu như thế và nhận mình đúng như vậy rồi biết rằng:

"Ye dhammã Samaṇakaráṇã brahmana karaṇã":

Các Pháp nào làm cho thành Sa-môn và Bà-la-môn, chúng ta sẽ thọ thì những Pháp đó...

Hành động như thế, mới vừa với sự nhận thức chơn chánh của chúng ta, theo lời họ đã gọi thật".

---

(1) Thiên luật : một phần trong luật

Lại nữa, chúng ta đã thọ dụng Y Bát, thực phẩm, chỗ ngụ, thuốc men của những thí chủ nào thì cái nghiệp lành của họ sẽ sanh phước lớn, có nhiều quả báo chẳng sai, vì họ nương nhờ nơi chúng ta.

Hơn nữa, sự xuất gia của chúng ta, chẳng phải là vô hiệu quả dầu là Pháp để tu hành được nhiều phước báu thật.

Nầy các tỳ-khưu ! Các ngươi cần biết mình như vậy, chẳng nên quên. Ngài bèn giảng tiếp 2 Pháp trọng yếu nhất là: "hổ thẹn (hiri) và "ghêsợ" (**ottappa)** tội lỗi rồi giải rằng:

"Parisuddhi kãyaSamãcãra, parisuddhi vacĩsamãcãra, parisuddhi manosamãcãra, parisuddha-ãjĩva, indriyasaṃvara bhojanamattaññũjãgariyãnuyoga, satisampajaññã": Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng, cách trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp cái (**nĩvaraṇadhamma**) rồi tập trung tinh thần cho trí-tuệ thấy rõ "Tứ-Diệu-Đế". Tất cả Pháp đó là Pháp của "sa-môn".

1. Hổ-thẹn (hiri) chỉ về sự xấu hổ đối với các ác Pháp.

2. Ghê sợ (**ottappa**) là nói về sự ghê sợ các tội lỗi; Cả hai pháp trên đây là quan trọng đặc biệt của "Sa-môn", bằng không cũng chẳng gọi là Sa-môn được. Có 2 Pháp đó rồi, các đức tánh khác mới có thể phát sanh lên được.

3. Thân trong sạch đầy đủ (**Parisuddhi kayĩsamãcãra**) chỉ về 3 nghiệp lành của thân;

4. Khẩu trong sạch đầy đủ (**Parisuddhi-vacī-samãcãra**) chỉ về 4 nghiệp lành của miệng.

5. Tâm trong sạch đầy đủ(**Parisuddhimano samãcãra**) chỉ về 3 nghiệp lành của ý.

6. Sự nuôi mạng trong sạch **(Parisuddha-ājīva)** Tức là sự nuôi sống cho thanh cao (xem trong Chánh mạng thanh tịnh giới) ;

7. Lục-căn thu-thúc (**indriyasamācāra)** (xem trong Lục-căn thanh-tịnh giới).

8. Biết tiết chế trong thực phẩm (**bhojanamataññũ)** chỉ về biết tiết độ trong sự thọ thực (xem trong phép quán-tưởng thọ vật-dụng thanh tịnh giới).

9. Tỉnh thức thường thường (**Jãgariyãnuyoga**) là dạy phải thức nhiều ngủ ít.

10. Trí nhớ biết mình (**satisampajañña**).

11. Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng; Nghĩa là sự trú ẩn trong rừng hoặc dưới bóng cây hay là nơi tịnh thất vắng vẻ.

12. Sự trau dồi cái tâm cho xa khỏi Pháp cái ; rồi chú tâm Tham Thiền.

13. Làm cho trí-tuệ thấy rõ Pháp "Tứ-Diệu-Đế" là làm cho phát sanh sự thấy biết rõ rệt cái khổ nhân sanh khổ, sự diệt khổ, đạo diệt khổ (xem trong Tứ-Diệu-Đế).

Tất cả pháp đó là Pháp của Sa-môn cần phải có, bằng không ắt sẽ sa trong 4 ác đạo chẳng sai.

Đức Thế-Tôn giảng thuyết về hàng Sa Môn và cái Pháp của hàng Sa-môn như thế.

✺

PHƯƠNG TIỆN CHO PHÁT SANH PHÁP CỦA BẬC XUẤT GIA HOẶC SA-MÔN

Người đã tự nguyện xuất gia hoặc Sa-môn phải chú tâm rằng : " Ta là bậc xuất gia hoặc Sa-môn rồi, cần gìn giữ đức tính cho thanh cao vừa theo cái tướng mạo của người xuất gia hoặc Sa-môn mới đặng, hay quán tưởng theo Phật ngôn rằng : Bây giờ đây ta có tướng mạo khác hơn kẻ thế, nhứt là cách thức hành động của Sa-môn thế nào, ta cần phải làm theo, không nên sai suyển. Bậc xuất gia ví như người thương mãi, buôn bán muốn được lợi, nếu hành đúng cách mới được lời nhiều, bằng làm sái ắt phải lỗ vốn. Vì thế, đức Phật có giải về pháp để đè nén cái tâm của người xuất gia như vầy.

Kusoyathã duggahito hatthamevã nukantati sãmannam dupparamattham nirãyãyũpakadhati yaṃkiñci sithilaṃ kammaṃ saṃkilitthañca yamvattaṃ saṅkassaraṃ brahmacariyaṃ nataṃ hoti mahapphalaṃ kayirã ce kayirãthenaṃ dalhamenaṃ parakkame sithilo hi paribbajo bhiyyo akirate rajaṃ :

Lẽ thường, cỏ tranh mà người không khéo nắm, kéo ngược trở lại ắt phải đứt tay, thế nào, sự xuất

gia của hành-giả, tu không chơn chánh, sái Pháp-Luật, hằng lôi kéo họ sa trong địa ngục, cũng như thế ấy.

✺

TỘI CỦA BẬC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH

Người mặc Y vàng, song không thu thúc Pháp của Sa-môn cũng không khỏi sa địa ngục, như Phật ngôn rằng: **Kāvāvakanthā bahavo pāpadhammā asaññatā pāpā papehi kammehi nirayaṃ te upapajjare:**

Phần đông người có áo Cà-sa dính cổ, tức là mặc y vàng, song là kẻ có Pháp xấu xa, không thu thúc theo Pháp của Sa-môn, thường phải bị đọa trong cảnh địa ngục, do các nghiệp xấu của họ đã tạo. Lại nữa, người xuất gia đã phá giới, rồi thọ thực của thí-chủ dâng cúng bằng đức tin, không nên đâu, rán dùng cục sắt đương nóng còn hơn, hiệp theo Phật ngôn rằng:

Seyyo ayogulo bhutto tatto aggisikhū pamo yañce bhuñjeyya dussīlo raṭṭha piṇḍam asaññato: Người xuất gia phá giới, là người không thu thúc mà cũng dùng vắt cơm của kẻ thế chẳng dễ đâu rán ăn cục sắt nóng như ngọn lửa còn hơn.

Đức Phật đã giảng thuyết chỉ rõ tội khổ của bậc xuất gia và Sa-môn không trú trong Pháp của họ, như những qui tắc đã giải.

✺

10 PHÁP MÀ BẬC XUẤT GIA CẦN PHẢI QUÁN TƯỞNG THƯỜNG THƯỜNG

1). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Bây giờ đây ta có từng mạo khác hơn kẻ thế, nghĩa vụ nào của Sa-môn ta phải làm cho tròn.

2). Bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Sự nuôi sanh mạng của ta nương nơi kẻ khác, ta cần phải làm cho người cấp dưỡng dễ-dàng".

3). Bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Sự làm cho thân khẩu thêm chơn chánh, vẫn còn nữa chẳng phải chỉ có bấy nhiêu.

4). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Tâm ta không tự chê bai ta vì giới không đầy đủ chăng ?".

5). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Hàng trí-tuệ đã xem xét rồi, họ không khiển trách ta vì giới không đầy đủ chăng ?

6). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta phải chia lìa sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, không sao tránh khỏi được.

7). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta có cái nghiệp là của ta; ta làm lành thì được vui, gây dữ thì chịu khổ.

8). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ngày và đêm hằng qua mau lẹ, bây giờ đây, ta được làm cái chi chăng ?".

9). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta có ưa thích trong nơi thanh vắng chăng ?".

10). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường - thường rằng: "Ta đã có các đức cao quí chăng? khi có bậc Phạm-Hạnh đến hỏi ta trong giờ cuối cùng, ta sẽ không hổ thẹn chăng ?.

Mười Pháp mà các bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường đó gọi là: "Thập Pháp" **(Dasa dhamma)**, song dịch như trên đó, mới thật đúng lý. Người tu học cần phải hiểu rằng: "Thập-Pháp" là Pháp dành cho hàng xuất gia, tuy nhiên, như đã có giải: Điều nào thuộc về bậc xuất gia, điều ấy người Cư-Sĩ hành theo cũng được.

Trong 10 Pháp đó nên hiểu như vầy :

Điều thứ 1.— Dạy phải quán tưởng về tướng mạo.

Điều thứ 2.— Dạy quán tưởng về chánh mạng.

Điều thứ 3.— Dạy phải quán tưởng về hành động.

Điều thứ 4. và thứ 5. — Dạy phải quán tưởng về qui tắc.

Điều thứ 6 và 7 .— Dạy phải quán tưởng về luật tự nhiên.

Điều thứ 8.— Dạy phải quán tưởng về thời gian.

Điều thứ 9.— Dạy phải quán tưởng về chỗ ngụ.

Điều thứ 10.— Dạy phải quán tưởng về đức hạnh cao quý.

Về phước báu trong sự quán-tưởng có chia ra làm 2 là :

Phần riêng và chung.

Xin giải về phần riêng mỗi điều trước :

1). Giải về phương tiện phát sanh sự hổ thẹn *(hiri)* và ghê sợ *(ottappa)* tội lỗi, để thực hành cho vừa với bổn phận người xuất gia, nghĩa là điều nào không đúng qui tắc của bậc xuất gia thì phải chừa bỏ, nhứt là: phải hành những Pháp chơn chánh, như là trì giới, cho thân khẩu trong sạch, tu định cho tâm yên lặng, hành Tuệ cho thấy rõ chánh tà.

Phải cần kíp làm cho tròn nghĩa vụ.

2). Khi đã quán tưởng như vậy thì sẽ được 2 điều lợi-ích :

a) Được làm tròn phận sự đối với người cấp dưỡng.

b) Sẽ có sự hành-động cho họ dễ nuôi, nghĩa là làm cho mình thành người biết đủ **sandosa),** thọ 4 vật dụng tùy có tùy được. Họ cho vật chi thì vừa lòng với vật ấy không được chọn tốt, xấu, ngon, dỡ.

3). Bậc xuất gia chưa chứng đạo quả, là đức hạnh cuối cùng trong Phật-Giáo gọi là còn phận sự phải hành, nghĩa là phải tu tập cho thanh cao hơn nữa, cần phải học những điều chưa biết, thực hành những

điều đã biết. Khi đã trì giới được trong sạch thì cần tu Thiền thêm lên, cho trí-tuệ phát-sanh để đắc đạo quả Niết-Bàn là mục đích tối cao của Phật-Giáo. Nếu bậc xuất gia được biết mình như vậy, thì hằng có sự lợi-ích, để tự hóa trở thành nên bậc cao nhân. Nếu lầm tưởng rằng: Mình là đủ, không cần tu tập nữa, vừa lòng với bấy nhiêu thì không cần mẫn hành bậc cao mà mình chưa đắc. Như thế, bậc xuất gia vẫn còn mắc trong vòng phàm tục và phải bị luật vô-thường chi phối, sa vào 4 ác đạo chẳng sai. Nếu hành-giả hằng quán-tưởng biết mình như thế, ắt sẽ tinh-tấn tu hành thêm lên.

4 và 5) — Bậc xuất gia quán-tưởng hiểu rõ trong điều thứ tư và thứ năm như vậy rồi, sẽ thấy mình chưa toàn thiện thì phát tâm cố-gắng tu trì, không để mình tự chê-trách mình được. Nhưng lẽ thường phàm nhơn hiếm có người được biết chân-chánh như thế. Vì vậy, có lúc làm sai mà họ cho là phải, có khi hành Chánh mà họ cho là Tà.

Cho nên có Phật ngôn rằng :

"Tội mình khó biết, lỗi người dễ xem"! Nhân đó, đức Phật dạy phải luôn-luôn quán-tưởng những điều trên đây, cho phát sanh trí nhớ.

6). Đã thường-thường quán tưởng điều nầy, thì sẽ thấy rõ sự chia lìa do 2 lẽ là:

a) Các sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, nó sẽ lìa ta khi ta còn sanh tiền cũng có.

b) Trong giờ mạng chung, ta phải bỏ nó cũng có, đó là lẽ tự nhiên không sao tránh được.

Khi thấy rõ 2 Pháp trên rồi, mình được 3 điều lợi-ích:

a) Dứt tâm bất bình nóng giận, khi gặp sự vật đáng ghét bỏ.

b) Ngăn tâm không cho buồn rầu thương tiếc, lúc ly biệt sự vật thương yêu.

c) Kiềm chế tâm ham muốn ngoài sự vật của mình để tránh tà mạng gây ra các nghiệp ác.

Đó là 3 điều lợi-ích mà bậc xuất gia nhờ sự quán-tưởng thường-thường mới thấy rõ được.

7). Trong điều nầy nên hiểu câu 'Ta có cái nghiệp là của ta", rằng: Mọi người trong mỗi kiếp đều có tạo nghiệp, không dữ thì lành, chẳng tốt thì xấu, không có một ai tránh khỏi, cho nên gọi là "Ta có cái nghiệp là của ta". Lại nữa, nếu làm lành thì được vui, làm dữ thì chịu khổ. Cớ ấy, sự quán tưởng trong điều thứ 7 mới có lợi-ích, không cho làm ác, chỉ tạo việc lành, vì đã hiểu rõ quả báo của nghiệp.

8). Đức Phật có khuyên các Tỳ-Khưu cần phải biết thời gian qua rồi chẳng khi nào trở lại. Nên hiểu rõ chơn-chánh rằng: nó chỉ thoáng qua mau lẹ, nếu không thì hằng để cho ngày giờ trãi qua vô ích, sẽ có điều hối hận ăn-năn. Có Phật ngôn rằng: *"Những người còn trai tráng, có tánh thông minh mà lười biếng,không chuyên cần làm các công việc thì khó gặp đường xuất thế bằng "Trí-Tuệ"*. Lời Phật dạy đây để tĩnh thức họ cho tinh-tấn trong niên cấp còn khỏe mạnh, cho sự tu hành mau được tấn-hóa trong hai phương diện: Đời và Đạo, Sự quán-tưởng thường-

thường trong điều nầy, hằng đem lại hạnh-phúc yên vui cho mình chẳng sai.

9). Khi đã quán-tưởng thường-thường thì có sự tĩnh tâm vừa lòng trong nơi thanh vắng, lìa xa bè đãng, bậu bạn, ưa thích trong nơi yên lặng để Tham-Thiền cho tâm an-trụ, rồi suy xét điều chi cũng được chân-chánh rõ-rệt, không có trở-ngại và tu bậc thượng được dễ-dàng.

10). Giải rằng : " Các đức tính cao-quý chỉ về tâm Thiền-định hoặc giải thoát ". Nếu đã quán-tưởng thường-thường như thế thì được tĩnh tâm, không hề vừa lòng với các hạnh-phúc nhỏ-nhen bực hạ, Tinh-tấn trong đức tánh cao-thượng theo thứ tự.

Về phước báu trong cách quán-tưởng 10 điều đó, hằng đem lại sự yên lặng cho tâm, để tiến bộ trong Chánh Pháp, Tu Giới, Định, Tuệ cho càng tăng-trưởng thanh cao. Nói tóm lại, sẽ được mãn nguyện trong hai đường : Đời và Đạo xuất thế, chứng quả Niết-Bàn là mục đích cứu cánh của Phật-Giáo.

✺

PHẬT-NGÔN

1. TỲ-KHƯU CÓ 5 CHI [1] HẰNG SA ĐỊA-NGỤC.

1). Tỳ-khưu tư vị vì thương.

2). Tỳ-khưu tư vị vì ghét.

3). Tỳ-khưu tư vị vì dốt-nát.

(1) Chi : Cái duyên ở một thế chia ra

4). Tỳ-khưu tư vị vì sợ

5). Tỳ-khưu dùng của Tăng như của mình.

* * *

2. TỲ-KHƯU CÓ ĐỦ 4 CHI MỚI ĐÁNG GỌI LÀ TỲ-KHƯU.

1). Phải hằng niệm tưởng đức của Phật.

2). Phải hằng có tâm Bác-ái **(mettã).**

3). Phải hằng Tham-Thiền đối-tượng tử-thi **(asubha).**

4). Phải hằng niệm tưởng sự chết **(maranasati).**

* * *

3. SA-MÔN CÓ ĐỦ 4 CHI MỚI ĐÁNG GỌI LÀ SA-MÔN.

1). Phải có tâm nhẫn-nại.

2). Phải thận trọng trong việc phước đức.

3). Phải dứt bỏ lợi danh và Phiền-Não.

4). Không bận lòng về thế sự.

* * *

4. NGƯỜI SỚM TỚI ĐI VÀO ĐỊA-NGỤC CÓ 3 HẠNG :

1). Người không phải hành đạo cao thượng, mà tư xưng là hành đạo cao-thượng.

2). Người cáo gian bậc Phạm-Hạnh.

3). Người nói ngũ dục không có tội, rồi thọ dụng ngũ-dục.

* * *

5. LỜI NÓI CAO-THƯỢNG CÓ 4 :

1). Không thấy nói không thấy.

2). Không nghe nói không nghe.

3). Nói không trúng nói rằng nói không trúng.

4). Không biết rõ-rệt nói rằng không biết rõ-rệt.

* * *

6. TỲ-KHƯU CÓ GIỚI ĐÁNG TÔN-KÍNH CÓ 4 CHI :

1). Không tư vị vì thương.

2). Không tư vị vì ghét.

3). Không tư vị vì Si-Mê.

4). Không tư vị vì sợ.

* * *

7. ĐỆ TỬ ĐỐI VỚI THẦY CÓ 5 PHÁP :

1). Phải hết lòng thương yêu thầy.

2). Phải hết lòng tin tín thực thầy.

3). Phải hết lòng hổ thẹn tội-lỗi.

4). Phải hết lòng tôn trọng thầy.

5). Phải hết lòng nhớ tưởng thầy.

* * *

8. THẦY ĐÁNG CHO ĐỆ-TỬ NƯƠNG TỰA CÓ 7 PHÁP :

1). Phải có tâm Bác-ái bình-đẳng.

2). Phải có Giới tinh nghiêm.

3). Đáng cho trò tôn kính.

4). Phải nhẫn-nại, khi trò bất-bình, biết tùy cơ cảm hóa trò.

5). Phải biết đạo lý cao-siêu và biết giảng giải theo sức trò.

6). Phải ngăn trò không cho làm điều vô ích tội lỗi.

7). Phải tìm phương pháp để chỉ dẫn trò cho mau tiến hóa.

* * *

9. BẬC MINH TUỆ CÓ 4 CHI (PAṆḌITĀ) (LÀ BẬC ĐÁNG NƯƠNG TỰA).

1). Biết ơn người đã làm đến mình **(Kataññũ).**

2). Biết làm cho mình được trong sạch **(Attasuddhi).**

3). Biết làm cho người được trong sạch **(Parasuddhi).**

4). Tế độ người nên tế độ **(Saṅgaho).**

* * *

10. BẬC TỊNH-GIẢ (THIỆN-TRÍ-THỨC) CÓ 7 CHI :

1). Biết nhân. 2). Biết quả

3). Biết mình 4). Biết tiết độ.

5). Biết thì giờ 6). Biết nơi hội họp, và

7). Biết người.

Ba bậc trên đây (VIII, IX, X) là hạng người đáng nương tựa, thân cận thì sẽ được hưởng thụ 4 quả báu :

1). Hằng làm cho Giới được Tăng tiến cao-thượng

2). Hằng làm cho Định được tăng-tiến cao-thượng

3). Hằng làm cho Tuệ được tăng-tiến cao-thượng

4). Hằng làm cho sự giải thoát được tăng-tiến cao-thượng.

TỲ-KHƯU CÓ 7 PHÁP ĐÁNG CHO HÀNG PHẠM HẠNH THƯƠNG MẾN :

1). Không mong được lợi
2). Không mong được danh giá.
3). Không ngã chấp.
4). Hỗ thẹn tội lỗi.
5). Ghê sợ tội lỗi.
6). Không ganh tỵ.
7). Không bỏn xẻn.
(đáng thân cận)

✺

TỲ-KHƯU CÓ 7 PHÁP KHÔNG ĐÁNG CHO HÀNG PHẠM-HẠNH THƯƠNG MẾN :

1). Mong được lợi.
2). Mong được danh giá.
3). Ngã chấp.
4). Không thẹn tội lỗi.
5). Không ghê sợ tội lỗi.
6). Ganh tỵ.
7). Bón rít.
(Không nên gần gũi)

✺

6 ĐẶC TÍNH CỦA KẺ SI MÊ :

1). Mong được người ca tụng.

2). Mong được đứng đầu trong hàng tỳ-khưu.

3). Mong được làm cả trong chùa.

4). Mong được thiện tín cúng dường.

5). Mong được người ưa thích, việc của kẻ khác làm mà nói là của mình.

6). Mong được kẻ khác dưới quyền mình trong tất cả mọi việc.

Những kẻ có đặc tính như thế là người hèn hạ không nên thân cận.

✺

6 HẠNG XUẤT GIA LÀ :

1). Xuất gia của người dốt nát.

2). Xuất gia của người hay giận.

3). Xuất gia của người chơi giỡn.

4). Xuất gia của người thu góp của cải.

5). Xuất gia của người để nuôi sống.

6). Xuất gia của người muốn được thoát khổ.

(Chỉ có hạng người xuất gia thứ 6 mới được gọi là chơn chánh).

✺

LUẬT XUẤT-GIA

(TỨ THANH TỊNH GIỚI)



TỨ THANH TỊNH GIỚI

(Catupārisuddhisīla) là :

1.— Biệt biệt giải thoát thu thúc giới
pātimokkhasaṃvarasīla
2.— Lục căn thu thúc giới
indriyasaṃvarasīla
3.— Chánh mạng thu thúc giới
ājīvapārisuddhisīla
4.— Quán tưởng thọ vật dụng giới
paccayasaññissitasīla

✺

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI

Pātimokkhasaṃvarasīla

Trong 4 giới trong sạch xin giải về : "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" là sự thu thúc theo điều học trong giới bổn trước.

Giới mà đức Thế-Tôn đã tự thuyết rằng :

"Tỳ-khưu trong giáo pháp này, đã thu thúc theo giới bổn, đều đủ cả **ãcãra** và **gocãra,** là người đã thọ trì những điều học, hay có lòng lo sợ tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít. Như thế gọi là "biệt-biệt giải-thoát thu thúc giới".

Tiếng **pãṭimokkha** [1] nghĩa là: "Pháp mà người đã thọ-trì đúng đắn rồi, nó hằng làm cho người đó được thoát khỏi các sự thống khổ, nhứt là khỏi khổ trong bốn đường dữ (cầm thú, a-tu-la, ngạ-quỉ, địa ngục).

Tất cả điều học mà đức Thế-Tôn đã chế-định, hiệp lại gọi **pãṭimokkha** ấy, có thể làm cho người thọ-trì theo, được nhiều điều lợi ích cao thượng, như đã có giải.

Câu nói "thu-thúc theo **pãṭimokkha** ấy, là nói, được thu-thúc điều học mà đức Thế-Tôn đã truyền răn để lại.

Giải về tiếng **ãcãra và gocãra.** Phẩm cách người mong được điều hữu ích, phải cố gắng hành theo, gọi là **ãcãra,** trái lại gọi là : **anãcãra.**

Trước hết, xin giải về tiếng **anãcãra,** vì hai pháp ấy có sự tương phản cùng nhau: **Anãcãra** về đàng dữ; **ãcãra** về đàng lành.

---

(1) Tàu âm là ba-la-đề-mộc-sa.

Tiếng **anãcãra** là nói về sự hành ác, do nghiệp thân, nghiệp khẩu, hoặc luôn cả nghiệp thân và khẩu, tức là nói về sự phá giới.

Còn sự nuôi mạng không chơn chánh, là nói về tỳ-khưu nuôi mạng nhờ :

1. — Giả làm cách tề chỉnh,
2. — Giả làm cách vui vẻ
3. — Nói ướm
4. — Giả bộ dọa hẩm
5. — Được nơi đây đem cho nơi kia, được nơi kia đem cho nơi đây,
6. — Cho tre
7. — Cho lá cây
8. — Cho bông hoa
9. — Cho trái cây
10. — Cho cây xỉa răng
11. — Cho nước rửa mặt
12. — Cho vật để tắm
13. — Cho vật thoa dồi
14. — Cho đất (của tăng)
15. — Tôn kính kẻ thế
16. — Thật ít, dối nhiều

17. — Giữ giùm con cho người

18. — Làm tay sai cho người

19. — Làm thầy thuốc cho người

20. — Làm kẻ đem tin cho người

21. — Chịu cho người sai khiến

22. — Đem cơm cho người rồi đi khất thực sau mà ăn

23. — Cho đi cho lại

24. — Xem thiên-văn địa-lý

25. — Xem ngày, tháng, sao, hạn cho người

26. — Xem tài tướng và xem thai đàn bà (đẻ trai hay gái).

Nếu tỳ-khưu có lòng ham muốn mong được lợi để nuôi mạng theo 26 điều "tà mạng" trên đây, chẳng được gọi là tỳ-khưu (trừ ra không có lòng ham muốn thì không kể).

Anãcãra chia ra có hai nghiệp :

1. — **Kãyika**: hành tà do nghiệp thân.

2. — **Vãcãsika**: hành tà do nghiệp khẩu.

Giải: Tỳ-khưu khi vào giữa giáo hội không lòng cung kính, đứng, ngồi, đụng chạm, lấn lướt vị cao hạ hơn mình; đứng hoặc ngồi trước vị cao hạ; đứng hoặc ngồi cao hơn vị cao hạ; nói múa tay trước mặt

vị cao hạ; vị cao hạ đi chơn mà mình mang giầy, hoặc vị cao hạ ở thấp mà mình ở cao; đứng hoặc ngồi không ngay thẳng; không cho phép vị thấp hạ ngồi; để củi trong nhà khói mà không cho vị cao hạ hay; đi tắm không nhường cho vị cao hạ; lúc tắm và khi tắm xong đi lên, đi vào xóm hoặc ra xóm cũng như thế; hoặc đi đến nhà nào, vào buồng của người đã khép cửa; có phụ nữ ngồi đâu lại đi vào nơi ấy; vò đầu kẻ trai hoặc gái, các sự hành động như thế đều gọi là **anãcãra;** hành tà do nghiệp thân.

Có vị tỳ khưu khi vào giữa giáo-hội nói những lời vô lễ, không bạch trước với vị cao-hạ, mà thuyết pháp, hỏi hoặc giảng giới bổn (**pãṭimokkha**) đứng nói múa tay; nếu đi vào xóm thấy phụ-nữ, trẻ, hoặc già, kêu nói : cô này, có cháo không? có cơm không ? có bánh không ? có gì... ta ăn uống ?... có chi dùng ? Các cô này ! Có chi dâng cho ta...

Những lời nói ấy đều gọi là **anãcãra** hành tà do nghiệp khẩu.

Còn về **ãcãra** tức là thu thúc theo giới luật, trái hẳn với **anãcãra** như đã giải trên, và cũng chia ra có hai nghiệp: nghiệp thân và nghiệp khẩu, giống nhau.

Người học Phật nên lấy đó làm nơi xu-hướng.

Tóm lại, tiếng **ãcãra** để nói về phẩm cách vị tỳ-khưu có lòng tôn kính và nghiêm trì giới luật, có

sự hổ thẹn và gớm ghê những điều tội lỗi, ăn, mặc, theo điều "Ưng-học pháp" **sekhiyavatta,** đi tới, thối lui, xem trước nhắm sau, ngồi, đứng phải phép đáng cho người kính trọng, mắt ngó xuống, oai nghi chơn chánh lục căn thanh tịnh, có sự tiết độ, có trí nhớ, có sự biết mình **satisampajañña,** ít tham muốn, có độ lượng, không hay trà trộn cùng kẻ thế, hoặc thiên-vị theo đảng phái, biết đền ơn trả thảo, tôn kính người đáng tôn kính...

Những sự hành động ấy đều gọi là **ãcãra,** hành đúng luật do nghiệp thân và nghiệp khẩu.

Gocãra và agocãra

Cảnh vật [1] mà lục căn thường xu hướng theo gọi là **gocãra.**

Giải: Lục dục nếu nói cho tột lý thì có cả "dữ và lành". Dữ là tư cách làm cho phát sanh tội, nhứt là phạm giới.

Lành là tư cách làm cho phát sanh phước, nhứt là gìn giữ giới luật cho được trong sạch.

Giải về tiếng **agocãra** Đức Phật có tự thuyết rằng "Tỳ-khưu thường hay thân cận phụ-nữ, bán nam, bán nữ, tỳ-khưu ni, hàng rượu hoặc lưu luyến theo vua chúa, quan lại, người cao-sang, phú hộ, kẻ

---

(1) Lục dục (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp).

dữ, người không tín-ngưỡng tam bảo, hạng khinh rẽ Phật Pháp, hay gây gổ cùng tín đồ và tăng chúng. Xu hướng theo những điều ấy gọi là **agocãra,** trái lại là **gocãra.**

Gocãra chia ra có 3 điều :

1.— **Upanissayagocãra:** Nơi nương nhớ có thể làm cho đức hạnh phát sanh, như thân cận cùng bậc "thiện-trí-thức".

2.— **Ãrakkhagocãra:** Cái có thể giữ gìn lục căn được thanh tịnh, như "trí nhớ".

3.— **Upanibandhagocãca:** Phương pháp trau-giồi có thể buộc chặt cái tâm, như phép "Tứ-niệm-xứ".

Giải: Những bậc "thiện trí thức" có đủ 10 lời nói trong sạch [1] hoặc cao-minh hằng tế-độ người nương theo Phật Pháp, cho được nghe chơn lý chưa

---

(1) 10 lời nói trong sạch (Kathã vatthu) là :

1— **Appicchakathã:** lời nói làm cho phát sanh sự ham muốn ít.
2— **Santutthikathã:** lời nói làm cho phát sanh sự biết đủ (tri-túc),
3— **Pavivekakathã:** lời nói làm cho phát sanh sự yên lặng,
4— **Asamsaggakathã:** lời nói không cho sự quyến luyến.
5— **Viriyàrambhakathã:** lời nói làm cho phát sanh sự tinh tấn,
6— **Sĩlakathã:** lời nói làm cho giới được trong sạch,
7— **Samàdhikathã:** lời nói làm cho phát sanh thiền định
8— **Paññãkathã:** lời nói làm cho phát sanh trí tuệ
9— **Vimuttikathã:** lời nói làm cho phát sanh sự giải thoát,
10— **Vimuttiñanãdassanakathã:** lời nói làm cho phát sanh trí tuệ thấy rõ sự giải thoát.

từng nghe, nghe được rồi càng thêm ngưỡng mộ, làm cho người hết sự hoài nghi, phát sanh chánh kiến.

Những bậc có đủ các pháp: Tín, giới, văn [1], thí, tuệ, mà người nào đã nương theo rồi hằng được hưởng điều hạnh-phúc, như thế gọi là **upanissayagocãra.**

Giải về tiếng **ãrakkhagocãra** Đức Phật có tự thuyết rằng: Tỳ-khưu khi đi vào xóm hoặc đi ngoài lộ, mắt thường ngó xuống, xa lối một sải, đi đứng cẩn thận, nghiêm-trang không xem xe cộ, ngựa voi v.v... nhứt là không để ý đến kẻ bộ hành (trai, gái), không ngó phía trên, nhìn phía dưới... như thế gọi là **àrakkhagocãra**

Còn về **upanibandhagocãra,** đức Thế-tôn chỉ ngay về "pháp tứ-niệm-xứ" [2] dạy người tu Phật phải dùng pháp ấy để buộc chặt cái tâm như sau này:

Yathãthambhe nibandheyya vaccham damannaro idha bandheyyevam sakkam cittam satiyãrammane dalham.

Nghĩa là: Trong vũ-trụ nầy, những người, khi tập luyện bò con, cần phải buộc chặt nó đứng yên nơi cây trụ, ví như hành giả, khi tu tâm cũng phải dùng pháp "Tứ-niệm-xứ" để buộc chặt cái tâm, mới

---

(1) Văn: là nghe

(2) Xin xem cuốn Tứ-niệm-xứ.

có thể giữ gìn tâm được yên tịnh. Đó gọi là **upanibandhagocãra.**

Đức Như-Lai kể **ãcãra** và **gocãra** vào trong giới bổn, vì là: Giới của tỳ-khưu và được trong sạch là nhờ đã có hành thêm **ãcãra** và **gocãra.** Nhơn đó đức Phật mới để pháp **ãcãra** chung với giới bổn.

GIẢI VỀ TIẾNG "LO SỢ TỘI LỖI NHỎ NHEN CHÚT ÍT"

Trong điều Ưng-học-pháp sekkhiyavatta và khandhakavatta v.v... điều học nào thuộc về "vô ý" mà phạm thì cũng bị tội cho nên gọi là tội "nhỏ nhen chút ít".

Đối với bậc trí tuệ, dầu là tội nhỏ nhen chút ít, các ngài cũng chẳng dám dễ duôi phạm đến. Sự lo sợ của các ngài làm cho các ngài thấy những tội ấy lớn bằng núi Tu-Di, cao đến 84.000 do tuần. Bằng không, với tội nhẹ hơn hết, như tội ác khẩu, các ngài cũng rất lo sợ, xem như đại tội "Bất cộng trụ. Chẳng phải chỉ có thế thôi, cho đến những nghiệp nhỏ nhen mà đức Phật nói: "Không phải là tội, không phải là sự dễ duôi", các ngài cũng chẳng dám phạm. Phẩm cách của bậc trí-tuệ lo sợ tội lỗi nhỏ nhen chút ít là như thế ấy.

Thọ trì một việc nào là việc phụ thuộc của những

điều học. "9 điều [1] của đức Phật đã chế định" và gìn-giữ hành theo cho đều đủ, như thế gọi là thọ-trì theo tất cả điều học.

Tất cả pháp đã giải đều gọi là " Biệt-Biệt Giải-Thoát Giới " **(pâtimokkha saṃvarasīla).**

KẾT-LUẬN TRONG " BIỆT-BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI "

Thật vậy " Biệt-Biệt Giải thoát Giới " mà được trong sạch là nhờ có đức tin. Điều học mà đức Phật đã chế-định ấy, vượt khỏi tuệ-lực của chư

---

(1) 9 điều chế định là:

1— **Mùlapàññtti:** điều chế đầu tiên trong mọi điều học.

2— **Anupaññatti:** điều chế nối tiếp trong điều học đã có cấm nhiều lần.

3— **Anuppaññapannatti:** điều chế để ngừa sự xảy đến (nói về 8 trọng pháp của tỳ-khưu ni).

4— **Sabbatthapaññatti:** điều chế đối với tất cả tỳ-khưu trong xứ.

5— **Padesapaññatti:** điều chế chỉ đối với tỳ-khưu trong xứ trung Ấn-độ.

6— **Sàdhãranappaññatti:** điều chế chung cho tỳ-khưu và tỳ-khưu ni.

7— **Asãdhãranappaññatti:** điều chế riêng cho tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni.

8— **Ekatopaññatti:** điều chế chỉ đối với tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni.

9— **Ubhatopaññatti:** điều chế đối với cả hai bên.

Thinh-văn, nên chính mình đức Phật mới có thể chế-định được. Nhân đó, các tỳ-khưu phải thọ trì điều học, chẳng nên tiếc sự sống mà phạm giới, phải hành theo bài kệ sau này :

Pāṭimokkhaṃ visodhento appevajīvitaṃ jahe paññattaṃ lokanāthena na bhinde sīlasaṃvaraṃ.

Nghĩa là : Người có đức tin, khi đã thọ trì giới bổn, nên liều thác, chẳng nên phạm giới của đức Phật đã chế-định.

Giải rằng : " Chim te-hoạch liều chết rán gìn-giữ trứng của nó thế nào, thú **cāramī** liều chết rán gìn-giữ lông nó thế nào, người bá hộ có một trai, rất trìu mến, rán gìn-giữ đứa con đó thế nào, kẻ hư một mắt rán gìn-giữ mắt lành kia thế nào, thì các người phải rán thọ trì giới của mình như thế ấy. Hãy lấy nó làm nơi chí-thiết, làm cho giới được trong sạch hoàn-toàn cũng như mấy điều kể trên vậy.

✺

LỤC CĂN THỦ THÚC GIỚI
(indriyasaṃvarasīla)

Đức Thế-Tôn đã tự thuyết rằng : " Tỳ-khưu đã thọ trì giới bổn rồi, nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi hưởi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, tâm

biết các pháp mà chẳng cảm xúc, tinh tấn gìn giữ lục căn, không cho ác pháp (tham, sân, si) đè nén được, như thế gọi là " Lục Căn Thu Thúc Giới ".

GIẢI VỀ TIẾNG " CHẲNG CẢM XÚC "

Chẳng cảm xúc là chẳng vì sự tiếp xúc mà cảm động, phân biệt rằng đây là phụ-nữ, đây là nam nhơn, đây đẹp, đây không đẹp, đây ngon, đây không ngon v.v... chỉ phải trong phạm vi thấy nghe mà thôi.

GIẢI VỀ TIẾNG " TINH TẤN GÌN GIỮ LỤC CĂN "

Phải tinh-tấn cẩn-thận, chăm chỉ không cho lục trần thâm nhập lục căn, ngăn ngừa không cho cảnh nghịch làm cho phát sanh sự thương ghét vào nhiễu loạn tâm linh. Nếu có cảnh nghịch tiếp xúc, phải dùng trí nhớ cản ngăn, nghĩa là : đừng hững hờ để cho tâm duyên theo hoàn cảnh. Phải tinh tấn hành theo pháp **ãcãra** và **gocãra** cho đều đủ (như đã giải trong đề " Biệt-biệt giải thoát thu thúc giới).

Sự tinh-tấn như thế chỉ để ngăn ngừa lục căn không cho ác pháp (tham, sân, si) vào làm hại thiện pháp trong tâm. Bởi vì ác pháp vào được rồi, thì nó làm tiêu hoại các điều lành trong tâm, ví như đạo tặc vào nhà vậy.

THU THÚC VÀ KHÔNG THU THÚC

Trong Lục căn thu-thúc giới có những điều để phân biện pháp thu thúc với pháp không thu thúc ; khi những điều ấy chưa phát sanh thì không thể gọi là " thu thúc hoặc không thu thúc được ".

Thế nào gọi là pháp thu thúc **(Saṃvaradhàrma)** thế nào gọi là pháp không thu thúc **(asaṃvaradharma)?**

5 pháp để phân biệt thu thúc là :

1.—**Sīlasaṃvara :** pháp thu thúc tức là " giới "

2.—**Satisaṃvara :** pháp thu thúc tức là "trí nhớ"

3.—**Ñāṇasaṃvara :** pháp thu thúc tức là "Trí tuệ".

4..—**Khantisaṃvara :** pháp thu thúc tức là "nhịn nhục"

5.— **Viriyasaṃvara :** pháp thu thúc tức là "tinh tấn"

5 pháp để phân biện không thu thúc là :

1.— **Dussīlya :** phá giới

2.— **Mutthasacca :** hay quên

3.— **Aññāṇa :** không trí tuệ

4.— **Akkhanti :** không nhịn nhục

5.— **Kosajja :** lười biếng

Giải : Khi một trong sáu trần tiếp xúc với một căn nào mà có một trong 5 pháp thu thúc phát sanh thì phải biết rằng " căn " ấy tỳ-khưu đã thu thúc trong sạch rồi. Trái lại, nếu có 1 trong 5 pháp không thu thúc phát sanh, thì nên biết rằng " căn " ấy, tỳ-khưu không thu thúc. Sự thu thúc và không thu thúc chẳng phải chỉ phát sanh trong 1 căn thôi đâu (chúng nó có thể phát sanh trong tất cả lục căn).

Muốn biết những sự thu thúc và không thu thúc phát sanh, phải cần biết con đường đi từng bậc của tâm.

Đây xin giải : Con đường đi của tâm trong " nhãn căn ".

Khi sắc trần tiếp xúc mắt thì những hiện tượng biến động tiếp tục phát sanh, trước hết :

1.— (Bhavaṅga) Tâm thường tịnh phát sanh 2 **(khaṇa)** " sát-na " nghĩa là rung động tâm thường tịnh 2 sát-na [1] rồi diệt.

2.— (Kiriyãmanodhãtu) là cái tâm tìm kiếm sắc trần làm cho sự tìm kiếm **(ãvajjanakicca)** sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

3.— (Cakkhuviññàṇa) Nhãn thức nghĩa là sự biết sắc trần trong " nhãn căn " làm cho " sự thấy "

---

(1) (khana) sát-na là = thời gian rất ngắn của tốc lực tâm.

(Dassanakicca) sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

4.—**Vipãkamanodhãtu**: Tâm dung nạp sắc trần làm cho sự dung nạp ấy phát sanh lên 1 sát-na rồi diệt.

5.— **Vipãkahetuka manoviññàṇadhãtu** : Tâm xem xét châu đáo làm cho sự xem xét châu đáo (santīraṇakicca) sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

6.— **Kiriyãhetukamanoviññàṇadhãtu** : Tâm ghi chép sắc trần làm cho sự ghi chép (votthapanakicca) ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

7.—**Javana** " Tâm tốc-lực "[1] tùy theo trạng thái của cảnh giới, làm cho phát sanh pháp thu thúc hoặc không thu thúc.

Khi tâm thường tịnh (**Bhavaṅga**), mới phát sanh thì chưa được gọi rằng thu thúc hoặc không thu thúc. Chỉ đến khi sát-na (**javana**) phát sanh mới có thể nhứt định được. Bởi tất cả các pháp để phân biện cho biết " có thu thúc cùng không thu thúc " đều chỉ phát sanh trong sát-na cuối cùng là (**javana**) thôi.

---

(1) Javana là cái sức mau chóng của tâm bắt lấy và hưởng dụng sắc trần.

Chỗ nói : " Phải cẩn thận trí nhớ và rán gìn giữ 6 căn không cho các ác pháp là tham, sân đè nén được " là chỉ rõ rằng : khi " tham sân " không đè nén được thì gọi là " thu thúc ". Nếu để chúng nó đè nén được thì gọi là " không thu thúc ".

Xin thí dụ cả thân thể như nhà, sáu căn như cửa ngoài nhà, đường đi của tâm ví như buồng trong nhà, trí nhớ như người giữ cửa.

Tất cả năm pháp thu-thúc ví như cửa cái ; một trong sáu trần ví như kẻ dắt đường ; tham và sân ví như kẻ cướp ; cả năm pháp " không thu thúc " ví như bọn tùy tùng của kẻ cướp. Khi người gác cửa tức là " trí nhớ ", quên phận sự mình, thì tất nhiên kẻ dắt đường, chính là một trong sáu trần, sẽ thừa dịp ấy dẫn kẻ cướp tức là tham và sân vào nhà. Kẻ cướp ấy, tức là tham-sân, ắt đem theo bọn tùy tùng tức là năm pháp "không thu thúc" xông vào phá buồng trong nhà tức là đường đi của tâm để cướp lấy tài sản tức là thiện pháp (pháp thu thúc).

Vì vậy cho nên cần phải tinh tấn gìn giữ sáu căn cho cẩn thận, chớ nên hờ hững để cho giác quan phóng túng như: mắt hay xem sắc,tai hay nghe tiếng vân vân... Những lời đã giải gọi là: "Lục căn thu thúc giới".

KẾT-LUẬN "LỤC CĂN THU THÚC GIỚI"

Nhờ có trí nhớ mà Tỳ-khưu gìn giữ sáu căn được thanh tịnh, làm cho ác pháp nhứt là tham, sân không thể đè nén cái tâm trong sạch được.

Có lời khen rằng: "Thu-thúc lục-căn giới mà được kết quả mỹ mãn rồi, có thể bảo tồn giới bổn được lâu dài, ví như cây lúa mà người gìn giữ được tốt tươi, là nhờ có hàng rào kín đáo, ví như Tỳ-khưu không thể bị đạo tặc phá khuấy, tức là các phiền não vào làm hại, hoặc giả ví như một xứ kia được quan quân canh giữ các cửa thành rất cẩn thận làm cho bọn giặc không sao xâm nhập được". Hiệp theo Phật-ngôn rằng: **"Rùpesu saddesu athorasesu gandhesu, phassesu, ca rakkhatindriyaṃ ete hi dvãrã pidahitã susaṃvutã na haranti gãmamva parassa hãrino.** Nghĩa là: "Con người phải gìn giữ lục căn, không cho điều nguy hiểm tai hại phát sanh vì sắc, thinh, hương, vị, xúc, bởi khi các cửa nhứt là nhãn căn, mà người đã đóng khít khao rồi, thì chẳng bị cái chi làm hại được, ví như trong xứ mà người đã đóng cửa thành chắc-chắn, thì đạo-tặc cũng không sao vào phá hại dân chúng được.

Lại nữa,nếu Tỳ-khưu nào đã thu thúc lục căn rồi, thì lòng tham dục không sao phá hại tâm của vị đó được, ví như giọt mưa không thể xoi phủng mái nhà

đã lợp khít khao vậy.

Đúng theo Phật ngôn rằng: **Yathã agãraṃ succhannaṃ vutthi na samativijjhati evaṃ subhâvitaṃ cittaṃ rãgo na samativijjhati".**

Nghĩa là: "Giọt mưa không thể xoi phủng mái nhà mà người đã lợp khít khao thế nào, lòng tham dục cũng không sao xâm nhập vào tâm của người đã trau-giồi đúng đắn được.

Những hành giả nào khi đã thấy rõ các đức của sự "thu thúc" và những tội của sự "không thu thúc" thì chẳng nên dãi đãi, phải hết lòng tinh tấn gìn giữ lục căn, theo lời chú giải sau nầy :

'Makkato va araññamhi vane bhanto migo viya bâlo viya ca uttàsito na chavelolalocano adhe khipeyya cakkhũni yugamattadasso siyã vanamakkatalolassa nacittassavasaṃ vaje.

Nghĩa là: Những người nào mong được sự lợi ích, thì mắt chẳng nên láo-liên như khỉ trên cây, như thú nhút nhát trong rừng [1] như trẻ con sợ hãi vì xa thân quyến. Theo giới luật thì trong khi đi đứng, phải ngó xuống, xem chung quanh mình lối hai

---

(1) Thú trong rừng thường hay sợ người bắn, giết, hay là bắt nó. Nên khi đói, đi kiếm ăn lỡ ra ngoài rừng, thì mắt giáo giác ngó bên nầy dòm bên kia không ngớt.

thước, chẳng nên chìu theo vọng tầm, xét cái này, suy cái khác như khỉ trong rừng vậy.

CHÁNH MẠNG THANH TỊNH GIỚI
(Ājīvapārisuddhisīla)

Cách nuôi mạng theo lẽ chánh của tỳ-khưu, không phạm sáu điều học mà đức Phật đã chế định vì nguyên nhân tà mạng, hoặc chẳng phậm, nhứt là năm ác pháp, như thế gọi là giới nuôi mạng trong sạch.

Giải về 6 điều học :

Sáu điều học mà đức Phật đã chế định là :

1.— Tỳ-khưu chỉ vì nguyên nhân nuôi sanh mạng, có sự tham muốn xấu xa, bị lòng tham đè nén, rồi khoe pháp của bậc cao nhơn (pháp đại định hoặc là pháp thánh) mà mình chưa đắc, phạm tội "Bất cộng trụ".

2.— Tỳ-khưu chỉ vì sự nuôi sanh mạng, làm mai dong, nói cho trai vừa lòng gái, gái đẹp lòng trai, phạm tội "Tăng tàn".

3.— Tỳ-khưu khoe pháp của bậc cao nhơn nói không ngay, chỉ nói mí rằng: "Các ngài hãy xem tỳ-khưu nào ở trong tịnh xá của các ngài, chính vị tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán vậy. Cách khoe mình như thế, chỉ vì sự nuôi sanh mạng phạm "Trọng tội".

4.— Tỳ-khưu vô bịnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật thực cao lương để dùng, phạm "Ưng-đối-trị".

5.— Tỳ-khưu-ni vô bịnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật thực cao lương để dùng, phạm "Ưng-phát-lộ".

6.— Tỳ-khưu vô bịnh xin vật thực để dùng, phạm tác ác.

Giải về 5 ác pháp :

Năm ác pháp là pháp đê hèn, tội lỗi mà bậc tu hành phải xa lánh là :

1.— **Kuhanâ**

2.— **Lapanã**

3.— **Nemittikatã**

4.— **Nippesikatã**

5.— **Lãbhenalabham nijigimsanatã**

Trong ác pháp thứ nhứt **"Kuhanâ"** giải rằng: "Tỳ-khưu dục lợi muốn được người tôn kính và khen tặng, nói dối để khoe đạo đức cao thượng mà mình không có và tìm nói dối như mấy cách sau nầy:

a) **Paccayapatisevana:** Phương pháp nói dối về sự thọ lãnh vật dụng.

Giải: Có hạng tỳ-khưu được thí chủ thỉnh đến dâng cúng 4 vật dụng, tuy tâm mong mỏi được mấy món ấy, nhưng giả bộ từ chối, làm cho người tưởng rằng mình là kẻ ít tham, không cần vật quí giá, chỉ dùng vật thấp hèn thôi (như dùng y dơ của người

bỏ). Vì lẽ ấy nên thí-chủ thật lòng tín ngưỡng mình. Lần sau họ đem nhiều vật đến dâng cúng mới chịu thọ lãnh và kiếm thế chữa mình rằng: "Ta chẳng phải ham dùng các món ấy, nhưng muốn cho quí ngài vui lòng được phước, nên phải buộc mình thọ lãnh". Chẳng phải chỉ giả dối trong những lời ấy, mà còn làm ra dáng cao thượng nữa, cho người càng thêm tôn trọng mình.

Các cách hành động như thế gọi là dối trá về sự thọ lãnh vật dụng.

b) **Sãmantajappana :** Tỳ-khưu dục lợi, muốn được người khen ngợi, giả trá bằng cách nói mí rằng: "Các ngài nên xem tỳ-khưu nào mặc y như vầy, thầy thế-độ và thầy giáo-thọ của vị tỳ-khưu ấy như vầy, tỳ-khưu ở trong tịnh xá như vầy v.v... Tỳ-khưu như thế là bậc sa-môn cao thượng, bởi ngài có đạo đức thanh cao. Hoặc nói nhiều cách khác nữa, hoặc tự khoe mình để cho người tán tụng. Như thế gọi là **"Sãmantajappana".**

c) **Iriyapathasanisita** hoặc sự dối giả xấu xa bằng cách oai nghi đi đứng...

Giải: Có hạng tỳ-khưu dục lợi bằng cách đê hèn, muốn được danh lợi nên khoe rằng mình có đạo đức cao thượng, thu thúc oai nghi (đi, đứng, ngồi, nằm) theo dáng bậc cao nhơn, làm cho người lầm tưởng

rằng mình có đầy đủ trí tuệ, hoặc đã đắc đại định. Như thế gọi là dối trá bằng cách giả bộ thu-thúc oai nghi.

Trong ác pháp thứ nhì **(Lapanã)** giải rằng : Tỳ khưu tham muốn xấu xa mong được tài vật và danh tiếng, khi thấy người đến chùa thì niềm nở hỏi han. Nếu người nói đến thỉnh chư tăng thì tự mình đi thỉnh thế cho, hoặc tự khoe rằng : " Ta được từ vua, chí các quan lớn, nhỏ đều kính mến ". Hoặc nói lời này tiếng nọ làm cho thí-chủ phải dâng cúng vật dụng cho mình. Nhưng thế gọi là **" Lapanã ".**

Trong ác pháp thứ ba **(Nemittikatã)** giải rằng : "Tỳ-khưu tham muốn xấu xa, mong được vật dụng và danh dự, hành động nói để cho người phải bố thí tài vật đến mình. Như tỳ-khưu thấy, người có vật thực ngon ngọt, làm tuồng như không thấy giả bộ hỏi thăm bằng thế này thế kia, cho người biết rằng mình cần dùng vật ấy, khiến người phải buộc lòng đem đến dâng cho mình. Các cử chỉ như thế gọi là **"Nemittikatã ".**

Trong ác pháp thứ tư **(Nippesikatã)** giải rằng : "Tỳ-khưu dục lợi cách đê hèn, mong được tài vật và danh vọng, ỷ quyền chửi mắng [1] thí-chủ ; dùng lời

---

(1) 10 cách chửi mắng : người là kẻ cướp, người là kẻ dữ, người là kẻ lầm lạc, người là bò, là thú...

này tiếng kia, trách người không biết đều, không tín ngưỡng Phật pháp ; nói lén hoặc nói xấu người, hoặc đem đến chuyện xấu nhà này nói với nhà kia... như thế gọi là " **Nippesikatã** "

Trong ác pháp thứ năm **(Làbhenalàbham nijigimsanatã)** giải rằng : " Tỳ-khưu dục lợi cách đê hèn, muốn được tài vật và danh tiếng, lấy vật được nơi đây đem cho nơi kia, nhà nầy để cho nhà nọ, mong được của cải thêm nhiều, như thế gọi là **"Lãbhenalàbham nijigimsanatã ".**

Những lẽ giải trên đây gọi là " Sự tà mạng do 5 ác pháp".

GIẢI VỀ SỰ BIẾT VÔ ÍCH

Sự " biết vô ích ", là tư cách hiểu biết thấp hèn, không có ích lợi chi. Tư cách ấy có nhiều thể thức khác nhau, nhưng đây chỉ lược thuật 8 thể thức :

1.— Biết sách giải về " Thân thể học " **(aṅgaṃ).**

2.— Biết sách giải về " Các nguyên nhân khác " **nimittaṃ.**

3.— Biết sách giải về " Thiên văn học " **(uppãtaṃ).**

4.— Biết sách giải về " Pháp đoán điềm mộng " **supinaṃ** [1]

---

(1) Mộng là những triệu chứng mà người thường cảm giác trong lúc ngủ

5.— Biết sách giải về " Thần tướng học " **lâkkhanam.**

6.— Biết sách giải về " Y phục bị chuột cắn " [1] **musikacchinnaṃ).**

7.— Biết sách giải về " Sự cúng dường lửa " **aggihomaṃ.**

8.— Biết phương-pháp " Cúng dường vá " [2] **(Dobbihonaṃ).**

Tỳ-khưu thọ dụng những vật thực của thí chủ có lòng tín thành dâng cúng cho, chẳng nên học hỏi sách tướng để tìm cách nuôi mạng bằng sự " biết không hữu ích " như đã giải trên.

Tư cách của tỳ-khưu, nhứt là sự lánh xa " 5 ác pháp " và " 8 điều biết không hữu ích " để tìm thế nuôi mạng trong sạch, gọi là hành theo "Chánh mạng" vậy.

KẾT-LUẬN TRONG PHÁP CHÁNH MẠNG

Tỳ-khưu có " Chánh mạng " do sự tinh tấn, thu thúc theo giới luật, nghĩa là nhờ có sự cố gắng, thì pháp chánh mạng mới được trong sạch.

Sự trì giới này chỉ nhờ đức tinh tấn chơn chánh,

---

(1) Khoa nầy thuộc về Bà-la-môn giáo.

(2) Phép cúng dường (và mức canh) theo đạo Bà-la-môn.

hằng lánh xa cá ác pháp và sự biết vô ích như đã giải trên, mới có thể tìm vật dụng một cách trong sạch được.

Theo lẽ ấy, tỳ-khưu mong được điều lợi ích, chẳng nên thọ lãnh vật dụng nhơ-nhớp đê hèn trái lẽ đạo.

PHẢI BIẾT VẬT DỤNG THẾ NÀO LÀ "TRONG SẠCH", THẾ NÀO LÀ " KHÔNG TRONG SẠCH "

Đối với các hạng tỳ-khưu không tu hạnh đầu đà, những vật dụng của thiện tín thông luật pháp bố thí đến chư tăng hoặc đến 1, 2, 3, vị tỳ-khưu, đều gọi là " vật trong sạch ".

Tuy nhiên vật dụng được do sự hành khất, lượm lặt của người thí chủ có tâm thỏa thích trong pháp đầu đà dâng cúng, mới đáng gọi là vật dụng trong sạch. Hoặc vật dụng quí giá hay thấp hèn đã được trong một thời kỳ, tỳ-khưu không dùng vật quí, đem dâng cho vị khác và để vật hèn lại cho mình, như thế mới đáng gọi là " vật trong sạch cao thượng ".

" Vật dụng không trong sạch " là vật dụng được do sự " tà mạng " như đã giải trong " Biệt biệt giải thoát thu thúc giới ", trong " **anãcãra** ", trong " 6 điều học", trong 5 ác-pháp và trong " 8 điều biết vô ích ", hoặc vật dụng do sự bôm dỗ, làm thầy thuốc mà có hay tự

mình mua, đổi. Những vật ấy đều gọi là " vật không trong sạch ".

Có lời khen rằng : " Tỳ-khưu nào, dầu có sự tai hại đến sanh mạng mình, cũng chẳng thối chuyển trong sự hành theo chánh mạng, thà chết chớ chẳng chịu dùng vật thực không trong sạch, mới đáng gọi là bậc chơn chánh ". Như Đại-đức Xá-ly-Phất, một thuở nọ, ngài đau bụng gió, tôn giả Mục-kiền-liên hỏi rằng : " Thường khi sư huynh mang bịnh ấy, vậy chớ sư huynh dùng thuốc chi để chuyên trị ? " Đức Xá-ly-Phất đáp : " Khi còn ở thế, bị bịnh nầy, tôi dùng cơm nấu với sữa tươi không có lộn nước thì bịnh hết ".

Trong lúc ấy có một vị tỳ-khưu nghe được, bèn bảo người nấu cơm y như lời đức Xá-ly-Phất đã nói khi nảy. Ông ta đi khất thực rồi đem về dâng cho đức Xá-ly-Phất, nhưng ngài chẳng chịu dùng, vì cho rằng cơm nầy phát sanh do lời nói của mình. Ngài bèn thuyết rằng :

Vacīviññatti vipphârâ.

Uppannaṃ madhupāyasaṃ.

Sace Bhutto Bhoveyyāhaṃ.

Sājīvo garahito mama.

Yadipi me antagunaṃ.

Nikkhamitvā bahī care.

Nevabhindeyyamājīvaṃ.

Cajamānopi jīvitaṃ.

Ārādhemi sakaṃ cittaṃ.

Vivajjemi anesanaṃ.

Nāhaṃ buddhapatikkutthaṃ.

Kāhāmi ca anesanaṃ.

Nghĩa là : " Nếu tôi dùng cơm sữa phát sanh do lời nói của tôi, thì ắt bị bậc trí huệ khinh bỉ được. Dầu ruột phải lòi ra ngoài, tôi cũng cam chịu chết, chớ không thối chuyển, để làm hư hại pháp chánh mạng của tôi. Tôi làm cho tâm tôi phải theo tôi, tôi phải lánh xa vật thực tìm được do tà mạng và không khi nào dám phạm tà mạng mà đức Phật đã răn cấm đâu.

Có lời kệ rằng :

Anesanāya cittampi ajanetvā vicakkhano ājīvaṃ parisodheyya saddhāpabbajito yati.

Nghĩa là : Những hành giả có trí tuệ, đã xuất gia theo Phật pháp do lòng tín ngưỡng chơn chánh, phải làm cho sự nuôi mạng được trong sạch, không nên chìu theo vọng tâm, thọ lãnh vật dụng thuộc về "tà mạng".

QUÁN TƯỞNG VỀ THỌ VẬT DỤNG GIỚI

(Paccaya sannissitasīla)

Giới nương theo 4 vật dụng là nói về tư cách dùng

4 món ấy được trong sạch, nhờ phép quán-tưởng.

Tiếng "vật dụng" là nói về vật phải dùng mới có thể sống được. Vật dụng ấy có 4 loại là :

1.— CĪVARA : vật để mặc, đắp, trùm cho kín thân thể,

2.— PIṆḌAPĀTA : vật để duy trì thân thể,

3.— SENĀSANA : chỗ ngồi, chỗ nằm để cho thân thể an nghỉ,

4.— GILĀNABHESAJJA : thuốc chữa bịnh để hộ thân thể.

Tất cả chúng sanh trong thế gian đều phải dùng 4 vật ấy dầu thế nào cũng phải nhờ 1 trong 4 món ấy mới có thể sống còn được, cho nên gọi là vật dụng.

CÁCH THỨC QUÁN TƯỞNG

Về **Dhātupaccavekkhana,** phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy chỉ là nguyên chất **"dhâtu",** để dứt bỏ sự cố chấp rằng là "ta" hay là "của ta".

Về **paṭikūlapaccavekkhana,** phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy là vật không sạch, đáng nhờm gớm, để dứt bỏ sự phân biện sai lầm, cho là "đẹp" là "sạch". Nếu trong **piṇḍapātapaccaya** thì kể vào trong phép "thiền định" **Aharapaṭikùla manasikāra.**

Về **tamkhanikapaccavekkhana** phải quán tưởng trong khi dùng.

Còn về **atītapaccavekkhana** thì phải quán tưởng thêm khi đã dùng rồi, nội ngày ấy để ngừa, e quên không được quán tưởng trong khi dùng, hầu ngăn lấp lòng ái dục không cho tâm khắn khít trong vật dụng, nhứt là để phá hủy tình dục, sân hận, si mê và ngã chấp không cho phát sanh vì sự thọ dụng ấy.

Nếu Tỳ-khưu dùng vật dụng mà không quán tưởng, thì sự thọ dụng đó nó chỉ đem lại những đều thống khổ trong đường dữ, như có Phật ngôn rằng: **Ayasāva malaṃ samutthāyataddutthāya, tameva khādati evaṃ atidhonacārinaṃ sānikammāni nayanti duggatiṃ.**

Nghĩa là : Vật dơ [1] sanh từ nơi sắt, ra từ nơi sắt, trở lại ăn sắt thế nào, thì các điều tạo tác phát khởi trong tâm, hằng dắt dẫn người làm sái, không cho quán tưởng vật dụng rồi dùng, nên phải chịu sa vào cảnh khổ, cũng như thế ấy.

GIẢI VỀ 4 PHẦN THỌ DỤNG

Sự dùng vật dụng chia ra có 4 phần :

1.— **(Theyyaparibhoga) dùng như kẻ trộm :** là

---

(1) Chất sét của sắt.

sự dùng của tỳ-khưu phá giới ;

2.— **(Inaparibhoga) dùng như kẻ mắc nợ:** là sự dùng của tỳ-khưu có giới, nhưng không được quán tưởng;

3.— **(Dãyajjaparibhoga) dùng như của "di sản" phải được :** là sự dùng của bậc hữu học [2].

4.— **(Sãmiparibhoga)** dùng như của người chủ: là sự dùng của hàng vô học [3].

Trong sự dùng thứ nhứt **Theyyaparibhoga** giải rằng: "Tỳ-khưu phá giới, rồi ẩn mình núp lén thọ vật dụng của thí chủ chung với tăng gọi là trộm vật dụng của thí chủ đem dùng, vì thí chủ chỉ tìm dâng cúng đến tỳ-khưu có giới để mong hưởng được nhiều quả phước.

Chẳng phải họ tìm dâng đến tỳ-khưu phá giới đâu. Tỳ-khưu phá giới cố che mắt người, thọ lãnh và dùng vật dụng, cho nên gọi là trộm của thí chủ. Chẳng những chỉ có thế thôi, cũng còn gọi là cướp của các tỳ-khưu có giới trong sạch nữa. Vì các vật họ dâng do sự tín ngưỡng ấy, đức Thế-Tôn chỉ cho phép các bậc tỳ-khưu, có giới được thọ hưởng, mà tỳ-khưu phá giới lại ẩn mình, che mắt thí chủ, nhận

---

(2) Từ Tu-đà-hườn đạo đến A-la-hán đạo.
(3) A-la-hán quả.

lãnh để dùng. Cho nên gọi là cướp đoạt vật dụng của tỳ-khưu có giới.

Trong Inaparibhoga giải rằng : Tỳ-khưu có giới trong sạch, nhưng dùng vật, mà không được quán tưởng trong 3 thời, theo 1 trong 4 phép quán tưởng, như thế gọi là dùng vật như kẻ mắc nợ. Tỳ-khưu mắc nợ của thí chủ không có thể vẫy vùng cho khỏi khổ sanh tử được, ví như người thiếu nợ không sao đi đến xứ nào theo sở thích được. Bởi cớ ấy, tỳ-khưu có giới trong sạch nên quán tưởng trong ý mỗi lần mặc, trong mỗi miếng cơm, trong chỗ ở, mỗi khi đi vào ngủ. Lúc dùng thuốc, phải quán tưởng luôn trong khi thọ lãnh và trong khi uống.

Trong Dãyajjaparibhoga giải rằng : "Bậc thánh nhơn hữu học như con của đức Thế-Tôn đều được phép thọ lãnh di sản của Ngài. Bốn món vật dụng mà thí-chủ bố thí bằng đức tin, ví như di sản của Ngài để lại cho các con. Bởi cớ ấy, sự dùng 4 món vật dụng của bậc "hữu học", gọi là dùng di sản mà các bậc hữu học có quyền phải được. Sự dùng của tỳ-khưu có giới và được quán tưởng gọi là dùng không mắc nợ **(ãnaṇaparibhoga)**. Như thế cũng được, vì trái hẳn với **inaparibhoga** hoặc gọi là **Dãyajjaparibhoga** cũng được, vì tỳ-khưu có giới ví cũng như "bậc hữu học" vậy.

Trong sāmiparibhoga giải rằng: "Các bậc vô học đã thoát khỏi vòng nô lệ của sự ham muốn. Các ngài được danh hiệu là chủ của vật dụng, vì các ngài dùng vật của người nào, hằng làm cho người ấy được mãn nguyện.

Trong 4 phần thọ dụng ấy có **sāmiparibhoga** là cao thượng hơn tất cả, **dāyajjaparibhoga** cao thượng bực trung. Còn **theyyaparibhoga** và **inaparibhoga** thì không gọi là cao thượng được.

Trong 4 vật dụng và 4 phép quán-tưởng, nếu tỳ-khưu không được quán tưởng đều đủ cả vật dụng, đều đủ các phép quán tưởng, chỉ được quán tưởng một vật dụng và một phép nào trong một ngày một đêm, vậy **paccayasaññissitasīla** của tỳ-khưu ấy có hư hoại không, có phạm tội chi không, do cớ nào ?

Như thế, **paccayasaññissitasīla,** chưa hư hoại vì giới ấy trong sạch do sự quán tưởng. Miễn là được quán-tưởng rồi, dầu chỉ quán-tưởng một phép trong vật dụng nào một lần, hoặc 2 lần cũng được gọi là chưa hư hoại. Trừ ra đến mặt trời mọc lên mà không được quán-tưởng lần nào cả, mới gọi là hư hoại, và tỳ-khưu ấy phải bị ở trong vòng **inaparibhoga** nữa. Ấy là nói về 3 vật dụng trên. Còn về thuốc men, phải quán-tưởng trong khi thọ và trong khi dùng mới nên,

nếu không được quán-tưởng trong khi thọ, chỉ phải quán-tưởng trong khi dùng cũng được. Nếu không được quán-tưởng khi dùng, dầu có quán-tưởng trong khi thọ cũng phạm "Tác-ác" **paṭimokkha-saṃvarasīla** cũng hư hoại nữa, nhưng **paccayasaññissitasīla** chưa sao, chỉ khi giới hạn của **atītapaccavekkhana** đã qua rồi, mới hư hoại, vì **taṃkhanikapaccavekkhana** trong **gilāna-paccaya** gìn giữ được cả **pāṭimokkhasaṃvarasīla** và **paccayasaññissitasīla** còn **atītapaccave-kkhana** chỉ gìn giữ được **paccayasaññissitasīla** thôi, nghĩa là nếu chỉ được quán-tưởng **taṃkha-nikapaccavekkhana** rồi **atītapaccavekkhana** không cần quán-tưởng cũng được. Cả 2 giới cũng không hư hoại, nếu không được quán-tưởng **taṃkhanikapaccavekkhana** dầu có quán-tưởng **atītapaccavekkhana**, thì chỉ được có **pacca-yasaññissitasīla** còn **pāṭimokkhasaṃvarasīla** phải hư hoại vì tỳ-khưu ấy đã phạm "tác-ác" rồi.

KẾT LUẬN TRONG THỌ VẬT DỤNG GIỚI

(Avasāna Kathā paccayasaññissitasīla)

Thật vậy, thọ vật dụng giới nầy, hành giả được kết quả nhờ thế lực của trí tuệ, nghĩa là trí tuệ là pháp hộ trợ cho được kết quả. Giới ấy chỉ có người trí tuệ thấy rõ tội và phước trong cách thọ 4 vật

dụng, mới có thể thành tựu được.

Bởi cớ ấy, hành giả nên dứt sự sa mê theo 4 vật dụng và nên dùng trí tuệ để quán-tưởng theo cách thức như đã giải trước, rồi mới nên dùng.

Có lời khen rằng: "Nếu có tỳ-khưu hành theo cách thức như thế, tỳ-khưu ấy được gọi là người đã làm vừa theo lời nguyện đầu tiên [1] của mình đúng theo lệ ngôn như vầy :

Piṇḍaṃ vihãraṃ sayanãsanañca
Ãpañca saṅghãṭirajũpavãhanaṃ
Sutvãna dhammaṃsugatenadesitaṃ
Saṅkhâya seve varapaññãsãvako
Tasmãhi piṇḍe sayanãsane ca
Ãpe ca saṅghãṭirajũpavãhane
Etesu dhammesu anũpalitto
Bhikkhu yathã pokkhare vãrivindu
Kãlena laddhã parato anuggahà
Khajjesu bhojjesu ca sãyanesu ca
Mattaṃ sojaññã satataṃ upaṭṭhito
Vanassa ãlepanarũhane yathã

---

(1) Lời nguyện đầu tiên là nói về lời của vị kiết-ma dạy bảo 4 pháp nương trong khi vừa thọ xong cụ túc giới, mà mình thọ bằng tiếng ãmabhante trong mỗi câu.

Kantãre puttamamsamva akkhassabbhañjanaṃ yathã

Evaṃ ãhari ãhãraṃ yãpanãya amucchito

Nghĩa là: "Hàng thinh văn, người có trí tuệ thanh cao, khi được nghe pháp mà bậc Thiện-Thệ đã giảng giải rồi, phải cần quán tưởng trước rồi mới nên dùng: vật ăn, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bịnh, nước để giặt, y 2 lớp. Bởi cớ ấy, tỳ-khưu không nên say mê trong vật thực, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bịnh, nước để giặt, y 2 lớp ấy đâu, phải có tư cách trơn tru không dính mắc, như giọt mưa rớt trên lá sen vậy. Tỳ-khưu là người có trí nhớ luôn luôn, cần phải biết tiết-độ trong vật ngọt, vật mặn và các vật thực mà mình đã được theo thời, để tiếp độ thí chủ cũng như biết dè dặt trong sự rờ rẫm mụt ghẻ do sự thoa thuốc vậy.

Người đi đường xa, cực chẳng đã phải ăn thịt con để giữ gìn sinh mạng trong khoản đường nguy hiểm, người xa phu bất đắc dĩ phải ăn dầu để thoa ốc xe thế nào, thì hành giả buộc lòng thọ thực để duy trì sanh mạng của mình cũng như thế ấy, chẳng nên vì lẽ gì, mà say mê trong vật thực.

PHÉP QUÁN TƯỞNG
(Paccayavekkhana)

Những người xuất gia tu Phật phải biết phép

quán tưởng ấy hằng ngày, phải học nó cho thông thuộc nằm lòng, cả tiếng phạn và nghĩa lý.

Các phép quản tưởng ấy có 4 là :

1.— Y phục để cho người xuất gia dùng nhứt là y ca-sa,

2.— Vật thực để cho người xuất gia được phép ăn từ mặt trời mọc đến đứng bóng, nhứt là cơm và bánh,

3.— Chỗ ngụ để cho người xuất gia an nghỉ,

4.— Thuốc để cho người xuất gia dùng ngừa bịnh.

Trong mỗi phép ấy đều có cách quán tưởng khác nhau là :

1.— Quán tưởng về nguyên chất "y phục"

2.— Quán tưởng về nguyên chất "vật thực"

3.— Quán tưởng về nguyên chất "chỗ ở"

4.— Quán tưởng về nguyên chất "thuốc men"

1.— PHÉP QUÁN TƯỞNG VỀ NGUYÊN CHẤT Y PHỤC

(Dhātupaccavekkhana)

Phép quán tưởng nầy dạy phải thẩm xét trong khi thọ lãnh 4 món dùng ấy cho thấy rõ nguyên chất của nó.

1.— Khi thọ lãnh y phục phải quán tưởng bằng cách này :

Yathãpaccayaṃpavattamãnaṃ dhãtumattamevetaṃ yadidaṃ cìvaraṃ tadupabhuñjakocapuggalo dhâtumattakonisattonijjvosuññño.

Y phục nầy hẳn thật là một "nguyên chất", chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là một "nguyên chất" thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

2.— Khi thọ lãnh món ăn phải quán tưởng bằng cách này :

Yathãpaccayaṃpavattamãnaṃ dhãtumattamevetaṃ yadidaṃ piiṇḍapãto tadupabhuñjakocapuggalo dhãtumatakonisattonijjĩvosuññño).

Món ăn nầy hẳn thật là một nguyên chất, chỉ làm ra để dùng. Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là một nguyên chất thôi, chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi cả.

3.— Khi thọ lãnh chỗ ở phải quán tưởng bằng cách nầy :

Yathãpaccayaṃpavattamãnaṃ dhãtumattamevetaṃ yadidaṃsenāsanaṃ tadupabhu-

ñjakocapuggalo dhãtumattakonisattonijjĩvosuññño.

Chỗ ở nầy hẳn thật là một nguyên chất, chỉ làm ra để dùng. Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là một nguyên chất thôi, chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

4.— Khi thọ lãnh thuốc men phải quán tưởng bằng cách nầy :

Yathãpaccayaṃpavattamãnaṃ dhãtumattameyetaṃ yadidaṃ gilãnappaccaya bhesajjaparikkhãro tadupabhuñ-jakocapuggalo dhãtumattakonissattonijjĩvosuññño.

Thuốc men để cho người bịnh dùng đây, hẳn thật là nguyên chất, chỉ làm ra để dùng. Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng thật là một nguyên chất thôi, chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi cả.

II — PHÉP QUÁN TƯỞNG VỀ VẬT ĐÁNG GHÊ GỚM

(Paṭikũlapaccavekkhãna)

Phép nầy dạy phải quán tưởng trong khi sắp dùng 4 vật dụng ấy cho thấy rõ là vật đáng nhờm gớm.

1.— Khi sắp mặc y phục, phải quán tưởng bằng cách nầy :

Sabbãnipanimãnicīvarãni ajigucchanīyãni imaṃpūtikãyaṃpatvãaṭiviyajigucchanīyãnijãyanti.

Những y phục nầy, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối nầy giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

2.— Khi sắp dùng vật thực, phải quán tưởng bằng cách nầy :

Sabbopanãyaṃpiṇḍapãto ajigucchanīyo imaṃpūtikãyaṃpatvãativiyajigucchanīyojãyati.

Những món ăn này chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối nầy giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

3.— Khi sắp vào chỗ ở phải quán tưởng bằng cách nầy :

Sabbãnipanimãnisenãni ajigucchaniyãniimampūtikãyaṃ patvãativiyajigucchanīyãnijãyanti.

Những chỗ ở nầy vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối nầy, giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

4.— Khi sắp dùng thuốc men phải quán tưởng bằng cách nầy :

Sabbopanãyaṃ gilãnappacceyabhesajjaparikkhãro ajigucchanīyo imaṃpūtikãyaṃpatvãativiyajiguṃchanīyojàyati.

Những vật để bảo dưỡng thân thể tức là thuốc dành riêng cho người bịnh dùng, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối nầy giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

III— PHÉP QUÁN TƯỞNG TRONG KHI DÙNG CÁC VẬT DỤNG

(Taṃkhanikapaccavekkhana)

Phép nầy dạy phải quán tưởng trong khi dùng 4 vật dụng :

1.— Khi mặc y phục phải quán-tưởng bằng cách nầy :

Paṭisaṁkhãyoniso cīvaraṃpaṭisevãmiyãvadevasītassapaṭighãtãya unhassapaṭighãtãya daṃsamakasavãtãtapasiriṃsapa samphassãnaṃpaṭighãtãya yãvadevahirikopinappaṭicchãdanatthaṃ.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng : " Ta mặc

y phục đây, để ngừa sự : lạnh, nóng, muỗi, mòng, nắng, gió, rắn nhỏ, rắn lớn và để che thân thể cho khỏi hỗ thẹn (lõa thể) vậy thôi.

2.— Khi ăn phải quán tưởng bằng cách này :

Paṭisaṁkhãyoniso piṇḍãpãtaṃpaṭisevãmi nevadavãyana madãya namandanãyanavibhũsanãya yãvadeya imassa kãyassathitiyã yãpanãyavihiṃsu paratiyã brahmacariyãnuggahãya itipurãnañcavedanaṃ patihaṁkhãmi navañcavedanaṃnauppãdessãmi yãtrãcamebhavissati anavajjatãcaphãsuvi hãrocãti.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng : " Ta thọ thực đây chẳng phải để chơi như trẻ con ở thế, cũng chẳng phải dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau giồi sắc thân như phụ-nữ, chẳng phải để điểm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm.

Ta thọ thực chỉ để cho thân tâm được mạnh khỏe, đặng tránh sự khó nhọc, hầu tu hành theo đạo cao thượng, cho ta diệt trừ cái khổ đã qua là sự đói khát và ngừa sự ăn quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi, sự vô tội, nhứt là thân tâm không biếng nhác và sự an lạc trong 4 oai nghi sẽ phát sanh đến cho ta nhờ sự thọ thực nầy ".

3.— Khi vào chỗ cư ngụ, trong thất, nhà, phải quán tưởng bằng cách nầy :

Paṭisaṃkhāyoniso senāsanaṃpaṭi sevāmiyāvadevasītassapati ghātāyauṇhassapaṭighātāya daṃ samakasavātātapasiriṃ sapasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva utuparissayavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng : " Ta dùng chỗ ở đây để tránh sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn, tránh sự khó chịu bởi thời tiết và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định ".

4.— Khi dùng thuốc để ngừa bịnh phải quán tưởng bằng cách nầy :

Paṭisaṁkhāyoniso gilānappaccayabhesajjaparikkhāraṃpatise vāmi yāva deva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya abyāpajjhaparamatāyāti.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng : " Ta dùng thuốc để dưỡng thân đây là thuốc mà người bịnh dùng để ngừa những bịnh hoạn đã phát khởi lên rồi, cho đặng tránh khỏi sự khổ não, nặng nề thường có".

IV— PHÉP QUÁN TƯỞNG CÁC VẬT DỤNG ĐÃ DÙNG RỒI

(Atītapaccavekkhana)

Phép nầy dạy phải quán tưởng 4 vật dụng khi đã dùng rồi trong ngày ấy, nghĩa là vật dụng khi đã dùng qua một ngày một đêm, phải hồi tưởng trước khi mặt trời mọc. Trong mỗi món dùng phải nên quán tưởng 1 lần hoặc 2 lần, 3 lần cũng được.

1.— Khi quán tưởng y phục phải quán tưởng bằng cách nầy :

Ajjamayãappaccavekkhitvãyaṃ cīvaraṃ-paribhuttaṃ taṃyãvadevasītassapaṭighãtãya uṇhassapaṭighãtãya daṃsamakasavãtã tapasi-riṃsappasamphassãnaṃpaṭighãtãya yãvadeva-hirikopinappaṭicchãdanatthaṃ.

"Y phục nào ta chưa quán tưởng mà ta mặc trong ngày nay rồi, y phục ấy ta mặc để ngừa sự lạnh, sự nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn, cho đặng che thân thể và tránh điều hổ thẹn (lỏa thể).

2.— Khi quán tưởng vật thực phải quán tưởng bằng cách nầy :

Ajjamayãappaccavekkhítvãyopiṇḍapãtopari bhutto sonevadavãyanamadãyanaman danãya navibhũsanãya yãvadeva imassakãya-

ssathittiyã yãpanãyavihiṃsuparatiyãbrahmacariyã nuggahayà itipũrãnañcavedanaṃpaṭihaṁkhãmi navañcavadanaṃnauppãdessãmi yãtrãcamebhavissatiana vajjatãca phãsuvihãrocãti.

Vật thực nào ta chưa quán tưởng mà ta dùng trong ngày nay rồi, vật thực ấy chẳng phải dùng để chơi như trẻ con ở thế, chẳng phải để dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau giồi sắc thân như phụ nữ, chẳng phải để điểm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm. Thọ thực chỉ để cho thân tâm mạnh khỏe, đặng tránh sự khó nhọc cho đặng tu hành theo đạo cao thượng, để trừ cái khổ đã qua, là sự đói khát và ngừa sự ăn quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi, sự vô tội nhứt là thân tâm không biếng nhác và sự an lạc trong 4 oai nghi chỗ phát sanh đến ta là do nhờ sự thọ thực nầy.

3.— Khi quán tưởng chỗ ở phải quán tưởng bằng cách nầy :

Ajjamayãappaccavekkhitvãyaṃ senãsanaṃparibhuttaṃ taṃyãvedevasĩtassapaṭighãtãya uṇhassapaṭighãtãya daṃsamakasavãtãta pasiriṃsapasamphassãnaṃpaṭighãtãya yãvadevautuparissayavino danaṃ paṭisallãnãrãmatthaṃ.

Chỗ ở nào ta chưa quán tưởng mà ta đã vào cư ngụ trong ngày nay rồi, là để tránh sự lạnh nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn, tránh sự khó chịu bởi thời tiết và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

4.— Khi quán tưởng thuốc uống phải quán tưởng bằng cách nầy :

Ajjamayãappaccavekkhitvãyogilãnappaccayabhesajjapari-kkhãro paribhutto soyãvadevauppannãnaṃ veyyãbãdhikãnaṃvedanãnaṃpaṭighãtãya abyãpajjhaparamatãyãti.

"Thuốc uống để dưỡng thân, là thuốc để cho người bịnh dùng, ta đã dùng rồi trong ngày nay mà ta chưa được quán tưởng. Thuốc ấy ta dùng để trừ khước những bịnh hoạn đã phát khởi lên rồi và cho đặng tránh khỏi sự khổ não nặng nề thường có.

TỘI BÁO TRONG SỰ PHÁ GIỚI

(Sīlavipatyādīnavakathã)

Nói tóm lại pháp làm cho giới được trong sạch chỉ do 2 điều là :

1.— Thấy tội trong sự phá giới.

2.— Thấy phước trong sự trì giới.

Đây xin giải về sự phá giới trước. Trong phẩm **"Aṅguttaranikãya pañcakanipãta"**, đức Phật có giảng 5 điều như vầy :

1.— Người phá giới, người không có giới hằng bị tiêu hủy của cải mau lẹ, vì là nguyên nhân sự dễ duôi.

2.— Danh xấu của người phá giới, người không có giới hằng bị đồn xa đến các hướng.

3.— Người không có giới, khi vào chỗ đô hội, không được tươi tỉnh, hằng ái ngại hổ thẹn gục mày.

4.— Người không có giới, hằng mê loạn tinh thần trong khi hấp hối.

5.— Người không có giới, khi tan rã ngũ uẩn hằng thọ sanh trong cảnh khổ.

Lại nữa, kẻ phá giới không được vừa lòng chư thiên và không đáng cho bậc phạm-hạnh dạy bảo, phải chịu điều khổ não, hoặc lo ngại vì bị người đời chê trách. Kẻ phá giới hằng hối hận, vì được nghe người đời ngợi khen bậc có giới, thường có màu da xấu xa dường như vải làm bằng vỏ cây và phải chịu sự khổ lâu dài trong đường dữ.

Người không có giới, nếu thọ lãnh vật dụng, thì làm cho kẻ tín thí ít phước, là người khó trau dồi cho mình trở nên trong sạch được, ví như hầm phẩn chất chứa đã lâu năm, là người tiêu hoại, đã xa lìa các đức tánh của hàng sa môn và tài sản của cư sĩ, ví như đống tro tàn thiêu tử-thi còn sót lại. Dầu có xưng mình là tỳ-khưu cũng vẫn không phải là tỳ-khưu, ví như các con lừa theo dính bầy bò, hằng ngày làm cho

bò giựt mình luôn. Kẻ ấy bị cho là cừu thù với tất cả loài người, không đáng cho người khác chung chạ; dường như tử thi, dầu có văn đức [1] (suta) cũng không đáng cho hàng phạm hạnh dâng cúng; dường như lửa trong rừng mộ địa không đáng cho bậc bà-la-môn chiêm bái, là người abhabba trong sự giác ngộ các đức cao thượng; dường như người mù không thể xem thấy sắc; là người không còn trông cậy nơi Phật Pháp, dường như trẻ con thấp hèn [2] không còn mong mỏi thọ hưởng ngôi vua, dầu tưởng rằng: ta có sự vui thì cũng chẳng khác chi được khổ. Có kệ ngôn rằng :

Abhivãdanasãdiyane kiṃ nãma sukhaṃ vipannasīlassa dalhavãlarajjughaṃsanadukkha dhikadukkha bhãgissa.

Nghĩa là: Vui trong ngũ dục mang quả khổ, bứt rứt nóng nảy nhiều hơn đều khổ phát sanh do sự ôm đống lửa. Khi người phá giới không chịu bỏ tánh xấu ấy ra, thì sự vui chánh thức không sao phát sanh được.

Saddhãnaṃ añjalīkammasãdane kiṃ sukham asīlassa sattippahãradukkhãdhimattadukkha-

---

(1) Văn đức là đức tính trong sự được nghe được học hỏi nhiều.

(2) Đức vua dùng phụ nữ hàng dân dã làm thứ phi, sanh được con trai, trai ấy gọi là trai thấp hèn không sao lên ngôi vua được.

ssayaṃ hetu.

Nghĩa là: Tư cách nhận lãnh lễ bái của người có đức tin, là nguyên nhân chịu sự khổ rất lớn hơn sự khổ phát-sinh do cách bị sát hại bằng gươm đao, sự vui không thể nào có đến cho kẻ phá giới, vì nguyên nhân chịu sự lễ bái của những người có đức tín ấy được.

✺

Cīvaraparībhogasukhaṃ kiṃ nâma asaññatassa yena ciraṃ anubhâvitabbã niraye jalitaayopattasamphassã.

Nghĩa là: Người không thu thúc phải chịu khổ lâu ngày, vì bị lửa của các miếng sắt cháy hỏa hào trong địa ngục thiêu đốt. Sự vui trong cách thọ dụng các thứ y ca sa như thế không sao có đến người không thu thúc ấy được.

✺

Madhuropi piṇḍapâto halâhalavisupamo asīlassa âdittâ gīlitabbã ayoyulã yena ciraṃ rattaṃ.

Nghĩa là: "Hột cơm mà người không có giới dùng rồi, dầu là ngon miệng đến đâu, cũng ví như chất thuốc độc mạnh, vì kẻ dùng cơm ấy sẽ bị ăn những

cục sắt mà lửa địa-ngục đã đốt cháy đỏ lâu ngày.

✺

Sukhasammatopidukkho asīlino mañcapīthaparibhogo yaṃ bâdhissanti ciraṃ jalitaayomañcapīthàni dukkhàni.

Nghĩa là : Cách dùng giường và chõng của người không có giới, dầu là nói được vui, cũng phải chịu khổ, vì người ấy sẽ bị giường và chõng mà lửa địa-ngục đốt cháy đỏ, làm hại lâu ngày, bởi sự dùng giường và chõng ấy.

✺

Dussīlassa vihâre saddhâdeyyamhi kânivâsaratī jalitesu nivasitabbaṃ yena ayokumbhīmajjhesu.

Nghĩa là : "Sự vui thích do cách nương ngụ trong tịnh thất của người bố thí bằng đức tin, không sao có đến người phá giới được, vì người ấy bị vào ở trong giữa chão sắt mà lửa địa-ngục đã đốt cháy hỏa hào.

✺

Sabbabhayehiamutto mutto sabbehi adhikamasukhehi supitahitasaggadāro apāyamaggaṃ samārulho.

Nghĩa là : kẻ phá giới không sao tránh khỏi sự kính sợ đâu. Sự vui trong các cõi đã dứt hẳn rồi, cửa vào cõi trời cũng đã đóng chặt rồi, kẻ ấy chỉ còn có đi trên con đường vào cảnh khổ thôi.

✺

GIẢI VỀ PHƯƠNG PHÁP LÀM CHO GIỚI TRỞ NÊN TRONG SẠCH

(Suddhi kathã)

Nơi cuối cùng đây, xin giải về 4 suddhi

Bốn thanh tịnh giới như đã giải, nếu gọi theo suddhi là sự phải làm cho trở nên trong sạch, mỗi khi đã phá giới ấy, có 4 tên khác nhau, như :

1.— **Desanâ suddhi :** giới trong sạch vì phẩm cách sám hối, là nói về "Biệt biệt trong giải-thoát thu-thúc giới" **Pãṭimokkhasaṃvarasīla).**

2.— **Saṃvara suddhi :** giới trong sạch vì phẩm cách thu thúc là nói về "Lục căn thu thúc giới" **(indriyasaṃvarasīla).**

3.— **Pariyetthi suddhi :** giới trong sạch vì phẩm cách "tìm kiếm" và nói về "Nuôi mạng thanh-tịnh giới" **âjīvapârisuddhisīla).**

4.— **Paccavekkhana suddhi :** giới trong sạch vì phẩm cách quán-tưởng là nói về "Thọ vật dụng giới" **(paccayasaññissitasīla).**

Biệt-biệt giải-thoát thu-thúc giới được trong sạch do phẩm cách "sám hối", là khi đã phạm rồi, cần phải sám-hối giữa tăng, hoặc 1, 2, 3, vị tỳ-khưu mới có thể trở nên trong sạch được.

Lục-căn thanh tịnh giới được trong sạch do phẩm cách "thu-thúc", là khi đã phạm rồi, cần phải nguyện rằng : "Ta không nên làm như thế nữa", rồi dè dặt thu thúc thêm mới có thể trở nên trong sạch được.

Nuôi mạng thanh tịnh giới được trong sạch do phẩm cách "tìm kiếm", là khi đã phạm rồi phải dứt bỏ **anesana,** là nguyên nhân phá giới, rồi tìm vật dụng phát sanh đúng theo điều luật mà dùng, mới có thể trở nên trong sạch được.

Thọ vật dụng giới được trong sạch do phẩm cách "quán tưởng", là muốn cho giới ấy trở nên trong sạch, thì cần phải, quán-tưởng theo cách thức quán-tưởng như đã có giải.

Cho nên hành giả có 1 trong 4 giới nào không được trong sạch, nên trau giồi theo cách đã giải trên, chẳng nên điềm nhiên giữ lấy vật "ô nhiễm" ấy để trong mình.

Những điều đã giải trên đây, chỉ là phương pháp để sửa mình để cho hành giả đã phá giới xu hướng theo.

Hành giả là người thành tâm thương giới, cần

phải gìn giữ giới cho trong sạch luôn luôn, chẳng nên vì lẽ gì mà phá giới. Phải hành cho đúng theo kệ ngôn đã có ghi chép rằng :

"Dhanaṃ caje aṅgavarassa hetu, aṅgaṃ caje jīvitaṃ rakkha mãno aṅgam dhanaṃ jīvitañcâpi sabbaṃ caje naro dhamma manussaranto".

Nghĩa là : Chỉ phải dứt bỏ tài sản và tứ chi thân thiết là : "Nếu thương yêu tứ chi, thì cần phải bỏ của cải ra đổi; khi muốn gìn giữ sanh mạng thì phải bỏ tứ chi ra đổi: khi nhớ thấy chánh pháp thì phải bỏ cả tứ chi, của cải và luôn đến sanh mạng đem ra đổi".

✺

GIẢI VỀ VẬT "Ô NHIỄM" CỦA GIỚI

(Sīlassasaṅkilesakathã)

Điều ô nhiễm của giới là :

1.— Trạng thái giới đứt [1]

2.— Trạng thái giới lũng [1]

3.— Trạng thái giới vá [1].

4.— Trạng thái giới rỗ [2]

---

(1) Vá là có nhiều sắc xen lộn, nửa trắng, nửa đen.

(2) Rỗ là có lỗ nhỏ nhiều chỗ.

Cả 4 trạng thái ấy gọi là điều "ô nhiễm của giới", nhứt là trạng thái giới đứt, là nói về trạng thái làm cho đứt giới vì 5 nguyên nhân và 7 điều **methunasamyoga** [3].

Trạng thái đứt giới vì 5 nguyên nhân ấy là : trong 7 phần tội nếu tỳ-khưu đứt điều học thứ nhứt, hoặc điều học cuối cùng vì theo lợi, tham danh, gọi là "giới đứt" như y ca sa đứt bìa. Nếu đã đứt điều học giữa, gọi là "giới lũng", như y ca sa lũng khoảng giữa. Nếu đứt 2 hoặc 5 điều học liên tiếp nhau, gọi là "giới vá" như bò đen hoặc vàng, có màu sắc khác nhau nơi lưng, nơi bụng. Nếu đứt điều học từ khoảng, gọi là "giới rỗ", như bò có nhiều đúm trắng, hồng, đen, nhiều chỗ.

Trạng-thái "giới đứt" đó 5 nguyên nhân vì theo lợi, tham danh như thế.

Phá giới do 7 điều **methunasamyoga** là :

1.— Thầy bà-la-môn đã tự nguyện rằng hành đạo phạm hạnh rồi lại ưa thích trong sự vuốt ve, rờ rẫm vật dụng của phụ-nữ, rồi ưa thích theo.

2.— Không làm đến thế, chỉ vui cười giỡn hớt với phụ-nữ, rồi ưa thích theo.

3.— Không làm đến thế, chỉ liếc mắt trừng mày

---

(3) Methunasamyoga: hành vi vừa với sự giao hợp.

với phụ-nữ, rồi ưa thích theo.

4.— Không làm đến thế, chỉ nghe tiếng cười, lời nói, hoặc tiếng hát của phụ-nữ, rồi rán lóng nghe và ưa thích theo.

5.— Không làm đến thế, chỉ nhớ đến cách cười, tiếng nói, hoặc thói quen đã tiếp xúc với phụ nữ từ trước, rồi ưa thích theo.

6.— Không làm đến thế, chỉ thấy thí chủ, hoặc con cháu thí chủ rồi say mê theo ngũ trần, và ưa thích giùm, hoặc muốn cho được như họ.

7.— Không làm đến thế, chỉ muốn cho được thành hạng chư thiên, rồi tu phạm-hạnh, cố ý rằng "Ta sẽ được làm vị trời như vầy, do sự trì giới này, rồi ưa thích theo.

Cả 7 điều ấy gọi là **methunasamyoga,** xấp xỉ với sự hành dâm. Nếu hạng Bà-la-môn hành theo thể thức ấy, thì giới hoặc pháp phạm-hạnh của bà-la-môn đó bị gọi là : đứt, lủng, vá, rỗ như đã giải.

✺

GIẢI VỀ ĐIỀU TRONG SẠCH CỦA GIỚI

(Sīlassavo dānakathā)

Điều trong sạch của giới là :

1.— Trạng thái của giới không đứt.

2.— Trạng thái của giới không lũng.

3.— Trạng thái của giới không vá.

4.— Trạng thái của giới không rỗ.

Ấy là 4 điều trong sạch của giới.

Những hành-giả gìn giữ giới không cho đứt, lũng, vá, rỗ, được thì cần phải dè dặt không dám phạm 1 điều học nào, hoặc nếu đã phạm một giới nào phải. mau hối hả tu bổ lại cho trong sạch và phải rán ngăn ngừa không cho 7 điều **methunasamyoga** và "14 ác pháp" làm hại đến tâm tánh.

Phải nên trau dồi 9 đức tính, mới có thể làm cho giới trong sạch được.

MƯỜI BỐN ÁC PHÁP LÀ :

1.— **Kodho :** giận.

2.— **Upanâho:** cố giận,

3.— **Makkho :** quên ơn người,

4.— **Palâso :** tự cao đem mình so sánh với bậc có tài đức.

5.— **Issã :** ganh gổ,

6.— **Macchariyaṃ :** bón rít, giấu không cho ai thấy của mình.

7.— **Mayã :** giấu lỗi mình,

8.—**Sãtheyyaṃ :** khoe tài đức mà mình không có.

9.— **Thambho :** cương ngạnh, cứng đầu,

10.—**Sãrambho :** tranh đua, dành phần hơn,

11.—**Mãno :** tự kiêu,

12.—**Atimâno :** khinh người,

13.—**Mado :** say mê.

14.—**Pamãdo :** cẩu-thả, dễ duôi, buông lung theo "ngũ-trần " (sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, đụng chạm nơi êm ái).

CHÍN ĐỨC TÁNH LÀ :

1.— **Appicchatâ :** không ham muốn hoặc ham muốn ít.

2.— **Santuṭṭhitâ :** vui thích bình đẳng đối với vật đã được, hoặc với vật dụng của mình.

3.— **Sallekkhatâ :** tu-hành cho giảm lần phiền não.

4.— **Pavivekatã :** ưa thích nơi thanh vắng.

5.— **Apacayatã :** không cho phiền não đông đặc hoặc thu thập phát sanh lên được.

6.— **Viriyârambhatâ :** tiến hành không cho ác pháp phát sanh.

7.— **Subharatã :** làm người dễ nuôi.

8.— **Appakiccatã :** làm người ít bận việc.

9.— **Sallahukavuttitã :** người nhẹ nhàng như loài chim chỉ có cặp cánh và đuôi bay đi đến nơi nào cũng được dễ dàng.

PHƯỚC BÁO CỦA SỰ TRÌ GIỚI

Những người vâng giữ các điều học trong sặch được thọ hưởng 5 quả phước là :

1.— Người có giới hằng được nhiều tài sản vì không có sự dễ duôi lười biếng.

2.— Danh-dự của người có giới hằng bay khắp hướng.

3.— Người có giới khi đi đến nơi nào đô hội hằng được tươi tỉnh, không hỗ thẹn gục mày.

4.— Người có giới hằng không tán loạn trong khi hấp hối.

5.— Người có giới, sau khi mạng chung hằng được thọ sanh trong nhàn cảnh.

Chẳng phải có thế thôi, người có giới hằng là nơi yêu mến, sùng bái, vừa lòng của bậc phạm-hạnh. Chỉ đến khi chứng quả Niết-bàn thì mới diệt tận những lậu phiền não, y theo kệ ngôn sau này :

1. — **Nagaṅgã yamunã vãpi sarabhũvã sarassati ninnagã vãciravatĩ mahĩ vãpi mahã nadĩ sakkunanti visodhetuṃ taṃ malaṃ idha pãninaṃ visodhayati sattãnaṃ yaṃ vesĩlajalaṃ malaṃ.**

" Nước của các sông lớn là sông **gangã, yamunã,**

sarabhũ, sarassati ãciravati mahi (1) cũng không có thể rửa sạch điều nhơ nhớp của tất cả chúng sanh trong thế gian, chỉ có nước tức là " giới " nầy mới mong rửa sạch đều nhơ nhớp của tất cả chúng sanh được ".

✺

2. — **Na taṃ sajaladã vãtã na cãpi haricandanaṃ nevahãrã na manayo na candakiranakurã samayantĩdha sattãnaṃ parilãhaṃ surakkhitaṃ yaṃ sametĩdaṃ ariyaṃ sĩlaṃ accantasĩtalaṃ.**

" Các ngọn gió có nước, hoặc có mùi thị đỏ, hoặc các thứ ngọc xích châu mã não, hay là ánh sáng mặt trăng cũng không sao dứt trừ sự bực tức nóng nảy của tất cả chúng sanh trong thế gian nầy được, chỉ có giới thanh cao mà người đã vâng giữ chơn chánh rồi, là phước đức rất mát mẻ, mới có thể dứt trừ được ".

✺

3. — **Sobhantevanna rãyãno muttãmanvibhũsitã yathã sobhanti yatino sĩlabhũsanabhũsitã**

---

(1) Tên các sông lớn bên xứ Ấn-độ.

" Các bậc đế-vương trang điểm bằng ngọc xích châu và mã não thường cho là được tốt đẹp rồi, nhưng cũng không bằng hành giả đã trau dồi bằng vật trang sức, tức là sự trì giới đâu ".

✺

4.— **Attãnuvãdãdibhayaṃ viddhaṃsayati sabbaso janeti kittiṃ hãsañca sĩlam sĩlavateṃ sadã.**

" Giới của các bậc thiện trí-thức hằng diệt trừ được những điều kinh sợ, nhứt là sự bực bội, không còn dư sót và thường làm cho danh dự và điều ưa thích được phát sanh ".

✺

5.— **Appakãpi katãkarã sĩlavante mahapphãlahontiti sĩlavã hoti pũjãsakkãrahãjanaṃ.**

" Lễ vật mà thí chủ đã cúng dường đến người có giới dầu là chút ít cũng được nhiều phước báo, vì người có giới đáng gọi là đồ đựng lễ vật cúng dường".

6.— **Sĩlavantaṃ nabãdhenti ãsavã diṭṭhadhammikã samparãyikadelakkhãnaṃ mũlaṃ khanati sĩlavã.**

" Các pháp " phiền-não " có tánh cách giết hại và

buộc trói người trong kiếp hiện tại, nhưng không sao làm hại những bậc có giới hạnh được. Chẳng phải chỉ có thế thôi, những người hằng đào bứng gốc rễ các thống khổ trong ngày vị lai không cho phát sanh lên được ".

✺

7.— **Yã manussesu sampatti yã cadevesu sampadã na sã sampannasīlassa, icchato hoti, dullabhã.**

" Người có giới hạnh đầy đủ, muốn được tài-sản trong cõi người và trời cũng không khó ".

✺

8.— **Accantasantã pana yã ayaṃ nibbãnasampadã sampannasīlassa mano tameva anudhãvati nibbãnasampatti.**

Đức tính tuyệt vời không xót xa vì phiền não. "sNgười có giới đầy đủ hằng lướt tới, để đạt tài sản Niết-bàn tức là nơi tịch-tịnh ".

✺

Những hành giả, khi đã niệm tưởng quả báo sự trì giới rồi, có thể ghê gớm xa lánh sự phá giới, làm cho giới được trong sạch đầy đủ, không sai. Cớ ấy, bậc thiện-trí-thức nên niệm tưởng đến tội trong sự

phá giới và phước trong sự trì giới như đã có giải rồi, nên tinh tấn cho giới mình được trong sạch đầy đủ.

NHỮNG ĐIỀU CẤM RỜI RẠC

Tỳ-khưu vô bịnh không nên đi xe, nếu có bịnh được phép đi xe bò, ngựa (đực) xa phu dẫu là nam hoặc nữ cũng được.

Khi vô bịnh không nên mang dép đi vào xóm.

Không nên ngồi nằm trên các thứ da : khỉ (matadho), sư-tử (kalasīho)... (sarabho) bò, ngựa, trâu và các thú dữ, trừ ra của giáo hội thì không cấm, hoặc dùng để làm dép đi cũng được.

Không nên mang dép toàn màu đỏ, xanh, vàng, vàng lợt (như màu rơm) đen, đen sậm (như lưng rít) đỏ như màu lá cây chín, như màu hoa sen. Nếu được những vật như thế, nên làm cho ra khác màu đã cấm, thì dùng được.

Lại nữa không nên mang guốc, các thứ dép giống như của kẻ thế, dép bít mắt cá, bít lưng chưn, có giầy buộc đến mắt cá, gót có dồn bông gòn, dép thêu, có giây buộc treo thắt kết. mũi quớt lên như đuôi con bò cạp, như đuôi con công.

Tỳ-khưu cao hơn 5 hạ, đáng làm **ãcãriya** đi chơn không, vị nhỏ hạ mang dép, phạm " Tác-ác ".

Không nên thọ và ăn thịt, cá sống. Người xuất gia được kẻ thí chủ sát sanh cầm thú dâng cho, cũng chẳng nên ăn.

Thí chủ sát sanh dâng đến tỳ-khưu, tỳ-khưu ấy không dùng đem cho vị khác, vị nầy không biết và không nghi, dùng thịt ấy, cả 2 đều không phạm tội (vị trước biết người sát sanh cho mình, không dám dùng, vị sau không hay biết người sát sanh cho tỳ-khưu rồi dùng, sau rồi, dầu biết cũng vô tội).

Không biết rồi dùng thịt thú mà đức Phật cấm (**akappiyamaṃsa**) cũng phạm tội. Sau khi ăn nếu rõ là thịt **akappiya**) thì phải sám hối. Như thế tỳ-khưu cần xem xét hỏi lại cho rõ rồi mới nên dùng. Vì khó phân biệt thịt cấm (thịt gấu giống thịt heo, thịt beo, cọp; giống thịt thú rừng có 4 chưn).

Nếu có mặt vị trưởng lão, thiện tín thỉnh vị nhỏ hạ thuyết pháp, tụng kinh, nên chờ lịnh vị cả hoặc bạch cho vị cả hay.

Nếu vị cả nín thinh thì thuyết pháp, tụng kinh, không lỗi. Bằng vị cả không cho, không nên cãi. Nếu đã lên pháp tọa rồi, vị cả mới đến thì không cần chờ lịnh.

Không có vải lọc nước, chẳng nên đi đường xa.

Thực phẩm **anāmattha piṇḍapāta** nên cho đến : cha mẹ, người hộ cha mẹ, hộ tăng và giới tử sắp

xuất-gia (trong khi đang nhuộm y; đốt bát). Với giới tử, dầu dùng đồ đựng của mình đem cho, cũng vô tội. Với cha mẹ hoặc thiện-tín thì không nên.

Nên cho **anāmattha pindapāta** đến kẻ cướp và các quan đến chùa (vì e có sự hại đến Phật giáo và mình). Có người đi lỡ đường đến nhà chùa nên tùy tiện cho cơm, cháo, cho nước uống, chỗ nghỉ, song đừng mong được lễ vật được trả ơn). Với kẻ cướp, dầu là tài-sản thuộc của tăng cũng nên cho để ngừa tai hại.

Đem tin cho cha mẹ người sắp xuất-gia, không phạm tội. Họ hỏi thăm tin, mình nói cũng vô tội. Đem tin cho kẻ khác phạm "Tác ác".

Cho bông đến cha mẹ và thiện tín để cúng Tam-bảo không phạm tội.

Trồng cây để dùng bông trái, bóng mát, hoặc tưới nước bằng lời **kappiyavohāra** vô tội.

Nhuộm y không nên ngồi quì 2 đầu gối xuống đất.

Không dùng tăm (xỉa răng) có 5 tội :

1.— Mất sự lợi ích cho mắt.

2.— Miệng hôi.

3.— Bộ thần kinh thọ chất bổ dưỡng không sạch sẽ.

4— Mật và đàm hằng bao trùm thực phẩm,

5.— Thọ thực không biết ngon.

Người, trước khi tu đã có làm thợ cạo, hớt tóc, xin xuất gia, không nên đem dao cạo theo.

Không nên nhổ tóc bạc, song, nếu có lông mọc trên mày, mí mắt, làm cho khó chịu, nhổ vô tội.

Không nên hớt tóc, nhưng nếu có ghẻ trên đầu, hớt tóc thoa thuốc cũng được. Không nên chải tóc, xức dầu, đánh sáp, vuốt tóc, trừ ra tóc có buội vuốt cũng được.

Không bịnh chẳng nên che dù đi vào xóm; Có bịnh là : chóng mặt, nhức đầu, chóa mắt, hoặc có bịnh cần phải che dù, thì không cấm.

Nếu có mưa sợ ướt y, hoặc sợ kẻ dữ mà che dù, thì không tội, dù bằng lá cây che nơi nào cũng được; nếu muốn khỏi tội, chỉ được phép che dù trong chùa, trong đất chùa mà thôi.

Không nên vẽ, hoặc bảo kẻ khác vẽ hình người và thú để chơi. Nếu vẽ để làm cho sanh lòng chán nản, thì vô tội (như vẽ các tích đức Bồ-tát).

Không nên máng, treo bát, trong nơi nào cả.

Để bát trên chỗ bén, cứng, (đá, sắt...) cũng phạm tội.

Không nên để dành đồ ăn trong bát, rửa tay trong

bát và dùng bát đựng đồ dơ (lá, vỏ, rác...) đem đi đổ. Dùng tay dơ cầm bát không nên, vật thực ăn vào miệng rồi nhả ra để trong bát không nên. Chẳng nên ăn vật chi mà không có kẻ dâng. Những vật dính trong tử-thi chưa tan rã là: da thịt còn nguyên chưa bị thú ăn, không được phép lấy mà dùng. Bát còn ướt không nên đem phơi hoặc cất.

Không nên ngồi và nằm chung chỗ với phụ-nữ, bộ nắp và người có cả 2 bộ sanh thực khí.

Không nên ngồi và nằm trên chỗ họ trải lót mà mình chưa xem xét trước (phải lấy tay rờ, lật qua lại). Khi họ trải mình thấy, hoặc lót bằng vải mỏng thì không cần phải xem xét. Chẳng nên ngồi nằm trên chỗ có rải bông, hoặc vật thơm.

Không nên dùng gối thêu, gối dài quá nửa thân mình, gối may 2 mặt bằng vải đỏ sậm, đỏ dợt.

Những vật chi để cho giáo hội dùng trong một nơi nào, không nên lấy đem dùng riêng cho mình.

Nếu thí chủ thỉnh đi thọ thực, họ chưa mời, không nên ngồi, phải đứng xa nơi ấy chờ họ thỉnh sẽ ngồi.

Tỳ-khưu không nuôi bịnh cho nhau, dầu vị cả không nuôi cũng phạm "Tác ác". Nếu chia phiên nuôi bịnh thì vô tội.

Đức Phật cho phép người nuôi bịnh, nếu bịnh chết, được thọ lãnh phần y bát. Ngoài ra, vật trong (Garubhanda) thì nhập vào của tăng dùng chung, không được phép chia. Những vật tầm thường thì phải chia với nhau, cho tất cả người xuất gia có mặt trong chùa (Tỳ-khưu, sa-di).

Không nên rờ đụng hình tượng phụ-nữ và 7 thứ lúa, dầu lúa trồng ngoài ruộng cũng vậy. Nếu không có đường đi thì nguyện là "đường đi" rồi mới đi, không phạm, nhưng không nên đạp nhằm lúa. Nếu thí chủ thỉnh ăn tại trên đống lúa, gạo, thì không được phép ngồi, phải nói với họ trải trong nơi khác. Nếu không có nơi nào trống thì ngồi vô tội.

Không nên rờ đụng trái cây chưa dâng, trái cây rụng trong rừng. Nếu tính lượm về cho **anupasampanna** thì được phép. Không nên đụng nhằm 10 thứ ngọc thạch và vàng bạc. Ngọc **Mutta** nếu chưa giồi, đụng không sao. Ngoài ra, đều là vật **anãmãsa** cũng chẳng nên thọ. Nếu thọ để làm thuốc chữa bịnh thì vô tội.

Các thứ khí giới đều là vật không nên rờ, đụng nhằm. Khí giới bỏ nơi chiến trường, bỏ cán ra, lấy lưỡi về làm vật dụng, không tội.

Nếu có bụi bay vào trong bát cơm nên bảo

anupasampanna [1] dâng lại, hoặc rửa cho sạch mới nên dùng.

Không nên cố ý hát múa, hoặc bảo kẻ khác hát, múa, hoặc nghe đờn kèn ở trong chùa. Trong nhà ăn, có bọn hát, múa, đơn kèn đến, cũng không tội. Nếu cố ý dòm xem, nghe, thì phạm.

Không nên nằm chung trên giường, chiếu đã trải lót, đắp mùng. Nếu nằm chung trên đồ trải lót, lấy vật chi (y, gậy...) để ngăn ở giữa không phạm.

Không nên ăn chung đồ đựng, uống chung đồ múc nước. Nếu đồ khô để trong một dĩa, tô, 1 vị lấy ra ăn, vị khác dùng vật còn lại trong dĩa, tộ ấy, cũng khỏi phạm tội.

Xin thực phẩm và y bằng miệng không nên. Xin chỗ ở bằng cách nói rằng: "Trong lúc này cất tịnh thất được chăng? Hoặc hỏi cư sĩ rằng : ông ở đâu? Đáp tôi ở trong dinh: hoặc hỏi Tỳ khưu có thể ở trong dinh được chăng ?". Xin như thế vô tội.

Đức Phật có giải rằng : "Nầy các Tỳ-khưu : có đường đi không có lương thực, ít nước, ít thực phẩm, nếu không dự trữ đồ ăn thì khó đi được. Như Lai cho phép kiếm, trữ lương thực đi đường, được phép

---

(1) Sadi hoặc cư-sĩ.

xin gạo, đường, muối, khô. Cần dùng vật chi xin vật ấy".

Này các Tỳ-khưu ! Có người tín ngưỡng bố thí nói với kẻ hộ-tùng rằng : "Nếu đại-đức dùng vật chi, người nên dâng vật ấy. Như-Lai cho phép dùng vật do vàng bạc mà phát sanh, các người nên ưa thích vật ấy".

Như-Lai không nói rằng : "Nên ưa thích vàng bạc trong nơi nào cả. "Chẳng nên tìm vàng bạc đâu. Cần xin lương thực cho vừa để đi đường. Đến nơi rồi, nếu còn dư, phải đem cho kẻ khác".

Trái cây có người trồng giữ, họ hứa sẽ dâng cúng, chờ họ dâng cúng mới nên thọ. Họ hứa dâng trái cây để sắm 4 vật dụng, nếu Tỳ-khưu ăn lén, phải xử theo giá trái cây : nhằm cơn đói kém, đem ra đổi mua thực phẩm cũng được. Gặp mùa không sao kiếm thực phẩm được, nếu có thể, nên bán, đổi chỗ ở cũ, hư, của giáo hội, để nuôi sanh mạng, song phải tu bổ mấy chỗ còn chắc.

Nếu có kẻ đến trộm cướp vật chi của chùa, Tỳ-khưu phải cho quan hay để tìm vật ấy lại. Nếu quan tòa hỏi ai trộm cướp? Dầu Tỳ-khưu biết cũng chẳng nên nói tên kẻ ác ấy. Cần nói như vầy: "Ông nên biết lấy, tôi chỉ xin tìm các vật ấy lại thôi". Nếu thưa kiện, quan xử phạt đến 0$60, Tỳ-khưu phạm

tội "Bất cộng trụ". Bằng chẳng thưa kiện, không chỉ tên kẻ dữ, dầu quan tòa có xử phạt cũng vô tội.

Nếu chân không rửa, hoặc đã rửa mà còn ướt, hoặc mang dép đạp trên chỗ ngồi, nằm (giường, chõng, hoặc chỗ có sơn phết) phạm "Tác ác". Không nên dựa vào chỗ có sơn phết (vách, cột, cánh cửa). Nếu để giường chõng trên chỗ ấy, phải lấy đồ lót, kê chân giường chõng. Nếu vị cả không kê chân giường, mình để vậy cũng vô tội.

Không nên liệng hoặc bảo kẻ khác liệng đồ dơ (phẩn, nước tiểu, đồ ăn dư, rác) ngoài vách tường, ngoài hàng rào. Dầu liệng bỏ vật ấy, và cây tăm (xỉa răng) trên ruộng-rẫy của người, cũng phạm tội. Liệng trong ruộng rẫy, chưa gieo trồng chi hết thì không sao.

Chẳng nên ngủ ngày không đóng cửa. Nếu không đóng cửa mà tin rằng có người vào sau họ đóng hoặc có vị khác coi chừng giùm, thì ngủ không phạm. Ngủ đến mặt trời mọc, thức dậy cửa không đóng, không phạm. Nhưng đã thức dậy mà không đóng cửa, ngủ lại nữa thì phạm tội.

Không nên mướn ai làm công việc, hoặc xin tài chánh để mướn người làm công việc cho mình, được phép xin họ làm thí công. Nếu họ không rảnh và nói: "Ngài kiếm người làm rồi tôi trả tiền" thì vô tội.

Muốn cần dùng vật chi chẳng nên xin ngay bằng lời nói. Ví dụ, như đốt bát mà không có đồ thoa bát, khi đi khất thực thí chủ đem cơm dâng, lấy tay đậy bát lại, họ hỏi tại sao? Nên đáp: "đốt bát rồi không có dầu thoa". Họ xin bát đem thoa rồi để vật thực trong bát, mang đến dâng cúng được.

Nếu đi đường hoặc đi bát mệt, họ trải chiếu hoặc đem ghế cho ngồi, khi đi phải cho chủ hay. Bằng không, mất đồ phải thường.

Không nên dùng gối dài nửa thân mình, gối may 2 mặt đỏ để trên 2 đầu giường (phía đầu và phía chân) và gối thêu, trừ ra gối vừa kê đầu thì không cấm.

Tỳ-khưu cao hoặc thấp hơn 2 hạ chỉ được phép ngồi chung 2 vị trên giường, hoặc chõng vừa ngồi được 3 người.

Được phép ngồi trên ghế của cư sĩ có dồn bông gòn mà không nên nằm. Nếu nệm không dính với ghế thì không nên.

Chẳng nên ngồi, nằm trên chỗ cao quá hơn 8 ngón tay của đức Phật, trên chỗ cao quí [1] và có chạm trỗ hình thú dữ.

Không nên nằm trên chỗ có sơn hình thú dữ, trên

---

(1) Chỗ cao quí là ghế chạm trỗ.

đồ trải bằng lông dài hơn 4 ngón tay, đồ trải bằng tơ, thêu hình thú dữ, đồ trải trắng làm bằng lông thú, đồ trải làm bằng lông có chùm, đồ trải có dồn gòn, đồ trải có vẻ hình thú dữ, đồ trải có làm lông dững lên 2 bên, đồ trải làm bằng lông dững lên một bên, đồ trải làm bằng lông dững lên 2 bên, đồ trải có chạy kim tuyến, bằng tơ hoặc đương bằng đồ quí, đồ trải bằng lông thú vừa cho 16 người khiêu-vũ nhảy múa, đồ trải trên lưng voi, ngựa xe, bằng da cọp, đồ ngủ có trần đỏ trên lưng, gối có 2 mặt, đồ-phết và lót, đồ sạch sẽ của tăng. Nếu chưa lót ngọa cụ của mình, hoặc đã có trải rồi mà ngủ quên, đồ trải cuốn vào, thân thể dụng nhằm nơi ấy phạm tội. Lông chạm nhằm nơi nào phạm tội, đếm theo số lông. Bàn tay và bàn chân đụng nhằm vô tội.

GIẢI VỀ CÁCH CHO VÀ THỌ

Về sự thọ bằng cách thân thiết theo 5 chi :

1.— Của bạn đã thường thấy nhau,

2.— Của bạn thường hay ăn chung cùng nhau.

3.— Của bạn đã có nói trước rằng: "Ngài muốn vật nào của tôi, hãy lấy vật ấy đi".

4.— Của người bạn còn sống.

5. Của người bạn biết rằng mình đã lấy rồi và ưa thích.

Tỳ-khưu gởi y trong tay vị khác, nhắn rằng: "ngài đưa giùm y nầy đến tỳ-khưu tên đó". Người nhận lãnh, đi đến nửa đường, lấy y bằng cách thân thiết với tỳ-khưu gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với tỳ-khưu chẳng chịu gởi cho, gọi là không chơn chánh. Người đi đến nửa đường, nghe tin chủ gởi y chết, nếu nguyện là di-sản của vị chết ấy, gọi là nguyện lấy không chơn chánh; nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh; nghe tin rằng gởi y đến vị nào, mà vị ấy đã chết rồi, nguyện là di sản của vị chết ấy, gọi là nguyện lấy không chơn chánh; nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh; nghe tin rằng cả 2 đều chết hết rồi, nguyện là di sản của tỳ-khưu đã gởi ấy, gọi là nguyện lấy bằng cách chơn chánh; nguyện lấy của tỳ-khưu mà chủ gởi cho, gọi là nguyện lấy không chơn chánh.

Lại nữa, Tỳ-khưu gởi y trong tay của vị khác rằng: "Tôi cho y nầy đến tỳ-khưu tên nầy". Tỳ-khưu nhận lãnh đi đến nửa đường, lấy bằng cách thân thiết với tỳ-khưu mà chủ gởi cho, gọi là lấy không chơn chánh; lấy bằng cách thân thiết với tỳ-khưu gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh. Nghe tin rằng tỳ-khưu gởi, hoặc tỳ-khưu phải được đều

chết cả, nếu lấy bằng cách thân thiết với vị phải được, hoặc lấy mà nguyện là di sản của vị phải được, như thế gọi là lấy bằng cách chơn chánh; nếu lấy bằng cách thân thiết với vị gởi, hoặc lấy mà nguyện là di sản của vị gởi, như thế gọi là lấy không chơn chánh.

VỀ CÁCH THỌ THEO "5 CHI MỚI NÊN" LÀ :

1.— Vật vừa cho người có sức lực bực trung dở lên nổi.

2.— Ở xa trong một hắc một gang rõ rệt.

3.— Ý định dâng cho rõ rệt.

4.— Chư thiên hoặc người hay thú, dâng bằng thân, hay bằng vật dính với thân, hoặc thầy cho.

5.— Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy bằng thân, hoặc bằng vật dính với thân.

Nếu thí chủ lấy đồ đựng thực phẩm đội chồng trên đầu, đến đứng gần tỳ-khưu, xin tỳ-khưu thọ lãnh, không có ý định dâng trước, thì không nên thọ. Nếu họ có ý kính dâng, tỳ-khưu đưa tay lấy đồ đựng phía dưới, thì đồ đựng phía trên cũng gọi là thọ rồi, hoặc giã muốn vật nào, thọ vật ấy cũng được.

Về đồ đựng, nếu thí chủ gánh cơm đến cố tâm

dâng gánh đồ trong **hatthapàsa,** tỳ-khưu thọ cũng được. Dầu là tre dài 30 **hatthapàsa,** một đầu buộc nước mía một đầu sữa, nếu đã thọ đòn gánh cũng gọi là thọ cả hai món thuốc ấy. Ở trong **hatthapàsa** rồi dùng vật dính theo mình mà thọ gọi là thọ chơn chánh, trừ ra dùng vật phát sanh trong nơi ấy; như dùng lá sen để bợ, thọ, thì không nên, vì vật ấy không phải là vật dính theo mình; nếu thí chủ đứng xa **hatthapãsa** rồi dâng, thì nên bảo họ lại gần. Nếu họ không nghe, phải thọ mới lại (thọ rồi đưa cho **anupasampanna** dâng lại nữa). Đi khất thực có bụi bay vô bát, phải nhờ người dâng bát lại rồi mới nên thọ đồ ăn; nếu không có ai dâng mà dùng bát ấy đi thọ nữa, phạm "Tác-ác". Nếu nói mà họ không nghe, hoặc không để ý, thọ không phạm. Nhưng khi xong, phải nhờ kẻ khác dâng bát lại, rồi mới nên đi khất thực nữa. Có gió thổi bụi bay vào bát không thể thọ thực được. Nhưng nên chú ý rằng thọ để đem về cho **anupasampanna,** thì vô tội.

Về đến chỗ ngụ, cho đứt đồ ăn ấy đến **anupasampanna,** rồi **anupasampanna** dâng lại, hoặc mình lấy bằng cách thân thiết rồi ăn cũng được; Nếu mình cho bát và cơm đó dính bụi ấy đến tỳ-khưu trong bọn, nên nói với tỳ-khưu ấy cần phải thọ mới lại rồi dùng đi. Nữa bụi rớt trên mặt đồ ăn

thì nên rửa, hoặc lấy bỏ ra, ăn vật còn dư ấy cũng được; bụi dính phía dưới, phải thọ mới lại. Nếu không có **anupasampanna,** không nên rời bát khỏi tay, phải đi tìm **anupasampanna** để thọ lại. Bụi vào cơm và bánh thì lấy bụi ra rồi ăn cũng được. Nếu bụi nhỏ lắm bay vào cơm phía trên, nên lấy cơm phía trên ra, hoặc thọ lại rồi sẽ ăn cũng được; thí chủ đem cháo hoặc canh để trước mặt mình, văng bọt rớt trong bát, nên thọ bát lại. Nếu họ để bát, bọt trong cơm rớt vào bát trước, gọi là rớt vào chơn chánh, vì họ đã có ý định dâng cúng rồi; nếu họ dâng cả cơm và cà ràn có tro, than bay rớt vào không tội, vì họ đã kính dâng đến rồi; nếu họ dâng theo thứ tự tỳ-khưu ngồi liên tiếp nhau, cơm rớt vào bát tỳ-khưu khác, gọi là rớt vào chơn chánh. Nếu cắt, chặt, xẻ (vật ăn) dâng đến một vị tỳ khưu, mà làm văng vào bát vị khác nên thọ bát lại. Họ cắt xẻ vật ăn trên bát vị nào, văng vào bát vị ấy vô tội, vì họ đã chú tâm dâng cúng rồi. Họ dâng mà mình không hay biết và không cố ý thọ, không gọi là thọ; đồ ăn nóng, hoặc mình nằm chung trong một chỗ có cuộc để bát, nếu họ dâng thực phẩm, mà mình lấy tay, hoặc chưn vịn chưn bát để thọ cũng được. Vật chi họ dâng mà rơi rớt được phép lượm dùng. Nếu vật rơi văng gần tỳ-khưu khác, vị nầy lượm giùm cũng được, hoặc mình nói cho tỳ-khưu ấy dùng cũng vô tội. Nếu

tỳ-khưu chủ vật không nói lời chi, thì tỳ-khưu kia không nên lượm. Nhưng nếu cố ý lượm giùm thì không phạm.

Nếu dao có sét, róc dính mía, hoặc lấy chày đâm thuốc, thấy thuốc dính sét, nên thọ lại mới dùng được. Bụi sét dính không rõ rệt dùng không phạm. Đi bát có mưa trên mình hoặc trên y rớt vào bát, nên thọ bát lại, dầu ngồi ăn dưới bóng cây có mưa rớt vào bát cũng vậy. Nếu trời mưa 7 ngày, nước mưa trong mình hoặc mưa rớt từ trên thanh không, dùng khỏi phạm.

Khi cho cơm đến **sadi**, không nên rờ đụng vật trong bát của **sadi**, hoặc phải thọ bát của **sadi** đã, vì đụng nhằm vật trong bát của **sadi**, rồi trở lại lấy cơm trong bát của mình, cơm dính theo ấy thuộc về **uggahita**. Nếu muốn cho, nên bảo **sadi**: "Ngươi lấy bát hốt cơm đi, sadi bạch: "Tôi có đủ dùng rồi". Dầu tỳ-khưu có nói nữa rằng: "Vật ấy ta đã bố thí cho ngươi rồi", mà sadi bạch lại rằng tôi không cần dùng, như thế dầu có nói đến 100 lần thì của ấy cũng vẫn còn là của mình (của tỳ-khưu). Cơm của tỳ-khưu đã cho đến **sadi** rồi, nếu cơm ấy rớt vào bát của mình thì tỳ-khưu nên thọ bát lại.

Thí chủ nấu cháo rồi họ đi, có **sadi** còn nhỏ không sao nhấc nồi cháo xuống được, tỳ-khưu nên nghiêng

bát vào, **sadi** nghiêng nồi đổ cháo ra ngay miệng bát, cháo rót vào bát gọi là dâng chơn chánh, với thúng bánh, thúng cơm hoặc bó mía cũng vậy, như bó mía nặng vừa cho sức người bực trung dở lên dâng mà được 2, 3, **sadi** giúp nhau dở lên dâng, dầu 2, 3, vị tỳ-khưu tiếp nhau để thọ cũng được.

Ve đựng dầu hoặc đường treo máng dưới chưn giường, tỳ-khưu ngồi trên giường thọ cũng được, vì không phải là vật **uggahita**. Hai cái nồi chồng nhau, thọ nồi trên, không thọ nồi dưới, cầm lấy nồi phía trên cũng được. Nồi phía dưới thọ rồi, nồi trên chưa thọ, khi dỡ nồi trên lên, cầm lấy nồi dưới, nồi trên là **uggahita**.

Nồi dầu chưa dâng để dưới giường, khi quét dọn đụng nhầm không gọi là **uggahita.**

Tính lấy vật đã thọ mà lấy lộn vật chưa dâng, biết rồi đem để lại chỗ cũ, không phải là **uggahita**. Đã đem vật ra, ngồi rồi mới hay thì không nên để phía ngoài, phải đem cất lại chỗ cũ. Làm vậy không tội song chẳng nên đụng nhằm nữa. Nếu vật mà thí chủ không đậy nắp rồi cất, tỳ-khưu không nên đậy nắp, phải để như thường cho họ.

Người leo lên cây thốt nốt, hoặc cây dừa, lấy dây buộc quày thòng xuống rồi kêu bảo thọ thì không nên thọ; nếu có người đứng trên đất họ cầm mối dây

buộc quày thốt nốt hoặc dừa họ dâng, thì thọ được. Nên bảo làm **kappiya** nhánh cây lớn có trái rồi sẽ thọ, thì các trái cây trên nhánh đều là vật đã thọ rồi cả.

Tỳ-khưu cầm nhánh có trái làm dù che đi, rồi muốn ăn trái cây ấy, phải nhờ người dâng mới nên dùng.

Sadi muốn nấu cơm song dỡ nồi không nổi, tỳ-khưu nên thọ gạo và nồi rồi đổ gạo và bắt nồi lên cà ràn, nhưng đừng nổi lửa; khi dỡ nắp xem chừng, nếu thấy chưa chín, đậy nắp lại cho chín thì không nên; bằng đậy không cho bụi tro rớt vào thì được; đến khi chín, nhắc nồi xuống ăn cũng được.

Sadi có thể nấu được nhưng không rảnh, tỳ-khưu nên nói: "Ngươi phải dâng gạo nồi và nước đã, rồi bắt nồi lên cà ràn nhúm lửa cho cháy rồi đi đi". "Như thế, tiếp theo tỳ-khưu làm các công việc như trên cũng được. Tỳ-khưu muốn dùng cháo, để nồi sạch trên cà ràn nấu nước cho sôi cũng được. Khi nước sôi, **sadi** đổ gạo vào nồi. Từ đó tỳ-khưu không được chụm lửa thêm nữa. Lúc cháo chín thọ lãnh rồi ăn cũng được. **Sadi** đang nấu cháo, tỳ-khưu lại rờ nồi, đụng hoặc dỡ nắp đụng thì không được phép ăn cháo ấy.

Tỳ-khưu đi khất thực về, để bát trên chân bát,

vật ấy không cần phải dâng nửa. Nếu tỳ-khưu rờ rẫm bát, nắp bát mà chơi, cơm đã được trong bát, không nên đến tỳ-khưu ấy. Nếu tỳ-khưu dỡ bát lên rồi để xuống, cơm ấy không nên đến tất cả tỳ-khưu.

Tỳ-khưu nấu nước sôi uống cũng được song nếu có tro bụi bay rớt vào, nên thọ mới lại. Tỳ-khưu đang dùng mía, sadi xin ăn, tỳ-khưu dạy cho sadi bao nhiêu, sadi lấy theo lời cho, vật còn dư lại không cần phải dâng, dầu với đường cũng vậy.

Thực phẩm ợ ra đến miệng nuốt vào khỏi cổ, ngoài buổi ăn phạm tội, dầu vật ăn dính kẽ răng cũng vậy. Gần đúng ngọ, dùng cơm trong nơi không có nước, nên khạc nhổ 2, 3 cục rồi đi đến nơi có nước sẽ súc miệng cũng được.

Nếu không có muối lấy nước biển dùng cũng được; nước mặn đã thọ rồi để dành trở thành muối, hoặc muối tan ra nước, hoặc nước mía trở thành đường hay là đường tan ra nước, nên thọ lại.

Nước múc trong sông, giếng, dầu đục cũng không cần phải dâng. Về nước đục trong nơi đồng ruộng, nếu nước bưng, bàu, có bông, lá cây rụng vào, làm cho nước có mùi vị, thì nên thọ rồi sẽ uống; nếu không mùi vị rõ rệt, không cần phải dâng. Nước trong ao sen có nhụy sen trên mặt nước, nhận đồ

đựng xuống trong nước múc cũng được.

Tỳ-khưu bảo người làm tăm xỉa răng, nên cho họ dâng. Tăm không thọ để dành, dầu không biết vị nuốt vào cổ cũng phạm tội, vì điều học ấy về **acittaka.**

Vật thực có mùi khó ăn, được phép để vào chút rượu cho bán mùi, song không nên để nhiều, có hơi rượu. Thuốc có mùi vị rượu, không phép uống nhưng thoa xức được.

Khi dùng **bijagãma** (trái cây còn gieo trồng được) nên bảo **anupasampanna** rằng: "Ngươi nên làm cho ra vật nên dùng **(kappiyaṃkarohi),** rồi mới nên ăn, là phải làm theo 5 điều:

1.— Dùng lửa đốt,

2.— Dùng dao xắt, gọt, xẻ,

3.— Dùng móng tay bấm, gạch,

4.— Trái không **bija,**

5.— Trái có **bija** mà lấy hột ra được.

Ớt còn tươi, sống, nên làm **kappiya** lấy hột ra, hoặc làm cho chín, hoặc bấm hột cho nát đều đủ.

Nếu làm sai một điều nào trên đây gọi là phạm "Tác ác".

I.— Tỳ-khưu trộm một vật đáng giá là **vatthu pãrãjika** gọi là **ekabhaṇḍa;** cắp nhiều **vatthu** song

mỗi vật chưa đến giá, phạm bất cộng trụ, gọi là **nãnãbhanda.**

II.— Sự cầm lấy **vissasa** phải có đủ 3 chi :

1.— Là người đã từng quen thấy, gặp nhau hoặc đã có nói trước với nhau.

2.— Biết rằng đã cầm lấy rồi, tài chủ vừa lòng,

3.— Người chủ còn sống, mới gọi là cầm lấy chơn chánh.

III.— Nếu **saddhimvihãrika** hoặc **antévãsika** ở chung với **upajjhãya, ãcãriya** rồi, 2 vị nầy phải:

1.— Chia **lãbhaphala,** dạy pháp, có tâm **mettã,**

2.— Cớ giới tinh-nghiêm,

3.— Có sự tôn trọng: Tam-Bảo, **upajjhãya, ãcãrya** hoặc tôn trọng **mahãtthera** khác, là bậc cao hạ ưa hơn mình,

4.— Không nên làm cho trò buồn lòng, cần cho đệ-tử bỏ dữ về lành, khiến cho trò được tiến hóa và càng ưa thích thầy.

IV.— Tỳ-khưu chưa đủ 5 hạ, thông hoặc không thông luật pháp; gọi là **navakabhikkhu,** cần phải có nissaya luôn khi; từ 5 hạ trở lên đến 10 hạ, và thông hiểu luật pháp là **angaguna** đang đến **nissaya**

muttaka [1] được gọi là **majjhimabhikkhu;** được trên 10 hạ và thông thuộc luật pháp có đủ **aṅgaguna** gọi là **thera.**

V.— Tỳ-khưu nhập hạ đầu đứt rồi, qua hạ sau nhập không đặng, chỉ khi hữu sự (bịnh), nhập hạ trước không kịp, mới được phép nhập hạ sau.

VI.— Làm **uposatha** cần có đủ 4 **aṅga :**

1.— Nhằm ngày 14 hoặc 15 hay là ngày **sāmaggī,**

2.— Tỳ-khưu từ 4 vị trở lên và nếu là **pakatāttabhikkhu** không phạm **pārājika,** hoặc bị tăng phạt **ukkhepanīyakamma** (song 2 hạng đó, có trong vị thứ tư mới là không được). Các ngài ngự trong **hatthapāsa** cùng nhau.

3.— Các ngài không phạm **sabhāgāpatti,**

4.— Tránh hạng người không được phép ngồi trong **hatthapàsa,** như thế mới làm **uposatha** được.

VII.— Trong một chùa có 5 tỳ-khưu, nhập hạ trước, qua kỳ sau có 5 vị khác đến nhập hạ, tới kỳ **pavāraṇā** đầu, cả 10 vị phải hội nhau trong chánh điện làm đủ **pubbakicca,** rồi 5 vị trước nên **ñatti**

---

(1) **Nissaya muttaka:** là Tỳ-khưu, dầu tu lâu đến 100 hạ mà không thông hiểu giới luật, cũng không được phép ở xa ông thầy. Nếu xa thầy thì phạm tội mỗi ngày.

rồi làm **pavãraṇã**, 5 vị sau phải tỏ **parisudhi**. Đến kỳ **pavãraṇã** sau, 5 vị sau cần **ñatti, pavãraṇã**, 5 vị trước tỏ **parisuddhi.**

VIII.— Vào đến **cetiyathãna** không nên: mang giày, trùm y, tỏ ý dễ duôi nơi khác, nói lớn tiếng, ngồi khoanh tay, nhổ khạc, ngồi ngay trước gần kim-thân.

VIII. bis.— Tỳ-khưu nghi hoặc nhớ không chắc không nên sám-hối.

IX.— Về **Sikkhãpada** thứ 8 của **kosiyavatta** nói rằng: "Ưa thích vàng bạc mà người cất giữ cho mình, gọi là **nissaggĩya pãcittiya**; nghĩa là khi thí-chủ yêu cầu rằng: "vàng bạc mà họ cất giữ đó, để cho mình là của mình", rồi tỳ-khưu không ngăn bằng thân, hoặc bằng khẩu, có tâm ưa thích, phạm **nissaggĩya pãcittiya.** Nếu họ không tỏ cho biết, dầu có ưa thích cũng không phạm.

X.— Tỳ-khưu mà thí chủ không thỉnh, đi chung theo với tỳ-khưu được thỉnh, khi thí chủ dâng cúng đến vị đó nữa, tỳ-khưu ấy phạm về **ãjĩvavipatti**, cần cho hoàn tục.

XI.— Phải tụng **bhikkhupãṭimokkha** cho đến dứt (thuộc nằm lòng) nếu không có **antarãya**. 1, 2 vị tụng **pãṭimokkha** không được. Tụng thuộc lòng phân nửa, tụng xem trong **Pãṭimokkha** phân nửa

không nên.

XII.— **Sīla** chia có hai thứ: **paññatti** và **ãcãra**. Tất cả **sikkhãpada** có trong **pāṭimokkha** đều là **paññatti**. Các hạnh kiểm tốt nên hành, không có trong **pāṭimokkha** gọi là **ãcãra**.

XIII.— Đức Phật thuyết 4 **nissaya** để trong **anusãsana**. Ngụ dưới bóng cây, dùng thuốc ngâm nước tiểu đó, vì Ngài là bậc đế-vương ra khỏi dòng **Sakya**, có đủ sự sang cả, là điều mà mọi người mong mỏi. Tuy nhiên, muốn được vui cũng lắm khi làm quấy, khiến cho quyến luyến các cảnh giới, lầm lạc say mê trong ngũ dục, phải nóng nảy bận bịu, buộc ràng, thương tiếc, lúc các vật mến yêu đó hư hao, tiêu hoại. Cho nên Ngài chán nản, xuất gia tìm sự vui yên lặng, không quyến luyến trong các vật đó. Trong thời, đi tầm đạo giải thoát gặp **ãcãriya** nào mà phần đông sùng bái rằng: là ông thầy đệ nhứt, Ngài cũng vào thọ giáo, đến khi học thuần thục, thấy rằng chưa dứt bỏ được đều quyến luyến, xấu xa (là còn ham mê ngũ dục, còn mắc trong pháp thế gian), Ngài liền đi trong nơi khác. Dầu chính mình Ngài chưa dứt được điều nhơ nhớp, tâm chưa yên lặng, là còn say mê ưa thích, Ngài cũng chưa vừa lòng. Ngài chỉ nhứt tâm hành theo chơn lý, cho đến giác ngộ mới thôi. Thuở độ sanh

Ngài hay tùy tiện chỉ bảo, nhứt là pháp tri túc (**sandosa**), lánh xa khỏi sự ham muốn xấu xa mà Ngài đã từng gặp rồi, không phải là "trung đạo" để giác ngộ. Cớ đó, Ngài mới ban hành **4 nissaya** cho bực xuất gia dùng, vì là hạng người lánh ngũ dục, tìm xuất gia để làm bực thu thúc thân, khẩu, ý cho chơn chánh, chỉ cần tu phạm - hạnh - pháp (**brahmãcariyadhamma**), có giới là điều trọng yếu, là phải trong sạch đầy đủ trước hết, rồi sẽ tu định, tu tuệ tiếp theo.

Nếu bực xuất gia hành trọn nghĩa vụ như thế, mới không có sự khổ trong chánh mạng, như bắt cá 2 tay. Lẽ đó, Ngài dạy bực xuất gia cần tìm thực phẩm mà thí chủ tùy sức cúng dâng. Bốn **nissaya** đó là vật dễ tìm kiếm hơn hết. Ngài cho phép dùng để ngăn ngừa cái tâm không cho lay chuyển, vì là người nương nơi kẻ khác, họ cho chi dùng nấy, mới gọi là bực xuất gia, có tâm tri-túc, ưa thích vật dùng tùy được tùy có, là người dễ nuôi, tức nhiên trì-giới cũng dễ, để tu thiền-định và trí-tuệ nối tiếp, là nấc thang cao thượng, được dễ dàng.

XIV.— Tỳ-khưu chưa có **nissaya muttaka**, khi vào xóm cần bạch cho **upajjhãya, ãcãriya** mới nên đi.

XV.— Trong 6 **samuṭṭhãna** phạm **ãpatti** đều

alajjitã phạm mà không biết thẹn, là tội xấu xa, nặng nề hơn hết, vì không biết hổ thì điều nào cũng có thể phạm được cả.

XVI.— Khoe **lokiyasaddhã, calasaddhã** phạm **pãcittiya**, khoe **lokuttarasaddhã, acalasaddhã** phạm **pãrãjika.**

XVII.— Tiếng "**Cĩvara**" chẳng phải kể chung tất cả y từ 8 + 4 ngón. Chỉ nói về **sikkhãpada** 1, 5, 6 của **cĩvaravagga**, trong **sikkhãpada** thứ 5,6 cuả **pattavagga**, trong **sikkhãpada** thứ 5 của **ovãdavagga**, trong **sikkhãpada** thứ 10 của **surãpaṇavagga**, trong **sikkhãpada** thứ 11 của **sahadhammikavagga.**

XVIII.— Nếu làm **vinayakamma** để dùng vật đã ngăn đó, cho ra vật ăn được theo **sikkhãpada** thứ 5 của **bhojanavagga** phải làm **vinayakamma** như vầy: lấy **bhojana** đó đem để có nơi, đi thỉnh vị khác, không ngăn **bhojana** đến thọ thực, làm cho có phép, rồi cho vị kia dùng được.

XIX.— Tỳ-khưu tính hoàn tục, mặc thứ y kẻ thế, phạm **dukkaṭa.**

XX.— Từ mặt trời mọc đến đứng bóng gọi là **purebhattakala**. Từ quá ngọ đến gần sáng gọi là **pacchãbhattakãla.**

XXI.— Phạm **Bhedanaka pãcittiya** phải phá bỏ

vật sanh **āpatti** trước rồi sám hối sau (như **sikkhāpada** thứ tư của **rājavagga**) mới nên.

Phạm **Chedanaka pācittiya** cần cắt bỏ vật sanh **āpatti** cho trúng theo luật rồi mới nên sám hối (như **sikkhāpada** thứ 6 của **rājavagga**)

XXII.— Vật che thân có 3: y, nhà tắm trong nước.

Sāpattikassa bhikkhave nirāyaṃ.

vadāmi tiracchānayonimvā: "Nầy các tỳ-khưu!

Như-Lai nhứt định nói: "Địa ngục và cầm thú để cho các tỳ-khưu phạm tội. (1)

GIẢI VỀ CÁCH THỨC SÁM HỐI

Các tội mà tỳ-khưu đã cố ý phạm rồi thì làm cho hư hoại đường trời, đạo quả, và niết bàn, vì là phạm điều răn của Đức Phật.

Cho nên tỳ-khưu khi đã phạm điều học "bất-cộng-trụ" phải xin xả giới hườn tục; phạm "Tăng-tàng" nên khai tội ấy cho tăng xử phạt theo luật định; phạm các tội nhẹ cần phải đôi với tăng hoặc 3,2 hay 1 vị tỳ-khưu mà sám hối, mới trở nên trong sạch được.

Tỳ-khưu phạm tội, mặc y chừa một bên rồi đi tìm vị khác, ngồi chồm hổm, chắp tay đọc bài sám hối.

---

(1) Là phạm tội nhỏ mà không sám hối. Phạm bất-cộng-trụ mà không hoàn tục, phạm tăng-tàng mà không chịu phạt cấm phòng.

Nếu phạm 1 tội đọc :

	āvuso [1]		**thullaccayaṃ**
			pācittiyaṃ
ahaṃ		**ekaṃ**	**dukkaṭaṃ**
	bhante		**dubbhàsitaṃ**

Āpattiṃ āpannotaṃ patidesemi

Nghĩa là :

	Ông [1]		trọng tội
			tội ưng-đối-trị
Bạch		Tôi phạm	tội tác ác
	đại đức		tội ác khẩu

Nay tôi xin sám hối tội ấy.

Người chứng nhận đọc:

Passatha Bhante [2] nghĩa: (bạch đại-đức đã thấy rồi chăng?)

Passāsi âvuso [1] nghĩa: (Ông đã thấy rồi chăng?)

Người sám-hối đọc:

	âvuso [1]	
àma		**passàmi**
	Bhante [2]	

---

(1) Khi dùng lửa đốt đọc "kappiyaṃ"

(2) Vị cao hạ nói với vị thấp hạ,

Nghĩa là:

Bạch	Ông [1] đại đức [2]	tôi đã thấy

Người chứng nhận đọc:

Ãyatiṃ Bhante saṃvareyyãtha.

Nghĩa là:

Bạch từ đây đại đức nên thu thúc lấy.

Ãyatiṃ àvuso saṃvareyyãsi.

Nghĩa là:

Bạch từ đây ông nên thu thúc lấy.

Người sám-hối đọc:

sãdhu suṭṭhu	**ãvuso** **Bhante**	**saṃvarissãmi**

Nghĩa là:

Bạch	Ông đại đức	phải rồi tôi xin thu thúc chơn chánh

Nếu phạm 2 tội đọc:

	àvuso		**Thullaccayãyo**
Aham		**dve**	**pācittiyãyo**
			dukkaṭãyo
	Bhante		**dubbhãsitãyo**

Nếu phạm 3 tội đọc:

	àvuso		**thullaccayãyo**
Aham		**sambahulã**	**pācittiyãyo**
			dukkaṭãyo
	Bhante		**dubbhãsitãyo**

Ãpattiyo āpannotã pãtidesemi

Nếu phạm nhiều tội, những điều học khác nhau, đọc:

	àvuso		**thullaccayãyo**
		sambahulã	**pācitiyãyo**
Aham		**nãnãvatthukãyo**	**dukkaṭãyo**
	Bhante		**dubbhãsitãyo**

Ãpattiyo āpannotã patidesemi

Nếu phạm nhiều tội ưng xả đối trị nên xã bỏ vật (y... bát) trước rồi mới nên sám hối tội ưng xả đối trị sau. Xã y đọc:

	āvuso	**Cīvaraṃ dasāhātikkantaṃ**
Idamme		**nissaggiyaṃ imāhāṃ**
	Bhante	**āyasmato nissajjāmi**

Nghĩa là:

	Ông	Y nầy của tôi đã	Ông
Bạch		quá 10 ngày, là vật phải xả, tôi xin	
	đại đức	xả ấy của tôi đến	đại đức

Xả như thế rồi sám hối tội ưng đối trị (**pācittiyā**) như đã giải trên.

Người chứng nhận đọc câu nầy để trả y ấy lại.

Imaṃ cīvaraṃ āyasmato dammi

Nghĩa là:

Tôi cho y nầy đến ngài.

Nếu phải xả ca sa thì đọc:

Ayamme	**àvuso**	**sanghāti uttara-**	**ekarattiṃ**
	Bhante	**rāsaṅgo antaravāsako**	

vippavuṭṭho aññatrabhikkhusammatiyā nissaggiyā imāhaṃ āyasmato nissajjāmi.

Nếu phải xả bát giữ quá 10 ngày đọc:

	āvuso	**patto dasāhātikkanto**
ayamme		**nissaggiyo imāhaṃ**
	bhate	**āyasmato nissajjāmi**

Nếu xả nhiều bắt đọc :

	àvuso	**pattā dasāhātikkantā**
Imme		**nissagiyā imàhaṃ**
	bhante	**āyasmato nissajjāmi**

Về **rūpiya,** vật mua, đổi bằng **rūpiya,** và bát nứt bể chưa đủ 5 chỗ, phạm 3 điều học ấy, phải xả vật ở giữa tăng.

Nếu có nghi nên tỏ sự nghi ấy trước rồi sau mới nên xả y dư, nghi rằng chưa **adhiṭṭhāna** trước 10 ngày nên nói: "Nếu y nầy thiệt chưa **adhiṭṭhàna,**khi đã xả như thế sẽ trở thành vật cho tôi dùng được".

Nói như thế rồi nên xả như đã có giải trên. Khi đã nói cho biết như vậy rồi làm **vinayakamma,** không phạm tội nói dối

Lại nữa trong ngày **uposatha pavāraṇā** mình nghi phạm tội, nên tỏ cho hay sự nghi ấy trước rồi mới nên làm **uposatha pavāraṇā** và nghe giới bổn **(pāṭimokkha).** Chẳng nên làm hại đến **uposatha** và **pavāraṇā** vì sự nín thinh, không sám hối. Nên mặc y chừa vai một bên, tìm vị tỳ-khưu rồi ngồi chồm hỗm chấp tay.

Nếu nghi một tội đọc :

	àvuso		**thullaccayãya**
Aham		**ekissã**	**pacittiyãya**
			dukkaṭãya
	bhante		**dubbhãsitãya**

Ãpattiyã vematiko yadãnibbematiko bhavissãmi tadãtamãpattim patikarissãmi.

Nghĩa là:

	Ông		trọng tội
Bạch		tội nghi trong	tội ưng đối trị
			tội tác ác
	đại đức		tội ác khẩu

Khi hết nghi tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu nghi 2 tội đọc :

	àvuso		**thullaccayãsu**
Aham		**dvĩsu**	
	bhante		**pacittiyãsu**

Ãpattisuvematiko yadãnibbematiko bhavissãmi tadãtã ãpattiyo patikarissãmi.

Nghi nhiều tội đọc:

	àvuso		**thullaccayãsu**
ahaṃ		**samba-**	
		hulãsu	
	bhante		**pãcittiyãsu**

Nghi phạm nhiều tội mà điều học khác nhau:

	àvuso	**samba-**	**thullaccayãsu**
		hulãsu	**pãcittiyãsu**
ahaṃ		**nãnãvat-**	**dukkaṭãsu**
	bhante	**thukãsu**	**dubbhãsitãsu**

Không nghi bày, tên tội mà sám hối cũng nên, sám hối như vầy :

Như mặt trời bị mây che án, nghi là buổi sáng, hoặc buổi chiều, rồi dùng vật **yãvákãlika,** tội đã nghi rồi mà dùng vật **yãvakãlika.**

Nếu buổi sáng thì phạm tác ác đọc :

	àvuso	
ahaṃ		**yãtamiṃ vatthusmim**
	bhante	

	dukkaṭãyo	
sambahulà		**ãpattiyoãpannotã**
	pãcittiyãyo	**patidesemi**

Người chứng nhận đọc như đã có giải trên.

Lại nữa, tỳ-khưu sám hối hoặc chứng nhận tội phạm đồng nhau **sabhãgãpatti** phạm "Tội tác ác" vì Đức Phật có dạy: **"na bhikhave sabhãgã ãpatti desetabbã... patiggahetabbã.**

Nghĩa là: "Tội đồng nhau, tỳ-khưu không nên sám hối, nếu sám hối phạm "Tác ác". Tội đồng nhau, tỳ-khưu không nên chứng nhận, nếu chứng nhận phạm "Tác ác".

2 tỳ-khưu phạm tội đồng nhau (chung một điều học) như ăn sái giờ cùng nhau không nên sám hối không nên chứng nhận lời sám hối với nhau.

Nếu một vị phạm tội ăn sái giờ, sám hối với vị phạm tội dùng vật thực không phải của dư, của tỳ-khưu bịnh, cũng được.

Nhưng tội nào, có phạm điều học giống nhau mà tỳ-khưu sám hối rồi cũng gọi là sám hối chơn chánh; người sám hối phạm thêm "Tác ác" khác, (vì sám hối), còn người chứng nhận cũng phạm thêm "Tác ác" khác (vì chứng nhận), tội ấy gọi là tội có điều học khác nhau. Cho nên chờ sám hối cùng nhau nữa cũng được.

Trong khi nghe tụng giới bổn, hoặc **pavãraṇã** nếu nhớ tội được, nên cho tỳ khưu ngồi gần hay tên tội như vầy :

Nếu nhớ đến 1 tội đọc.

	àvuso		**thullaccayaṃ**
Ahaṃ		**ekaṃ**	**pācittiyaṃ**
			dukkaṭaṃ
	bhante		**dubbhāsitaṃ**

Āpattiṃ àpanno ito vuṭṭhahitvà taṃ āpattiṃ patikarissāmi

Nghĩa là :

	Ông		1 trọng tội
Bạch		tôi	1 ứng-đối-trị
			1 tội ác
	Đại đức		1 ác khẩu

Khi đứng dậy khỏi nơi đây tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu phạm nhiều tội nên khai tiếng khác vào như đã có giải trên.

Phải tỏ với tỳ-khưu **sabhāga**, không nên nói đến tỳ-khưu **visabhāga** vì e có sự cãi lẽ. Nếu không có tỳ-khưu **sabhāga,** cần ghi nhớ trong tâm rằng : "Khi ra khỏi nơi, ta sẽ sám hối ", rồi làm **uposatha, pavāraṇā** được.

Nếu tất cả chư tỳ khưu trong chùa đều phạm điều học giống nhau, nên cho 1 vị đến chùa khác sám

hối rồi trở về cho chư tỳ khưu trong chùa sám hối lại.

Nếu không có thể được thì vị tỳ khưu thông hiểu nên đọc tuyên ngôn giữa tăng rằng :

Sunãtu me bhante saṅgho ayaṃ sabbo saṅgho sabhãgaṃ ãpattiṃ ãpanno yadã aññaṃbhikkhuṃ suddhaṃ anãpatti taṃ apattiṃ patikarissati. Rồi làm **uposatha pavãraṇã.** Nếu nghi nên tụng tuyên ngôn giữa tăng.

Sunãtu me bhante saṅgho ayaṃ sabbo saṅgho sabhãgã ãpattiyã vematiko yadãnibbematiko bhavissati tadãtaṃ apattiṃ patikarissati. Rồi làm **uposatha pavãraṇã.**

Nếu có tỳ khưu cho rằng : " Nên sám hối **sabhãgãpatti** ấy rồi 2 vị sám hối cùng nhau. Đã sám hối gọi là sám hối chơn chánh cả 2 tỳ khưu ấy phạm tội khác điều học nhau như đã có giải trước. Cho nên phải sám hối cùng nhau thêm nữa. Cả 2 vị ấy đều trong sạch. Chư tỳ khưu khác nên sám hối với 2 vị ấy. Tỳ khưu phạm tội chưa sám hối nghe giới bổn hoặc **pavãranã** phạm " tác ác ".

PHẠM " BẤT CỘNG-TRỤ " " TĂNG TÀN " KHÔNG NÊN SÁM HỐI—KHÔNG TỘI KHÔNG NÊN SÁM HỐI—TỘI ĐÃ SÁM HỐI KHÔNG NÊN SÁM HỐI NỮA—KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỲ

KHƯU KHÔNG ĐỒNG ĐẲNG NHAU—KHÔNG NÊN SÁM HỐI MỘT LƯỢT VỚI NHAU, KHÔNG NÊN SÁM HỐI TRONG TÂM—KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỲ KHƯU MÀ " TĂNG " ĐÃ PHẠT CẤM PHÒNG (KHÔNG CHO Ở CHUNG)—KHÔNG CHO LÀM **uposatha pavãaranã** CHUNG.

Lại nữa, nhiều tội khác nhau, không nên sám hối chung lại làm 1 tội, phạm 1 tội " sám hối " nhiều tội gọi là sám hối chơn chánh.

Phạm tội " bất cộng trụ " rồi hườn tục theo phép gọi là " sám hối " bất cộng trụ.

❑

GIẢI VỀ PHÉP ĐẦU-ĐÀ
DHUTAṄGAKATHÃ

Tiếng đầu-đà (**dhutaṅgakathã**) nghĩa là : "Chi [1] của người dứt phiền não, hoặc tư cách có trí-tuệ để dứt trừ phiền não : là điều kiện và là sự tu hành để phá hủy nghịch pháp. Nói tóm tắt là tác ý để thọ trì chi ấy.

ĐẦU-ĐÀ CÓ 13 PHÉP

1.— **Paṃsukūlikaṅga** : chi của tỳ khưu là người có phẩm cách, thường mặc y ca sa có trạng thái đáng

(1) Chi là nguyên ở một vật thể chia rẽ ra, phạm ngữ gọi là "anga".

gớm, như phẩn đất.

2.— **Tecīvarikàṅga** : chi của tỳ-khưu, là người chỉ thường mặc tam y (y 2 lớp, y vai trái và y nội).

3.— **Piṇḍapātikaṅga** : chỉ của tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường đi để khất thực.

4.— **Sapadânacārikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách để đi khất thực theo mỗi nhà.

5.— **Ekâsanikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong một chỗ ngồi.

6.— **Pattapiṇḍikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong một bát.

7.— **Khalupacchâbhattikaṅga** : chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn, sau rồi mới được lại.

8.— **Āraññikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường trú ngụ trong rừng.

9.— **Rukkhamūlikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người thường có phẩm cách trú ngụ gần cội cây.

10.— **Abbhokāsikaṅga** : chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong nơi khoản trống.

11.— **Sosânikaṅga** : chi của tỳ-khưu là người

thường có phẩm cách trú ngụ trong rừng mộ-địa.

12.— **Yathâsanthatikaṅga** : chi của tỳ-khưu, là người thường có phẩm cách chỉ ngụ trong chỗ mà tăng đã cho đầu tiên không dời đổi.

13.— **Nesajjikaṅga** : chi của tỳ-khưu, người thường có phẩm cách ngăn oai nghi nằm, chỉ đứng và ngồi.

GIẢI VỀ CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ (Dhutaṅgasamâdânavidhânâdikathâ)

Khi đức Thế-tôn còn tại thế, phải đối với Ngài mà thọ phép " đầu đà ". Sau khi Ngài nhập Niết-bàn rồi phải thọ với chư đại Thinh-văn. Sau khi không còn chư đại Thinh-văn, nên xin giữ với bậc A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hườn, với bậc thông hiểu " tam tạng " hoặc 2 tăng, hoặc 1 tăng. Sau nữa nên xin với bậc đã hành phép " đầu đà " trước ; nếu không có, nên quét dọn tháp, chùa cho sạch, hết lòng thành kính lễ bái cúng dường như thuở đức Chánh-Biến-Tri còn tại tiền, rồi ngồi chồm hỗm chắp tay xin thọ, bằng không thì thọ nơi mình cũng được.

❑

CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG MẶC Y CA SA ĐÁNG GỚM NHƯ PHẤN ĐẤT

(Paṃsukūlikaṅga)

Có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn [1] y ca sa mà thí chủ dâng cúng **(gahapati dãnacīvaraṃ patikkhipâmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ khưu, là người có phẩm cách thường mặc y ca sa đáng gớm như phẩn đất **(paṃsukūlikāṅgaṃ samàdiyâmi)**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý :

Hành giả khi đã thọ trì đầu-đà này rồi, phải tìm một trong 23 thứ vải, kể dưới đây, kiếm thứ nào còn chắc, đem vá cắt, may làm ca sa, rồi đổi bộ y mà thí chủ đã dâng cho mình đang dùng, mặc y đang gớm ấy.

23 thứ vải đáng gớm là :

1.— Vải bỏ nơi mồ mả **(sosànika),**

2.— Vải bỏ nơi quán hàng chợ **(ãpanika),**

3.— Vải dơ mà kẻ tín thí muốn bố thí đem bỏ giữa đàng đi, **(rathiyacola),**

4.— Vải dơ bỏ nơi đống rác **(saṅkãracola),**

---

(1) Ngăn là không dùng.

5.— Vải chùi mình dơ rồi bỏ **(sotthiya)**,

6.— Vải dơ mà người bệnh mặc để cho thầy làm phép tắm rồi bỏ, **(nãnacola)**,

7.— Vải dơ bỏ tại bến nước **(titthacola)**,

8.— Vải dơ bó tử thi rồi bỏ **(gatapaccãgata)**,

9.— Vải đã bị cháy một hai chỗ rồi bỏ **(aggidaddha)**,

10.— Vải bị bò xé rồi bỏ **(gokhâyita)**,

11.— Vải bị mối ăn rồi bỏ **(upacikâkhâyita)**,

12.— Vải bị chuột cắn rồi bỏ **(undĩrakhâyita)**,

13.— Vải rách bìa rồi bỏ **(antacchinna)**,

14.— Vải rách biên rồi bỏ **(dasacchinna)**,

15.— Vải làm cờ và phướng rồi bỏ **(dhajâhata)**

16.— Vải rịt ghè rồi bỏ (thũpacĩvara),

17.— Vải mà sa-môn bỏ **(samanacĩvara)**.

18.— Vải dùng trong việc tôn vương rồi bỏ **(âbhisokika)**,

19.— Vải của tỳ-khưu **Ehibhikkhu** [1] cho **(iddhimaya)**,

20.— Vải rơi rớt giữa đàng đi **(panthika)** [2].

21.— Vải bị gió thổi bay chủ bỏ **(vâtâhata)**

---

(1) Ehibhikkhu là tỳ-khưu khi Phật chứng cho làm tỳ-khưu tự nhiên có y sẵn mặc.

(2) Vải như thế nên chờ xem coi nếu họ thiệt bỏ rồi sẽ lượm.

22.— Vải chư-thiên đem bố-thí, bỏ một nơi nào **(devadattiya).**

23.— Vải bị sóng biển đánh tấp vào bờ **(sâmuddiya).**

Trong 23 thứ vải đã kể trên, khi tỳ-khưu đã nguyện giữ đầu đà rồi, kiếm được và may đủ, thì phải bỏ y cũ (y đã mặc lúc còn ở chùa là y của thí chủ dâng cúng).

Không phép dùng y của thí chủ dâng đến tay; nếu tỳ-khưu với nhau cho thì mặc được.

Tỳ-khưu giữ đầu đà nầy có 3 bực,

Bực thượng: Chỉ mặc tam y làm bằng vải dơ lượm nơi mộ địa.

Bực trung: Làm bằng vải dơ của người bỏ.

Bực hạ: Mặc tam y làm bằng vải dơ của thí chủ cố ý làm phước, đem bỏ gần bên chân.

— Ba bực tỳ-khưu nầy nếu thọ lãnh y nơi tay thí chủ dâng cúng, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Cho nên chẳng phải chỉ có đầu đà nầy đâu, đầu đà là 12 đầu đà sẽ giải ra phía sau, nếu tỳ-khưu đã nguyện giữ rồi mà phá hư, nhưng cố ý muốn hành nữa, cần phải thọ mới lại.

Đầu đà nầy có 12 quả báo :

1.— **Nissayânurũpapatipattisabbhâvo:** Người có tư cách hành vừa theo phép nương [1] mà vị hòa thượng dạy bảo khi mới thọ cụ-túc-giới.

2.— **Paṭhame ariyavaṃse patitthânaṃ**: Tư cách ở trong vòng thánh thứ nhứt [2].

3.— **Ãrakkhadukkhãbhâvo:** Không có khổ vì sự gìn giữ y.

4.— **Aparâvattavuttitâ**: Không có sự quyến luyến vì kẻ khác.

5.— **Corabhayena abhayatã**: Không lo sợ vì kẻ cướp.

6.— **Paribhogataṅhâya abhãvo**: Không ham muốn trong sự thọ dụng.

7.— **Samanasârupparikkhâratã**: Người có vật phụ tùng vừa theo phận sa-môn.

8.— **Bhagavata saṃvannitapaccayatâ**: Người có vật dùng mà đức Thế-tôn khen ngợi.

9.— **Pâsâdikatâ**: Người đem đức tin đến kẻ khác.

10.— **Appicchatâ dĩnaṃ phalanipphatti**: Tư cách thành tựu các thứ quả, nhứt là không tham

---

(1) Có giải nơi "Truyền cụ túc-giới".

(2) Vòng thánh có 4 tri-túc trong ca sa, tri-túc trong khất thực, tri-túc trong chỗ ở, tri-túc trong thuốc men.

hoặc ít tham.

11.— **Sammâpatipattiyã anubrũhanaṃ**: Tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng.

12.— **Pacchimâya janatâya ditthânugatiâpâdanaṃ**: Tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

Ấy là 12 quả báo trong đầu đà mặc tam y đáng gớm mà tỳ-khưu được gìn giữ chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ MẶC TAM-Y ĐÁNG GỚM.

Mârasenaṃ vighâtâya paṃsukũladharo yati saññaddhakavaco yudhekhattiyo viyasobhati pahâya kàsikâdini varavatthâni dhâritaṃ yaṃ lokagarunâ ko taṃ paṃsukũlaṃ na dhâraye tasmâ hiattano bhikkhu patinnaṃ samanussaraṃ yogâcârânukũlamhi paṃsukũle rato siyâ.

Nghĩa là: "Bậc đế vương mang thiết giáp bền chắc trong nơi chiến trường thế nào, hành giả là người hành đầu đà mặc tam y đáng gớm, bền chắc trong tư cách sát hại quân ma cũng như thế ấy".

Đức Thế-Tôn là tổ sư của chúng sanh trong tam giới mà Ngài cũng bỏ các y phục quí giá, nhứt là y được ở xứ **kâsi**, trở lại mặc y ca sa đáng nhờm gớm. Vậy tỳ-khưu nào lại dám không mặc y ca sa đáng

gớm ấy được. Cho nên hành giả khi đã nhớ đến lời nguyện của mình nên ưa thích trong y ca sa đáng gớm, vừa theo sự tinh tấn.

I.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y

(Tecīvarikaṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn y thứ tư (**catutthaka-cīvaraṃpatikkhipàmi**).

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu, người chỉ dùng tam y (**tecīvarikaṅgam samâdiyâmi**).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý. Tỳ-khưu hành đầu đà nầy, khi đã thọ trì, nếu được vải để làm y (ngoài tam y cũ) mà chưa làm xong hoặc còn thiếu vải, thiếu kim, chỉ được phép cất giữ vải ấy không có tội trong sự ưa thích y thứ tư, vì nguyện nhận cất giữ vải ấy. Nhưng khi đã nhuộm rồi, không nên để dành, nếu còn tích trữ, gọi là kẻ cướp lớn về phần đầu đà.

Tỳ-khưu giữ đầu đà nầy có 3 bực :

Bực thượng: Trong khi nhuộm y, nếu nhuộm y nội trước thì mặc y vai trái, y nội khô, lấy mặc vào rồi nhuộm y khác, muốn nhuộm y nội và y vai trái một lượt cũng được, nhưng phải ngồi gần chỗ phơi

y, như có kẻ ngoài đi đến, nên lấy mặc vào, chẳng nên để thân trần truồng và mặc y 2 lớp.

Bực trung: Nếu muốn nhuộm y một lượt, thì được phép mặc đỡ y để nơi nhà nhuộm.

Bực hạ: Trong khi nhuộm y, được phép mặc đỡ y của vị khác (trong bọn) hoặc dùng ngọa y cũng được.

Ba bực tỳ-khưu nầy, nếu dùng đến tứ y, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ [1].

Phép đầu đà nầy có 11 quả báo :

1.— **Santuṭṭho**: được gọi là người có tri-túc trong số y vừa đủ mặc.

2.— **Samâdâyevagamanaṃ**: tư cách chỉ có tam y thôi, dường như loài chim [2] (bay đến nơi nào chỉ có cặp cánh).

3.— **Appasamârambhatâ**: người ít bận việc vì khỏi lo hong phơi hoặc xếp cất các y dư.

4.— **Vatthasannidhiparivajjanaṃ**: tư cách tu hành, không có sự gom thu để dành y.

5.— **Sallahuka vuttità**: người hành vi nhẹ nhàng mau mắn.

6.— **Atirekacīvaralolupappahânaṃ**: tư cách

---

(1) Được phép dùng y lót mồ hôi bề ngang I gang bề dài 3 hắc

(2) Loài chim bay đến đâu, chỉ có cặp cánh vừa để hộ thân, không chất chứa đem vật chi theo cả.

dứt bỏ sự ham muốn xấu xa thái quá trong y dư

7.— **Kappiyemattakâritã**: trạng thái có tiết độ trong y vừa (đủ dùng) [3].

8.— **Sallekhavuttitã**: người tu hành làm cho phiền não trở nên nhẹ nhàng.

9.— **Appicchatãdĩnaṃ phalaṇipphatti**: tư cách thành tựu các thứ quả, nhứt là không tham hoặc ít tham.

10.— **Sammãpatipattiyâ anubrùhanaṃ**: tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng.

11.— **Pacchimãya janatãya ditthanugatiãpãdanaṃ**: tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

Ấy là 11 quả báo trong đầu đà chỉ mặc tam y, mà tỳ-khưu đã được thọ trì chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y

Atirekavatthataṇhaṃ pahãya sannidhivivajjito dhĩro santosa sukharasannu ticĩvaradharo bhavati yogĩ tasmã sapattacarano pakkĩva sacĩvarova yogivaro sukkha manuvicaritukãmo cĩvaraniyaṃ ratiṃ kayirã.

---

(3) Dầu đức Chánh biến tri cho phép dùng các thứ y như tọa cụ, tỳ-khưu ấy cũng chỉ vui thích trong tam y thôi.

Nghĩa là: "Hành giả là người có trí tuệ, biết lương vị của điều an vui phát sanh do sự tri túc, hằng dứt bỏ lòng ham muốn trong y dư quá số; các ngài năng lánh xa tư cách gom thu y dư để dành, chỉ dùng tam y thôi. Cho nên hành giả cao thượng (trong Phật pháp nầy), khi muốn đi đâu được an vui, chỉ nên có 3 manh y dính theo mình, dường như loài chim bay, chỉ có cặp cánh dính theo mình mà thôi. Phải nên vui thích trong y có hạn định ấy.

❑

III.— CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI ĐỂ KHẤT THỰC (Pindapãtikàṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn lễ vật ngoài phẩm thực mà tôi đi xin được [1] **(atirekalàbhaṃ patikkhipàmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách đi để khất thực **(piṇḍapãtikaṅgaṃ samãdiyãmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào cũng được.

Hành giả đã nguyện thọ phép thọ đầu đà nầy rồi

---

(1) Phẩm thực thí chủ để vài bát mỗi nhà mỗi chút.

không nên ưa thích trong 14 thực phẩm dư nữa (**atirekalãbha**).

14 thực phẩm dư là :

1.— **Saṅghabhatta:** thực phẩm mà thí chủ dâng đến tất cả chư tăng.

2.— **Uddesabhatta:** thực phẩm họ dâng đến 1 hoặc 2 vị tỳ-khưu thế mặt cho tăng.

3.— **Nimantanabhatta:** thực phẩm họ thỉnh tỳ-khưu đến rồi dâng.

4.— **Salãkabhatta:** thực phẩm họ dâng theo cách rút thăm.

5.— **Pakkhikabhatta:** thực phẩm họ dâng trong 1 tuần, hoặc mỗi tháng chỉ có một ngày.

6.— **Uposathikabhatta:** thực phẩm họ dâng trong mỗi ngày lễ "Bát quan trai".

7.— **Pãtipadikabhatta:** thực phẩm họ chỉ dâng trong ngày mùng một hoặc 16.

8.— **Ãgantukabhatta:** thực phẩm họ dâng đến tỳ-khưu ở xa mới đến.

9.— **Gamikabhatta:** thực phẩm họ dâng đến tỳ-khưu sắp ra đi đường xa.

10.— **Gilãnabhatta:** thực phẩm họ dâng đến tỳ-khưu bệnh.

11.— **Gilãnupatthãkabhatta:** thực phẩm họ dâng đến tỳ-khưu nuôi bệnh.

12.— **Vihãrabhatta:** thực phẩm họ dâng đến chùa, đến thất.

13.— **Dhurabhatta:** thực phẩm họ để dành trong nhà có việc, rồi họ dâng [1].

14.— **Varabhatta:** thực phẩm họ chia phần nhau dâng.

Trong cả 14 thứ thực phẩm ấy, tỳ-khưu hành đầu đà đi khất thực không nên thọ. Nhưng nếu thí chủ thông hiểu, không thỉnh rằng: "Ngài thọ trai tăng" mà nói: "Xin Đại-đức-tăng thọ thực trong nhà chúng tôi, ngài cũng vậy". Như thế, tỳ-khưu ấy thọ được, hoặc họ rút thăm để dâng các món thuốc không phải là vật ăn buổi sáng đã phát sanh đến tăng, hoặc vật thực họ nấu trong chùa, tỳ-khưu ấy thọ cũng được.

Tỳ-khưu hành đầu đà nầy có 3 bực :

Bực thượng: Trong khi đi khất thực, nếu có tín thí do phía trước, hay là phía sau mà đến, hoặc lúc trở về thí chủ đem vật thực dâng cúng, thì được phép lãnh, trừ ra ngồi xuống rồi thì không phép thọ.

Bực trung: Dầu ngồi xuống rồi cũng còn thọ

---

(1) Vật thực mà thí chủ để vào bát mỗi nhà mỗi chút.

lãnh được.

Bực hạ : Nếu có thiện tín thỉnh trước để dâng cơm cũng được.

Ba bực tỳ-khưu nầy, nếu thọ lãnh 14 thứ vật thực đã kể trên, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà nầy có 15 quả báo:

1.— **Nissayãnurũpapatipattisabbhãvo:** Người hành vừa theo phép nương [1].

2.— **Dutiye ariyavaṃse patitthãnaṃ:** Tư cách ở trong vòng thánh thứ nhì [2].

3.— **Apparãyattãvuttitã:** Người có sự không dính dấp vì nuôi kẻ khác.

4.— **Bhagavatã, saṃvannita paccayatã:** Người có vật dụng mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen.

5.— **Kosajjanimmathanatã:** Người có sự dứt bỏ tánh lười biếng.

6.— **Parisuddhãjivitã:** Người có sự tinh tấn trong cách nuôi mạng trong sạch.

7.— **Sekhiyapatipattipũranaṃ:** Phương pháp tu tập phép ưng học pháp.

---

(1) Phép nương mà vị hòa thượng dạy khi mới thọ cụ-túc-giới.
(2) Sự tri túc trong lúc đi khất thực.

8.— **Aparapositã:** Người không cần phải nuôi kẻ khác, vì biết tiết độ trong sự thọ lãnh [1].

9.— **Pãranuggahakiriyã:** Phương pháp tiếp độ kẻ khác vì sự thọ lãnh mỗi nhà mỗi chút.

10.— **Mãnappahãnaṃ:** Phương pháp dứt trừ tâm kiêu hãnh nghĩa là: không chọn lựa vì trông cậy có vật thực khác.

11.— **Rasatanhãya nivãranaṃ:** Phương pháp ngăn sự mong mỏi trong vị ngon của vật thực khác.

12.— **Ganabhojanaparamparabho janacãritta sikkhapadehianãpattitã :** Người không phạm tội vì thọ **ganabhojana, paramparabhojana** và **cãritta** [2] do không chịu mời thọ thực.

13.— **Appicchatãdĩnaṃ anulomavuttitã:** Người có tư cách hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hoặc ít tham **(appicchatã).**

14.— **Sammãpatipattibrũhanaṃ:** Phương pháp làm cho chánh đạo được tăng trưởng.

15.— **Pacchimãjanatãnukampanaṃ:** Phương pháp tiếp độ kẻ hậu lại.

Ấy là 15 quả báo trong đầu đà đi để khất thực mà tỳ-khưu hành được chơn chánh.

---

(1) Không thọ lãnh cho nhiều để nuôi kẻ khác.
(2) Xem trong điều học ưng học pháp.

KẾT LUẬN TRỌNG ĐẦU ĐÀ ĐI ĐỂ KHẤT THỰC

Piṇḍiyālopasantuṭṭho aparāyattajīviko pahīnāhārololuppo hoticātuddiso yati vinodayati kosajjaṃ ājīvassa visujjhati tasmà himātimanneyya bhikkhācāraṃ sumedhaso.

Nghĩa là: Hành giả có sự vui thích bình đẳng trong hột cơm mà người cho từ vá, có tư cách không nuôi kẻ khác, đã dứt bỏ lòng ham muốn xấu xa trong vật thực, là người có thể đi đến bốn phương được dễ dàng, dứt trừ sự lười biếng; cách nuôi mạng của tỳ-khưu ấy cũng được trong sạch.

Cho nên người có trí tuệ cao thượng không nên khinh rẻ sự khất thực ấy. Thật vậy, tỳ-khưu hành đầu đà "đi để khất thực" là người chỉ nuôi một thân mạng không phải nuôi kẻ khác. Như thế chư thiên hằng yêu mến, trọng đãi và hộ trì, vì sự không mong được lễ vật và lời ngợi khen.

IV.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG ĐI KHẤT THỰC THEO MỖI NHÀ

(Sapadānacārikaṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn tư cách đi để khất thực theo ý

muốn (**loluppacãrampatikkhipâmi**).

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách thường đi khất thực theo mỗi nhà (**sapadànacàrikaṅgamsamâdiyâmi**).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khưu thọ phép đầu đà nầy, khi vào đến xóm nên đứng xem, e có điều rủi ro [1], nếu có sự biến cố nào, nên bỏ qua, đi đến nhà khác cũng được. Nơi nào quen chừng không được vật chi chút ít cả, nên cho rằng không phải là nhà thí rồi đi đến xóm khác. Song nếu được chút ít trong nơi nào, không nên bỏ qua và cần phải khất thực cho sớm, đặng phòng ngừa sự bỏ qua những nơi có điều rủi ro, để đi đến nơi khác không cho quá giờ; nếu có người bố thí trong chùa, hoặc gặp giữa đường, họ xin bát để vật thực đem đến dâng cũng được.

Tỳ-khưu hành đầu đà nầy, trong lúc đi theo đường, nếu đến buổi ăn, không nên đi trớt, dầu không được vật thực hoặc được chút ít, cũng phải đi khất thực theo mỗi nhà.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bực :

Bực thượng — Nếu có thí chủ đến do phía trước, hoặc phía sau, hoặc lúc trở về, họ đem vật thực dâng cúng thì chẳng nên thọ, chỉ được phép lãnh khi đứng trước nhà.

Bực trung — Được phép thọ, trừ ra khi đã ngồi xuống.

Bực hạ — Ngồi xuống rồi cũng còn lãnh được.

Ba bực này, nếu đi khất thực theo ý muốn gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có tám quả báo :

1.— **Kulesu niccanavakatã:** Người thường đi xin trong các khoản nhà.

2.— **Cantupamatà:** Người lành ví như mặt trăng, vì không dính dấp trong nhà nào cả.

3.— **Kulamaccherappahânaṃ:** Tư cách dứt bỏ sự bón rít trong các nhà.

4.— **Samãnukampitã:** Người có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà.

5.— **Kulupãkĩdenavãbhãvo :** Người không có tội trong sự đi vào xóm.

6.— **Avhananabhinandana :** Tư cách không vui thích lời họ kêu gọi thỉnh mời.

7.— **Abhihãrena anatthikatã :** Người không có sự cần dùng vật thực mà họ đem đến dâng.

8.— **Appicchatãdĩnaṃ anulomavuttitã :**

Người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay là ít tham.

Ấy là 8 quả báo trong đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà mà tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĐI KHẤT THỰC THEO MỖI NHÀ

Candũpamo niccanavo kulesu amaccharĩ sabbasamãnukampo kulũpakãdĩnavavippamutto hotĩdhabhikkhu sapadãnacãrĩ loluppa cãraṃ pajahãya tasmà okkhittacakkhu yugamattadassĩ ãkaṅkhamãno bhuvisericãraṃ careyya dhĩro sapadãnacãraṃ.

Nghĩa là : " Tỳ-khưu hành đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà, trong Phật-pháp này, là người lành ví như mặt trăng, là người thường đi xin ăn, là người không bón rít trong các nhà, có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà, là người đã thoát khỏi tội, phát sanh do sự đi vào xóm.

Cho nên bậc trí tuệ, nếu muốn đi trên mặt đất theo sở thích, cũng phải dứt bỏ cách đi khất thực theo ý muốn, phải có cặp mắt ngó xuống, chỉ nên liếc xem xa một ách (hai sải) rồi nên hành đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà.

✺

V.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỒI ĂN TRONG MỘT CHỖ (Ekãsanikaṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn tư cách ngồi ăn trong nhiều chỗ **(nãnãsanabhojanaṃ patikkhipãmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ ngồi ăn trong một chỗ ngồi **(ekãsanikaṅgaṃ samãdiyãmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ khưu thọ phép đầu đà này, trong nhà ăn, không nên ngồi trên chỗ của vị trưởng-lão. Phải phân biện trước chỗ ngồi vừa theo địa vị mình, rồi mới nên ngồi. Khi đương ăn, nếu có ông thầy dạy đạo, hoặc vị hòa-thượng đi đến, cũng nên đứng dậy làm lễ, nhưng không được trở lại ăn nữa.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bực :

Bực thượng : Dầu có vật thực nhiều hay ít, nếu đã thò tay vào thì chẳng nên ăn vật nào khác thêm nữa.

Bực trung : Nếu vật thực trong bát còn được phép thọ thêm.

Bực hạ : Nếu chưa ra khỏi chỗ ngồi ăn, được phép lãnh thêm.

Ba bực này nếu ngồi ăn nhiều chỗ gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 8 quả báo :

1.— **Appãbãdhatã** Trạng thái người ít có bịnh.

2.— **Appãtaṅkatã :** Trạng thái người sống không khổ, là khỏi bị khổ trong thân thể.

3.— **Lahutthãnaṃ :** Cách chỗi dậy lẹ làng.

4.— **Balaṃ :** Có thân thể khỏe mạnh.

5.— **Phasuvihãro** : Cách ở được an vui.

6.— **Anatirittapaccayã anãpatti :** Không phạm tội vì thọ vật thực **anatirittabhojana** [1].

7.— **Rasataṅhãyavinodanaṃ :** Cách không mong được vị ngon.

8.— **Appicchatãdĩnaṃ anulomavuttitã.** Trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay là ít tham.

Ấy là 8 quả báo trong đầu đà ăn trong một chỗ ngồi mà tỳ khưu thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĂN TRONG MỘT CHỖ NGỒI

Ekãsanabhojane rataṃ nayatim bhojana-paccayã rujã visahantirase aloluppo parihãpeti na kammamattano iti phãsuvihãra kãrane suvisallekharatupasevite janaye thavisuddha-mãnaso ratimekãsanabhojaneyati.

---

(1) Vật thực mà tỳ-khưu đã ngăn rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ấy, thọ lãnh được rồi không làm theo luật (xem trong điều học ngăn vật thực).

Nghĩa là : " Các thứ bịnh phát sanh do dùng vật thực, hằng không làm hại đến hành giả vui thích trong cách thường thọ thực trong một chỗ ngồi. Sự chẳng lựa chọn vị ngon hằng không làm cho tiêu hoại nghiệp tinh tấn của hành giả ".

Cho nên tỳ-khưu, là người có tâm trong sạch, nên làm cho sự vui thích phát sanh trong đầu đà, chỉ nên ngồi ăn trong một chỗ là nguyên nhân làm cho cách ở được an vui.

VI.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT (Pattapiṇḍikaṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn đồ đựng thứ nhì **(dutiya-bhãjanaṃ patikkhipãmi)**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách chỉ thường thọ thực trong một bát [1] **pattapiṇḍikaṅgaṃ samâdiyâmi)**

Trong 1 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý :

Tỳ khưu thọ phép đầu đà này, khi dùng cháo phải để cháo trong đồ đựng; nếu được đồ ăn khô (khô, mắm) nên ăn đồ khô trước cũng được, húp cháo

---

(1) Tiếng bát đây chẳng phải chỉ nói về bình bát thôi đâu, dầu đồ dùng khác cũng gọi là bát được.

trước cũng được, để đồ ăn khô trong cháo, e có mùi hôi tanh, ăn rồi mửa ra, nhưng nếu ăn được cũng tốt. Về mật ong, hoặc đường thì phải để chung vào ăn với cháo. Các vật ấy, tỳ-khưu phải thọ cho có tiết độ. Trong khi ăn nếu có nước chấm và củ, trái, rau, phải cầm ăn không tiện phải nên để vào bát.

Tỳ khưu hành đầu đà này có 3 bực :

Bực thượng : Ăn vào miệng rồi dầu gặp xương gặp rác cũng chẳng nên nhả ra (trừ ra ăn mía, được phép nhả xác)

Bực trung : Ăn nhằm xương hoặc rác được phép nhả bỏ, nhưng không nên bóp, trộn vật thực trong bát rồi mới ăn.

Bực hạ : Dầu trộn vật thực trong bát rồi mới ăn cũng được.

Bực ba này, nếu ăn ngoài bát thì gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo :

1.— **Nãnãrasataṅhãvinodanaṃ :** Cách dứt bỏ sự mong mỏi trong vật thực có vị ngon.

2.— **Atricchatayapahànaṃ :** Cách dứt bỏ trạng thái người có sự ham muốn trong món ăn khác.

3.— **Ãhãrepayojanamatta dassitã** : Trạng thái người thấy điều hữu ích về sự tiết độ trong vật

thực.

4.— **Thãlakãdipariharanakhedãbhãvo :** Không có sự cực nhọc nhứt là cất giữ vật thực.

5.— **Avikkhittabhojitã :** Trạng thái người không có tâm thay đổi vật thực khác.

6.— **Appicchatãdinaṃ anulomavuttitã :** Trạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà chỉ thường ăn trong một bát mà tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT

Nãnãbhãjanavikkhepaṃ hitvã okkhittalocano khananto viya mũlăni rasataṅhàya subbato sarũpaṃ viya santuṭṭhiṃ dhârayanto sumânaso paribhuñjeyya ãhãraṃ koañño pattapiṇḍiko.

Nghĩa là : Hành giả là người dứt sự thay đổi trong nhiều món ăn khác, có cặp mắt ngó xuống, có hành vi chơn chánh, để đào bứng gốc rễ của lòng ham muốn, là người có thiện tâm hành phép tri túc; như người gìn giữ thân thể mình thế nào, thì tỳ-khưu hành đầu đà chỉ thường ăn trong một bát, lẽ nào lại thọ thực (trong đồ đựng khác được).

VII.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ NGĂN ATRITTABHOJANA [1]

(Khaluppacchâbhattikaṅga)

Trong đầu đà này có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn cách dùng (**atirittabhojanaṃ patikkhipâmi**)

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách không dùng vật thực đã ngăn rồi, mà sau lại được (**khalupacchàbhattikaṅgaṃ samãdiyãmi**)

Trong 2 cách nầy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ khưu thọ đầu đà nầy, khi đã ngăn vật thực rồi không nên nhờ người làm cho vật thực dùng được đâu. Đầu đà nầy có nghĩa giống nhau với điều học (**paṭhama pavãraṇã** [1] nhưng đây cao thượng hơn.

Nên biết đầu đà nầy có nghĩa cao thượng hơn điều học **pathama pavãraṇã** như thế nào? Trong điều học **pathama pavãraṇã** nói: tỳ-khưu đã ngăn

---

(1) Khi tỳ khưu đương ăn có thí chủ đem vật thực đến dâng trong hắc mà không lãnh gọi là ngăn vật thực. Đến khi đứng dậy khỏi chỗ ấy rồi nếu dùng vật thực ấy hoặc vật thực khác phải cho người làm theo luật (vinayakamma) mới ăn được. Không làm, phạm ưng đối trị. Vật thực nhờ người làm vinayakamma cho được phép ăn nữa ấy gọi là atirittabhojana.

vật thực rồi, khi đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nếu nhờ người làm **vinayakamma** rồi thì ăn vật thực ấy được. Trong đầu đà nầy không phải như thế, dầu có người làm **vinayakamma** cho thành vật ăn được, cũng không nên ăn, ấy là chỗ cao thượng hơn, đối với điều học **paṭhama pavãraṇã**.

Tỳ khưu hành đầu đà nầy có 3 bực :

Bực thượng: Khi đang cầm vật thực ăn mà ngăn vật thực của người dâng cúng thì chẳng được phép thọ thực phẩm còn lại trong bát.

Bực trung: Đang ăn vật thực nào chỉ được phép ăn món ấy.

Bực hạ: Được phép ăn cho đến khi đứng dậy.

Ba bực này nếu đã ngăn vật thực rồi mà còn ăn nữa gọi là phá pháp đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà nầy có 5 quả báo:

1.— **Anatirittabho janãpattiyã durĩbhãvo**: Trạng thái người lánh xa khỏi sự phạm tội vì cách dùng vật thực **anatirittabhojana** [1].

2.— **Odarikattâbhavo**: Không có cử chỉ người ăn quá no.

---

(1) Xem nơi điều học ấy.

(1) Vật thực mà tỳ-khưu đã ngăn, rồi sau khi được lại mà không nhờ người làm **vinayakamma** gọi là **antirittabhojana.**

3.— **Niramisasannidhita**: Trạng thái người không gom thu để dành vật thực.

4.— **Punapariye sanãya abbãvo**: Không có cách tìm kiếm thêm nữa.

5.— **Appicchatãdīnaṃ naulomavuttitã:** Trạng thái người có cách, hành vừa theo các đức, nhứt là không tham hay ít tham.

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà nầy, mà tỳ-khưu đã thọ trì chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ NGĂN VẬT THỰC

Pariyesanãya khedaṃ na yãti na karoti sannidhiṃ dhiro odarikattaṃ pajahati khahi-pacchabhattiko yogĩtasmã sugatappasatthaṃ santosagunãdivuddhi sañjananaṃ dose vidhu-nitukãmo bhajeyya yogĩdhutaṅgamidaṃ.

Nghĩa là: Hành giả là người có trí-tuệ, là người thọ trì chi của tỳ-khưu có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn rồi khi sau được lại, là người không có sự khổ cực vì cách tìm vật dụng, không chất chứa vật thực, là người bỏ tư cách thọ thực quá no.

Cho nên hành giả là người có trí-tuệ, muốn dứt bỏ điều khổ não, nên hành đầu đà nầy mà đức Thiện Thệ hằng ngợi khen và đó là phương pháp làm cho

tăng trưởng các đức tánh, nhứt là đức tri-túc.

✺

VIII.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THUỜNG NƯƠNG NGỤ TRONG RỪNG (Araññikaṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn cách ngụ nơi khoảng nhà, trước khi mặt trời mọc **(gãmantase nãsanaṃ patikkhipãmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường nương ngụ trong rừng **(araññikaṅgaṃ samãdiyãmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ khưu hành đầu đà nầy, khi đã thọ trì rồi, không nên ở trong khoảng nhà trước khi mặt trời mọc.

Cần phải ngụ nơi rừng trước khi mặt trời mọc. Chỗ ở trong khoảng nhà là nói về chỗ ở trong xóm hoặc chỗ ở gần xóm [1]. Còn gọi là rừng ấy là chỉ về chỗ ngoài xóm và ngoài chỗ gần xóm.

Chỗ nói xóm là: Dầu xóm nào chỉ có một hoặc

---

(1) Người đàn ông có sức lực bực trung lấy đất cục liệng rớt đến đâu chỗ ấy là gần xóm.

nhiều nhà có hàng rào hoặc vách tường, có tường xung quanh hoặc không có, có người ở hoặc không có, chỗ nào có bọn buôn bán đến trú ngụ trong nơi ấy hơn 4 tháng cũng đều gọi là xóm cả.

Chỗ ở trong rừng nên đo từ ranh xóm (chỗ có nhà, chòi, trạm nghỉ) cho xa được 1.000 thước. Nếu không có ranh xóm, chòi, trạm nên đo từ chỗ cục đất mà người trai có sức lực bực trung liệng rớt ấy. Nếu gần xóm nghe tiếng người mà bị khuất núi, hoặc có sông ngăn, không có thể đi ngay tới được, nên đo theo đường mà họ thường đi tới lui. Nhưng không nên rào ngăn đường đi tắt gần của họ (nếu làm như thế gọi là "kẻ cướp lớn" về phần đầu đà này).

Đầu đà nầy có 8 quả báo :

1.— **Bhabbo aladdhaṃ và samãdhiṃ patiladhuṃ**: Người đáng đắc thiền-định chưa đắc.

2.— **Laddhaṃ và rakkhituṃ**: Người có thể gìn giữ thiền định đã đắc.

3.— **Satthãpissa attamano**: Đức Thiên-nhơn-sư hằng vừa lòng đối với tỳ-khưu ấy.

4.— **Asappãyarũpãdayo cittaṃ na vikkhipanti**: Nhứt là sắc trần là điều không vừa lòng, không sao khuấy rối tâm tỳ-khưu ấy được.

5.— **Vigatasantãso**: Xa lánh khỏi sự kinh sợ

6.— **Jĩvitanikantim pajahati**: Có thể dứt bỏ sự vui thích trong sanh mạng được.

7.— **Pavivekasukharasam assãdeti**: Được nếm mùi vị của sự an vui trong nơi thanh vắng.

8.— **Pamsukũlikãdibhãvo**: Người có thế thọ trì đầu đà mặc y cà sa đáng gớm dễ dàng được.

Ấy là 8 quả báo trong đầu đà thường ngụ trong rừng.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG RỪNG

Pavivitto asaṃsaṭṭho pantasenãsane rato ãrãdhayanto nãthassa vanavãsena mãnasam eko araññe nivasaṃ yaṃ sukhaṃ labhate yati rasaṃ tassana vindanti api devã sandakã. Paṃsukũlañca esovakavacaṃ viya dhãrayaṃ araññasaṅgã magato avasesadhutãyudho samattho nacirasseva jetuṃ mãraṃ sahãhanaṃ tasmã araññavã samhi ratiṃ kayirãtha paṇḍito.

Nghĩa là: "Hành giả có tâm yên lặng, không lẫn lộn vì phe đảng, hằng vui thích trong nơi thanh vắng, là người có thế làm cho đức Phật được vừa lòng và khen rằng: Hành giả, là người nương ngụ trong rừng một mình, hằng được an vui cho đến nỗi tất cả chư thiên và thiên-đế cũng chẳng đặng nếm

hương vị của sự an vui ấy. Như thế, nếu hành giả được hành thêm đầu đà mặc y đáng gớm làm thiết-giáp rồi, xông vào chiến trường tức là rừng, dùng 11 pháp **dhuta** làm quân binh, thì có thế chiến thắng Ma vương cùng bọn quân ma được dễ dàng không lâu.

Cho nên, bậc trí-tuệ cần phải vui thích trong phương pháp nương ngụ trong rừng.

IX.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẦN CỘI CÂY. (Rukkhamūlikaṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ:

1.— Tôi xin ngăn chỗ ở có che lợp (**channaṃ patikkhipāmi**),

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu là người có phẩm cách thường nương ngụ gần cội cây (**rukkhamūlikaṅgaṃ samādiyāmi**).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý :

Tỳ khưu hành đầu đà này, khi đã thọ rồi nên tìm nương ngụ gần cội cây, cây nào ở xa chùa, nhà, trừ ra cây chỗ ranh xóm, cây mà họ hay đến cúng vái, cây có dầu, cây có trái, có bông mà họ cần dùng, có dơi, chim, cò ở.

Tỳ khưu hành đầu đà này có 3 bực :

Bực thượng : Chẳng nên lựa bóng cây theo ý mình. Phải tránh các thứ cây đã kể trên, lấy chân đùa lá cây, để làm chỗ ở.

Bực trung : Nếu có người nào ở gần, nhờ họ quét dùm cũng được.

Bực hạ : Được phép cậy người ở chùa quét dùm và làm hàng rào cho. Bữa nào có nhiều người hội hiệp gần nơi ấy, phải tìm nơi khuất tịch khác.

Ba bực này nếu vào ở nơi nào có che lợp đến mặt trời mọc gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo :

1.— **Nissayãnurũpapatipattisabbhãvo:** Người tu hành vừa theo phép nương mà vị hòa thượng đã dạy khi mới thọ cụ túc giới rằng : " Người xuất gia nên nương ngụ gần cội cây ".

2.— **Bhagavatạ samvannitapaccayatã :** Người có vật dụng mà đức Thế-tôn hằng ngợi khen là vật dụng ít, dễ kiếm và không tội ".

3.— **Aniccasaññãsamutthapanatã :** Trạng thái có thể làm cho phép vô thường tưởng **(aniccasaññ)** phát sanh vì được thấy thường thường cái hiện tượng [1] của cây và lá.

---

(1) Trạng thái của vật mà người có thể cảm giác được.

4.— **Senãsanamaccherakammãrãmatãnam-abhãvo :** Không bón rít trong chỗ ở và là người vui thích trong phận sự mình.

5.— **Devatãhi sahavãsitã :** Trạng thái người được ở chung cùng với chư thiên.

6.— **Appicchatãdĩnam anulomavuttitã :** Trạng thái người có phẩm cách tu hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà này mà tỳ khưu đã thọ trì được chín chắn.

KẾT-LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẦN CỘI CÂY

Vannito buddhasetthena nissayoti ca bhãsito nivãso pavivittassa rukkhamũlasamo kuto ãvãsamaccheraharedevatã paripãlite pavivitte vasanto hi rukkhamũlamhi subbato abhírattãni nĩlãni pandũni patĩãni ca passanto tarupannãni niccasaññaṃ panũdati tasmà hi buddha-dãyajjaṃ bhãvanãbhiratãlayaṃ vivittaṃ nãti-manneyyã rukkhamũlaṃ vicakkhano.

Nghĩa là : " Chỗ ở của tỳ-khưu, là người có tâm yên lặng mà đức Phật hằng ngợi khen và giảng rằng: " Chỗ ở trong rừng là nơi nương náu của bậc xuất gia, chẳng có chí sánh bằng. " Tỳ khưu ngụ

trong rừng là nơi thanh vắng, có thể dứt bỏ được sự bón rít trong thất, có chư thiên nương theo rừng hộ trì nữa. Chẳng phải có thế thôi, tỳ-khưu là người ở gần cội cây, khi thấy lá mới trổ tươi xanh hoặc lá cây chín có màu vàng đã rụng, có thể dứt trừ phép thường tưởng [1] **(niccasaññā).** Bởi cớ ấy, bậc có trí tuệ không nên khinh rẻ chỗ yên lặng gần cội cây, là chỗ của đức Chánh Biến Tri đã ngự, là nơi cư trú của các hành giả ưa thích trong phép thiền định.

✺

X.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG NGỰ TRONG KHOẢNG TRỐNG (abbhokasikaṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn chỗ ở che lợp và chỗ ở gần cội cây **(channañca rukkhamūlañca patikkhipâmi)**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ khưu là người có tư cách thường nương ngụ trong khoảng trống **(abbhokāsikaṅgaṃ samādiyāmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý :

Tỳ-khưu hành đầu đà này, nếu vào tịnh-xá để nghe pháp, hoặc làm lễ **uposatha** mà có mưa đến,

---

(1) Thường tưởng là : tưởng là thường trong các sắc vô thường.

không nên vội đi ra, chờ cho mưa tạnh sẽ đi, hoặc đã vào nhà ăn, nhà khói để làm phận sự (giúp việc cho vị trưởng-lão, cho tăng cũng nên). Nếu đi theo đường có cầm vật phụ tùng của vị trưởng-lão mà mắc mưa, nên vào đụt mưa trong các phước xá (nhà trạm) cất giữa đường cũng được, dầu không có cầm vật chi của vị trưởng-lão, vào nơi ấy đụt mưa cũng nên, song phải đi chậm rãi, hoặc không nên tính ở nghỉ trong phước xá ấy.

Tỳ-khưu hành đầu đà có ba bực :

Bực thượng : Chẳng nên ở dưới bóng cây, trong núi, nhà mát.

Bực trung : Nếu có việc phải vào nhà không lỗi.

Bực hạ : Vào nghỉ các nơi ấy cũng được nhưng không nên ở đến mặt trời mọc.

Ba bực này nếu ở trong các nơi có che lợp, hoặc dưới cội cây hoặc ở chỗ che lợp đến mặt trời mọc, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Quả báo trong **abbhokâsikanga.**

Đầu đà này có 5 quả báo :

1.— **Âvâsapalibobdhupacchedo** : Cách dứt bỏ sự bận trong tịnh thất, (chùa).

2.— **Thĩmamiddhappanudanam :** Cách dứt trừ sự lười biếng trong thân tâm.

3.— **Nissaṅgatâ :** Trạng thái người không bận lòng vì sự lo gìn giữ chỗ ở.

4.— **Catuddisatà :** Trạng thái người đi đến bốn phương được, không có sự trở ngại, vì khỏi lo sợ không có chỗ ngụ.

5. — **Appicchatãdinaṃ anulomavuttitâ :** Trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay là ít tham. Ấy là 5 quả báo trong đầu đà này mà tỳ-khưu thọ trì được chắn chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG

Anagâriyabhâvassa anurūpe adullabhe târâmani vitãnamhi candadi pappabhâsite abbhotâse vasaṃ bhikkhu migabhutena cetasà thĩnamiddhaṃ vinodetvâ bhavanârâmataṃ sito pavivekarasassâdaṃ nacirasseva vidatiyasmâ-tasmãhisappañño obhokàse rato siyâ.

Nghĩa là " Hành giả không gìn giữ chỗ ở, ví như thú rừng, hằng nương theo trạng thái vui thích trong phép thiền định, tìm kiếm chỗ ngụ trong khoảng trống, là nơi vừa cho hàng xuất gia, lấy các ngôi sao làm trần, có ẩn dạng ngọc mã não, lấy mặt trăng làm đèn để soi sáng, có thể dứt trừ sự lười biếng trong thân tâm và không bao lâu sẽ được hưởng điều vui

thích trong hương vị của pháp yên lặng.

Cho nên hành giả là người có trí tuệ nên ưa thích trong khoảng trống như thế.

✺

XI.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG NGỰ NƠI MỘ ĐỊA (sosânikaṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ :

1.— Tôi xin ngăn chỗ không có mồ mã **(nasusãnam patikkhipâmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu, là người thường có phẩm cách thường nương trong nơi mộ địa **(sosânikaṅgaṃ samâdiyâmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Nơi thiêu người hoặc chôn tử thi dầu là họ còn dương thiêu hoặc chôn thường ngày hay là đã bỏ từ 12 năm rồi, cũng gọi là mộ địa. Những nơi nào họ nói là mộ địa mà chưa từng thiêu hoặc chôn tử thi, không gọi là mộ địa được.

Thật vậy, tỳ-khưu ngụ trong mộ địa không nên bảo người làm chỗ đi kinh hành, chỗ để giường chõng, không nên chứa nước uống, nước tắm, rửa hoặc dạy người học kinh luật. Vì đầu đà này quan

trọng lắm cần phải ngừa sự rủi ro. Phải trình cho vị trưởng-lão trong chùa và các viên chức trong làng, tổng hay trước, rồi mới được phép vào ngụ, không nên dễ duôi. Khi đi vào, phải theo đường lộ, đến khi đi kinh hành phải liếc mắt xem chỗ thiêu hoặc chôn tử thi. Ban ngày nên phân biện cho rồi chỗ có cây, đá, gốc cây; nếu có phi nhơn [1] kêu la trong ban đêm, không nên dùng vật chi để đánh, đập đuổi xô đâu. Cần đi đến mộ địa mỗi ngày; nếu đi vào nơi ấy lúc nửa đêm, khuya rồi trở về cũng được. Không nên ăn mè, bột trộn, với đậu **rājamãsa,** cá, thịt hoặc bánh trộn với sữa tươi, dầu và đường mía, là vật vừa miệng của hàng phi nhơn. Chẳng nên đi vào đình miếu cất trong nơi ấy.

Tỳ-khưu hành đầu đà nầy có 3 bực :

Bực thượng: Nên ở trong nơi nào mà họ thường chôn hoặc thiêu tử thi hoặc thường đến chốn ấy mà than khóc.

Bực trung: Nơi nào không thường chôn, hoặc thiêu tử thi cũng ở được.

Bực hạ: Nơi nào có chôn hoặc thiêu tử thi một đôi lần, cũng ở được.

Ba bực này nếu lúc canh năm (là canh chót, ít hơn

---

(1) Phi nhơn là ma quỉ mà người thường gọi là chư vị.

hết) mà chẳng vào ở nơi mồ mả, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

10 quả báo trong **sosânikaṅga :**

1.— **Maranassatipatilàbho:** Phương pháp đắc phép niệm sự chết do được thường thấy tử thi.

2.— **Appamâdavihâratâ:** Trạng thái người không dể duôi, nhờ cách đắc phép niệm về sự chết.

3.— **Asubhanimittâdhigamo:** Phương pháp tham thiền thấy cảnh tử thi, do được xem tử thi bỏ trong mộ địa.

4.— **Kâmarâgavinodanam:** Cách dứt giảm tình dục vì sự tham thiền thấy cảnh tử thi ấy.

5.— **Abhiṅhaṃ kâyasabhâvadassanam:** Cách thường thấy trạng thái của thân thể không sạch.

6.— **Saṃvegabahulatâ:** Trạng thái người có nhiều sự cảm sợ **(saṃvega)** do đắc phép niệm về sự chết.

7.— **Ãrogyamadâdippahânaṃ:** Cách dứt bỏ sự say mê, do được thấy người bịnh trong nơi ấy.

8.— **Bhayabheravasahanatâ:** Trạng thái người kiên nhẫn trong điều kinh sợ đáng ghê gớm vì quen gặp cảnh đáng ghê tởm.

9.— **Amanussânaṃ garubhãvaniyatâ:** Trạng thái người có phẩm cách đáng cho phi nhơn tôn kính

và ngợi khen.

10.—**Appicchatâdinaṃ anulomavuttitâ:** Trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhứt là không tham hay là ít tham.

Ấy là 10 quả báo trong đầu đà nầy mà tỳ khưu thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG NƠI MỘ ĐỊA

Sosãnikãnhi maranânusadippabhâvã niddàga tampi na phusanti pamãdadosã sampassato cakunapãni bahũni tassa kãmãnurãgavasagampi na hoti cittaṃ saṃ vegameti vipulaṃ na madaṃ upeti sammãatho ghatati nibbutimesamãno sosãnikaṅgamitineka gunãvahattâ nibbànaninnahadayena nisevitabbaṃ.

Nghĩa là: "Tỳ-khưu là người ngụ trong mộ địa, dầu muốn ngủ trong nơi ấy cũng trái lẽ, vì không bị các sự dễ duôi tiếp xúc do thắng lực của phép thiền định về sự chết đã đắc trong nơi ấy. Chẳng phải có thế thôi, tâm của tỳ-khưu ấy khi đã thường thấy tử thi thì không sao bị tình dục lôi cuốn mà chỉ có nhiều **samvega** [1] không say mê.

---

(1) Samvega; dịch là cảm sợ.

Cho nên hành giả mong đạt đến Niết-bàn là nơi dứt khổ, phải tinh tấn hành đầu đà nầy, nhờ tâm chơn chánh xu hướng về Niết-bàn do phép đầu đà thường ngụ trong mộ địa là pháp đem đến rất nhiều đức tánh như đã có giải.

XII.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ THƯỜNG Ở TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI.

(Yathãsanthatikaṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ.

1.— Tôi xin ngăn sự chọn lựa chỗ ở **(senãsanaloluppaṃ paṭikkhipãmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi của tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường ở trong chỗ mà tăng đã cho đầu tiên không dời đổi **(yathàsanthatikaṅgaṃ samãdiyãmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý:

Hành giả thọ đầu đà nầy, nếu tỳ-khưu thế mặt tăng cho chỗ ở đầu tiên thế nào, thì phải vui thích chỗ ở ấy thôi, không được tìm hỏi, hoặc đi lựa chỗ ở nào khác.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bực:

Bực thượng: Chẳng nên hỏi thăm chỗ ở của mình xa hay gần, hoặc có ma quỉ phá khuấy hay

chăng? Giáo-hội định chỗ nào phải ở nơi ấy.

Bực trung: Được phép hỏi, nhưng chẳng nên đi xem chỗ ở theo ý mình.

Bực hạ: Được phép hỏi và đi xem chỗ ở nếu không vừa ý cũng không nên xin đổi chỗ.

Ba bực nầy, nếu đã phát lòng tham muốn chỗ ở theo mình, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà nầy có 6 quả báo :

1.— **Ovãdakaranaṃ:** Được gọi là hành theo lời dạy của Đức Thế-Tôn. Ngài có giải rằng: "Chỗ ở mà mình đã được rồi, thì phải nên vui thích theo chỗ ấy, không nên dời đổi như thế".

2.— **Sabramacãrīhitesitâ:** Trạng thái người tìm điều lợi ích cho hàng phạm-hạnh cùng nhau, là nhường chỗ ở khác cho các vị khác.

3.— **Hīnapanītavikappariccãgo:** Cách dứt bỏ sự phân biện, thấp hèn hay là cao sang.

4.— **Anurodhavirodhappahãnaṃ:** Phương pháp dứt bỏ sự vừa lòng và điều trái ý được.

5.— **Atricchatãyadvãrapidahanaṃ:** Cách cấm ngăn sự ham muốn đã qua [1].

---

(1) Là sự tham muốn thái quá đã qua rồi như là được 1 rồi còn mong được một nữa.

6.— **Appicchatãdinam anulomavuttitã:** Trạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh nhứt là không tham hay là ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà thường ở chỗ mà tăng già đã cho mà tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHỈ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI.

Yaṃ laddhaṃ tena santuṭṭho yathàsan thatiko yati nibbikappo sukkhaṃ seti tina santhara kesupi na so rajjãti setthamhi hĩnam laddhã na kuppati brahmacãrinavake hitena anukampati tasmã ariyatãcannaṃ mun ipuṅga vavannitaṃ anuyrujetha medhãvĩ yathãsan-tarãmataṃ.

Nghĩa là: "Hành giả có sự tri túc trong chỗ ở, được sao ở vậy, là người ngụ chỗ mà tăng cho, không tìm ở chỗ cao ang, thì hằng ngủ được ăn vui, dầu là nằm trên chiếu cỏ. Người không vui thích trong chỗ quí trọng, dầu được chỗ thấp hèn cũng chẳng bất bình hờn giận, mới đáng gọi là người tiếp độ các hàng phạm hạnh mới xuất gia cho được đều lợi ích.

Bởi cớ ấy, bậc trí tuệ nên có lòng vui thích trong chỗ ở mà tăng đã cho, là cổ lệ của hàng thánh nhơn

mà Đức Phật đã thường khen ngợi.

✺

XIII.— CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU-ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẰM

(Nesajjikāṅga)

Trong đầu đà nầy cũng có 2 cách thọ:

1.— Tôi xin ngăn oai nghỉ nằm **(seyyaṃ paṭikkhipāmi).**

2.— Tôi xin thọ trì chi cửa tỳ-khưu là người có phẩm cách ngăn oai nghi nằm và thường dùng oai nghi ngồi **(nesajjikaṅgaṃsamādiyāmi).**

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ khưu đã nguyện hành đầu đà này rồi ban đêm, trong 3 canh đi kinh hành trọn một canh cũng được, nhưng không nên nằm. (1)

Tỳ khưu hành đầu đà này có 3 bực :

Bực thượng : Dầu dựa mình vào đâu cũng chẳng đặng.

Bực trung : Được phép dựa.

Bực hạ : Nếu dùng giường ghế theo luật định cũng được (trừ ra không nên nằm).

---

(1) Phương pháp niệm tất cả đề mục thiền định đều dùng oai nghi ngồi, nếu hành đầu đà này để tham thiền được vừa ý.

Ba bực này nếu nằm trước mặt trời mọc gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Quả báo đầu đà **Nesajjikàṅga.** (Đầu đà ngăn oai nghi nằm).

Đầu đà này có 5 quả báo.

1.— **Catasovinibandhassa upacchedanaṃ :** Phương pháp nhứt là dứt trừ cái tâm đã quen thỏa thích trong sự mê ngủ.

2.— **Sabbakammaṭṭhānānayogasappāyatā :** Trạng thái của oai nghi được sự an vui đến phẩm cách tinh tấn trong phép thiền định [1]

3.— **Pāsadikairiyāpathatā :** Trạng thái người có oai nghi đem sự tín ngưỡng đến nhiều người.

4.— **Viriyārambhānukulatā :** Trạng thái vừa đến người có chi tinh tấn.

5.— **Sammāpatipattiyāsamupabrūhanaṃ :** Phẩm cách phát sanh sự tu hành chơn chánh.

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà mà tỳ-khưu đã thọ trì được chín chắn.

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU-ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẰM

Ābhuyitvāna pallaṅkaṃ panidhaya ujuṃ

(1) Tapadhamma là pháp thiêu đốt các phiền não.

tanuṃ nisīdãnto vikampeti mãrassa hãdayaṃ yati sêyyasukhaṃ middhasukhaṃ hitvã ãraddhaviriyo nisajjã bhirato bhikkhu sobhayanto tapovanaṃ nirãmisaṃ pĩtisukhaṃ yasmà samodhigacchati tasmã samanuyuñjeyya dhĩro nesajjikaṃ vataṃ.

Nghĩa là :

Hành giả ngồi bán dà, thân hình cho ngay thẳng, có thể làm cho tâm của ma vương phải rung động; tỳ khưu là người có tâm tinh tấn dứt bỏ cách nằm và ngủ cho vui sướng, chỉ ưa thích trong oai nghi ngồi, làm cho rừng, tức là **tapadhamma** (1) được soi sáng rõ ràng, hằng được phỉ dạ (2) vừa lòng không có **amisa** (1).

Bởi cớ ấy bậc có trí tuệ nên giữ gìn phép đầu đà **Nesajjika** nầy cho được chín chắn.

✺

GIẢI VỀ SỰ ĐOÁN XÉT CHUNG TRONG 13 ĐẦU ĐÀ

(samãsavinicchayakathã)

13 đầu đà này nói tóm lại chỉ còn 8 phần : 3 phần

---

(2) Phỉ dạ (piti) là nhờ thỏa thích trong khi tham thiền mà được no lòng.

(1) Chú giải : vừa lòng không có amisa là vừa lòng thỏa thích không nương theo ngũ dục và đẹp ý trong sự xuất gia.

chánh và 5 phần không chung lộn ; tóm lại nữa còn 4 phần.

1.— 2 đầu đà nương theo ca-sa (**cīvara-paṭisamyutta**)

2.— 5 đầu đà nương theo sự khất thực (**piṇḍa-pātapaṭisaṃyutta**).

3.— 5 đầu đà nương theo chỗ ở (**senàsana-paṭisaṃyutta**)

4.— 1 đầu đà nương theo sự tinh tấn (**viriyapa-ṭisaṃyutta**)

Tóm lại nữa còn 2 phần :

1.— Đầu đà nào, hành giả đã thọ rồi, mà thiền định được tiến hóa thì phải thọ; đầu đà nào hành giả đã thọ mà thiền định không phát sanh thì không nên thọ. Nhưng đầu đà nào mà hành giả không thọ hoặc đã thọ mà thiền định vẫn được tiến hóa không tiêu hoại, cũng gọi là thọ là phải thọ để làm khuôn mẫu cho kẻ hậu lai; hoặc đầu đà nào mà hành giả thọ hay không thọ mà thiền định vẫn không phát sanh cũng gọi là thọ, là phải thọ như thường để làm gương đến người hậu tấn.

Tóm lại nữa, chỉ còn một, là nói về tác ý thọ trì cả 13 đầu đà ấy.

HỎI.— Chia đầu đà ra làm 3 phần chánh và 5

phần không chung lộn ấy như thế nào ?

1.— **Sapadãnacãrikaṅga**, 2.— **Ekãsanikaṅga**, 3.— **Abbhokãsikaṅga**, cả 3 đầu đà ấy gọi là đầu đà chánh. Nghĩa là : Khi đã thọ **sapadãnacãrikanga** rồi thọ luôn **pindapãtikaṅga** cũng được, nếu đã thọ **ekãsanikaṅga** rồi thọ luôn **pattapiṇḍikaṅga** và **khalupacchãbhattikaṅga** cũng được, nếu đã thọ **abbhokãsikaṅga** rồi không lẽ không thọ **rukkhamũlikaṅga, yãthãsanthatikaṅga** nữa thế nào được.

Ãraññikaṅga, pamsukũlikaṅga, tecĩvarikaṅga, nesajjikaṅga, sosãnikaṅga, cả 5 đầu đà ấy gọi là 5 đầu đà không chung lộn nhau, vì không mường tượng với đầu đà khác.

Chỗ nói tóm lại, còn 4 phần ấy như thế nào ?

Paṃsukũlikaṅga, tecĩvarikaṅga cả 2 đầu đà này gọi là nương theo ca-sa vì dính dấp cùng nhau trong cách dùng ca-sa, **piṇḍapãtikaṅga, sapadãnacãrikaṅga, ekãsanikaṅga, pattapiṇḍikaṅga, khalupacchãbhattikaṅga,** cả 5 đầu đà này gọi là nương theo thọ thực vì dính dấp cùng trong cách thọ thực, **ãraññikaṅga rukhamũlikaṅga, abbhokãsikaṅga, sosãn-ikaṅga, yathãsanthatikaṅga,** cả 5 đầu đà này gọi là nương theo chỗ ở vì có sự dính dấp cùng nhau trong chỗ ở. **Nesajjikaṅga**

gọi là nương theo tinh tấn vì dính dấp cùng nhau trong sự tinh tấn.

Chỗ nói tóm lại, còn 2 phần ấy như thế nào ?

12 đầu đà trên gọi là nương theo vật dụng.

Một đầu đà **Nesajjikaṅga** sau cuối cùng gọi là nương theo tinh tấn.

✺

GIẢI VỀ PHÂN PHÁT ĐẦU-ĐÀ

(Byãsavinicchayakathâ)

1.— Tỳ-khưu nên thọ trì cả 13 đầu đà,

2.— Tỳ-khưu-ni chỉ nên thọ trì 8 đầu đà (vì khó giữ).

3.— Sadi không có luật buộc phải **adhiṭṭhâna** tam y, rút **tecĩvarikaṅga** ra chỉ còn 12 đầu đà.

4.— **Sikkhamânà** và **Sadini** không bị buộc phải adhiṭṭhâna tam y như **sadi** và phận sự phụ nữ như tỳ khưu ni nên bỏ **ãraññikaṅga, khalupacchãbhattikaṅga, abbhokãsikaṅga, rukkhamũlikaṅga sosânikaṅga, tecĩvarikaṅga** ra còn lại 7 đầu đà.

5.— Cận-sự-nam và cận-sự-nữ [1] nên thọ trì 2 đầu đà là : **ekâsanikaṅga** và **pattapiṇḍikaṅga.**

---

(1) Cận-sự-nam và cận-sự-nữ là người nam hoặc người nữ đem cả thân tâm lo cho Tam bảo hết lòng hành theo giáo pháp của Đức Phật.

PHẨM PARIVÃRA

(Trích lục trong tạng Luật)

I.— Tỳ-khưu có 5 chi, không nên ở không có **nissaya** (không nương theo ông thầy) [2].

1.— Tỳ khưu không biết ngày hành **uposatha**

2.— Không biết hành **uposatha**

3.— Không thông **pâṭimokkha**

4.— Không thông **uddesa** của **pãṭimokkha**

5.— Chưa đủ 5 hạ

II.— Tỳ khưu có 5 chi khác nữa cũng không nên ở không có **nissaya.**

1.— Tỳ khưu không biệt ngày **pavãranã**

2.— Không biết hành **pavãranã**

3.— Không thông **pãṭimokkha**

4.— Không thông **uddesa** của **pãṭimokkha**

5.— Chưa đủ 5 hạ

III.— Tỳ khưu có 5 chi khác nữa, cũng không nên ở không có **nissaya**

1. Tỳ khưu không biết sự phạm tội và không phạm tội.

2. Không biết tội nhẹ và tội nặng

---

(1) Trái lại thì được phép xa ông này.

3. Không biết **sãvasesãpatti** và **anãvasesàpatti**

4. Không biết **dutthullãpatti** và **adutthullãpatti**

5. Chưa đủ 5 hạ.

IV.— Tỳ khưu có đủ 5 chi [1] được phép ở không có **nissaya**

1. Tỳ khưu có đức tin

2. Có sự hổ thẹn tội lỗi

3. Có sự ghê sợ tội lỗi

4. Có tinh tấn

5. Có trí nhớ

V.— Tỳ khưu có ý phạm tội rồi dấu tội và chiều theo pháp tây vị (thương, ghét, si mê, sợ sệt), như thế gọi là **alajji.**

VI.— Tỳ khưu có 5 chi hằng sa địa ngục.

1. Tỳ khưu không ngay thẳng vì thương

2. Tỳ khưu không ngay thẳng vì ghét,

3. Tỳ khưu không ngay thẳng vì dốt nát,

4. Tỳ khưu không ngay thẳng vì sợ

5. Tỳ khưu dùng của tăng như của mình [2]

VII.— Tỳ khưu không có trí nhớ, hay quên mình,

---

(1) Phải có 5 chi ấy cho thiệt nhiều, bền chắc mới nên ở xa nissaya.

(2) Là cố ý bỏn xẻn không nhường chia cho vị khác.

ngủ mê có 5 tội :

1. Ngủ cũng khổ

2. Thức dậy cũng khổ

3. Nằm mộng thấy đều không tốt,

4. Chư thiên không hộ trì,

5. Di tinh

VIII.— Tỳ khưu đi đến nhà cư-sĩ, hay chung chạ với người thế trong lúc quá giờ, hằng có 5 tội :

1. Thường liếc xem phụ-nữ,

2. Khi đã xem phụ nữ, sẽ có lòng quyến luyến,

3. Khi quyến luyến, sẽ sanh sự thân thiết,

4. Khi đã bị thân thết, sẽ bị tình dục đè nén.

5. Khi đã bị tình dục đè nén, tỳ-khưu ấy sẽ giải đãi trong phạm hạnh hoặc phạm một tội nào, hay là xin xả giới hườn tục.

IX.— 5 pháp hằng thành tựu đến tỳ-khưu nhứt là hành đầu đà thường đi khất thực:

1. Đi vào xóm không cần phải trình cho tỳ-khưu trong xóm hay,

2. Thọ thực chung nhiều vị được **(ganabhojana),**

3. Thọ thực **paramparabhojana** được,

4. Không **adhiṭṭhãnay** cũng được,

5. Không gởi y dư cũng được,

X.— Người không nên hành đầu đà có 6 hạng :

1. Người cố ý mong việc xấu xa,
2. Người có tâm ganh gỗ,
3. Người giả dối,
4. Người chỉ thấy bụng mình hay là chỉ tin bụng mình,
5. Người muốn được lễ vật,
6. Người mong được kẻ khác ngợi khen.

XI.— Người nên hành đầu đà có 10 hạng.

1. Có đức-tin,
2. Có trí-tuệ,
3. Có sự hổ thẹn tội lỗi,
4. Không giả dối, phải ngay thật,
5. Tinh tấn trong điều hữu ích,
6. Thuần tính,
7. Vui thích trong sự học hỏi,
8. Làm việc chi cũng chín chắn,
9. Không hay nói điều lỗi của người,
10. Có vô lượng tâm là lòng tự ái,

XII.— Tỳ khưu hành đầu đà có 5 hạng :

1. Vì dốt nát
2. Vì ham muốn xấu xa, bị sự ham muốn đè nén,

3. Vì điên, cuồng tâm,

4. Vì nghĩ rằng Đức Phật và chư Thinh-văn ngợi khen,

5. Vì ham muốn ít, nương theo sự tri-túc, mong trau dồi tâm tánh, nương theo sự yên lặng, nương theo sự hành vi có điều lợi ích.

XIII.— Người không nên làm lễ có 5 hạng:

1. Tỳ-khưu đương khi vào xóm,

2. Đương đi theo đường đi,

3. Đương ở trong nơi tối,

4. Tỳ-khưu bận việc không để ý đến sự làm lễ,

5. Tỳ-khưu đương ngũ,

XIV— Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa:

1. Tỳ-khưu đương ăn,

2. tỳ-khưu đương ở trong nhà ăn,

3. Tỳ-khưu có sự giận hờn nhau,

4. Tỳ-khưu đương toan tính việc,

5. Tỳ-khưu để mình trần,

XV.— Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa :

1. Tỳ-khưu đương ăn vật ngọt

2. Đương ăn vật mặn,

3. Đương tiểu tiện,

4. Đương đại tiện,

5. Tỳ-khưu đang bị tăng phạt cấm phòng,

XVI.— Tỳ khưu tiên cáo phải có 5 chi: (cáo, vì)

1. Có lòng thương xót **(karuṇã)**,

2. Mong được điều hữu ích,

3. Có sự tiếp độ,

4. Muốn được khỏi tội,

5. Muốn duy trì tạng Luật,

XVII— Tỳ-khưu phải có 4 chi mới đáng gọi là Tỳ khưu:

1. Phải hằng chủ ý tưởng nhớ đến ân đức của Phật **(buddhãnussati)**,

2. Phải hằng có lòng từ-bi **(metta)**.

3. Phải tham thiền về 10 thứ tử thi **asubhaṃ**

4. Phải hằng chủ ý tưởng nhớ đến sự chết **(maranasati)**.

XVIII.— Sa-môn phải có đủ 4 chi, mới đúng gọi là sa-môn:

1. Phải có tâm nhịn nhục **(khanti)**

2. Không dễ duôi trong việc phước đức **(appamãdo)**,

3. Phải dứt bỏ lợi danh và phiền não **(ratipahãnaṃ)**.

4. Không bận lòng lo những việc vô ích (thế-sự) **(akiñcanaṃ).**

XIX.— Tỳ khưu không nên cho **nissaya** đến tỳ-khưu có 3 chi :

1. Tỳ khưu không biết hổ thẹn,

2. Tỳ khưu dốt nát,

3. Tỳ khưu không phải **pakatattā.**

XX.— Người xom tới, đi vào đường dữ, đi xuống địa ngục có 3 hạng.

1. Người không phải hành đạo cao thượng mà tự xưng là hành đạo cao thượng,

2. Người cáo gian bậc phạm hạnh trong sạch (A-la-hán),

3. Người nói: ngủ trần không tội, rồi hằng thọ dụng ngũ trần.

XXI.— Lời nói cao thượng có 4 :

1. Không thấy nói không thấy

2. Không nghe nói không nghe,

3. Nói không trúng nói rằng nói không trúng,

4. Không biết rõ rệt nói rằng không biết rõ rệt.

XXII.— Tỳ khưu có giới đáng tôn trọng có 4 chi:

1. Không tây vị vì thương,

2. Không tây vị vì ghét,

3. Không tây vị vì lầm lạc,

4. Không tây vị vì sợ.

XXIII.— Tỳ-khưu có 6 chi đáng làm hòa-thượng (truyền cụ-túc-giới) đáng cho nissaya, đáng cho sadi hầu hạ:

1. Tỳ-khưu có thể hộ hoặc cho người hộ đệ tử cố bịnh,

2. Có thể giải sầu hoặc cho người giải sầu đã phát sanh.

3. Có thể phá nghi hoặc cho người phá nghi đã phát sanh.

4. Biết sự phạm tội,

5. Biết cách sám hối.

6. Được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

XXIV.— Tỳ-khưu có 5 chi, gọi là chia rẽ tăng, hằng đi thọ sanh trong đường dữ, sa vào địa ngục trọn một đại kiếp, hết mong sửa mình được:

1. Tỳ-khưu thuyết pháp, không phải là pháp mà nói là pháp,

2. Tỳ khưu thuyết luật không phải là luật mà nói là luật,

3. Tỳ khưu thuyết pháp mà nói không phải là pháp,

4. Tỳ khưu thuyết luật, mà nói không phải là luật,

5. Giả bộ không biết rồi làm tăng sự khác nhau,

XXV.— Tỳ khưu có 7 chi mới gọi là luật-sư:

1. Biết là **ãpatti,**

2. Biết không phải **ãpatti,**

3. Biết là tội nhẹ,

4. Biết là tội nặng,

5. Có giới và thu thúc trong Biệt-biệt-giải-thoát-thu-thúc-giới,

6. Có đều đủ **ãcãra và gocãra,**

7. Có sự lo sợ trong tội lỗi đầu là nhỏ nhen chút ít.

XXVI.— Trò đối với thầy có 5 điều :

1. Phải hết lòng thương yêu thầy,

2. Phải hết lòng tín ngưỡng thầy,

3. Phải hết long hổ thẹn tội lỗi,

4. Phải hết lòng tôn kính thầy,

5. Phải hết lòng nhớ tưởng thầy,

XXVII.— Ông thầy đáng cho trò nương nhờ có 7 điều:

1. Ông thầy phải có lòng từ-ái bình đẳng,

2. Ông thầy phải có giới tinh nghiêm,

3. Ông thầy phải đáng cho trò tôn trọng,

4. Ông thầy phải nhịn nhục, khi trò bất bình, thầy tùy cơ cảm hóa trò.

5. Ông thầy phải biết lý đạo cao siêu và biết cách giảng giải theo sức của trò,

6. Ông thầy phải ngăn ngừa không cho trò làm điều vô ích tội lỗi.

7. Ông thầy phải tìm phương pháp chỉ dẫn trò cho mau được tiến hóa.

XXVIII.— Bát có 2 thứ :

1. Bát làm bằng đất,

2. Bát làm bằng sắt,

Chỉ được dùng 2 thứ ấy thôi.

GIẢI VỀ KAṬHINA

(Kathina Kathà)

Vấn — Tiếng gọi **kathina** nghĩa như thế nào ?

Đáp — Tiếng **kathina** là một tiếng trong Phật-giáo phát sanh theo lời chuẩn hành của Đức Thế-Tôn, để buộc chặt 5 quả báo cho thành tựu đến tỳ-khưu , người thọ và người **anumodanã**, cho đến hết hạn kỳ quả báo ấy.

5 QUẢ BÁO

Ãnisansa

Tỳ-khưu thọ **kathina** rồi được hưởng 5 quả báo là:

1. Nếu **kathina** chưa xả, tỳ-khưu không từ giã vị trong nhóm, rồi đi cũng được, nghĩa là không phạm tội trong điều học **cãritta.**

2. Tỳ-khưu không đem tam y theo mình rồi đi cũng được, không phạm tội trong điều học **asamãdãnacãro.**

3. Tỳ-khưu thọ thực chung nhiều vị cũng được không phạm tội trong điều học **ganabhojana.**

4. Cất giữ y, dầu không **ãdhitthãna** không gởi cũng được, không phạm tội trong điều học **"pathamakathina".**

5. Y của tỳ-khưu hoặc sadi tịch hoặc y họ dâng đến tăng, y phát sanh do tài sản của tăng, thì tỳ-khưu đã thọ **kathina** được phép lãnh dùng. Tóm lại tỳ khưu đã thọ **kathina** được hưởng 5 quả báo ấy.

CÁCH THỨC THỌ KATHINA

(Kathinatthāra vidhānakathā)

Vấn.— Người hạng nào mới thọ **kathina** được, người hạng nào thọ **kathina** không được ?

Đáp.— Nếu nói về số người phải có ít lắm, là 5 vị [1] trở lên, mới thọ **kathina** được, ít hơn 5 vị không phép thọ **kathina.**

Còn nói về nhập hạ, tỳ-khưu nhập hạ trước **(purimikavassã) pavãranã** trong ngày **pavãranã** trước (là **Pavãranã** trong ngày rằm tháng chín Việt-nam) mới thọ **kathina** được. Tỳ-khưu đứt hạ, nhập hạ sau (nhập ngày 16 tháng 6 sau, (năm nhuần) và tỳ-khưu nhập hạ chùa khác, thọ **kathina** không được.

Vấn.— Người hạng nào mới nên dâng **kathina.**

Đáp.— Một trong mấy hạng người sau nầy là: chư thiên, người thiện tín, tỳ-khưu, sadi đều dâng được cả.

---

(1) Nói 5 vị mới thọ kathina được là 4 vị làm tăng, để giao y kathina, 1 vị làm người thọ kathina

Thí chủ phải vào dâng trong hắc, tăng ngồi hoặc đứng trong chùa nhập hạ rồi dâng, nói như vầy: Chúng tôi xin dâng y **kathina (kathina cĩvaramdema).**

Vấn.— Khi thí chủ dâng y **kathina**, tăng phải thọ bằng cách nào ?

Đáp.— Không nên thọ bằng thân hoặc khẩu, phải cần thọ bằng tâm của tăng, là phải thọ bằng cách làm thinh.

Vấn.— Tỳ-khưu nào đáng thọ **kathina?**

Đáp.— Tăng giao y **kathina** cho tỳ-khưu nào, tỳ-khưu ấy phải thọ.

Vấn.— Tăng phải giao y **kathina** cho tỳ-khưu nào?

Đáp.— Tỳ-khưu nào có y cũ, tăng nên giao cho tỳ-khưu ấy.

Nếu có nhiều vị có y cũ, tăng phải giao cho vị cao hạ hơn và thông rõ 8 pháp [1], có thể làm phép thọ cho kịp trong ngày ấy.

Nếu tỳ-khưu cao hạ không thông, thì giao cho tỳ-khưu thấp hạ, thông hiểu phép thọ. Nhưng tăng nên bàn tính trước với vị trưởng lão, cầu ngài thọ rằng: "Bạch ngài, xin ngài thọ đi, rồi chúng tôi giúp

(1) Sẽ giải ra phía sau.

làm với ngài".

Khi tăng được y **kathina** rồi, hội họp nhau ngồi (trong hắc) trong **sīmā**, chỉ định 2 vị để tuyên ngôn trình cho tăng rõ.

Vị thứ nhứt hỏi: Bạch Đại-đức-tăng, y **kathina** đã phát sanh đến tăng rồi, tăng nên giao **kathina** nầy cho tỳ-khưu nào thọ **kathina.**

Vị thứ hai đáp : Tỳ-khưu nào có y cũ, tăng nên giao y cho vị ấy.

Vị thứ nhứt nói : Tỳ-khưu có **cīvaramcũ,** có nhiều vị, hoặc nói trong nơi đây không có vị nào có y cũ cả.

Vị thứ nhì nói : Tăng nên giao **kathina** cho vị trưởng lão.

Vị thứ nhứt nói : Trong nơi đây tỳ-khưu nào cao hạ?

Vị thứ nhì nói : Tỳ-khưu (...[1]....)

Vị thứ nhứt nói : Vị trưởng lão ấy có thể làm y được và thọ kịp trong ngày nay chăng?

Vị thứ nhì nói: Ngài làm được hoặc nói: tăng nên tiếp độ đến vị trưởng lão.

Vị thứ nhứt hỏi lại nữa rằng: vậy ngài trưởng-

---

(1) Để pháp-danh tỳ-khưu thọ vào đó.

lão ấy có đủ 8 chi chăng?

Vị thứ nhì đáp: "Ngài trưởng lão có đủ 8 chi rồi".

Nếu vị thứ nhứt bằng lòng thì nói: **sãdhu** đúng rồi. Tăng nên giao cho ngài trưởng-lão ấy. Phải cho tỳ-khưu thông hiểu trình cho tăng hay.

Vấn.— Tăng hội cần giao **kathina** cho tỳ-khưu , người thọ bằng cách thức như thế nào ?

Đáp.— Tăng phải giao bằng cách tụng tuyên ngôn 2 bận (**ñattidutiyakammavãcã**). Cách thức phải tụng tuyên ngôn 2 bận để giao y ấy, theo lời Phật chuẩn hành [1] (**buddhãnuñãtta**) trong phẩm **Mahãvagga** rằng: phải cho tỳ-khưu thông hiểu trình đến tăng biết như vậy :

Sunãtu me bhante saṅgho, idam saṅghassa kaṭhiṇadussaṃ uppannaṃ, yadi saṅghassa pattakallam, saṅgho imaṃ kaṭhinadussam (itthannãmassa) [2] bhikkhuno dadeyya kaṭhinaṃ attharituṃ, esã ñatti.

Sunãtume bhantesaṅgho, idam saṅghãssa kaṭhinadussaṃ uppannaṃ, saṅgho imaṃ kaṭhi nadussaṃ (itthannãmassa) bhikkhuno deti

---

(1) Cho phép thi hành.

(2) Để pháp danh tỳ-khưu thọ kathina vào chỗ (itthannàmassa).

kaṭhinaṃattharituṃ, yassãyasmato khamati imassa kathinadussassa (itthannamassa) bhikkhuno dànaṃ kathinaṃattharitum, so tuṇhassa yassa nakkhamati, so bhãseyya, dinnaṃ idaṃ saṅghena kaṭhinadussaṃ (itthannàmassa) bhikkhuno kaṭhinaṃ attharituṃ, khamati sanghassa, tasmã tuṇhī evametaṃ dhàrayàmi.

Nghĩa là : " Bạch hóa Đại-đức-tăng, xin tăng nghe tôi trình y **kathina** này đã phát sanh đến tăng rồi, nếu (giờ nầy) vừa đến tăng rồi, tăng nên giao y **kathina** ấy cho tỳ-khưu (...) để thọ **kathina**, ấy là lời trình.

Bạch hóa Đại-đức-tăng, xin Đại-đức-tăng nghe tôi trình, y **kathina** này đã phát sanh đến tăng rồi (nay) tăng giao y **kathina** ấy đến tỳ-khưu (...) để thọ **kathina**, sự giao y **kathina** cho tỳ-khưu (...) để thọ **kathina** vừa đến ngài nào, ngài ấy nên làm thinh, không vừa đến ngài nào, ngài ấy phải nói lên. Y **kathina** ấy, tăng đã giao cho tỳ-khưu (...) rồi để thọ **kathina** (sự nầy) vừa đến tăng rồi, vì lẽ ấy nên tăng làm thinh, tôi ghi nhớ sự nầy do trạng thái làm thinh ấy.

Vấn. — Nếu tăng giao y **kathina** như thế rồi,

tỳ-khưu thọ **kathina** phải làm như thế nào ?

Đáp — Tỳ-khưu thọ **kathina** ấy phải, giặt, vò, phơi, đo, cắt, may, nhuộm, làm dấu cho xong trong ngày ấy rồi thọ **kathina**. Nếu thí chủ đã cắt may sẵn, tỳ-khưu thọ chỉ phải nhuộm hoặc làm dấu **(kappabindu)** thôi rồi thọ **Kathina.**

Nếu muốn thọ y 2 lớp **(saṅghati)** phải **(paccuddhāra)** xả y 2 lớp cũ, **adhitthāna** y 2 lớp mới rồi đọc làm lễ thọ (hoặc muốn thọ y vai trái **(uttārāsānga)** hoặc y nội **(antaravàsaka)** cũng nên làm như nhau.

Vấn. — Tỳ-khưu phải thọ **kathina** bằng thế nào?

Đáp. — Trong phẩm **parivāra** có nói rằng : nếu tỳ khưu muốn thọ y 2 lớp **(sāṅghàti)** cần **(paccuddhāra)**, xả y 2 lớp cũ của mình, rồi **(adhitthāna)** y 2 lớp mới, rồi đọc ra tiếng cho tăng nghe rõ rằng " **imāya saṅghātiya kaṭhinaṃ attharāmi** "(tôi thọ **kathina** bằng y 2 lớp nầy).

Nếu thọ y bằng y vai trái **uttarāsanga** phải **puccuddhāra** xả y vai trái cũ của mình **adhitthāna** y vai trái mới, rồi đọc ra tiếng cho tăng nghe rõ rằng: " **iminā uttarāsaṅgena kaṭhinaṃ attharāmi** " (tôi thọ **kathina** bằng y vai trái nầy).

Nếu thọ y **antaravāsaka** phải **paccuddhāra** xả

y nội cũ của mình, **adhitthãna** y mới, rồi đọc ra tiếng cho tăng nghe rõ rằng : " **iminã antaravãsakena kaṭhinaṃ attharãmi** (tôi thọ **kathina** bằng y nội nầy).

Khi tỳ-khưu đã thọ **kathina** theo cách thức ấy rồi [1] vào gần tăng hoặc **gana** hoặc **puggala,** mặc y vai trái chừa một bên, ngồi chồm hỗm chắp hai tay đọc cho các vị ấy **(anumodanã)** rằng : " **atthataṃ bhante** [2] **saṅghassa kaṭhinaṃ dhammiko kathinatthãro anumodatha** "[3] (bạch các đại đức, **kathina** của tăng tôi đã thọ rồi, sự thọ **kathina** ấy đúng theo pháp, xin các đại-đức **anumodanà** đi.

Về phần tỳ-khưu **anumodanã**, phải mặc y vai trái chừa vai một bên, ngồi chồm hỗm chắp hai tay đọc **anumodanã** rằng : " **atthataṃ àvuso** [4] **saṅghassa kaṭhinaṃ dhammiko kaṭhinatthàro anumodãma** [5] ". Bạch hóa các đại đức **kathina** của tăng ngài đã thọ rồi, sự thọ **kathina** (ấy) đúng theo

---

(1) Nếu không có tỳ-khưu anumodanã đã thọ rồi thì xong.

(2) Nếu tỳ-khưu thọ cao hạ hơn tỳ-khưu anumodanà thì đọc ãvuso.

(3) Nếu có nhiều vị anumodanà hoặc có một vị cao hạ hơn thì thấp hạ thì đọc anumodàhi. còn một vị anumodanà thấp hạ thì đọc anumodàhi.

(4) Nếu tỳ-khưu anumodanà cao hạ hơn tỳ-khưu thọ thì đọc ãvuso bằng thấp hạ hơn đọc bhante.

(5) Nhiều vị thì đọc anumodàma — một vị thì đọc anumodàmi.

pháp, chúng tôi xin **anumodanã** ".

Trong kinh chú giải có nói : **evaṃ sabbesaṃ atthataṃ hoti kaṭhinaṃ** (nếu một vị thì đọc **kathina**, các vị khác **anumodanã** như thế gọi là được thọ **kaṭhina** đủ cả các vị.

GIẢI VỀ THỂ THỨC THỌ KATHINA KHÔNG ĐƯỢC KẾT QUẢ

(Anatthatakathinakathã)

Vấn.— Tỳ-khưu thọ **kathina** không kết quả do 24 cách như thế nào ?

Đáp.— Tỳ-khưu thọ **kathina** không kết quả do 24 điều là :

1o **Ullikhitamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa làm thành y, vải mới đo.

2o **Dhovanamattena : Thọ kathina** bằng vải chưa làm thành y, vải mới giặt,

3o **Cĩvaravicàranamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa thành y, vải mới sắp sửa theo cách cắt.

4o **Chedanamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa làm thành y, vải mới cắt,

5o **Bandhanamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa làm thành y, vải mới may lược.

6o **Ovattikakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa làm thành y, vải mới may bìa.

7o **Kandùsakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng vải chưa làm thành y, mới để rải khung đặng cột.

8o **Dalhĩkammakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng vải y thường của mình, chỉ lấy vải **kathina** đến may nhập với nhau.

9o **Anuvãtakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng vải y làm chưa rồi, mới để biên xuôi thôi.

10o **Paribhaṇdakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng y chưa may rồi, mới để biên ngang thôi.

11o **Ovatteyyakaranamattena :** Thọ **kathina** bằng y làm chưa rồi, mới để điều.

12o **Kambalamaddanamattena :** Thọ **kathina** bằng y nhuộm còn non màu. (1)

13o **Nimittakatena :** Thọ **kathina** bằng y phát sanh do tỳ khưu nói cách nầy, thế nọ (ta thọ y nầy được, tốt).

14o **Pãrikathàkatena :** Thọ **kathina** bằng y phát sanh vì tỳ-khưu bảo thí chủ dâng (được phước lớn).

15o **Kukkukatena :** Thọ **kathina** bằng y mượn của người, hoặc tự mình kiếm, hoặc bằng y của mình đã có sẵn.

16o **Sannidhikatena :** Thọ **kathina** bằng y để

---

(1) Nên nhuộm như màu cây mít.

dành qua ngày sau.

17o **Nissaggiyena :** Thọ **kathina** bằng y đang làm để qua ngày khác,

18o **Akappakatena :** Thọ **kathina** bằng y chưa làm dấu.

19o 20o 21o **Aññatra sãṅghãtiyà, aññatra uttarãsangena, aññtra antaravãsakena :** Thọ **kathina** ngoài y 2 lớp, y vai trái, y nội.

22 o**Aññatra pañcakena** và **atirekapañcakena và tadaheva sanchinnena samandalīkatena :** Thọ **kathina** bằng y không cắt điều may, hoặc cắt điều không đúng phép.

23 o **Aññtra puggalassa atthàra :** Thọ **kathina** nhiều vị (2-3-4 vị trở lên).

24 o **Nissīmaṭṭho anumodati :** Tỳ-khưu đem y ra ngoài vòng **sīmã** mà mình nhập hạ ; nếu chùa ấy chưa có **bandhasīmà** chỉ ra tụng tuyên ngôn rồi trở vào thọ **kathina** trong chùa mà mình đã nhập hạ cũng được.

Kathina mà tỳ-khưu làm phép thọ phạm một trong 24 điều ấy không thành **kathina** đâu.

✺

GIẢI VỀ CÁCH THỨC THỌ KATHINA ĐƯỢC KẾT QUẢ

(Atthatakathinakathà)

Thọ 17 thứ vải sau nầy được thành **kathina**:

1o **Ahatena :** Thọ **kathina** bằng y người chưa mặc.

2o **Ahatakappena :** Thọ **kathina** bằng y người mới giặt 1,2 lần song còn như mới,

3o **Polotikàya :** Thọ **kathina** bằng y làm bằng vải cũ.

4o **Pamsukùlena :** Thọ **kathina** bằng y làm bằng vải lượm hoặc y mà tỳ-khưu hành đầu đà tìm được.

5o **Ãpanikena :** Thọ **kathina** bằng vải bỏ rơi gần chợ mà thí chủ lượm đem dâng làm y.

6o **Animittakatena :** Thọ **kathina** bằng y không phải vì nói ướm mà được, trái với y thứ 13 trọng **anatthatãkãra.**

7o **Aparikathàkatena :** Trái với y thứ 14 **anatthatàkàra,**

8o **Akukkukatena :** Trái với y thứ 15 **anatthatàkàra** (không phải y mượn).

9o **Asannidhikatena :** Trái với y thứ 16 **anatthatàkàra,**

10o **Anissaggiyena** : Trái với y thứ 17 trong **anatthatàkàra,**

11o **Kappaketena** : Trái với y thứ 18 trong **anatthatàkàra,**

12, 13, 14o **Sànghãtiyà uttaràsangena antaravàsakena** : Trái với y thứ 19, 20, 21 (là làm lễ thọ 1 trong 3 y, không thọ 3 hoặc 2 y một lần).

15o **Pañcakena** và **atirekapancakena** và **tadaheva sanchinnenasamandalĩkeena** : Trái với y thứ 22 là y làm đúng theo điều trong nội ngày.

16o **Puggalassa atthàrà** : Trái với y thứ 23 (là một vị tỳ-khưu làm lễ thọ).

17o **Sĩmattho anumodàti** : Trái với y thứ 24, là tỳ-khưu ở trong **sĩmã** làm lễ thọ hoan hỉ theo (không ở ngoài vòng **sĩmã**).

Trong 17 thứ y nầy từ thứ 1 đến thứ 5 chỗ chặn giữa 12, 13, 14 là y không định, miễn dâng theo một thứ nào cũng được, từ thứ sáu đến 11; từ 15 đến 17 là y nhứt định, phải điều đủ theo phép mới làm lễ thọ được.

GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN KATHINA XẢ

(Ubbhatakathinakathã)

Đức Phật có dạy : **Kathañca bhikkhave ubbhatam hoti kathinam aṭṭha mãtikà**

bhikkhave kathinassa, ubbhãrãya.

Nghĩa là : "Nầy các tỳ-khưu, 8 **màtika** nầy là nguyên nhân làm cho **kathina** xả".

Tiếng "**mãtikã**" nghĩa là mẹ hay là người sanh đẻ, cớ sao ? Vì 8 **màtikà** ấy mà cho **kathina** xả.

Đáp.— 8 **màtikà** ấy là:

1.— **Pakkamanantikà :** Tỳ-khưu đã thọ **kathina** rồi tính rằng : "Ta không trở lại chùa nữa đâu" rồi đem y đã làm đi ra, vừa ra khỏi vòng **sĩmã, kathina** của tỳ-khưu ấy xả, tỳ-khưu ấy hết được 5 quả báo, như thế gọi "**pakkamanatikà**" là hành trình **kathina** xả theo **mãtikã** thứ nhứt.

2.— **Nithànantikà :** tỳ-khưu đã thọ **kathina** rồi đem y của mình (y thọ **kathina**) (y chưa làm xong) đến chùa khác đi ra vừa khỏi vòng **sĩmã,** tính rằng: "Ta nhờ người giùm làm y nầy, trong chùa nầy ta không trở lại chùa cũ đâu".

Tỳ-khưu ấy cậy người làm y ngoài vòng **sĩmã** mà mình nhập hạ, chỉ làm y vừa xong, **kathina** của tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi "**nitthànantikã**" là hành trình **kathina** xả theo **mãtikã** thứ nhì.

3.— **Sannitthànantikà :** Tỳ-khưu đã thọ **kathina** rồi, đem y chưa làm, đến chùa khác tính rằng : Ta không cậy người làm y nầy đâu, ta không

trở về chùa cũ đâu". Chỉ tính quyết định như thế, thì **kathina** xả, gọi "**Sannithanantikà**" là hành trình **kathina** xả theo **mãtikã** thứ ba.

4.— **Nãsanatikà :** Tỳ-khưu đã Thọ **kathina** rồi, đem y chưa làm đến chùa khác tính rằng: "Ta nhờ người làm y trong chùa nầy ta không trở lại chùa cũ đâu" đương làm y, y đó bị trộm hoặc cướp đoạt mất, **kathina** của tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi "mãsanantikà" là hành trình **kathina** xả theo **mãtikã** thứ tư.

5.— **Savanantikà :** Tỳ-khưu thọ **kathina** rồi, tính rằng : "Ta sẽ trở lại chùa nầy", rồi đem y chưa làm ra đi, khi đến chùa khác tính rằng : "Ta cậy người làm y trong nơi nầy". Khi đã làm xong lại nghe tin rằng tỳ-khưu tăng trong chùa đọc xả **kathina** rồi. Chỉ nghe tin như thế, **kathina** của tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi "**savanantikà**" **kathina** xả theo **mãtikã** thứ 5.

6.— **Ãsãvacchedikã:** Tỳ-khưu đã thọ **kathina** rồi, ra đi có ý tìm y trong nơi khác, khi đi đến nơi khác tính rằng: "Ta tìm kiếm y ngoài **sĩmà** đây, ta không trở lại chùa cũ đâu". Tỳ-khưu chỉ tìm kiếm y trong nơi ấy, khi kiếm không được, sự mong được y ấy đứt, chỉ đứt sự mong mỏi kiếm y, **kathina** của tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi "**ãsàvacchedikà**" là

hành trình kathina xả theo **mãtikã** thứ 6.

7.— **Sĩmàtikkantikà :** Tỳ-khưu đã thọ kathina rồi tính rằng : "ta sẽ trở lại chùa nầy" rồi đem y chưa làm ra đi đến chùa khác cho người làm giùm, khi đã làm y xong cũng còn tính rằng ta sẽ trở lại chùa" nhưng chần chờ ở ngoài vòng **sĩmã** cho đến hết hạn kỳ kathina xã, nghĩa là qua khỏi ngày rằm tháng 2 Việt Nam, kathina của tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi **"sĩmàtikkantikà"** là hành trình kathina xả theo **màtikà** thứ 7.

8.— **Sahubbhàrà:** Tỳ-khưu đã thọ kathina rồi, tính rằng : "Ta sẽ trở lại chùa nầy" rồi đem y chưa làm xong ra đi, khi đã nhờ người làm y ấy rồi tính rằng : ta sẽ về chùa rồi trở về kịp, kỳ xã kathina trong chùa. Kathina của tỳ-khưu ấy xả chung với các tỳ-khưu trong chùa, như thế gọi **"sahubbhàrà"** là hành trình kathina xả theo **mãtikã** thứ 8.

Trong phẩm **Mahavagga** có giải rộng 8 **mãtikã** ấy, đây chỉ xin giải tóm tắt bấy nhiêu, nêu vị nào muốn biết cho rộng, nên xem trong phần ấy.

BÓ BUỘC
(Palibodha)

Theo Phật-ngôn trong phẩm **Mahãvagga** có giải rằng : **"dve me bhikkhave kathinassa palibodhã".**

Nghĩa là : "Nầy các tỳ-khưu" cả 2 điều ấy là **palibodhã** của **kathina.**

Palibodhã là điều buộc kathina không cho xả có 2 :

1.— **Ãvãsapalibodha :** Sự bận trong chùa (là chỗ đã thọ kathina).

2.— **Cĩvarapalibodha :** Sự bận trong y ca sa (là y ca-sa về quả báo của kathina).

Giải.— Đức Phật có dạy trong phẩm **mahãvagga** rằng : **" idha bhikhave bhikkhu vasatitasmim ãvãse vã sãpekkho vã pakkama ti paccessanti evam kho bhikkhave ãvãsapalibodho hoti".**

Nghĩa là : "Nầy các tỳ-khưu, tỳ-khưu trong giáo pháp nầy, ngụ trong chùa hoặc đi ra khỏi chùa, nhưng còn tiếc rằng : "Ta sẽ trở lại". Nầy các tỳ-khưu, như thế gọi là sự bận trong chùa **(ãvãsapalibodha).**

Về phần **cĩvarapalibodha,** Đức Phật có giải trong phẩm **Mãhãvagga** rằng : **"idha bhikkhave bhikkhuno cĩvaram akatam** và **hoti vippankatam** và **cĩvarãsã** và **anupacchinnã, evam kho bhikkhave cĩvarapalibodho hoti.**

Nghĩa là : "Nầy các tỳ-khưu ! Y sa ca của tỳ-khưu trong giáo pháp nầy, chưa làm hoặc làm chưa rồi, hay là sự mong trong [1] y chưa đứt. Nầy các tỳ-khưu !

---

(1) Mong rằng chắc sẽ được y trong nơi khác.

Như thế gọi là **cīvarapalibodha.**

Có 2 điều ấy để buộc kathina không cho xả, miễn là còn mắc trong 2 điều, kathina cũng chưa xả. Chỉ khi đứt cả 2 điều ấy, kathina mới xả.

HÀNH TRÌNH KATHINA XẢ
(Ubbhāra) (2)

Hành trình kathina xả có 2 là (vì thế lực của 8 **mātikā).**

1— **Ubbhāra**

2— **Antarubbhāra**

(Nếu chia ra nữa có đến 9 là 8 **mātikā ubbhāra** và 1 **antarubbhāra).**

Giải : Atthamātikā nghĩa là hành trình kathina xả theo 8 **matikā** là :

1— Hành trình kathina xả, để cho tỳ-khưu ra ngoài vòng **sīmā** rồi làm cho kathina xả một lượt trong nơi ấy.

2— Hành trình kathina xả, là **sahubbhāra** để cho tỳ-khưu ra ngoài vòng **sīmā** ; xong trở lại kịp kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, trong chùa

---

(2) Gọi uddhāra cũng được.

thọ kathina, rồi được vào làm phép xả chung với các tỳ-khưu.

8 hành trình kathina xả ấy gọi là **aṭṭhamatikã ubbhãra,** vì kể vào trong 8 **mãtikã.**

3— **Antarubbhãra** nghĩa là hành trình kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, là hành trình kathina xả do tụng tuyên ngôn 2 bận **(dutiyakammavãcã)** để xả kathina, không kể vào trong 8 **mãtikã** gọi là **antarubbhãra,** vì là hành trình kathina xả để cho các tỳ-khưu không đi ra ngoài vòng **sĩmã** chỉ ngồi trong chùa hội họp nhau làm, trong giữa thời gian hạn kỳ (chưa đến thời kỳ định). Trong phẩm **vinayãlaṅkãratikã** có giải thêm rằng: **antarubbhãra, sahubbhãrã, ñatttidutiyakammavãcãyeva katãpakkamanantikãdayo satta kathinubbhãrã na kammavãcã yakatã.**

Nghĩa là Trong **antarubbhãra** và **sahubbhãra tỳ-khưu tụng tuyên ngôn 2 bận thì kathina mới xả, còn 7 kathinubbhãra** nhứt là **pakkamãnantikã,** tỳ-khưu không cần tụng tuyên ngôn nghĩa là nếu có dịp đáng cho kathina xả, kathina xã tự nhiên không cần phải tụng tuyên ngôn.

Vấn.— 2 hành trình kathina xả là antarubbhãra và **sahubbhãra** khác nhau như thế nào ?

Đáp.— Trong phẩm **vinayãlankãraṭikã** có giải rằng: **antarubbhãra** để cho các tỳ-khưu (nhiều vị) không ra ngoài vòng **sĩmã** chỉ ngồi trong chùa tụ hội nhau làm phép xả.

Còn **sahubbhãra** để cho một vị tỳ-khưu đã ra ngoài vòng **sĩmã** rồi trở lại kịp **antarubbhãra** ấy vào làm phép xả chung cùng nhau với các tỳ-khưu ngụ trong **sĩmã** ấy.

Đó là điều khác nhau của 2 hành trình ấy.

Vấn.— Antarubbhãra tuồng như một hành trình kathina xả khác ngoài 8 **mãtikã** ; nếu như thế, **mãtikã** là nguyên nhân cho kathina xả cho đến 9 chăng ?

Đáp .— Không phải như thế, hành trình kathina xả có 1 thôi, song giải ra làm 2 gọi là :

1.— **Sahubbhãra** để cho tỳ-khưu đã đi ra ngoài vòng **sĩmã** rồi trở về.

2.— **Antarubbhãra** để cho nhiều vị tỳ-khưu không được ra ngoài vòng **sĩmã.**

Nên hiểu rằng khi tăng tụ hội tụng xả kathina trong giữa thời gian hạn kỳ, nếu có tỳ-khưu đã ra ngoài vòng **sĩmã**, trở về làm phép xả chung cùng nhau, một lần cũng được gọi là cả 2 trong một lần, bằng không có cũng gọi chỉ có một lần thôi.

Cho nên đức Phật chỉ chế ra có 8 **mãtikã** như đã có giải.

Vấn .— Tỳ-khưu tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả kathina trong thời gian giữa hạn kỳ, vì nguyên nhân chi ?

Đáp .— Tỳ-khưu tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả **kathina** trong giữa thời gian hạn kỳ như thế vì có các thí chủ thỏa thích làm đại lễ, họ cầu tụng xả cho họ dâng cúng y ngoài thời kathina, đến tăng ở phương xa đến hội hộp nhiều [1]. Tích nầy đức Phật có cho phép tỳ-khưu-ni vì có một người cận-sự-nam bạch cầu xin. Đức Thế-Tôn có dạy tụng xả kathina như vầy: Phải cho tỳ-khưu thông hiểu trình cho tăng biết rằng:

Suṇātu me bhante saṅgho yadi saṅghassa-pattakallaṃ saṅgho kathinaṃ uddhareyya, esã ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho kaṭhinaṃ uddharati yassãyasmato khamatikathinassa uddhã ro so tunhassa yassa nakkhamaiti so

---

(1) Có giải trong tạng luật phẩm thứ 5. Nếu tăng không tụng xả kathina lộc của tăng phát sanh trong chùa ấy đều về phần tỳ-khưu trong chùa ấy thôi, các tỳ-khưu khác không được thọ kathina hoặc ở phương xa đến không được phép lãnh. Tăng tụng xả kathina thì lộc của tăng phải chia đến các tỳ-khưu khác.

bhãseyya ubbhatam saṅghena kaṭhinaṃ khamati sanghassa tasmà tunhĩ evametaṃ dhãrãyâmi.

Nghĩa là: "Bạch hóa Đại-Đức-tăng được rõ, xin tăng nghe tôi trình (sự nầy) nếu đã vừa thời đến tăng rồi, tăng nên xả kathina ấy là lời trình.

Bạch hóa Đại-đức-tăng, xin tăng nghe tôi trình (nay) tăng xã kathina. Sự xả kathina vừa đến ngài nào ngài ấy phải nín thinh, không vừa đến ngài nào ngài ấy phải nói lên. Kathina tăng đã xả rồi (sự ấy) vừa đến tăng rồi, vì nguyên nhân tăng làm thinh, tôi ghi nhớ sự ấy do trạng thái tăng làm thinh như thế. lẽ thường kathina xả chỉ vì lìa khỏi 5 quả báo, do đứt cả hai **palibodhã.**

Cho nên nếu đứt cả 2 **palibodhã** phải biết rằng kathina xả rồi, khi ấy cũng không còn được 5 quả báo nữa. Nếu còn cả 2 hoặc một trong 2 **palibodhã,** thì kathina chưa xả, tỳ-khưu ấy còn được hưởng 5 quả báo; nhưng muốn cho biết **palibodhã** nào đứt, **palibodhã** nào không đứt, hoặc **palibodhã** nào đứt trước, **palibodhã** nào đứt sau hoặc đứt một lượt cùng nhau chỉ phải phân biện theo 8 **mãtikã** như đã có giải trong phẩm **parivãra** và phẩm **taliyasamantapàsátikàatthakatha** rằng :

1o Trong **mãtikã** thứ nhứt **"pakkamananantikã" civarapalibodha** đứt trước, là đứt

từ khi còn ngụ tại chùa, vì y đã làm xong, không còn bận việc làm nữa. **Avãsapalibodha** đứt sau, là đứt một lượt với một hành trình tỳ-khưu ra ngoài vòng **sĩmã** , kathina xả trong thời ấy.

2.— Trong **mãtikã** thứ 2 **"nitthãnantikã" ãvãsapallbodha** đứt trước là đứt trong khi tỳ-khưu định rằng không trở lại chùa cũ nữa.

Cĩvarapalibodha đứt sau, là đứt khi đã làm y rồi, kathina cũng xả trong thời ấy.

3.— Trong **mãtikã** thứ 3 **"sannitthãnantikã"** cả 2 **palibodha** đứt một lượt cùng nhau không trước không sau, là đứt khi tỳ-khưu quyết định rằng y cũng không nhờ người làm giùm, chùa cũ cũng không trở về, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

4.— Trong **mãtikã** thứ 4 **"nãsanantikã" ãvãsapalibodha** đứt trước, là đứt khi tỳ-khưu quyết định không trở về chùa cũ nữa, **cĩvarapalibodha** đứt sau là đứt trong khi y đã hư mất, kathina cũng xả trong thời ấy.

5.— Trong **mãtikã** thứ 5 **savanantikã cĩvarapolibodha** đứt trước, là đứt trong khi đã làm y rồi **ãvãsapalibodha** đứt sau, là đứt một lượt với khi nghe tin rằng tăng trong chùa tụng xả kathina rồi, kathina cũng xả trong thời ấy.

6.— Trong **matikã** thứ 6 " **ãsãvacchekika** "

āvāsapalibodha đứt trước, là đứt trong khi tỳ-khưu định rằng: không trở lại chùa cũ nữa, **cīvarapalibodha** đứt sau là đứt trong khi không còn mong được y nữa, kathina cũng xả trong thời ấy.

7.— Trong **mātikā** thứ 7 **"sīmatikkantikā"** **cīvarapalibodha** đứt trước, là đứt trong khi đã làm y xong, **āvāsapalibodha** đứt sau là đứt trong khi hết hạn kỳ, kathina cũng xả trong thời ấy.

8.— Trong **mātikā** thứ 8 **"sahubbhāra"** cả 2 **palibodha** đứt một lượt cùng nhau không trước không sau,là đứt trong khi tăng tụng dứt 2 bản tuyên ngôn, kaṭhina cũng xả trong thời ấy.

Vấn .— Hành trình kathina xả trong **sīmā** có mấy, ngoài **sīmā** có mấy, có khi trong **sīmā** có khi ngoài **sīmā** có mấy ?

Đáp .— Hành trình kathina xã trong **sīmā** có 2 là: **antarubbhāra** và **sahubhāra.** Ngoài **sīmā** có 3 là: **pakkamanantika, savanantika** và **sīmātikkantika.** Có khi trong **sīmā,** có khi ngoài **sīmā** có 4 là: **nitthanantika, sannitthānantika, nāsanantika** và **āsāvacchedika.**

Giải rằng: antarubbhāra, sahubhāra kathina xả trong thời chung cùng nhau, là xả vì năng lực tăng tụ hội tụng xả trong vòng **sīmā** thọ kathina ấy, thuộc về hành trình kathina xả trong vòng.

Pakkamanantika, savanantika và **sīmā tikkantika,** kathina xả đối với một tỳ-khưu, đi làm cho kathina xả, phía ngoài vòng **sīmā** thọ kathina ấy, thuộc về hành trình kathina xả phía ngoài vòng **sīmā. Nitthānantika, samutthānantika, nāsanatika,** và **āsāvacchedika,** kathina xả đối với một vị tỳ-khưu. Nhưng nếu tỳ-khưu ấy khi trước không bận tìm phần y mà mình phải được, rồi đi ra ngoài vòng **sīmā,** hết tiếc rằng : "thôi trở lại" mà sau có tỳ-khưu khác thức tỉnh ép, cho đi đoạt phần y đó lại rồi trở về làm cho kathina cũng xả trong vòng **sīmā** đã thọ kathina vậy chỉ về việc phần y mà mình phải được ấy, thuộc về hành trình kathina xả trong vòng **sīmā**. Nếu tỳ khưu đem phần y mà mình phải được ra ngoài vòng **sīmā** rồi làm cho kathina xả trong nơi ấy, chỉ một lần thì thuộc về hành trình kathina xả ngoài vòng **sīmā** [1].

✺

PAKINNAKAKATHĀ

Vấn.— Mūla của **kathina** có mấy? **vatthu** có mấy? **bhūmi** có mấy?

---

(1) Muốn rõ điều này nên xem tạng luật phẩm thứ 8 từ trương 12 đến 48.

Đáp.— Mũla của kathina có mấy một : là tăng tụ hội.

Vatthu có 3 là :sanghãti uttarãsanga và antaravãsaka,

Bhũmi có 6 là : y làm bằng chỉ cây, y làm, bằng bông, y làm bằng tơ, y làm bằng lông thú, y làm bằng vỏ cây.

Thật vậy, kathina thì đủ **mũla, vatthu, bhũmi** như đã có giải, thọ mới kết quả được, nếu chỉ thiếu một điều nào, như số tỳ-khưu ít hơn 5 vị, hoặc thọ kathina bằng y khác ngoài 1 trong 3 y, hoặc y ấy họ làm bằng vật nào khác ngoài 6 thứ chỉ ấy, thì kathina không được kết quả.

Vấn.— Pháp chỉ về phần đầu kathina, pháp chỉ về phần giữa, pháp chỉ về phần cuối cùng là thế nào ?

Đáp.— Pubbakarana thuộc về phần kathina, sự xả y cũ **adhitthãna** y mới về phần giữa, sự thọ và **anumodanã** về phần cuối cùng.

Giải.— Trong " sự phải thọ kathina "**(kathina-tthãrakicca)** chia ra làm 3 giai đoạn.

1— Đoạn đầu phải lo làm **pubbakarana** (giặt, vò, nhuộm y) nếu thí chủ họ chưa làm,

2— Đoạn giữa phải xả y cũ **(paccuddhãra)** của

mình rồi **(adhitthãna)** y mới để thọ kathina ấy.

3— Đoạn cuối cùng phải thọ ra tiếng cho tăng hội được nghe rõ, rồi làm **saṅgha, gana, puggala,** phải **anumodanã,** được **anumodanã** như thế gọi là sự phải thọ kathina **(kathinatthãrakicca)** được kết quả.

Vấn.— Người có mấy chi không nên thọ kathina, người có mấy chi nên thọ kathina.

Đáp.—Người có 8 chi không nên thọ kathina.

1— Người không biết **pubbakarana,** (sự phải làm trước khi thọ kathina).

2— Không biết **paccuddhãra** (xả y cũ)

3— Không biết **adhitthãna** (nguyện đặt tên y mới).

4— Không biết **atthãra** (sự thọ kathina)

5— Không biết **mãtikã** (nguyên nhân xả kathina).

6— Không biết **palibodha** (sự buộc kathina).

7— Không biết **uddhãra** (hành trình kathina xả theo 8 **mãtikã).**

8— Không biết quả báo (nguyên nhân không phạm tội).

Người có đủ 8 chi (trái với 8 điều giải trên) mới nên thọ kathina được là :

1— Biết **pubbakarana**

2— Biết **paccuddhãra**

3— Biết **adhitthãna**

4— Biết **atthãra**

5— Biết **mãtikã**

6— Biết **palibodha**

7— Biết **uddhãra**

8— Biết quả báo **ãnisaṃsa**

Tỳ-khưu thọ kathina phải biết nhớ cho rõ rệt tám điều trên đó mới nên thọ kathina. Vị tỳ-khưu biết nhớ các pháp ấy được rõ rệt, mới có thể làm cho **kathinatthãrakicca** được kết quả là :

1— Phải **pubbakarana** ngừa sợ e y mà thí chủ họ chưa làm xong (vì không thông hoặc chưa làm kịp).

2— Phải biết **paccuddhãra** để xả y cũ của mình ra.

3— Phải biết **adhitthãna** để **adhitthãna** y **kathina** sắp thọ.

4— Phải biết **atthãra** để thọ **kathina** cho đúng theo phép.

5— Phải biết **mãtikã, palibodha** và **uddhãra** cho biết hành trình khi **kathina** xả.

6— Phải biết quả báo, cho rõ thế lực của **kathina.**

Nếu không biết, không nhớ các pháp ấy cho rõ rệt, không nên thọ kathina đâu, trừ ra tỳ-khưu là vì trưởng-lão có tăng hộ trợ cho sắp đặt thế cho.

Vấn.— Pubbakarana (sự phải làm trước) giải như thế nào ?

Đáp.— Giải có 7 điều :

1—**Dhovana** (giặt vò)

2—**Vicãrana** (đo)

3—**Chedana** (cắt)

4—**Bandhana** (may lược)

5—**Sibbana** (may xong)

6—**Rajana** (nhuộm)

7—**Kappakarana** (làm dấu y)

Giải rằng : Cả 7 điều ấy nếu còn sót điều nào, tỳ-khưu phải làm cho rồi trước khi thọ kathina, không nên thọ rồi sau mới làm đâu.

Điều thứ nhứt : Nếu vải kathina ấy còn mới, dính bột dệt, hoặc vải cũ dơ phải giặt.

Điều thứ nhì : Phải lo đo cho đúng theo luật định.

Điều thứ ba : Phải cắt bằng dao hoặc bằng kéo, cho đứt có điều lớn điều nhỏ.

Điều thứ tư : Phải lược theo đường đã cắt ấy.

Điều thứ 5 : Phải may theo đường chỉ đã lược ấy.

Điều thứ 6 : Phải nhuộm bằng nước nhuộm mà đức Phật cho phép cho có màu vừa theo sắc bậc sa môn.

Điều thứ 7 : Phải làm dấu bằng 1 trong 3 màu [1] cho hoại sắc y.

Phải làm theo thứ tự, từ thứ nhứt đến thứ nhì là không nên làm sai, trước làm sau, sau làm trước, nhưng nếu họ làm xong thì càng tốt bằng còn sót điều nào, phải làm cho rồi mới được (hiện thời chỉ còn sót điều thứ 7 tỳ-khưu thọ cần phải làm cho bấy nhiêu thôi.

Vấn.— Paccuddhãra ; adhitthãna giải như thế nào ?

Đáp.— Paccuddhãra nói về 3 pháp là : **sanghãti, uttarãsanga** và **antaravãsaka, adhitthãnã** cũng nói về 3 pháp ấy. Nhưng **paccuddhãra** nói về **saṅghãti, uttarãsaṅgã** và **antaravãsaka** cũ mà mình đã dùng, còn **adhitthãna** nói về **saṅghãti uttarãsaṅgã** và **antaravãsaka** là y **kaṭhina** ấy. Nếu muốn thọ bằng **sanghãti**, phải **paccuddhãra** xả **sanghãti** cũ **addhitthãna sanghãti** mới ; thọ **uttarãsanga** hoặc **antaravãsãka** cũng phải xả **uttarãsanga** hoặc **antaravãsaka** cũ ra rồi

(1) Màu xanh, xám tro, đen sậm.

adhitthãna uttarãsanga hoặc **antaravãsaka** mới như nhau.

Vấn.— Atthãra (sự thọ) nói về mấy pháp ?

Đáp.— Atthãra; chỉ nói về 1 pháp là nói ra tiếng.

Giải.— Tỳ-khưu thọ phải nói ra tiếng cho tăng hội nghe rõ rệt mới kết quả kathina, nếu thọ thầm thì [1] một mình, tăng hội không được nghe với, thì kathina không được kết quả. Còn về cách thức phải thọ như thế nào đã có giải ở phía trước điều đủ rồi.

Vấn.— Sự thọ kathina của mấy hạng người không được kết quả, mấy hạng người được kết quả ?

Đáp.— Sự thọ kathina của 3 hạng người không được kết quả là :

1.— Người ở ngoài vòng **sĩmã** thọ **anumodanã** kathina,

2.— Người thọ **anumodanã** kathina không nói ra tiếng.

3.— Người thọ ra tiếng không cho kẻ khác nghe hiểu nghĩa lý.

Sự thọ kathina của 3 hạng người sau nầy mới được kết quả là :

---

(1) Thầm thì là nói nhỏ đủ một mình nghe.

1.— Người ở trong vòng **sīmā** thọ **anumodanā** kathina,

2.— Người thọ **anumodanā** kathina được nói ra tiếng.

3.— Người nói ra tiếng cho kẻ khác nghe nghĩa lý được rõ rệt.

Vấn.— Sự thọ kathina mấy cách không kết quả, mấy cách được kết quả.

Đáp.— 3 cách thọ kathina không kết quả là :

1 — **Vatthuvipanna**

2 — **Kālavipanna**

3 — **Karanavipanna**

Cách thọ kathina được kết quả là:

1 — **Vatthusampanna**

2 — **Kālasampanna**

3 — **Karanasampanna**

Giải : tiếng "Vatthuvipanna" nghĩa là "vật sái" nói về y kathina không nên dùng **(akappiya)** là y không đúng phép.

Kālavipanna nghĩa là "thời sái" nói về thời, là họ dâng y trong ngày nay, tăng giao cho tỳ-khưu người thọ trong ngày mai.

Karanāvipanna : nghĩa là "làm sái" nói về thí chủ

họ chưa làm y xong, rồi tỳ-khưu không cắt làm cho rồi trong ngày ấy.

Tiếng **vatthusampannña** nghĩa là "vật phải" nói về y kathina làm đúng theo phép.

Kãlasampanna nghĩa là "thời phải" nói về thí chủ họ dâng trong ngày nào, tăng giao cho tỳ-khưu người thọ trong ngày ấy.

Karanasampanna nghĩa là "làm phải" nói về thí chủ dâng y làm đúng theo phép, hoặc họ làm chưa xong, tăng giao cho trong ngày nào tỳ-khưu người thọ được cắt làm cho đúng trong ngày ấy không để qua đến ngày khác, nói tóm lại tỳ-khưu thọ kathina bằng y không nên dùng **(akappiya)** như y có bông, có màu sái, thí chủ dâng y đến trong ngày nay, tăng giao cho tỳ-khưu thọ đến ngày mai, thọ như thế, thì kathina không được kết quả.

Trừ ra y làm bằng vải, nên dùng **(kappiya)**, tăng cũng giao cho tỳ-khưu thọ trong ngày ấy, thọ như thế kathina mới được kết quả.

Vấn.— Tháng nào nên thọ kathina ?

Đáp.— Tháng nên thọ kathina là trong một tháng cuối cùng của mùa hạ.

Giải.— Sự thọ kathina đức Thế-tôn chỉ cho phép thọ được trong một tháng chót mùa hạ : kể từ 16

tháng 9 cho đến rằm tháng 10. Trong khoảng 29 ngày ấy ngày nào cũng thọ được cả, ngoài vòng 29 ngày ấy, thọ kathina không kết quả dầu có thọ cũng chẳng kết quả chi.

Vấn.— Sự thọ kathina sái **(atthãravipatti)** hay là thọ phải **(atthãrasampatti)** phải biết bằng cách nào ?

Đáp.— Sự thọ kathina sái hoặc thọ phải biết theo 24 thể thọ, không kết quả và 17 thể thức thọ được kết quả như đã có giải.

✺

Trích dịch trong **kathinakhandhaka** thứ 7 của phẩm **Mahãvagga,** cũng vừa đủ nghĩa lý chỉ có bấy nhiêu.

Khemam pappontu pànino. Cầu cho tất cả chúng sanh đều được vui.

BHIKKHU VANSARAKKHITA

TỲ-KHƯU : HỘ-TÔNG

GIẢI VỀ CÁCH THỨC CÁC THỨ Y CA-SA

1.— **Kusi :** dịch là miếng vải dài ở ngay chỗ **anuvãta** dài chung quanh là ngay chỗ khoản dài.

2. — **Addhakusi :** dịch là miếng vải nửa phần **kusi,** tức là miếng vải vắn ở ngay chỗ khoản vắn.

3.— **Mandala :** dịch là miếng vải lớn ở ngay chỗ khoản lớn (nếu y ngũ điều, điều lớn nầy có 5 khoản).

4 .— **Addhamandala :** dịch là miếng vải nửa phần miếng vải lớn, tức là miếng vải nhỏ (nếu y ngũ điều, điều nhỏ nầy có 5 khoản).

5. — **Vivatta :** dịch là "miếng vải mở ra" khi nào trùm thấy rõ ngay cho phía trên lưng, chi nầy ở ngay khoản lớn chính giữa.

6. — **Anuvivatta :** dịch là "miếng vải mở tiếp theo" (khi nào trùm chỉ thấy phân nửa) chi nầy ở ngay chỗ 2 bên khoản **anuvivatta.**

7. — **Gĩveyyaka :** Dịch là miếng vải quấn (khi nào trùm phải trùm ngay cổ) chi nầy ở ngay chỗ khoản **vivatta** về phía trên.

8. — **Jaṅgheyyaka :** Dịch là miếng vải phải đậy trên xương chã vai, chi nầy ở chỗ 2 khoản **anuvivatta** về phía dưới.

9. — **Bahanta :** Dịch là miếng vải phải đấp bấp

tay, khi trùm phải ở ngay phía trên bấp tay, chi này ở ngay chỗ **adhamandala** nơi 2 khoản phía ngoài cuối cùng.

Tóm lại y có 9 chi như thế mới hiệp theo lời của Đức-Phật chế định. Cả 3 y (y 2 lớp, y vai trái, y nội) phải làm theo 9 chi ấy (trừ ra thiếu vải cắt may không đủ).

PHÉP DÂNG Y KATHINA ĐẾN TĂNG (SANGHA)

Vấn.— Thí chủ dâng cúng y **Kaṭhinadãna** như thế nào, mới gọi là tăng thí **(Sanghadãna)?**

Đáp.— Y để thọ kathina, là vật kể vào trong **Sanghadãna** thì dâng theo **pâlĩ** như vầy :

CÁCH DÂNG THỨ NHỨT

Imaṃ dussaṃ kathina cĩvaram bhikkhu-saṅghassa demã dutiyampi, tatiyampi (đọc 3 lần).

Nghĩa : Chúng tôi xin dâng y nầy để làm lễ Kathina đến tỳ-khưu tăng **(Bhikkhusangha)** — lần thứ nhì, lần thứ ba.

Về vật phụ tùng **(parikkhãra)** đã dâng theo thói quen như vầy :

Yenamhãkaṃ kaṭhinaṃ gahitvã kaṭhinãni

sansãni tasseva.

Nghĩa : Vị tỳ-khưu nào lãnh Kathina của chúng tôi, chúng tôi xin dâng các vật phụ tùng nầy đến vị đó.

Trong chú giải **(Atthakathã)** có thuyết minh rằng: nếu thí chủ dâng, mà đọc : **Yenamhãkam...** như vầy, thì tăng không có quyền làm chủ các vật **parikkhãra** đó được.

Cho nên, nếu cần muốn dâng vật nào đến tăng, phải dâng bằng cách khác, tóm tắt (không cần kể tên các vật dâng theo **pâli** như vậy :

CÁCH DÂNG THỨ NHÌ

Imaṃ mayaṃ (1) **bhante vatthūni bhikkhusanghassa niyyãdema** (2).

Nghĩa : Bạch các ngài, chúng tôi xin dâng những vật nầy đến tỳ-khưu tăng. Lại nữa cũng có một cách dâng Kathina chung với vật phụ tùng một lần rất tiện lợi theo **pâli** như vầy :

CÁCH DÂNG THỨ BA :

Imam bhante saparivãram kathina cĩvaradussaṃ bhikkhusaṅghassa onojayãma sàdhu no bhante bhikkhusaṅgho imaṃ

---

(1) (2) Nếu một người dâng thì đọc **Aham** thế **mayam**, **Niyyãdemi** thế **niyyãdema.**

saparivãram kathinacīvaradussam patigganhà-tu patiggahetvã ca iminãdussena kathinam attharatu amhãkam dīghratta atthãya hitãya sukhãya.

Nghĩa: Bạch chư Đại-đức, chúng tôi xin nghiêng mình dâng y kathina cùng với vật phụ tùng nầy đến tỳ-khưu tăng. Bạch chư Đại-đức cầu xin tỳ-khưu tăng lãnh y kathiha cùng với những vật phụ-tùng của chúng tôi đây, khi đã nhận rồi, xin thọ dụng y nầy, cho chúng tôi được sự lợi ích và yên-vui lâu dài.



LUẬT XUẤT GIA TÓM TẮT

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH

ấn hành

— *Chịu trách nhiệm in ấn* : TT. THÍCH GIÁC TOÀN

— *Biên tập kỹ thuật* : ĐĐ. THÍCH THIỆN MINH
ĐĐ. THÍCH ĐỒNG BỔN

— *Sửa bản in* : ĐĐ. TĂNG ĐỊNH
và một số vị khác

— *Kỹ thuật in* : PHÁP TUỆ — TÂM CAO

In tại Nhà in Báo SGGP. Số lượng 2.000 cuốn. Do **Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.** Giấy phép số 238 XBNT 20-8-92 của Sở VHTT. TP. Hồ Chí Minh. Nộp lưu chiểu 5-93

KINH ẤN TỐNG

Do Chư Tăng, Tu Nữ cùng Phật-tử Phật Giáo Nguyên Thủy THERAVÀDA trong nước và ngoài nước phát tâm cúng dường nhân **Lễ Giỗ thứ 12 và kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của :**

CỐ ĐẠI TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG

HỘ TÔNG

BẬC SƠ TỔ KHAI SÁNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM

(1893 - 1981)